RÉSERVE

皇越戶律

Hoàng Việt Hộ luật

CODE CIVIL DE L'ANNAM

TRỌN BỘ

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM
A.B. 30078
Dépôt légal
Certifié conforme
l'original déposé
à la Direction
de l'Imprimerie

- 1944 -
IMPRIMERIE TIENG DAN
123, RUE DONG-BA - HUÉ

M17188

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIET-NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET-NAM

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 3003

HOÀNG-VIỆT TRUNG-KỲ HỘ-LUẬT

TRỌN BỘ I, II, III, IV & V

BIBLIOTHEQUE
ISSAC PASQUIER
87993

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM

DỤ số 51 ngày 25 tháng 5 năm Bảo-Đại thứ 11

(13 - 7 - 36)

ĐẠI-NAM HOÀNG-ĐẾ:

Chiếu cứ lời phiến tấu của Bộ thần Bộ Tư-Pháp đã do Thượng Thơ Hội-Đồng và quí Khâm-Sứ Đại-thần ý hiệp;

Nay giáng DỤ như sau nầy :

Điều thứ nhất. — Kể tự ngày hôm nay, chuẩn cho đem quyển thứ nhất Bộ Luật Hộ đính theo DỤ nầy ban bố khắp các địa-hạt xứ Trung-kỳ.

Điều thứ 2. — Bắt đầu tự ngày 19 tháng 11 năm Bảo-Đại thứ 11 (Premier Janvier 1937) thời quyển Luật ấy sẽ đem ra thi hành.

Những thể-lệ trước, có điều nào trái với quyển luật nầy, thời đều đình dụng.

Điều thứ 3. — Nếu chưa có lệnh khác, thời quyển Luật nầy chỉ thi hành đối với dân ta, còn những thổ-dân nước ta như là Chàm, Mường, Mọi, Mán, Thái v. v., thời cứ giữ theo tục lệ các thổ dân ấy.

KHÂM-THỤ

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM

N· 4931

ĐÔNG-PHÁP TỔNG-THỐNG TOÀN-QUYỀN ĐẠI-THẦN

NGHỊ - ĐỊNH :

Khoản thứ nhất. — Xin y DỤ-chỉ của Đại-Nam Hoàng-Đế số 51 ngày 13 tháng Juillet năm 1936 ban bố quyền nhất Luật Hộ mới thi hành tại xứ Trung-kỳ.

Khoản thứ 2. — Quan Phó Toàn-Quyền và quan Khâm-Sứ Trung-kỳ đều chiếu nghị-định nầy thi hành.

Hanoi, ngày 21 Octobre 1936.

Signé : SILVESTRE

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

LỜI TRÌNH

Dạng-bản mà chúng tôi trình đây mới là phần thứ nhất trong việc toản-tu luật hộ ở xứ Trung-Kỳ hiện đương tiến hành. Dạng-bản nầy là chiếu theo lời bàn-định của Viện Cơ-mật cũ đã thương-đồng quan Khâm-Sứ Đại-thần ý hiệp mà dự thảo ra, và theo như cách-thức đã định trước. Các điều luật nầy, tôi đã hiệp với quan Tư-Pháp-Bộ Đại-thần Bùi-Bằng-Đoàn mà làm ra và đều đã đem trình Hội-Đồng Thượng-Thơ. Sau khi đã thủ thứ phúc-duyệt các điều luật nầy, thời Hội-đồng Thượng-Thơ đã duyệt y tại ngày 24 Juin 1936. Dạng-bản luật nầy cũng có Viện Dân-Biểu ý hiệp, vì trong khi dự thảo, đã có gởi dạng-bản cho ban thường-trực Viện ấy xem để tỏ bày ý-kiến và bình luận. Trong những ý kiến hay là lời bình-luận của ban ấy, điều gì đáng theo thời tôi đều theo cả.

Tinh ý về việc toản-tu nầy, là cốt để sửa sang bộ luật ở xứ Trung-Kỳ cho được rõ ràng và thích-hiệp, điều nào có thể theo y như luật hộ hiện thi-hành ở Bắc-Kỳ thời đều theo cả, nhưng trước hết cũng theo ý kiến của nhân dân trong nước đã trả lời các câu hỏi về phong-tục và ý-nguyện của dân. Có một vài điều khoản lại phải dựa theo thể-lệ hiện-hành mà biên tập vào luật nầy. Nhiều chỗ lối văn luật nầy có hơi dài là cố ý làm cho được rõ ràng, để cho quan tòa và người đương-sự dễ hiểu và tiện hành dụng.

Theo ý kiến của Hội-Đồng Thượng-thơ thời thể-tài quyển nhất luật-hộ nầy cũng y như luật-bộ Bắc Kỳ.

Điều khoản mở đầu thời nói về những tổng-tắc làm gốc cho luật hộ mới. Lại nói về cách tuyên-bố, cách thi-hành cùng hiệu-lực của luật lệ.

Thiên thứ I định về các điều tòa-án cần phải xét, như nói về quốc-tịch là một đều thuộc về vạn-quốc tư-pháp. Thể-lệ định trong thiên nầy là theo y như thể-lệ định trong Sắc-lệnh đức Giám-Quốc Đại-pháp ngày 24-8-1933 mà làm ra, vì điều ấy cần làm theo cho đúng.

Thiên thứ II nói về các chứng-thư nhân-thế-bộ là biên-tập các thể-lệ đã định trong nghị-định quan Khâm-Sứ ngày 1-8-1930 mà hiện đương thi-hành ở xứ Trung-Kỳ. Thể-lệ ấy có nhiều nơi thi hành đã có hiệu quả, thời nay thiết tưởng không nên sửa đổi nhiều; chỉ có điều gì cần phải thêm bớt cho thích-hiệp thời mới thêm bớt. Có một vài điều-lệ cũ, chỉ có tư-cách là thể-lệ chứ không phải là luật, lẽ ra không nên đem vào luật nầy, nhưng cũng cứ phải đem vào, là vì để cho người đương sự tuân tuần cho tiện.

Thiên thứ III nói về trú-sở thời theo nguyên-văn luật Bắc-Kỳ mà làm cho rõ ràng thêm.

Thiên thứ IV nói về thất-tung, là theo ý-kiến của nhân-dân trong nước mà làm ra, và điều nào phong tục nước Nam không có, thời theo tinh ý luật Đại-pháp mà làm ra.

Thiên thứ V đến thiên thứ IX nói về giá thú, cha con, sự nuôi con nuôi, quyền gia-trưởng, và các hạng người không có tư-cách tự-trị, là phần nhiều đều theo ý-kiến của nhân dân, vì trước khi toản-tu luật nầy đã có gởi các câu hỏi đi các tỉnh để lấy lời đáp của các người thượng-lưu trong nước. Dù thế, nhưng phần nhiều thể-lệ trong các thiên nầy đều gần giống như luật Bắc-kỳ. Chương thứ III trong thiên thứ IX là tuân theo thể-lệ trong DỤ ngày 13-2-35 định về các người bị cấm-quyền và các người điên, mà đã thi-hành ở xứ Bắc-Kỳ.

Thiên thứ X nói về pháp-nhân nghĩa là người vô-hình, là dựa theo cách tổ-chức về việc hành-chánh hiện thời mà làm ra.

Tuy rằng quyển nhất luật-hộ nầy nói về người (Des personnes) mà trên nầy đã tóm tắt giải ra từng thiên, mới là phần thứ nhất của bộ Luật Hộ mà sự toản-tu hiện đương tiến hành, nhưng quan Khâm-Sứ đại thần và Hội-Đồng Thượng-Thơ cùng tôi đều tưởng rằng nếu quyển nhất ấy được đem ra ban bố thi-hành ngay thời cũng có ích ngay cho các quan tòa và nhân dân, không cần phải chờ làm xong toàn Bộ Luật.

Luật-Sư Cố-vấn

Signé: COLLET

HOÀNG-VIỆT TRUNG-KỲ HỘ-LUẬT

ĐIỀU KHOẢN MỞ ĐẦU

Điều thứ nhất. — Luật nầy cốt để minh-định và tuyên bố cho công chúng biết các thể-lệ về hộ-luật từ nay về sau các tòa Nam-án sẽ phải tuân theo.

Thể-lệ luật nầy đều theo đại-ý những chế-độ cốt yếu của Nước ta, chỉ có châm chước sửa sang lại cho thích hiệp với phong-tục đã thay đổi và hiện tình xã-hội của dân ta.

Thể lệ nầy sau khi đã đồng ý với quan Toàn-quyền Đông-Pháp (thay mặt Đại Pháp Dân-Quốc là nước bảo-hộ của nước Nam) sẽ ban-bố thi hành cho quốc dân ta.

Luật nầy sau khi ban bố sẽ đăng vào Trung-kỳ công-báo, Nam-Triều Quốc-Ngữ công-báo và một tháng sau khi đã đăng báo xong, luật nầy rồi thời sẽ bắt dầu thi-hành, trừ khi nào có điều lệ định khác thời không kể.

Khi nào các bản luật (bản Pháp-tự, bản Hán-tự và bản Quốc-ngữ) hoặc có khác nhau thời chỉ lấy bản Pháp-tự làm chuẩn đích.

Điều thứ 2. — Phàm những điều luật nào định về thân phận cùng tư cách của cá nhân thời đối với dân Trung-Kỳ ta dù cư-trú ở ngoài địa-hạt Trung-Kỳ cũng vẫn thi-hành được.

Điều thứ 3. — Luật nầy chỉ có hiệu-lực đối với tương-lai, không có hiệu-lực về trước.

Điều thứ 4. — Khi nào không có điều luật dẫn dụng được, thời quan Thẩm phán sẽ xử theo phong-tục, nếu phong-tục cũng không có, thời xử theo lẽ phải và sự công bằng, mà dựa theo tục riêng, cùng thói quen và tình-ý của người đương sự.

Quan Thẩm-phán sẽ giải quyết theo luật-học và án-lệ.

Điều thứ 5, — Phàm quan Thẩm-phán nào viện lẽ rằng

luật không định, luật không rõ, hay là luật không đủ mà thối thác không xử một việc gì, thời có thể bị truy-cứu và nghĩ xử về tội bất khẳng thụ-lý như điều 188 luật hình đã định.

Điều thứ 6. — Cấm quan Thẩm-phán khi xử án gì, không được định những điều khoản để lập ra thông lệ về sau, hễ thụ-lý về sự kiện gì, thời chỉ được và chỉ nên xử riêng về sự kiện ấy. Những lời xử đoán chỉ xử thuộc về sự kiện ấy thôi.

Điều thứ 7. — Ai nấy đều phải lấy lòng ngay mà hưởng quyền-lợi và làm nghĩa vụ của mình. Nhưng bất câu người nào, khi quan Thẩm-phán bắt đầu xét đến cũng hẳn coi là có lòng ngay cả. Trước mặt quan Thẩm-phán, người nào nại một người khác là có lòng gian thời phải tỏ ra có bằng cớ mới được. Nếu không có bằng cớ thời lời nại sẽ coi như không.

Điều thứ 8. — Đối với hộ-luật nầy thời quốc-dân ta đều là bình đẳng cả.

Điều thứ 9. — Người và của đều không ai xâm phạm được và do pháp-luật bảo hộ cho.

Tục bắt người làm nô-lệ (1) là nhất thiết nghiêm-cấm. Không ai có quyền được sử-dụng nhân thân kẻ khác một cách ức-chế.

---

(1) *Nô-lệ* (esclave) là người nào nhất thiết phải làm tôi mọi trọn đời với người chủ.

Đối với người chủ, người nô-lệ không có chút quyền gì, mà người chủ đối với người nô-lệ ấy có đủ các quyền phép chẳng khác gì đối với một tài-sản của mình. Vì vậy nên người chủ có thể đem cho thuê mướn, đem nhượng hay đem bán người nô-lệ ấy. (Như tục mại-nô ngày xưa ở châu Phi, châu Mỹ).

Người nô-lệ chỉ khi nào người chủ cho chuộc thân hay là vui lòng cho về thời mới hưởng được quyền tự-do.

Còn như ở dầy tớ trong một kỳ hạn thời không phải là hạng nô-lệ ấy.

Tài-sản của mình thời không ai xâm đoạt được, chỉ trừ khi có việc cần thiết chung do pháp-luật chuẩn nhận, mà tất nhiên phải dùng đến, lại có chiếu giá trả tiền trước cho xứng đáng và trừ khi nào chiếu luật thi-hành án kiện, thời không kể.

Điều thứ 10. — Phàm dân ta giao ước với nhau sự gì mà trái với pháp-luật, với trật-tự hay là với phong-tục đều cho là vô hiệu.

Điều thứ 11. — Phàm luật lệ gì, chưa đình bãi đi, thời vẫn cứ thi hành.

Điều thứ 12. — Luật bộ nầy thi-hành khắp trong xứ Trung-Kỳ, đối với hết thảy quốc-dân thuộc quyền tòa Nam-án.

QUYỂN THỨ NHẤT

NÓI VỀ NGƯỜI

THIÊN THỨ NHẤT

QUỐC TỊCH

Điều thứ 13. — Ở xứ Trung-Kỳ những hạng người sau nầy là về quốc-tịch ta :

1·) Người con nào mà trong hai người cha mẹ sinh ra, có một người là quốc-dân Annam, trừ khi nào trong hai người cha mẹ ấy có một người là quốc-dân Pháp thời người con ấy theo quốc tịch Pháp ;

2·) Người con nào sinh ra trong xứ Trung-Kỳ, ngoài nhượng-địa Pháp, mà người cha không phải người Annam và người mẹ nguyên là người Annam đã vì lấy chồng người ngoại quốc (không phải là người Pháp) mà mất quốc-tịch Annam ;

3·) Người con nào sanh ra mà không biết cha nó là ai,

và người mẹ nó là quốc-dân Annam, trừ ra khi nào dù đối với pháp-luật phải kể rằng không biết cha nó là ai, nhưng quí án-tòa đã theo thể lệ định ở trong luật Đại-pháp mà đoán rằng người cha ấy là quốc-dân Pháp, và đã làm án công nhận rằng đứa con ấy là thuộc về quốc-tịch Pháp, thời không kể ;

4°) Người con nào sinh ra trong quốc-cảnh ta mà trong hai người cha mẹ một ngời là người ngoại-quốc mà không phải là người Pháp và một người là người « Á-đông tỷ-chiếu người nước ta » (1);

5°) Người con nào sinh ra trong quốc-cảnh ta, mà không biết cha mẹ nó là ai, trừ ra khi nào dù đối với pháp-luật phải kể rằng không biết cha mẹ nó là ai, nhưng quí án-tòa đã theo thể-lệ định ở trong luật Đại-pháp mà đoán rằng trong hai người cha mẹ, có một người hay cả hai người là quốc-dân Pháp và đã công nhận rằng đứa con ấy là về quốc-tịch Pháp, thời không không kể ;

6°) Người nào, theo thể-lệ đã định ở các đoạn trên nguyên là quốc-tịch Annam, về sau nhân vì nhập-tịch ngoại-quốc không phải là nước Pháp mà mất quốc-tịch Annam, nay lại trở về quốc-cảnh Annam mà có ý định trú.

Như có ý định trú thời phải làm tờ khai trình với quan sở tại nơi trú sở mới, quan sở tại ấy sẽ làm biên-bản mà chuyển đệ ngay cho quan Công-Sứ bản tỉnh;

7°) Người nào không biết quốc-tịch ở đâu, hiện cư trong xứ Trung-kỳ, mà không có giấy má gì hay bằng

---

(1) *Người Á-Đông tỷ-chiếu người nước ta* (Asiatiques assimilés) là người nào gốc-tích là người Á-đông mà thuộc về một tộc loại hay một nước nào không có tư cách quốc-tế, người ấy hiện trú ở quốc-cảnh nước ta ; xưa nay các người ấy có việc gì phải đến trước tòa án tây, thời tòa án tây cũng tỷ chiếu như người nước ta, đem luật Gia-long mà xử, vì thế cho nên gọi các người ấy là người « Á-đông tỷ chiếu người nước ta ». (Như người Mã-lai v.v..)

cớ gì đáng cho là người thuộc ngạch (1) dân Pháp hay là về quốc-tịch một ngoại-quốc nào.

Người nào tự nhận rằng mình thuộc về quốc-tịch một ngoại-quốc nào thời người ấy phải tỏ bằng cứ ra. Khi nào có sự nghi ngờ hay không đủ bằng cớ, thời sẽ do các quan Đại-Pháp cùng các quan Nam-Triều thương đồng mà định rõ quốc-tịch người ấy. Khi nào quan Đại-Pháp không nhận rằng việc ấy là về quyền-hạn mình thời việc ấy sẽ thuộc về quyền-hạn quan Nam-Triều.

Điều thứ 14. — Những người nào mà chưởng-tộc không thuộc một nước nào có tư-cách quốc-tế, và cư trú luôn luôn trong quốc-cảnh xứ Trung-Kỳ thời cũng cho như là quốc-dân Annam.

Điều thứ 15. — Đàn bà quốc-dân Annam kết hôn với người Đại-Pháp hay người ngoại quốc thời sẽ theo quốc-tịch người chồng; trừ khi quốc luật của người ngoại-quốc ấy không nhận người đàn bà đó vào quốc-tịch người chồng, thời người đàn bà ấy vẫn cứ thuộc về luật Annam.

Người đàn bà quốc-dân Annam kết hôn với một người Annam thuộc ngạch dân Pháp, thời người đàn bà ấy cũng thành ra thuộc ngạch dân Pháp.

Điều thứ 16. — Đàn bà ngoại quốc mà kết hôn với một người quốc-dân Annam thời trong khi đương lấy nhau, người đàn bà ấy cũng thành ra quốc-dân Annam, trừ khi nào quốc luật của người đàn bà ấy không cho vì sự kết hôn mà theo quốc-tịch người chồng thời không kể.

---

(1) *Người thuộc ngạch Pháp* (Sujet français) là người nước ta sinh ở thuộc-địa Pháp (như Nam kỳ) hay sinh ở Nhượng-địa Pháp (như Hanoi, Haiphòng, Tourane). Người ấy thuộc quyền tòa án tây, nhưng không được hưởng quyền-lợi và chịu nghĩa-vụ như quốc-dân Pháp.

Người đàn-bà nào từ khi sinh ra là dân Pháp hay thuộc ngạch Pháp hoặc vì sự nhập-tịch (1) mà thành ra người Pháp, về sau kết hôn với một người quốc-dân An-nam thời người đàn bà ấy vẫn giữ quốc-tịch mình, trừ ra khi làm lễ giá-thú, người đàn bà ấy có khai xin vào quốc-tịch của chồng trong lúc lấy nhau thời không kể.

Điều thứ 17. — Về những trường-hiệp sau nầy thời mất quốc-tịch An-nam :

1°) Nhập tịch làm dân Pháp hay dân ngoại-quốc ;

2°) Không được phép hai chánh-phủ Đại-Nam và Đại-Pháp mà làm việc binh ở ngoài địa-hạt Đông-Pháp cho một chánh-phủ ngoại-quốc nào :

3°) Nhận công chức của một chánh-phủ ngoại-quốc mà đã có lệnh của hai chánh-phủ Đại-Nam và Đại-Pháp lặc hạn cho phải từ mà không tuân.

THIÊN THỨ II

CÁC CHỨNG-THƯ VÀ NHÂN-THẾ-BỘ (2)

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Điều khoản chung

Điều thứ 18. — Các chứng-thư trong nhân-thế-bộ là công-chính chứng-thư dùng để chứng thực cho thân phận mọi người. Những chứng thư ấy phải theo lệ mà

---

(1) *Người nhập-tịch Pháp* (Naturalisés français) là người nào nguyên gốc-tích không phải là người Pháp mà sau có Sắc-lệnh đức Giám-quốc cho làm quốc-dân Pháp, quyền-lợi và nghĩa-vụ cũng như quốc-dân Pháp.

(2) Luật Bắc-kỳ thời dịch là « chứng-thư hộ-tịch »

đăng trước vào công-bộ trong mỗi làng hay là mỗi phường, thôn, ấp, giáp của làng cùng là trong các thành-phố có chia ra thành phường.

Các quan tỉnh, sau khi ý hiệp với quan Công-sứ, có thể cho phép những xóm ở xa bản xả được lập nhân-thế-bộ riêng.

Nhân-thế bộ gồm có ba thư :

1°) Sổ khai-sanh,

2°) Sổ khai giá-thú,

3°) Sổ khai tử.

Những sổ ấy hằng năm phải làm ra hai bản do một người hương chức gọi là hương-bộ chuyên hành, tuân theo cách thức Lại Bộ Đại-thần nghị-định sau khi đã có Thượng-Thơ Hội-Đồng và quí Khâm-Sứ-Đại-thần ý hiệp.

Cứ đến niên để, thời trong hai bản về mỗi thứ sổ, phải đệ nạp một bản lên tại nha Phủ, Huyện sở thuộc để lưu chiếu. Quan Phủ Huyện phải chăm nom những bản sổ đệ nạp ấy cho được y thức, nếu lười biếng không chăm nom sẽ bị trừng-phạt về quan-kỷ; các sổ ấy phải do quan Phủ, Huyện sát thực và kiểm ký.

Điều thứ 19. — Những sổ nhân-thế-bộ, trước khi chưa hành dụng, phải do quan Thủ-hiến tỉnh cho đánh số và dóng kiểm từng tờ; quan Thủ-hiến phải ghi tên ở tờ đầu và tờ cuối cùng.

Sổ ấy không được tẩy xóa hoặc viết đè chữ nọ lên chữ kia. Phàm gạch chữ nào đi thời phải để cho chữ ấy còn đọc được, và dưới chứng-thư ấy phải cước chú do hương-bộ và người đương-sự ký nhận, nếu không thời những chữ cước chú ấy không có giá trị.

Cước chú thời không được biên ở chỗ lưu không bên cạnh, chỗ nầy phải để phòng sau khi đã làm chứng-thư rồi, mà vì chiếu án hay chiếu luật phải đăng-ký hay cải-chánh, thời biên vào đó.

Trong nhân-thế-bộ biên năm, tháng, ngày, không được

viết bằng chữ số và trong sổ không được viết tắt chữ nào. Những tên viết bằng chữ quốc-ngữ, hễ có thể chua chữ nho được thời phải chua thêm vào.

Trong sổ không được biên chữ nào bằng bút chì.

Mỗi năm cứ ngày 30 tháng chạp ta thời cọng sổ. Sự cọng sổ ấy phải do hương-bộ biên vào trong hai bản về mỗi thứ sổ nhân-thế bộ ở trang sau tờ tiếp theo tờ chứng thư cuối cùng.

Điều thứ 20. — Làm những chứng thư gi vào nhân-thế bộ thời không lấy tiền. Hương-bộ không được lấy lẽ làm chứng-thư ấy mà đòi tiền.

Điều thứ 21. — Muốn trong nước được chỉnh đốn và dân ta được lợi chung thời sự biên chép vào nhân-thế bộ (tuổi, đàn ông hay đàn bà, chỗ sinh, cha mẹ, bà con, phối ngẫu, v. v...) phải càng ngày càng đích xác hơn.

Người nào không tuân theo thể lệ để thi hành nhân-thế-bộ mà không có cớ gì đáng tha thứ, sẽ phải coi như là phạm pháp mà phải nghĩ xử.

Trừ những sự phạm pháp thành ra tội đại-hình hay trừng-trị đã có tội danh nặng hơn định ở luật hình rồi thời không kể, người nào chiếu theo các điều luật sau này buộc phải khai sanh, khai tử hay khai hôn-thú mà không có duyên cớ gì chánh đáng, lại quên đi hay lười biếng không chịu khai, thời quan tòa Sơ-cấp có thể xử phạt bạc từ 0$30 đến 3$00 hay phạt giam từ một ngày đến 10 ngày.

Người nào dụng tinh hoặc tự mình, hoặc biểu người khác, hoặc để cho người khác, gian khai với hương-bộ hoặc cố ý khai gian một điều gì, khai không đủ hay là khai không đúng về việc nhân-thế bộ, thời sẽ bị phạt giam từ 3 tháng đến một năm, theo như thể lệ đã định trong luật hình và thể lệ về pháp-viện biên-chế.

Điều thứ 22. — 1°) Công-chức nào coi về nhân-thế-bộ mà cố ý hủy-hoại một tờ chứng-thư hay một quyển sổ

nhân-thế bộ thời sẽ bị nghĩ xử tội danh đã định trong điều 381 luật hình (người chánh yếu phạm bị xử khổ-sai từ 8 năm đến 10 năm, người tùng-phạm khổ-sai từ 5 năm đến 8 năm).

2°) Công chức nào coi về việc nhân-thế-bộ mà cố ý chữa đổi hoặc xóa bỏ một tờ chứng-thư hay là thay đổi một quyền nhân-thế bộ sẽ bị nghĩ xử tội danh định trong điều 170 luật hình (phạt giam từ một năm đến 5 năm).

3°) Công chức nào coi về nhân-thế bộ, không có duyên cớ gì chánh đáng mà không chịu nhận trước một việc khai-sanh, khai giá-thú hay khai tử, hay là đòi tiền mới chịu nhận trước thời sẽ bị nghĩ xử tội danh định trong điều 182 luật hình (phạt giam từ một tháng đến 6 tháng hay phạt bạc từ 10$00 đến 60$00).

4°) Công chức nào coi về nhân-thế-bộ mà chịu để cho người khác hủy hoại, chữa đổi hoặc xóa bỏ một tờ chứng thư, hay là chịu để cho người khác hủy hoại, hoặc chữa đổi một quyền nhân-thế bộ của mình giữ, sẽ phải xử phạt theo tội tùng-phạm về tội làm hủy hoại hay tội giả-mạo ấy (những điều 248, 170 và 381 luật hình).

5°) Hương-bộ nào lười biếng không tuân theo thể lệ nhân-thế bộ về cách biên chép hay việc giữ gìn sổ sách, sẽ tùy theo tình trạng nặng nhẹ, có thể bị nghĩ phạt theo quan kỷ hoặc là nặng hơn thời theo tội danh đã định trong điều 182 luật hình (phạt giam từ một tháng đến 6 tháng hay phạt bạc từ 10$00 đến 60$00).

Điều thứ 23. — Khi nào vì có duyên cớ gì hương bộ đi vắng hay là trở việc thời giao sổ sách cho người dự khuyết trông coi; trong khi làm thế, người nầy cũng phải chịu trách nhiệm như hương-bộ. Gặp những trường-hiệp ấy, thời hương-bộ phải cho lý-trưởng biết.

Điều thứ 24. — Phàm chứng-thư nhân-thế bộ nào, muốn cho có giá-trị và đủ tin thời phải làm ở trước mặt hương-bộ, nếu hương bộ trở việc thời làm ở trước mặt người dự-

khuyết và trước mặt người đứng khai, khi nào theo luật phải có người chứng thời lại phải làm trước mặt người chứng nữa.

Khi nào cần phải có người chứng thời người chứng ấy bất cứ đàn ông hay đàn bà, thân thuộc hay người ngoài, đều phải từ 21 tuổi trở lên mới được. Nhưng vợ với chồng không thể cùng đứng làm chứng trong một tờ chứng thư được.

CHƯƠNG THỨ HAI

Khai sanh

Điều thứ 25. — Khi nào trong làng có người đẻ con, thời trong hạn một tháng phải khai với hương bộ.

Sự khai sanh, nếu có cha thời cha đứng khai.

Nếu người cha vắng mặt hay bị trở việc, hoặc là người mẹ không có giá-thú chánh-đáng, mà người cha lại khong nhận con, thời do người mẹ đứng khai.

Nếu không có cha mẹ, hay cha mẹ vì trở việc không tới khai được, thời do những người chứng kiến khi đẻ, và nếu không có những người chứng kiến ấy thời do người đồng-cư và người sản-phụ, hay là người ở gần chỗ đẻ đứa bé ấy đứng khai.

Khi nào đẻ ở nhà thương, nhà pha hay nơi công-sở khác, thời người quản-đốc những sở ấy phải đứng khai.

Điều thứ 26. — Người nào thấy một đứa trẻ sơ sanh bị vất bỏ, thời phải đem trình với hương-bộ sở tại và đem theo những quần áo đồ vật gì đã thấy ở đó, để về sau có thể nhìn ra căn-cước đứa bé ấy, và tình-trạng khi trông thấy, chỗ trông thấy thế nào cũng phải thuật lại cho rõ.

Hương-bộ phải biên những điều kể trên ấy vào trong sổ khai sanh và lại phải biên đứa bé tuổi ước bao nhiêu, con trai hay con gái và biên cả tên mà hương-bộ đã đặt ngay cho nó.

Điều thứ 27. — Trong sổ khai sanh phải biên:

1°) Ngày tháng và năm đẻ,

2°) Họ tên đứa bé,

3°) Con trai hay con gái,

4°) Nơi đẻ,

5°) Nếu có giá-thú chánh đáng mà sanh đứa con ấy (sự giá-thú ấy sẽ phải chỉ rõ), hay là không có giá-thú chánh-đáng mà người cha nhận chính là con mình, thời phải biên họ, tên, tuổi chức-nghiệp, trú quán người cha.

6°) Họ, tên, tuổi, nghệ-nghiệp, trú quán người mẹ, và nếu có giá-thú chánh đáng, thời phải biên là vợ chánh hay vợ thứ, trừ ra khi nào không biết người mẹ là ai thời thôi.

7°) Họ, tên, tuổi, chức-nghiệp, trú quán của người đứng khai và của hai người chứng đã thành-niên.

Người đứng khai và hai người chứng cùng hương-bộ phải ký vào giấy khai-sanh Nếu những người đứng khai và người chứng không biết ký tên thời hương-bộ phải biên ở dưới giấy khai ấy rằng không biết ký, rồi người đứng khai và người chứng phải in ngón tay vào đó.

Hương-bộ phải biên ngày tháng và năm lúc khai trình ở dưới giấy khai ấy.

Điều thứ 28. — Mỗi một chứng-thư phải để bên cạnh một khoảng lưu không cho vừa đủ, phòng sau nầy người cha hay người mẹ có khai nhận con, hoặc xin đổi tên họ mà quan trên đã cho phép, hoặc bị-chú những điều cải chánh mà do quan trên đã truyền.

Sự khai đổi họ tên của một người nào trong giấy khai-sanh thời do cha mẹ, hay bản thân người ấy đứng xin rồi do tòa án sở quan làm án xử cho mới được.

CHƯƠNG THỨ BA

Sự khai nhận con

Điều thứ 29. — Khi nào đứa con sanh ra mà mẹ nó không có giá-thú chánh đáng, mà lúc khai-sanh người cha không nhận, thời trong suốt cả đời đứa con ấy, không cứ lúc nào, người cha vẫn được tùy-ý đến khai với người hương-bộ nào cũng được mà nhận đứa con ấy chính là con mình. Khi ấy phải làm ra một tờ chứng-thư khai-nhận. Trong chứng-thư phải biên ngày, tháng, năm và chỗ người cha đến khai nhận, cùng ngày sanh đứa con và lời khai của người cha.

Hương-bộ phải biên chú sự khai nhận vào bên cạnh tờ chứng-thư khai-sanh của đứa con có người khai-nhận ấy. Nếu đứa con trước kia khai-sanh ở một xã mà bây giờ người cha do hương-bộ một xã khác mà khai-nhận thời người hương-bộ tiếp lời khai-nhận ấy sẽ theo cách hành-chánh mà chuyển giao cho người hương-bộ đã nhận khai-sanh khi trước để biên chú vào bên cạnh chứng-thư khai-sanh.

Điều thứ 30. — Khi khai-sanh không biết cha mẹ là ai, mà sau nầy người cha hay người mẹ, hay là cả hai người đều đồng-thời khai-nhận con, thời cũng làm theo như thể-lệ nói ở điều trên.

Nếu là con do người mẹ loạn-luân (1) hay là phạm-gian (2) mà sanh ra, thời hương-bộ không được đăng-trước sự khai nhận đứa con ấy. Nếu hương-bộ đã trót đăng-trước sự khai nhận đứa con ấy, thời sự khai nhận ấy sẽ coi như không và vô-hiệu. Vậy sự khai nhận ấy không có hiệu-lực gì làm cho đứa con ấy được ích lợi hay bị thiệt hại.

---

(1) Loạn-luân nghĩa là thân thuộc tương gian.

(2) Phạm-gian nghĩa là đàn bà có chồng chính-thức mà tư-thông với người khác.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Sự khai giá - thú

Điều thứ 31. — Khi nào sự giá-thú đã làm theo tục-lệ bản-xứ thời phải khai ngay với hương-bộ nơi trú-quán người vợ ở khi làm lễ cưới, hoặc có chậm ra nữa thời trong hạn 8 ngày phải khai, hương-bộ phải lập ra chứng - thư trong sổ giá - thú.

Gia-quyến người vợ hay người vợ có thể bắt làm chứng - thư trước khi lễ hôn đã thành.

Khai giá-thú thời phải do hai vợ chồng đứng khai, và có cha mẹ đôi bên đến dự, nếu không có cha mẹ thời phải có hai người trưởng-thành đúng 21 tuổi trở lên làm chứng, bất cứ đàn ông hay đàn bà.

Nếu vợ chồng cùng đau ốm, hay có một người chồng hay vợ không thể đi khai được, thời hương-bộ sẽ chiếu lời thỉnh-cầu của những người ấy đến tận nơi nhà mà nhận lời khai của những người ấy trước mặt cha mẹ hay các người chứng.

Điều thứ 32. — Chứng-thư giá-thú phải biên :

1°) Họ, tên, nghề-nghiệp, sanh-quán, ngày sanh và trú-quán người chồng.

2°) Họ, tên, tuổi (nếu chết rồi thời biên « chết rồi »), nghề-nghiệp, trú quán và sanh quán của cha người chồng;

3°) Họ, tên, tuổi, (nếu chết rồi thời biên « chết rồi »), nghệ-nghệp, trú-quán và sanh-quán của mẹ người chồng ;

4°) Họ, tên, nghề-nghiệp, sanh-quán, ngày sanh cùng trú-quán của người vợ.

5°) Họ, tên, tuổi, (nếu chết rồi thời biên « chết rồi »), nghề-nghiệp, trú-quán và sanh quán của cha mẹ vợ.

6°) Họ, tên, tuổi (nếu chết rồi thời biên « chết rồi »), nghề-nghiệp, trú-quán và sanh-quán của người vợ ;

7°) Nếu có người chứng thời biên họ, tên tuổi, nghề-nghiệp và trú-quán của người chứng ;

8°) Ngày làm lễ giá-thú và ngày lập tờ chứng-thư.

Hễ trong nước còn tục lấy nhiều vợ thời chứng-thư phải biên rõ người vợ cưới ấy là vợ chính hay vợ thứ.

Điều thứ 33. — Trong chứng-thư giá-thú phải có hai vợ chồng và cha mẹ hai bên hay là hai người chứng cùng ký tên. Khi nào trong các người đứng khai hay là các người chứng có người nào không biết ký tên thời hương-bộ phải chua rõ rằng người ấy không biết ký tên, rồi người ấy phải in dấu ngón tay vào. Khai xong, hương-bộ phải ký tên và áp triện.

Điều thứ 34. — Bất cứ khi nào, người vợ, người chồng cũng được xin chuyển biên việc giá-thú của mình vào sổ giá-thú ở chánh-quán người vợ. Khi ấy thời phải đem bản trích-lục chứng-thư của mình đã do hương-bộ trước phát cho mà trình với hương-bộ ở chánh-quán người vợ ấy.

Sự chuyển-biên phải chiếu theo sự giá-thú ấy làm tại ngày, tháng, năm nào thời biên vào bên cạnh tờ chứng-thư giá-thú trong bộ thuộc về ngày, tháng năm ấy.

Sự chuyển biên phải chua:

1°) Họ, tên, tuổi, trú quán người chồng;

2°) Họ, tên cha và mẹ chồng;

3°) Họ, tên, tuổi, trú quán người vợ, vợ chính hay vợ thứ.

4°) Họ, tên, tuổi và trú-quán của cha mẹ người vợ;

5°) Ngày, tháng năm cưới và chỗ làm lễ cưới, số hiệu chứng-thư.

Người hương-bộ cứ chiếu theo trong tờ trích-lục của người xin chuyển biên ấy xuất trình, mà sao-biên những điều kể trên nầy.

Điều thứ 35. — Khi nào hương-bộ biết một việc giá-thú nào trái với pháp-luật thời phải bác khước không đăng-ký việc giá-thú ấy.

Khi ấy hương-bộ phải lập tức trình với tòa-án Sơ-cấp

sở tại. Tòa-án phải theo tờ trình theo thể lệ thường lấy quyền sơ-thẩm mà xét xử ngay.

Điều thứ 36. – Khi nào cưới vợ thứ thời cũng phải khai giá-thú với hương-bộ sở quan như là cưới vợ chính.

Điều thứ 37. — Phàm quốc-dân ta giá-thú ở một nơi nào ngoài địa hạt Trung-Kỳ mà nơi ấy đã có lập ra nhân-thế bộ rồi, khi trở về Trung-Kỳ thời việc giá-thú ấy không cần phải khai lại nữa mới cho là hiệp lệ. Khi ấy chỉ xuất trình bản trích-lục chứng thư giá-thú đã làm trước là đủ.

Điều thứ 38. — Khi nào án xử ly-dị đã chung-thẩm, thời quan Chánh-thẩm tòa-án xử việc ly-dị ấy phải lục sức bản toàn sao án ấy cho hương-bộ nơi trước đã đăng ký việc giá-thú ấy để sao biên vào sổ gia-thú đương niên.

Hương-bộ vừa sao biên-bản án ly-dị vào bộ đương-niên, lại phải biên-chú bản án ấy vào bên cạnh tờ chứng-thư giá-thú nguyên đăng-ký trong bản sổ lưu chiếu tại làng.

Quan Phủ, Huyện, cũng phải sức biên-chú như vậy vào quyển sổ giá thú tồn lưu tại Phủ nha, Huyện nha. Nếu án ly-dị không do quan Phủ, Huyện chuyển lục cho Hương-bộ thời khi tiếp được lục sức án ấy, hương-bộ phải trình với quan Phủ, Huyện để biên chú vào bộ lưu nha.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Sự khai tử

Điều thứ 39. — Phàm trong xã có người chết, thời trong hạn 24 giờ đồng hồ phải do người thân nhân mà có mặt ở đó, bằng không thì do người gia-chủ người chết, bằng không nữa thì do người gia-chủ lân-cận nhất nơi người chết, đến khai với Hương-bộ sở-tại tức là người Hương-chức chỉ định ở trong điều 266 luật hình ; Hương-

bộ theo lời khai mà lập tờ chứng-thư trước mặt hai người chứng do người khai dẫn tới, nếu không thì do Hương-bộ kêu đến.

Chết ở nhà thương, nhà pha hay công sở nào thì do người Quản-đốc sở ấy đứng khai, khi ấy không cần phải có người chứng.

Điều thứ 40. — Khi có người chết phải do Hương-bộ phát giấy cho mai-táng mới được mai-táng, giấy ấy không cần dán tem và không phải mất tiền. Hương-bộ phải thân hành đến xét sự chết và phải để cách 12 giờ đồng hồ sau khi chết rồi mới được phát giấy cho mai táng, trừ ra khi nào đã có lệ định riêng không kể. Nếu nghi ngờ là sự chết bất thường thời Hương-bộ phải báo Lý trưởng biết để cùng với Lý-trưởng trình Quan trên.

Điều thứ 41. — Người nào ngẫu nhiên thấy một thây người chết, phải lập tức báo với Hương-bộ ngay theo như điều 268 luật hình đã định. Hương-bộ phải báo với Hương-chức trong làng thân hành đến tận nơi xét cho biết căn-cước người chết rồi biên vào sổ tử. Lý-trưởng và Hương-chức lại phải theo thường lệ báo với Quan trên, và khi nào Quan cho phép chôn thì phải lo liệu chôn cất.

Điều thứ 42. — Chứng-thư khai tử phải biên: ngày tháng lập chứng-thư, họ, tên, nghề nghiệp, trú quán của người chết, ngày chết, và nếu biết được thì biên cả ngày sinh, sinh quán, tên họ cha mẹ của người chết, và người ấy có vợ, có chồng hay chưa.

Phàm người mệnh-một nguyên trước sinh ra sau ngày đã lập ra nhân-thế-bộ thì chẳng những phải đăng-ký vào chứng-thư khai tử, mà lại phải biên chú vào bên cạnh chứng-thư trong bộ khai sanh của người ấy nữa.

Phàm người nào chết tại làng nầy mà nguyên trước sinh tại làng khác thì Hương-bộ sau khi đã lập chứng-thư khai tử rồi, phải trình với Quan sở tại chuyển sức

cho Hương-bộ nơi sanh quán của người chết để biên chú vào bên cạnh giấy chứng-thư khai sanh của người ấy.

Về sự sao biên và chuyển đạt việc khai tử, nếu công-chức nào sơ-suất lười biếng sẽ phải trừng phạt như đoạn cuối cùng điều thứ 22 luật nầy.

CHƯƠNG THỨ SÁU

Việc truy-trước cùng việc cải-chính các chứng-thư về nhân-thế-bộ

Điều thứ 43. — Khi nào việc giá-thú, sinh, tử không khai đúng theo kỳ-hạn đã định ở trong luật, thời hương-bộ không được tự tiện thu nhận sự khai quá hạn ấy, nhưng hương-bộ phải trình sự bỏ quên không khai ấy với tòa-án sơ-cấp; quan sẽ điều tra ngay để xét xem sự sinh tử có đích thực hay không, hoặc sự giá-thú có làm đúng theo tục lệ hay không.

Điều tra xong rồi, nếu quan tòa sơ-cấp xét nên cho phép hương-bộ nhận trước sự khai quá hạn ấy, thời làm án mà truyền cho truy-trước.

Tòa-án sơ-cấp cũng có thể tự mình điều tra, rồi lập án để truyền hay là để cho phép đăng trước vào nhân-thế-bộ một việc sanh, tử hay giá-thú nào mà chưa khai với hương-bộ. Án ấy sẽ phải sao biên vào sổ nhân-thế-bộ đương niên và chiếu sự sinh, tử, giá-thú ấy tại ngày tháng năm nào, mà chua vào bên cạnh chứng-thư nào trong nhân-thế-bộ thuộc về ngày tháng năm ấy.

Điều thứ 44. — Phàm quốc-dân ta sanh con ở nơi nào ngoài địa-hạt Trung-Kỳ mà nơi ấy không có nhân-thế bộ, thời khi trở về xứ Trung-Kỳ, trong hạn 8 ngày sau khi về, người cha hoặc người mẹ đứa bé phải khai với hương-bộ sở tại nơi trú-quán mình để đăng-ký vào sổ khai sanh.

Nếu sanh con ở nơi nào mà đã do quan Lãnh-Sự Đại-

Pháp hay là do quan chức khác ở nơi ấy lập ra tờ chứng-thư khai sanh đúng phép rồi, thời nay chỉ xuất trình giấy trích-lục chứng-thư khai-sanh ấy để bị chú vào chứng-thư khai sanh sẽ lập ra ở nơi trú quán cha mẹ.

Điều thứ 45. — Nếu khi lập chứng-thư mà có điều sai lầm cần phải sửa đổi, thời người đương-sự được trình với quan tòa sơ-cấp sở tại mà xin cải chánh. Quan tòa sơ-cấp điều tra xong, nếu đáng cho cải-chánh thời làm án truyền cho cải-chánh.

Nếu sự sai lầm trong chứng-thư là do một người khác trích trình thời tòa-án sơ-cấp sau khi điều tra xong, nếu xét nên cải-chánh điều gì cũng tự mình làm án truyền cải-chánh.

CHƯƠNG THỨ BẢY

Sự hiệu-lực làm bằng cứ của nhân-thế-bộ. Sự không có nhân-thế-bộ — Trích-lục.

Điều thứ 46. — Những lời biên chú trong nhân-thế-bộ đều đủ làm bằng cứ, duy khi nào có sự sai lầm hay bỏ sót, thời người đương-sự được xin cải-chánh hay truy-trước.

Khi có đơn cáo giác về chứng-thư nào là giả-mạo mà có án chung-thẩm công-nhận là giả-mạo, thời cái chứng-thư ấy sẽ mất hiệu-lực làm bằng cứ. Tuy thế, trong chứng-thư giả-mạo ấy có những điều nào không bị trích ra là giả-mạo, thời những điều ấy vẫn còn giá-trị làm bằng.

Điều thứ 47. — Phàm sanh, tử, giá-thú trước khi chưa ban bố luật nầy, hay là trước khi chưa lập ra nhân-thế-bộ đúng phép, thời có thể, hoặc dùng giấy chứng nhận do viên-chức sở quan làm ra, hoặc dùng văn thư hay các người chứng làm bằng cũng được. Lại khi nào không có sổ sách hay khi sổ sách bị mất hoặc bị hủy hoại cũng thế.

Điều thứ 48. — Nếu những sổ sách về nhân-thế-bộ lỡ bị mất hoặc bị hủy hoại, thời sẽ do tòa-án sơ-cấp sở tại chiếu theo bản lưu nha mà làm lại, nếu không có bản lưu nha, thời phải điều tra mà làm lại. Gặp trường-hợp nầy thời trong khi chưa lập bộ lại xong, thời sự sanh, tử, giá-thú có thể chiếu theo giấy má trong gia-tộc hay là tờ khai của người chứng làm bằng.

Điều thứ 49. — Nếu người đương-sự có xin, thời hương-bộ hay các quan Phủ, Huyện giữ bản sổ lưu nha phải cấp phát cho bản trích-lục hay là chứng chỉ để chứng nhận về sự sanh, tử, giá-thú hay sự khai-nhận con.

Sự phát những trích-lục và chứng-chỉ ấy đều theo thể-lệ của quan Lại-Bộ Đại-thần đã thương-đồng với Thượng-thơ hội-đồng mà định ra.

Điều thứ 50. — Những người Hoàng-Phái và Tôn-Thất cũng phải tuân theo thể-lệ định ở trong các điều ở trên nầy về nhân-thế-bộ, ngoài ra còn phải theo thể-lệ hướng hành mà biên các việc sanh, tử, giá-thú vào trong sổ sách do Tôn-nhơn Phủ và Tư-Giáo giữ nữa.

THIỆN THỨ III

Trú-sở (1)

Điều thứ 51. — Phàm gọi là trú-sở của một người nào trong quốc-dân ta, về đường sử dụng quyền-lợi của người ấy thuộc về hộ vụ, là nơi có cơ-chỉ chính-yếu của người ấy.

Điều thứ 52. — Khi nào thiệt có thiên-cư đi nơi khác và có ý lập cơ-chỉ chính-yếu ở nơi ấy, thời mới gọi là đổi trú-sở.

---

(1) Luật Bắc-kỳ thời dịch là « Trú-quán ».

Phàm có lời khai minh-bạch thời mới đủ bằng-cứ rằng có ý lập cơ-chỉ chính-yếu ở nơi ấy. Việc khai thiên-cư ấy thời vừa phải khai với lý-trưởng ở nơi mình dời đi, vừa lại phải khai với lý-trưởng ở nơi mình dời đến nữa.

Khi nào thiên trú-sở đến những nơi thành phố đã lập làm thị-xã thời phải khai với tòa Đốc-lý thành phố ấy.

Nếu không khai minh-bạch, thời khi nào gặp có tranh-nại, quan tòa sẽ tùy theo tình-trạng mà thẩm định cho cái ý thiên-cư ấy là có bằng chứng hay không.

Điều thứ 53. — Phàm đàn bà có chồng thời theo lệ thường chỉ được lấy trú-sở của chồng làm trú-sở của mình mà thôi. Trừ khi nào người chồng cho phép ở riêng ra một làng khác hoặc để làm nghề-nghiệp gì, hoặc vì lẽ ở nơi đó người vợ có nhiều lợi-quyền và có công việc làm ăn hằng ngày, mà có thể coi nơi ấy là nơi cơ-chỉ chính yếu của người vợ ấy thời không kể.

Điều thứ 54. — Người vị thành-niên chưa được quyền tự-lập thời lấy trú-sở người cha làm trú-sở mình, nếu cha chết rồi hay không biết người nào là cha thời lấy trú-sở người mẹ, nếu cha mẹ chết rồi thời lấy trú-sở người giám-hộ. Người đã thành-niên mà chưa có trú-sở riêng thời vẫn lấy trú-sở của cha hay trú-sở của mẹ, như cách phân biệt trên nầy. Người thành-niên bị cấm quyền thời phải lấy trú-sở của người giám-hộ làm trú-sở mình.

Điều thứ 55. — Sự định rõ nơi trú-sở là cần để thi-hành pháp-luật: phàm tài-sản của người mệnh-một thành ra di-sản là ở nơi trú-sở cuối cùng của người ấy, và sự giải quyết vấn-đề thừa kế cũng ở nơi ấy. Chỉ tòa-án nơi trú-sở người mệnh-một mới có quyền sơ-thẩm những việc tương-tranh thuộc về việc thừa-kế của người mệnh-một ấy.

Các việc kiện thuộc về dân-sự và thường-sự thời phải do tòa án sở tại nơi trú-quán người bị-cáo mà thưa trình. Nhưng những việc kiện-tụng thuộc về bất động-

sản thời phải thưa với tòa-án sở tại nơi có bất động-sản tương tranh ấy. Nếu có nhiều bất-động-sản tương tranh ở nhiều địa-hạt khác nhau thời trong những tòa-án ở các địa-hạt ấy, tùy ý người nguyên cáo, xin do một tòa-án nào thưa trình, tòa-án ấy sẽ được quyên xét xử.

Điều thứ 56. — Dân ta cũng được phép chọn một nơi nào mà gọi là trú-sở mình, trú-sở ấy gọi là trú-sở « ước-định » hay là trú-sở « tuyển-trạch », khác với trú-sở thiệt của mình, để thi-hành những điều khoản định ra trong một khoán ước nào, nhưng trong giấy giao-kèo hay khoán-ước phải biên rõ chỗ trú-sở « ước-định » ấy. Gặp trường hợp nầy, những việc kiện tụng gì thuộc về khoán ước ấy thời phải thưa trình với tòa-án sở-tại nơi trú-sở « ước-định ».

Điều thứ 57. — Phàm người kỹ-nghệ hay là thương-mãi nào mà có nhiều chi điếm thời về những khoán-ước cùng những sự cần-thiết thuộc về kỹ-nghệ hay thương-mãi ấy có thể lấy mỗi một chi-điếm nào hiện đương khai-trương mà coi như là trú-sở của mình cả. Thể-lệ nầy là chung cho cả các người kỹ-nghệ và thương-mãi bất cứ đàn ông hay đàn bà.

THIÊN THỨ IV

Nói về người thất-tung

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Dự đoán sự thất-tung

Điều thứ 58. — Khi người nào bỏ trú-sở mà đi thất-tích, không ai biết tin tức ra sao, không ai biết sống chết

thế nào, hễ đủ các trường - hợp ấy mới theo luật mà dự đoán là thất-tung.

Khi có sự dự đoán thất - tung ấy, thời có thể hoặc vì quyền lợi người thất-tung, hoặc vì quyền lợi gia - quyến người ấy, hoặc vì quyền lợi các chủ nợ người ấy mà dùng đến phương-pháp như sau nầy.

Tòa-án sơ-cấp nơi nguyên trú quán lần cuối cùng của người thất-tung có thể hoặc vì sự cần thiết mà tự mình định, hoặc do các người có quan thiết trình xin, mà tùy tình thế sức cho thi hành những phương-pháp bảo thủ. Nếu người thất-tung là người đàn ông, thời sự quản-trị và hưởng dụng tài sản người ấy, phải giao cho người vợ chính, dầu có sự tương tranh cũng vậy, nếu không có vợ chính thời giao cho ông, bà, cha mẹ hay con cháu đã thành niên. Như các người ấy không chịu đứng nhận hoặc không thể giao cho một người nào trong họ quản-trị tài-sản người thất-tung ấy, thời quan tòa có thể tạm giao sự quản-trị tài-sản ấy cho làng hoặc cho một người nào đứng xin hay là thuận nhận giữ gìn tài-sản ấy để ăn hoa-lợi, nhưng khi người thất-tung có con vị-thành-niên hoặc có vợ thứ thời quan tòa phải tùy theo số tài - sản của người thất-tung mà truyền rõ người quản - trị ấy phải bảo dưỡng cho vừa phải. Những người tạm thời quản trị tài-sản ấy không được đem cầm bán, lưu chuyển, trừ ra khi nào người thất-tung thật có khoản nợ cần phải trả mà tòa có cho phép thời mới được cầm bán mà trả nợ ấy.

Nếu người thất-tung là người đàn bà đã có chồng rồi, thời sự quản-trị và hưởng-dụng tài-sản của nó sẽ giao cho người chồng, như góa chồng thời giao cho con cả đã thành-niên, như không chồng không con thành-niên thời giao cho một người tôn-trưởng trong họ, nếu không có nữa, thời giao cho làng sở-tại hay là giao cho một người nào do tòa sơ cấp chỉ định.

Điều thứ 59. — Nếu đã hơn 2 năm mà tuyệt nhiên không có tin tức gì về người thất-tung cả, thời tòa sơ cấp có thể hoặc vì sự cần thiết mà tự mình định, hoặc do người có quan thiết trình lên, mà lập ra bản án để làm công cứ về việc dự đoán thất - tung, trong án sẽ nói rõ ràng sự dự đoán thất-tung ấy bắt đầu từ ngày nào, nghĩa là từ ngày nào trở đi, người ta không chắc rằng người ấy còn sống hay chết. Nếu có cần ra thời trong án lại truyền làm các phương - pháp để bảo thủ tài - sản người thất-tung và cử một người để thay làm những công việc gì có quan-hệ đến người thất - tung ấy, như là người thất-tung ấy có di-sản thời tính liệu di-sản, hay là có vào hội nào thời tính-liệu việc hội cho thanh khoản. Khi nào án ấy đã chung thẩm rồi thời sẽ đem bản trích - lục án ấy niêm yết tại đình sở nguyên trú quán cuối cùng của người thất-tung ấy.

CHƯƠNG THỨ HAI

Tuyên cáo sự thất - tung

Điều thứ 60. — Nếu trong hạn một năm, sau khi có án dự đoán thất-tung như điều trên đã nói, mà người thất-tung không thấy trở về, hoặc không có tin tức gì về nữa, thời tòa án lại lập án tuyên-cáo bẳn sự thất - tung. Án ấy cũng đem niêm yết như án trước.

Điều thứ 61. — Khi người chồng thất - tung thời vợ chính và vợ thứ, nếu trước chưa xin ly - dị, bấy giờ sẽ có thể xin tòa-án xử cho đoạn hôn để tái-giá, khi người vợ thất-tung thời người chồng cũng được xin như vậy.

Khi người thất - tung có nhiều vợ, thời mỗi người vợ xin đoạn hôn sẽ có mỗi bản án xử riêng.

Những án ấy sẽ đăng-ký vào sổ giá-thú đương niên nơi trú quán người chồng và sẽ bị-chú mỗi án vào bên cạnh

mỗi tờ chứng-thư giá-thú khi trước. Hương-bộ sẽ đệ giao bản án cho quan sở tại nơi đã đăng-ký việc giá-thú khi trước để tiện bị-chú.

Điều thứ 62. — Nếu sau nầy người thất-tung đã bị xử đoạn hôn lại trở về nhà hay gởi tin tức về, cũng không thể thưa kiện gì về sự người vợ hay người chồng ở nhà đã tái-giá hay tái-thú.

CHƯƠNG THỨ BA

Kết-quả về sự thất-tung

Điều thứ 63. — Người vợ chánh nếu không tái-giá thời vẫn được giữ quyền quản-trị và hưởng-dụng tài-sản của người chồng thất-tung để lại.

Vợ thứ người thất-tung nếu không tái-giá mà vẫn ở nhà chồng, thời sẽ tùy theo tư-sản người chồng mà được phần cấp dưỡng.

Điều thứ 64. — Nếu người thất-tung không có vợ chánh, hoặc có mà đã tái-giá rồi, thời khi không được tin tức người ấy nữa, những người thừa-kế của người ấy đều có thể xin tòa-án cho tạm quản-nhận tài-sản người ấy sau khi đã có án tuyên cáo sự thất-tung, nếu không có người thừa-kế thời có thể giao cho bản xã sở tại nơi có tài-sản ấy tạm quản.

Nếu không có người thừa-kế hay là xã sở-tại không chịu nhận, thời bất cứ người nào muốn nhận lấy tài-sản bỏ không ấy để sinh lợi cũng được xin tạm quản nhận. Người ấy sẽ được hưởng-dụng tài-sản ấy theo như thể-lệ ở luật nầy sẽ định ở sau thuộc về hạng người vì lòng ngay mà hưởng hửu tài-sản. Bất cứ trường-hợp nào, tài-sản của người thất-tung thời phải gánh vác công nợ cho người ấy. Công nợ ấy, nếu quan tòa xét là có thực và cần phải trả liền mà cho phép trả thời sẽ phải trả. Nếu có

cần phát mãi tài-sản để trả nợ thời quan tòa cũng có thể làm án truyền cho phát mãi.

Điều thứ 65. — Sau khi có án tuyên cáo sự thất-tung đã 20 năm, mà tuyệt nhiên người thất-tung không thấy về, hoặc không có tin tức gì, thời người tạm nhận tài-sản của người thất-tung ấy sẽ được làm nghiệp-chủ.

Nhưng mà nếu người tạm nhận ấy là một người thừa-kế thời chỉ khi nào không có người thừa-kế nào khác nữa, nó mới được làm nghiệp-chủ về tài-sản của người thất-tung để lại ấy. Nếu không phải thế thời tài-sản ấy sẽ thành ra di-sản mà phải đem chia.

Điều thứ 66. — Nếu có chứng cớ rằng người thất-tung ấy chết đi, thời kể từ ngày chết ấy tài-sản của người ấy sẽ thành ra di-sản mà chia cho các người được quyền thừa-kế tại khi ấy.

Điều thứ 67. — Người vợ chính không tái-giá sẽ trông coi và bảo dưỡng các con vị-thành-niên của chồng thất-tung. Nếu có cần, thời được xin tòa-án cho phép cầm bán lưu chuyển những tài-sản thuộc về quyền mình quản-trị.

Nếu người vợ chính mệnh-một, hoặc tái-giá, thời sẽ cử một người giám-hộ trông coi những đứa con vị-thành-niên ấy.

THIÊN THỨ V

GIÁ-THÚ

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Lễ ước-hôn. (1)

Điều thứ 68. — Phàm trước khi làm lễ giá-thú mà có làm lễ ước-hôn, nếu sau có tranh nại, thời chỉ khi nào họ nhà trai đã đem lễ vật đến họ nhà gái một cách trọng

(1) Luật Bắc-kỳ thời dịch là « sính lễ »

thể, lễ ước-hôn ấy mới kể là có giá-trị.

Từ nay về sau, kỳ hạn từ ngày làm lễ ước-hôn đến ngày làm lễ cưới không được quá 6 tháng, trừ ra khi nào có sự ngăn trở chánh đáng, như là người vị-hôn-phu hay người vị-hôn-thê có đau ốm gì, hay là có đại-tang, thì không kể. Trước khi hết kỳ-hạn 6 tháng ấy, nếu người vị-hôn-phu hay vị-hôn-thê, hoặc người cha hay mẹ bên nào, không có duyên cớ gì chánh đáng, mà ngăn trở sự làm lễ cưới, thời sẽ coi như là tự người ấy bội hôn.

Điều thứ 69. — Chỉ khi nào có cha mẹ hay người giám-hộ thuận tình cho con trai con gái đã thành niên hoặc chưa thành niên làm lễ ước-hôn, thời lễ ước-hôn ấy mới ràng buộc được hai người con trai con gái ấy.

Lễ ước hôn nào chỉ do cha mẹ tự làm mà người con trai, con gái không thuận tình, thời lễ ước-hôn ấy không ràng buộc người con trai, con gái ấy được.

Điều thứ 70. — Sự đính ước về sự hôn nhân đã có lễ ước hôn rồi, cũng vẫn có thể vì nhà trai nhà gái đều thuận tình, hoặc là vì một bên con trai hay là con gái, hoặc cha mẹ một bên nào lấy duyên - cớ gì chánh đáng mà bãi hôn ; duyên cớ ấy, nếu có tranh nại thời sẽ do quan tòa xét nghĩ, có nên cho là chánh đáng hay không.

Điều thứ 71. — Nếu người con gái hay cha mẹ bên nhà gái không có duyên cớ gì chánh đáng mà bãi hôn thời phải bồi-hoàn lễ ước-hôn hay giá tiền lễ ấy, lại có khi phải bồi-thường tổn hại cho người con trai hoặc nhà trai nữa.

Trái lại nếu tự người con trai hay nhà trai bãi hôn mà không có duyên cớ gì chánh đáng, thời phải mất những đồ lễ ước hôn và cũng có khi phải bồi thường tổn hại cho người con gái hoặc nhà gái nữa.

Nếu vì một bên con trai hay con gái có lỗi mà sinh ra sự bãi hôn, thời bên có lỗi cũng phải bồi thường tổn-hại cho bên kia.

Khi nào vì người con trai hay người con gái chết

mà phải bải hôn, thời không phải điền hoàn hay bồi thường gì cả.

Điều thứ 72. — Những đơn kiện về sự ước-hôn phải ở trong hạn 6 tháng, kể từ ngày bãi-hôn trở đi, thời quan tòa mới chuẩn chấp. Quá hạn ấy thời là vô hiệu.

CHƯƠNG THỨ HAI

GIÁ THÚ

TIẾT THỨ NHẤT

Tư-cách cần thiết về sự kết hôn

Điều thứ 73. — Phàm con trai chưa đầy 18 tuổi tròn thời chưa được lấy vợ, con gái chưa đầy 15 tuổi tròn thời chưa được lấy chồng.

Điều thứ 74. — Phàm những người thân thuộc hay người phối ngẫu của người thân thuộc về trực-hệ, bất cứ là tôn thuộc hay ti thuộc, hoặc do chánh đáng thân sanh, hoặc do biệt tình, hoặc do nghĩa-dưỡng mà thành ra thân thuộc đều cấm không được lấy nhau.

Cấm người chồng không được lấy con riêng của người vợ do lấy chồng trước mà sinh ra (con ghẻ gọi mình là giượng ghẻ), người vợ góa không được lấy con riêng của người chồng do lấy vợ trước mà sinh ra (con ghẻ gọi mình là dì ghẻ).

Về bàng-hệ thời những hạng người sau nầy đều không được lấy nhau :

1°) Anh em chị em cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha, hay cùng một cha mẹ, hay là anh em chị em nuôi ;

2°) Chị dâu cùng em chồng, em dâu cùng anh chồng ;

3°) Bác, chú, cậu cùng cháu gái và vợ góa của cháu trai, cô dì cùng cháu trai ;

4°) Bác gái, thím, mợ cùng cháu chồng ;

5°) Anh em chị em con nhà chú nhà bác nhà cậu nhà cô nhà dì, cháu nội nhà chú, nhà bác, nhà cậu, nhà cô, nhà dì, và cháu ngoại nhà chú nhà bác;

6°) Anh em họ và chị em họ đồng-tông, trừ những người phái hệ khác nhau thời không kể;

7°) Cháu trai cùng vợ góa của ông chú, ông bác, ông cậu mình; hay là ông chú, ông bác, ông cậu cùng vợ góa cháu trai mình.

Điều thứ 75. — Về sự lấy nhau, khi nào có duyên cớ đích đáng, quan thủ hiến tỉnh hạt cũng có đặc cách cho miễn tuổi, nhưng nếu con trai chưa đủ 15 tuổi tròn, con gái chưa đủ 12 tuổi tròn, thời không bao giờ cho miễn tuổi mà lấy vợ lấy chồng được.

Điều thứ 76. — Lấy nhau tất phải có hai bên con trai con gái bằng lòng nhau mới được.

Vậy trước khi làm chứng thư giá-thú, hương-bộ phải xét quả hai bên đều thuận tình nhau mới được.

Điều thứ 77. — Phàm con cái bất cứ đã thành niên hay chưa, nếu cha mẹ đang còn, thời không bao giờ không có cha mẹ bằng lòng mà được lấy vợ lấy chồng; nếu cha mẹ không đồng ý, thời chỉ người cha bằng lòng là đủ. Nếu người cha mệnh-một hay không có thể tỏ ý kiến của mình được, thời chỉ người mẹ bằng lòng là đủ.

Nếu cha mẹ đều đã mệnh một, hoặc đều không thể tỏ ý cả mà còn có ông bà nội, thời phải có ông bà nội bằng lòng mới được, nếu ông bà không đồng ý, thời chỉ ông bằng lòng là đủ.

Khi nào có duyên cớ đích-đáng, thời quan thủ-hiến bản tỉnh có thể đặc cách cấp giấy phép cho người con trai con gái đã thành-niên được lấy nhau mà không cần phải có cha mẹ bằng lòng, giấy cho phép ấy phải bị-chú vào chứng-thư giá-thú.

Điều thứ 78. — Nếu không có cha mẹ và ông bà nội, hoặc có mà không thể tỏ ý kiến được, thời con trai con gái

chưa đầy 21 tuổi tròn, phải có người giám-hộ của mình đã theo pháp-luật đặt ra bằng lòng, mới được lấy nhau.

Khi nào người đàn bà góa muốn tái-giá, nếu vẫn ở chung với cha mẹ người chồng mệnh-một, thời phải có cha mẹ chồng bằng lòng, nếu khi hết tang chồng, đã về ở với cha mẹ mình, thời phải có cha mẹ mình bằng lòng mới được.

Nếu cha mẹ của người chồng mệnh-một hay cha mẹ của người quả-phụ, không có lẽ gì đích-đáng mà không cho tái-giá, thời người quả-phụ cũng có thể do quan thủ-hiến tỉnh hạt cho phép tái-giá.

Phàm con trai con gái đã quá 21 tuổi mà không có cha mẹ ông bà hay là đã góa chồng mà cũng không có cha mẹ chồng nữa, thời đều được tự ý lấy vợ lấy chồng, không cần phải có sự bằng lòng của ai cả.

Điều thứ 79. — Theo tục nước ta có hai thứ giá-thú mà nay vẫn coi là hợp phép : giá-thú về chính-thất và giá-thú về thứ thất.

Chưa có chính-thất thời không được cưới thứ-thất, và cưới thứ-thất thời phải có chính thất bằng lòng mới được; nhưng khi nào đã góa vợ hay đã ly-dị với người vợ chính, thời có thể cưới người vợ mới làm vợ kế hay vợ chính, nếu không muốn cho người vợ mới ấy làm kế thất hay chính thất thời cưới làm thứ thất cũng được.

Người vợ chính bằng lòng cho người chồng cưới thứ thất, phải có lời khai của người vợ chính ấy với hương-bộ mới đủ làm bằng, lời khai ấy phải bị-chú vào chứng-thư giá-thú.

Nếu người vợ chính không thể tỏ ý-kiến của mình được, thời sau khi quan thủ-hiến bản tỉnh đã xét quả như vậy, có thể cho phép người chồng được lấy vợ thứ, mà khỏi phải có sự bằng lòng của người vợ chính, sự cho phép ấy phải bị-chú vào chứng-thư giá-thú.

Điều thứ 80. — Phàm lấy nhau trong thời-kỳ người chồng

hoặc người vợ đương có tang cha hay tang mẹ, thời sự lấy nhau ấy không có giá-trị. Thời-kỳ chịu tang ấy là 27 tháng, nhưng nếu lễ thành-hôn đã làm trước khi chưa phát tang, thời cũng có giá-trị.

Nếu trong khi có tang, mà lại gặp một cái đại tang khác của bên chồng hay bên vợ nữa, thời kỳ-hạn trùng tang ấy có thể dồn lại là 30 tháng.

Khi có duyên cớ đích đáng, quan thủ hiến bản tỉnh có thể đặc cách cho phép lấy nhau trong thời kỳ có tang cha mẹ hay thân thuộc của bên vợ hay bên chồng.

Nhưng về tang cha hay tang mẹ, thời sau khi đã thành phục được 100 ngày rồi, quan mới có thể đặc cách cho phép kết hôn được.

Điều thứ 81. — Khi nào người chồng muốn tái-thú hay là người vợ muốn tái-giá thời phải xuất trình với hương-bộ sở-quan những án văn, hay chứng-thư làm bằng chứng về sự người chồng hay người vợ trước đã thất-tung, đã ly-dị hay đã quá-cố.

Khi người vợ chính mệnh một, thời người chồng sau khi đã hết tang vợ là một năm mới được tái-thú ; người đàn bà góa, bất cứ chính-thất hay thứ thất, sau khi chịu tang chồng 27 tháng rồi mới được tái giá; người vợ ly-dị thời sau khi đã có án ly-dị 10 tháng mới được cải-giá.

Người chồng góa khi đã hết tang vợ chính rồi, thời có thể đem người vợ thứ đã lấy trước kia lên làm kế thất, chỉ khai với hương-bộ sở tại nơi cưới người vợ thứ ấy là đủ, hương- bộ sẽ đem lời khai của người chồng cho người vợ thứ lên làm kế - thất mà bị-chú vào bên cạnh chứng-thự giá-thú của người vợ thứ ấy.

TIẾT THỨ HAI

Sự vô hiệu về việc giá - thú

Điều thứ 82. — Phàm việc giá-thú mà hai người con

trai con gái không bằng lòng, hay là một người trong hai người ấy không bằng lòng, thời tức là không có giá-thú.

Điều thứ 83. — Phàm việc giá-thú mà không khai với hương-bộ, thời sự giá-thú ấy theo pháp luật cho là vô hiệu, tòa-án không cần phải xử tiêu nữa.

Điều thứ 84. — Những trường-hợp như sau nầy, thời sự giá-thú sẽ có thể bị tiêu:

1°) Nếu chứng-thư giá-thứ đã do người hương-bộ nào không phải là hương-bộ sở-quan làm ra, trái với thể-lệ đã định trong điều 31 luật nầy;

2°) Con trai chưa đầy 18 tuổi tròn, con gái chưa đầy 15 tuổi tròn mà lấy nhau, trừ khi được miễn tuổi thời không kể.

Nhưng kể từ ngày đã đến tuổi cập hôn như luật đã định, hay chưa đến tuổi cập hôn mà người vợ có thai, thời sự giá-thứ ấy không thể viện lấy cớ trên nầy mà tiêu nữa.

3°) Khi làm lễ kết hôn, trong hai vợ chồng, có một người bị bệnh điên cuồng, hay là vì bệnh căn lâu khỏi mà thành ra vô trí-thức.

Nhưng khi người vô trí-thức hoặc bị điên cuồng ấy đã bình-phục như thường rồi, thời sự giá-thú ấy không thể xin tiêu được nữa.

4°) Khi hai người lấy nhau là thân thuộc hay phối ngẫu của người thân thuộc vào hạng luật đã cấm không được kết hôn.

5°) Khi người đàn bà trước đã có chính thức giá-thú làm chánh-thất, kế thất, hay thứ-thất của một người khác mà chưa đoạn hôn;

6°) Khi người đàn bà ly-dị, bất cứ nguyên là chính-thất, kế-thất hay thứ-thất kể từ ngày có án ly-dị chưa đầy 10 tháng mà đã tái giá, hay là người đàn bà góa chồng chết chưa được 27 tháng mà đã tái giá;

7°) Người vợ chính mất chưa được một năm mà người chồng đã tái-thú người khác làm kế thất ;

8°) Khi chưa có vợ chính mà cưới vợ thứ ;

9°) Khi đã có vợ chính trước chưa đoạn hôn mà lại lấy người vợ chính khác.

Nếu người vợ lấy sau bằng lòng làm thứ-hất, thời tòa án xử về việc ấy, có thể vừa xử tiêu sự giá-thú chính-thất lần thứ hai đó, vừa xử đổi chính-thất lần thứ hai ấy làm thứ-thất.

Nếu người vợ lấy sau là vị-thành-niên, thời những người có tư cách đứng gã người vợ ấy phải bằng lòng cho đổi chính-thất làm thứ thất mới được.

Khi nào án tiêu hôn có xử đến việc chính-thất làm thứ-thất, thời sẽ chuyển giao một bản toàn sao án ấy cho hương-bộ để sao biên vào bên cạnh bản chứng thư giá-thú của người vợ cưới sau mà nay bị đổi làm thứ-thất, lại phải sao biên vào bản lưu chiếu tại phủ, huyện nha nữa.

10°) Khi kết hôn vào thời kỳ tang cha hay tang mẹ bên gái hoặc bên trai, trừ khi nào do quan cho phép thời không kể.

11°) Khi cưới vợ thứ mà vợ chính không thuận tình cho cưới, trừ ra khi nào có quan thủ-hiến bản tỉnh cho phép thời không kể.

Điều thứ 85. — Phàm các người có quan-thiết đều có quyền được xin tiêu việc giá-thú. Quan địa-phương sở-tại cũng có thể tự mình xét mà đòi tiêu.

Điều thứ 86. — Phàm việc giá-thú mà một bên vì lầm hay bị cưỡng-bức phải bằng lòng, thời có thể xin xử tiêu mà quan tòa cũng có thể xử tiêu được.

Chỉ khi nào có sự lầm người nọ ra người kia hay người đàn bà bị lừa về thứ bậc vợ chính vợ thứ, thời sự lầm ấy mới có thể làm duyên cớ để tiêu hôn.

Điều thứ 87. — Nếu người bị lầm hay bị cưỡng - bức mà kết hôn đã hơn 21 tuổi rồi, thời chỉ người ấy được xin tiêu hôn mà thôi.

Nếu người ấy chưa đầy 21 tuổi, thời quyền xin tiêu hôn là thuộc về các người có tư cách ưng thuận về việc giá-thú cho người vị thành-niên ấy.

Nếu trong 6 tháng sau khi đã phát xuất ra sự lầm lẫn ấy, hay là sau khi đã hết sự cưỡng-bức ấy mà không kêu xin, thời về sau cái sự xin tiêu hôn sẽ thành vô hiệu.

Điều thứ 88. — Khi nào sự giá - thú cần phải có cha mẹ, ông bà nội hay người giám hộ bằng lòng, mà đã không có sự bằng lòng của các người ấy, lại cũng không được phép của quan trên chuẩn cho, thời sự giá-thú ấy cũng có thể tiêu đi được.

Nhưng chỉ những người nào có tư - cách ưng thuận việc giá-thú ấy, mà khi giá - thú lại trái luật không hỏi xem người ấy có bằng lòng hay không, mới được xin tiêu sự giá-thú ấy.

Những người có quyền bằng lòng việc giá - thú có thể tỏ sự bằng lòng ra một cách công nhiên hay mặc nhiên cũng được. Nhưng sau khi đã biết có việc giá-thú ấy rồi mà để yên 6 tháng không nói gì, thời sự mặc nhiên ấy không thể tiêu hôn được nữa.

Người giám-hộ chỉ có thể được xin tiêu sự giá-thú của người nào thuộc quyền giám - hộ mình trong khi người ấy chưa đầy 21 tuổi tròn mà kết hôn không có sự thuận tình của mình.

Nếu người đàn bà đã có con hay đã có thai, thời không khi nào cha mẹ hay người giám - hộ thưa xin tiêu hôn được nữa.

Điều thứ 89. — Phàm có giá-thú mà sanh con, dầu sau có sự tiêu hôn, không cứ về duyên cớ gì, đứa con ấy vẫn là con chính đáng. Thuộc về quyền-lợi và nghĩa-vụ của cha mẹ và của những đứa con ấy cũng theo như lệ

định về sự ly-dị.

Sự thanh toán tài-sản của vợ chồng đã tiêu hôn thời cũng làm theo như thể-lệ về sự ly-dị.

Điều thứ 90. — Phàm án xử tiêu một việc giá-thú khi đã chung thẩm rồi, thời phải sao lực cho hương-bộ nơi đã đăng ký việc giá-thú ấy để bị-chú sự tiêu hôn vào bên cạnh chứng-thư giá-thú ấy trong quyển nhân-thế-bộ của mình giữ và bị-chú vào quyển bộ lưu chiểu tại phủ, huyện nha nữa.

TIẾT THỨ BA

Hiệu-lực của việc giá-thú

Điều thứ 91. — Phàm việc giá-thú đã khai với hương-bộ và đã đăng-ký vào sổ rồi tức là đã thành gia-thất.

Nghĩa vợ chồng phải cùng nhau làm cho gia-đình hưng-vượng, và cùng nhau lo toan việc nuôi nấng dạy dỗ con cái.

Điều thứ 92. — Vợ chồng phải cứu giúp lẫn nhau.

Chồng phải bảo hộ cho vợ chính, nếu có vợ thứ thời cũng phải bảo hộ nữa.

Người chồng phải trọng đãi vợ chính cho xứng với ngôi-thứ và địa-vị người ấy.

Vợ chính và vợ thứ phải thủ-tiết và phục tùng người chồng, vợ thứ lại phải kính trọng vợ chính.

Điều thứ 93. — Phàm đã làm lễ giá-thú, thời vợ chính, vợ thứ đều là người nhà chồng chứ không phải là người nhà mình nữa.

Vợ chính được ở và phải ở nhà chính của chồng.

Chồng có thể cho phép hoặc bắt vợ thứ phải ở riêng.

Bàn thờ gia tiên người chồng khi nào cũng đặt tại nhà chính tức là nhà người vợ chính được ở.

Điều thứ 94. — Chồng là người chủ trương gia-thất.

Điều thứ 95. — Chồng phải tùy theo tài-sản của mình mà chi-độ về sự cần-thiết của vợ chính và vợ thứ.

Điều thứ 96. — Phàm những việc của vợ chính và vợ thứ, đều do người chồng đứng thay mặt được cả, trừ khi nào vợ chính cùng vợ thứ bị truy-tố về việc hình không kể.

Chồng có thể cho phép vợ chính hoặc vợ thứ được tự chủ làm công việc, sự cho phép ấy phải cho rõ ràng và làm bằng giấy. Nhưng nếu không có giấy, cũng có khi tùy theo tình thế mà có thể coi như người vợ ấy đã được chồng cho phép một cách mặc-nhiên rồi.

Điều thứ 97. — Vợ chính và vợ thứ phải có chồng cho phép mới được thưa kiện, nhưng mà khi nào có việc tương-tranh của vợ chính hoặc vợ thứ cùng người chồng hay là khi nào người chồng không có tư cách thay mặt vợ chính hay vợ thứ được nữa, thời sẽ do quan tỉnh cho phép thưa kiện.

Khi nào vợ chính hay vợ thứ muốn kiện chồng, hay vợ chính và vợ thứ muốn kiện lẫn nhau, thời phải có quan thủ-hiến bản tỉnh cho phép mới được.

Sự cho phép ấy phải xin trước khi chưa kiện.

Về những việc ly-dị hay là về việc hình, thời không cần phải xin phép mới thưa kiện được.

Điều thứ 98. — Về mọi việc cần thiết trong gia-đình, vợ chính cũng được thay mặt gia-đình như là người chồng vậy.

Người chồng phải chịu trách nhiệm về công việc của người vợ làm, trừ khi nào người vợ làm điều gì mà quá cái quyền hạn của chồng đã cho hay là đã để cho một cách rõ ràng mà người ngoài đều biết.

Khi nào người vợ lạm dụng cái quyền thay mặt gia-đình hoặc không thể dùng cái quyền ấy được nữa, thời người chồng có thể thu hồi tất cả hoặc một phần cái quyền ấy và có thể dùng phương pháp gì thích hợp để công bố cho mọi người đều biết việc thu quyền ấy mà người vợ không thể trách được.

Điều thứ 99. — Khi nào đã có chồng thuận tình một cách công nhiên hay mặc nhiên thời vợ chính hay vợ thứ được phép làm một nghề-nghiệp. Nếu người chồng không thuận tình mà nghề-nghiệp ấy là có ích cho vợ chồng hay là có ích cho gia-đình, thời người vợ chính hay người vợ thứ sẽ được do quan tỉnh cho phép mà làm nghề-nghiệp ấy.

Điều thứ 100. — Phàm vợ chính và vợ thứ được chồng cho phép làm một công-nghệ hay thương-mại riêng, thời đều có quyền cho hợp đồng khế ước cần thiết về việc công-nghệ hay thương-mại ấy, và bắt buộc người chồng phải chịu trách-nhiệm về các việc công nghệ thương-mại ấy nữa, nếu chỉ đứng bán hàng lẽ của chồng thời không cho là thương-mại được. Khi nào người chồng bảo rằng người vợ lạm quyền, thời phải tự người chồng viện ra chứng cớ.

Điều thứ 101. — Nếu người chồng không đồng ký thơ khế hay không có giấy ưng thuận, thời người vợ không thể đem cho, đem cầm bán lưu chuyển, hay là tạo mãi một tài-sản gì hoặc có lấy tiền hay không cũng vậy.

Phàm thơ-khế khoán-ước gì do người vợ chính làm ra mà không có chồng cho phép, hễ người chồng hay những người thừa kế của người chồng có thưa, thời thơ-khế khoán ước ấy đều có thể tiêu hủy. Các người vợ thứ cũng vậy, khi nào làm thơ-khế khoán ước gì với ai thời phải có người chồng đồng ký hay là có giấy chồng ưng thuận mới có giá-trị là thay mặt gia-đình và vì ích-lợi cho gia-đình mà làm.

TIẾT THỨ TƯ

Định về tài - sản của vợ chồng

Điều thứ 102. — Về đường tài - sản của vợ chồng chỉ khi nào vợ chồng không có tùy ý lập ước riêng với nhau thời pháp - luật mới can thiệp đến ; lời ước riêng ấy cốt không trái với phong-hóa và không trái với quyền-lợi của người chồng, là người chủ-trương gia-thất.

Điều thứ 103. — Phàm lời ước riêng của vợ chồng phải làm bằng giấy trước khi khai, trước việc giá-thú, giấy ấy phải do lý - trưởng nhận thực, hoặc làm trước mặt viên quản lý thơ khế. Sau khi đã khai trước giá-thú rồi, thời lời ước riêng ấy không thể thay đổi điều gì nữa.

Phàm hôn-khoán của vợ chồng phải có những người có quyền ưng-thuận trong việc giá-thú thuân y.

Muốn cho điều khoản trong hôn khoán của vợ chồng đối với người có giá-trị và muốn cho hôn khoán ấy lâm thời có thể viện ra mà chống cãi với người ngoài, thời trong chứng-thơ giá-thú phải minh chú rằng việc giá-thú nầy có hôn khoán mà bản sao hôn khoán ấy lại phải đính theo chứng-thơ giá-thú mới được.

Ai muốn xin trích lục chứng thư giá-thú và lời ước riêng ấy, thời hương-bộ sẽ cấp phát cho.

Điều thứ 104. — Nếu hai vợ chồng không có ước riêng với nhau, thời cứ theo lệ « hợp nhất tài sản », nghĩa là bao nhiêu tài-sản hoa-lợi của chồng và của vợ đều hợp làm một mà chung nhau.

Những động-sản và bất-động-sản mà khi khai giá-thú nguyên là của một bên nào hay là những tài-sản nào mà trong khi lấy nhau bên nào mới được hưởng của thừa-kế, hoặc mới được ai tặng cho, thời tức là phần của bên ấy đem góp vào của chung ; trong lúc vợ chồng

lấy nhau mà chưa chiếu tính chia của, thời phần ấy vẫn là góp vào làm của chung hai vợ chồng.

Điều thứ 105. — Phàm kỷ phần của chồng, kỷ phần của vợ và những tài-sản gì mà hai vợ chồng đồng công tạo mại trong khi lấy nhau, cùng là những của gì của người vợ hoặc người chồng mới nhận được, bất cứ có phải mất tiền hay không, cùng là những hoa lợi về các hạng tài-sản ấy đều là của chung cả hai vợ chồng, trừ ra khi nào có lời ước của vợ chồng định khác thời không kể.

Điều thứ 106. — Chồng được quản-trị tài-sản chung. Còn vợ chỉ được tùy theo quyền hạn của mình được thay mặt trong gia-đình mà quản-trị tài-sản chung ấy.

Điều thứ 107. — Ngoài việc quản-trị thường, chồng và vợ muốn sử-dụng của chung phải cùng nhau đồng tình sử dụng hay là phải hai bên cùng bằng lòng mới được.

Tuy nhiên người chồng có thể sử dụng của chung về động-sản không cần phải vợ bằng lòng cũng được, miễn là dùng về việc có ích lợi cho công việc gia-đình thời thôi.

Điều thứ 108. — Khi nào người chồng bỏ không lo liệu việc nuôi nấng vợ con hay là tiêu tán các của chung, thời người vợ có thể xin quan xử án để cấm người chồng từ đây về sau không được sử dụng kỷ phần của người vợ, cùng những tài-sản dùng về nghệ-nghiệp riêng của người vợ, và một phần hay toàn phần những sản-vật của tay người vợ làm ra, lại truyền cho phép người vợ được đứng quản-trị, hưởng-thụ và có cần cũng được sử dụng các tài-sản ấy.

Muốn có hiệu-lực đối với người ngoài thời người vợ phải xin đem bản án ấy mà đăng vào hai tờ báo ở địa-hạt nào gần nhất, một tờ báo quốc-ngữ và một tờ báo chữ tây.

Điều thứ 109. — Trừ ra khi nào trong hôn-khoán vợ chồng có định cách khác thời không kể, của chung của

vợ chồng phải đảm nhiệm các món nợ sau nầy:

1°) Những nợ của vợ chồng đã vay trước khi giá-thú;

2°) Những nợ của chồng vay trong khi vợ chồng lấy nhau;

3°) Nợ của vợ thay mặt đoàn thể vợ chồng mà vay, và nợ có người chồng ưng thuận mà vợ đứng vay;

4°) Nợ của vợ vay để dùng vào nghề-nghiệp thường, việc thương-mại hay việc kỹ-nghệ;

5°) Những nợ do vợ hành vi trái phép mà sinh ra;

Điều thứ 110. — Khi nào bởi sự ly-dị mà đoạn hôn; nếu có con thời người vợ chính bị ly-hôn sẽ được một phần trong tài sản chung; phần ấy là một phần ba trong tài-sản chung, trừ ra khi nào người vợ vì sự phạm gian mà bị ly-dị, thời người vợ có tội ấy phải mất cả quyền lợi về tài-sản chung.

Nhưng chỉ khi nào trong hôn khoán không định rõ ràng khi nào đoạn hôn thời người vợ được lấy của kỷ phần về, hay là khi nào không có hôn khoán ấy mà người vợ phạm gian lại không hiệp sức làm một việc thương-mại kỹ-nghệ gì để góp thêm vào tài-sản chung, thời khi ly-dị mới phải mất tất cả quyền lợi về tài-sản chung ấy, nếu người vợ phạm gian có hiệp-sức làm việc để thêm vào tài-sản chung, thời khi ly-dị sẽ được một phần tư trong tài-sản chung ấy.

Nếu không có con thời người vợ ly-dị được lấy lại kỷ phần của mình còn hiện vật, và trừ kỷ phần của chồng ra rồi lại được chia lấy một nữa của chung.

Người vợ ly-dị vì phạm gian mà không có con, nếu cũng thuộc về tình-trạng như người vợ có con đã nói ở trên, thời bất cứ kỷ phần người vợ ấy là bao nhiêu, chỉ được lấy một phần tư trong tài-sản chung, nghĩa là đã trừ kỷ phần của người chồng ra rồi; còn khi nào có ước riêng khác thời không kể.

Nhưng mà bao giờ người vợ bị ly-dị cũng được lấy lại y phục và các đồ tư trang của mình.

Điều thứ 111. — Khi người chồng đã chết rồi mà người vợ chính góa chồng cứ thủ tiết, thời của chung vẫn để nguyên.

Khi ấy người vợ góa được thay mặt chồng mà quản-trị tài-sản chung.

Khi người vợ chính chết trước thời một mình người chồng là nghiệp - chủ tất cả tài-sản chung, gồm cả kỷ phần của người vợ ấy nữa.

Điều thứ 112. — Vợ thứ vẫn được giữ quyền nghiệp-chủ và được quản-trị, hưởng-thụ cùng sử-dụng tài - sản riêng của mình, người chồng không được trái ý người vợ thứ ấy mà sử dụng tài-sản ấy.

Điều thứ 113. — Theo lệ thông thường vợ thứ không phải trả nợ cho chồng. Nhưng khi nào nợ ấy do người chồng cùng người vợ thứ ấy đứng vay chung hay là khi nào nợ ấy vay để làm lợi cho vợ thứ, thời vợ thứ mới phải trả.

Còn nợ của vợ thứ, chỉ khi nào vay để tiêu dùng cho vợ chồng hay để làm lợi cho gia-đình, thời người chồng mới phải tra.

Điều thứ 114. — Khi nào người vợ thứ ở chung nhà với người chồng và vợ chính, thời những động-sản trong nhà ấy kể là của chồng và vợ chính, trừ ra khi nào có chứng cớ khác thời không kể.

CHƯƠNG THỨ BA

NÓI VỀ LY - DI

TIẾT THỨ NHẤT

Những duyên cớ ly - dị

Điều thứ 115. — Phàm vợ chồng đương còn sống, trước đã có lễ hôn-thú hợp phép mà sau ly-hôn, thời gọi

là ly-dị. Sự ly-hôn ấy phải do án hộ xử, và phải có những duyên cớ trong luật đã định.

Cấm người chồng không được tự để vợ, và để như vậy thời đối với pháp luật không có giá-trị gì.

Điều thứ 116. — Chỉ trong hai vợ chồng mới có thể người nọ xin ly-dị người kia. Hai vợ chồng cũng có thể cùng xin ly-dị nhau trong một lúc.

Điều thứ 117. — Chồng có thể xin ly-dị vợ vì những duyên cớ sau nầy :

1°) Vì vợ phạm-gian ;

2°) Vì vợ bỏ nhà chồng mà đi, tuy đã có lời biểu phải về mà sau hạn 15 ngày vẫn không chịu về ;

3°) Vì vợ thứ đánh, chưởi, bạo hành với vợ chính.

Sự « biểu phải trở về nhà chồng » đã nói ở khoản thứ hai trên nầy, thời người chồng có thể nói miệng hay làm ra giấy má có chứng cớ ấy.

Điều thứ 118. — Vợ có thể xin ly-dị chồng vì những duyên cớ sau nầy :

1°) Vì chồng quả không làm nghĩa vụ của mình mà tùy theo sức mình nuôi nấng vợ con ;

2°) Vì chồng bỏ nhà mà đi quá một năm không có duyên cớ gì chánh đáng, và không lo liệu việc nuôi nấng vợ con ;

3°) Vì không có duyên cớ chánh đáng mà chồng đuổi vợ chính ra khỏi nhà mình ;

4°) Vì làm trái trật-tự vợ chính và vợ thứ ;

5°) Nếu là vợ thứ, thời vì khi nào không có duyên cớ chánh đáng mà người chồng bỏ đi hơn một năm và lại không lo liệu việc nuôi nấng người vợ thứ và các con nó.

Điều thứ 119. — Những duyên cớ sau nầy thời hoặc người chồng, hoặc vợ chính hoặc vợ thứ đều có thể xin ly-dị được :

1°) Vì đối với mình hay đối với ông bà cha mẹ mình mà bạo hành, ngược đải hay chưởi rủa thậm tử ;

2°) Vì người chồng hay người vợ bị tội đại-hình ;

3°) Vì người vợ hay người chồng vô hạnh làm cho điếm nhục đến nỗi ở chung với nhau không thể chịu được.

Điều thứ 120. — Sau khi đã lấy nhau hai năm, hai vợ chồng có thể cùng nhau xin thuận tình ly-dị ; nếu cha mẹ là người ưng-thuận giá-thú hiện nay còn sống, thời khi ấy phải có cha mẹ thuận tình hai bên mới được ly-dị. Nhưng khi nào có duyên cớ chánh đáng thời tòa án cũng có thể xử cho ly-dị mà không cần có cha mẹ thuận tình.

Điều thứ 121. — Phàm đơn xin ly-dị, bất cứ vì duyên cớ gì, đều phải đệ lên trước tòa-án sơ-cấp nơi trú-quán người bị cáo.

Điều thứ 122. — Vợ có thể xin ly-dị chồng không cần phải xin phép ai trước.

TIẾT THỨ HAI

Thể-lệ tố-tụng về việc Ly-dị

Điều thứ 123. — Phàm xin ly-dị thời làm đơn do người nguyên-cáo phải tự mình đệ trình quan tòa sơ-cấp.

Trong đơn phải bày tỏ các duyên-cớ khiếu nại.

Điều thứ 124. — Quan tòa phải tùy nghi khuyên bảo thế nào để cho nguyên cáo thôi kiện đi, trừ ra khi nào đơn kiện có duyên cớ hệ trọng thời không kể.

Nếu người nguyên-cáo cứ nhất định xin kiện, thời trong hạn 15 ngày quan tòa đòi hai vợ chồng đến trước tòa để làm thời hòa-giải.

Lệnh đòi đến hòa-giải thời nên cố làm thế nào cho đến đích thân người đương-sự.

Điều thứ 125. — Đến nhật-kỳ đã định quan tòa sẽ thử

hòa-giải cho hai vợ chồng. Nếu hòa-giải không thành, quan tòa có thể truyền sẽ hòa-giải một lần nữa.

Nếu lần thứ nhất đã đòi đúng phép mà trong hai vợ chồng có một bên không đến hầu, thời thế nào cũng phải đòi lần thứ hai để thử làm hòa-giải.

Điều thứ 126. — Nếu chính người nguyên cáo đã không đến hầu lần đòi thứ nhất mà lần thứ hai đã đòi hợp phép lại không đến hầu nữa, thời sẽ cho là người ấy tự mình thôi kiện.

Điều thứ 127. — Nếu người bị cáo đã đòi hợp phép đến lần thứ hai mà không tuân theo nhật-kỳ đã định mà đến hầu, thời sẽ cho là người ấy không ưng hòa-giải.

Điều thứ 128. — Ngày hòa-giải lần sau phải cách ngày hòa-giải lần trước ít ra là 15 ngày mà lâu nhất là một tháng.

Mỗi lần hòa-giải bất cứ kết quả thế nào đều phải làm ra biên-bản có quan tòa ký vào và phải biên rõ về sự hòa-giải thành hay không thành, hay là người đương sự khuyết-tịch, nghĩa là một bên hay cả hai bện không đến hầu.

Điều thứ 129. — Nếu thử hòa-giải vẫn cứ bất thành, thời trong hạn một tháng quan tòa phải đòi cả hai vợ chồng mà xét xử.

Trát đòi thì phải giao cho đích thân người đương sự, trừ ra khi nào thật không thể giao được thời không kể.

Điều thứ 130. — Nếu đã đòi đúng phép mà người nguyên-cáo không đến hầu, cũng không có giấy cáo hoặc giấy xin triển, thời sẽ cho rằng người ấy tự mình muốn thôi việc kiện ấy đi. Khi ấy quan tòa sẽ làm một bản án truyền xóa việc ấy trong sổ-thọ-lý của tòa án.

Điều thứ 131. — Nếu người bị cáo không đến hầu như trường-hiệp đã nói ở điều trên, thời quan tòa có thể chiếu hiện tình mà xử ly-dị, nhưng khi ấy các duyên cớ do người nguyên-cáo khiếu nại phải có xác chứng mới được, nếu không thời phải sức điều tra.

Điều thứ 132. — Nếu bên bị cải rằng những điều mà bên nguyên thưa kiện nó là không đúng, thời tòa tất phải cứu xét.

Điều thứ 133. — Những sự thẩm cứu trong một việc kiện xin ly-dị, nếu có giấy má cần xét mà tòa-án đã sức xuất trình hoặc đã đòi yếu chứng và đã sức thi-hành các phương-pháp cần thiết, thời trong một tháng phải làm xong những sự thẩm cứu ấy.

Điều thứ 134. — Khi nào cuộc thẩm-vấn xét ra cần phải làm kín, thời quan tòa có thể xét hỏi và tuyên án trong phiên tòa kín mà không cho công chúng dự thính.

Điều thứ 135. — Sau khi đã kết liễu cuộc thẩm cứu rồi, thời chậm nhất là trong hạn 15 ngày, tòa-án phải làm án xử về việc kiện ấy.

Điều thứ 136. — Án nầy thời quan tòa phải theo thể-lệ tố-tụng về án hộ mà làm, nhưng khi án có xử ly-dị mà đã chung-thẩm rồi, thời quan tòa và lục-sự tòa sơ-cấp lại phải chiếu theo thể-lệ định ở điều 38 luật nầy mà tống-đạt nữa.

Điều thứ 137. — Sau khi quan tòa sơ-cấp đã thọ-lý đơn xin ly-dị thời có thể truyền cho thi-hành các phương-pháp tạm thời mà không can ngại đến sự xử đoán nhất định về vụ kiện ấy.

Quan tòa sẽ định chỗ ở cho hai bên vợ chồng trong khi đương thưa kiện nhau. Quan tòa sẽ tạm định về việc trông coi con cái, việc quản-trị tài-sản, và nếu cần lại tạm định cả số tiền cấp dưỡng nữa.

Điều thứ 138. — Trong một vụ kiện ly-dị, bất cứ lúc nào hễ hòa-giải xong hay là hai vợ chồng tự hành hòa-hợp với nhau, thời vụ kiện ấy tức là đình bãi.

TIẾT THỨ BA

Kết quả về sự ly-dị

Điều thứ 139. — Kể từ ngày án ly-dị đã chung-thẩm rồi, thời hiệu-lực của sự giá-thú đều tiêu-diệt.

Điều thứ 140. — Nếu là ly-dị người vợ chính thời người chồng có thể lấy người vợ chính khác.

Còn người vợ bị ly-dị có thể tái-giá làm chính-thất hay thứ-thất người khác cũng được, nhưng phải đợi đủ hạn 10 tháng, kể từ ngày án ly-dị đã chung-thẩm.

Điều thứ 141. — Phàm hai vợ chồng đã ly-dị nhau mà lại lấy nhau thời phải khai giá-thú lại với hương-bộ.

Khi đã lại lấy nhau như vậy, mà sau hai vợ chồng lại xin ly-dị lần nữa, thời bất cứ vì duyên cớ gì, tòa án cũng không chấp.

Điều thứ 142. — Nếu có cần thời án ly-dị phải xử về sự cấp dưỡng cho người vợ, về sự trông coi con cái và về quyền-lợi tài-sản của người vợ nữa.

Điều thứ 143. — Người vợ bị ly-dị, bất cứ trước là chính thất hay thứ thất mà đã được tiền cấp dưỡng, nếu tái-giá, hoặc đã cầu-hợp với ai, hoặc là tà dâm thời không được lãnh tiền cấp dưỡng nữa, nhưng về hai trường hiệp sau nầy phải có án xử đình sự cấp dưỡng thời mới sẽ thôi cấp dưỡng.

Điều thứ 144. — Sự trông coi con cái thời giao cho người cha, duy khi nào vì sự lợi ích cho con thời tòa-án mới truyền giao tất cả các đứa con hoặc một vài đứa cho người mẹ, hoặc cho một người đệ-tam đứng trông coi thời không kể. Khi nào những đứa con ấy đã tới 15 tuổi, nếu không có cớ gì ngăn trở, thời tùy ý chúng nó muốn ở với người cha hay ở với người mẹ, sẽ giao cho người ấy trông coi.

Điều thứ 145. — Khi nào không có con cái, thời sự chia tài-sản của hai vợ chồng ly-dị sẽ làm theo như cách thức đã định trong ước riêng của hai vợ chồng khi kết hôn.

Nếu khi trước không có ước riêng thời quyền-lợi của người vợ chính về tài-sản riêng của mình và tài-sản chung của vợ chồng sẽ theo điều 110 luật nầy mà làm.

Điều thứ 146. — Vợ thứ bị ly-dị thời không bao giờ được dự phần về tài-sản chung, chỉ được lấy lại tài-sản riêng của mình cùng y-phục và nữ-trang của mình mà thôi.

Điều thứ 147. — Khi nào án xử ly-dị vì lỗi tại người vợ, thời người vợ ấy phải điền hoàn những đồ vật mà trước kia nhà chồng đã làm lễ ước-hôn hay lễ thành-hôn, nếu đồ vật ấy người vợ có đem theo và hiện còn nguyên liệu.

Những đồ vật gì đã ăn uống tiêu tận trong trong khi làm lễ ước-hôn và lễ thành-hôn thời không phải trả lại nữa.

THIỆN THỨ VI

VỀ SỰ CHA CON

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Nói về con chính, nghĩa là con do người mẹ có giá-thú chánh-thức mà sinh ra

Điều thứ 148. — Phàm một đứa con nào do một người đàn bà có chính đáng hôn-thú bất cứ vợ chính hay vợ thứ, thụ thai trong thời kỳ vợ chồng đoàn tụ mà sanh ra, thời chồng người đàn bà ấy tức là cha đứa con ấy. Đứa con ấy gọi là con chính.

Điều thứ 149. — Khi nào sanh con sau khi thành hôn hơn 180 ngày hay là sau khi đoạn hôn chưa đến 300 ngày thời kể đứa con ấy thụ thai trong thời kỳ vợ chồng đoàn tụ.

Điều thứ 150. — Phàm người đàn bà nếu sau khi thành hôn chưa đủ 180 ngày mà sanh con, thời đứa con ấy cũng hẳn coi là con của chồng người đàn bà ấy, trừ khi nào người chồng kiện không nhận thời không kể.

Những trường-hợp như sau này thời người chồng không thể không nhận con được :

1°) Trước khi thành hôn người chồng đã biết rằng người đàn bà có thai rồi.

2°) Người chồng đã đến dự làm chứng-thư khai-sanh, hoặc có ký vào chứng-thư ấy, hoặc trong chứng-thư ấy đã biên rằng người chồng có khai là không biết ký tên.

Điều thứ. 151. — Về sự không nhận con phải có án xử mới được.

Phàm việc kiện không nhận con thời phải do tòa-án sơ-cấp nơi trú quán người mẹ và đứa con mà thưa người mẹ và đứa con ấy. Tòa-án sẽ đòi một mình người mẹ để người ấy vừa tự hành đối nại vừa bênh quyền-lợi cho đứa con. Nếu người mẹ không đến hầu hay không thể đến hầu trước tòa-án được, thời quan tòa sẽ làm lệnh mà tự chọn lấy một người bà con của người mẹ ấy để thay mặt đứa con trong việc kiện.

Điều thứ 152. — Người chồng muốn kiện không nhận đứa con của vợ mình đẻ ra, thời phải viện bằng chứng để tỏ ra rằng tự trước ngày đẻ là 300 ngày cho đến khi trước ngày đẻ là 180 ngày, mình không thể có ở chung với vợ mình được, hoặc vì xa cách nhau, hoặc do có phi thường gì hay là do tình trạng gì khác để tỏ ra một cách đích xác rằng đứa con ấy không phải con mình.

Điều thứ 153. — Nếu chỉ vì một cớ phạm gian mà

chồng kiện không nhận đứa con thời chưa đủ lẽ. Tuy nhiên, nếu sự phạm gian đã có chứng cớ rồi, mà lại có tình trạng tỏ ra rằng đứa bé ấy là không phải con người chồng, thời lời người chồng kiện không nhận đứa bé ấy sẽ có thể cho là phải lẽ.

Điều thứ 154. — Phàm khi đoạn-hôn đã cách ngoại 300 ngày mới sanh con, thời về sự công nhận đứa con ấy là con chính có thể bị tranh nại. Lại khi có đơn xin ly-dị, nếu hòa giải bất thành và hai vợ chồng cũng không chịu thôi kiện, đã có lệnh tòa-án cho phép hai vợ chồng ở riêng, mà kể từ lúc có lệnh ấy đã cách ngoại 300 ngày mới sanh con, thời cũng thế.

Điều thứ 155. — Khi nào người chồng kiện không nhận con, thời phải khởi-tố nội trong một tháng sau ngày đứa bé sanh mới được chuẩn-chấp. Nếu khi ấy người chồng đi vắng, thời hạn khởi-tố là hai tháng kể từ ngày người chồng về. Nếu khi đứa bé sanh, người vợ giấu chồng không cho biết, thời hạn khởi-tố cũng là hai tháng, khi đã phát xuất sự giấu ấy.

Nếu quá kỳ hạn đã nói ở trên mới khởi-tố thời quan tòa sẽ bác lời kêu.

Điều thứ 156. — Khi nào chưa hết hạn khởi-tố về việc không nhận con ấy mà người chồng mệnh một, hoặc thành ra vô-tri-thức, thời những người đồng thừa-kế với đứa bé ấy hoặc là người nào vì đứa bé ấy được công nhận làm con chính-thức mà đến nỗi làm cho người ấy mất quyền thừa-kế, đều có thể khởi-tố về việc ấy trong hạn 3 tháng, kể từ ngày người cha đứa bé ấy đã bị công nhận rằng không đủ tư-cách tự-trị hay mệnh-một làm đầu.

Điều thứ 157. — Nếu người chồng đã thừa nhận đứa bé một cách công-nhiên hay mặc-nhiên, thời việc kiện không nhận đứa bé sẽ không chuẩn-chấp nữa, cũng như khi đã quá hạn khởi-tố rồi, trừ khi nào người nguyên-

cáo đã đủ bằng chứng tỏ ra trước quan tòa rằng mình đã bị mắc lừa trót thừa nhận đứa bé, hay là trót quên kêu xin không nhận đứa bé làm con, thời không kể.

Điều thứ 158. — Trong án xử công-nhận việc kiện không nhận con là phải lẽ sẽ truyền xóa bỏ tên họ người chồng đã khai trong chứng-thư khai-sanh và cho đứa bé được lấy họ cha mà bắt nó cải lấy họ mẹ.

Điều thứ 159. — Khi án đã chung-thẩm, thời tòa-án sơ-cấp sẽ sao lục án ấy cho hương-bộ đã làm chứng-thư khai-sanh khi trước, để bị chú vào bên cạnh hai bản chứng thư khai-sanh phải cải chánh.

CHƯƠNG THỨ HAI

Bằng chứng về con chính

Điều thứ 160. — Muốn chứng rõ đứa con nào là con chính của ai thời lấy chứng-thư khai-sanh đã đăng-ký hợp lệ trong nhân-thế-bộ làm bằng, chứng-thư ấy đủ hoàn toàn làm tin, trừ ra khi nào có án chung-thẩm công-nhận và tuyên-bố rằng chứng-thư ấy là giả-mạo thời không kể.

Điều thứ 161. — Khi nào vì duyên cớ gì mà không thể xuất trình được chứng-thư khai-sanh, thời người ta cũng có thể lấy đích tình đứa bé ấy vẫn là con chính luôn luôn từ trước đến nay để thế giấy khai-sanh mà chứng minh được, nghĩa là có đủ bằng chứng tỏ ra rằng đứa bé ấy quả đích xác là con chính của hai người vợ chồng, mà chính đứa con ấy nhìn là con của hai người ấy hay là người ta nhìn đứa bé ấy là tự hai vợ chồng ấy sinh ra.

Điều thứ 162. — Gọi là « đích tình » nghĩa là phải gồm có các sự trạng tỏ ra rằng một người nào đối với một gia-đình nào có sự liên-lạc cha con và người ấy nhìn là thuộc về gia-đình ấy.

Những sự trạng cốt yếu ấy như sau nầy :

Người ấy vẫn đội họ người cha mà nhận rằng mình là do người cha ấy sinh ra.

Người cha vẫn đối đãi người ấy như con và vì lẽ lấy tư-cách làm cha nên đã lo liệu việc cấp dưỡng, việc giáo-dục và việc gầy dựng cho người ấy.

Đối với xã-hội người ta thường vẫn công nhận người ấy chính là con của người cha mà người ấy đã nhận làm cha.

Đối với gia tộc cũng công nhận như thế.

CHƯƠNG THỨ BA

Những con không do sự giá-thú chính-thức mà sanh ra, nghĩa là những con biệt tình (1)

Điều thứ 163. — Con biệt tình tức là con do cha mẹ nó không có giá-thú hợp phép mà sanh ra.

Khi nào người cha hoặc người mẹ có khai nhận đứa con biệt tình ấy là con mình trong giấy khai-sanh, thời cứ chiếu chứng-thư khai-sanh làm bằng là con biệt tình.

Điều thứ 164. — Nếu chỉ có một mình người cha hoặc một mình người mẹ khai nhận con, thời đứa con biệt tình ấy chỉ có thể là con người đứng khai nhận mà thôi.

Điều thứ 165. — Sau khi đã làm chứng-thư khai-sanh rồi người cha hay người mẹ mới làm giấy khai nhận con theo như thể-lệ điều 29-30 luật nầy, thời giấy khai nhận ấy cũng đủ làm bằng rằng đứa con ấy là con biệt tình người cha hoặc người mẹ đứng nhận.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Sự nhận con biệt tình làm con chính

Điều thứ 166. — Phàm con biệt tình mà cha mẹ nó

(1) Luật Bắckỳ thời dịch là « con hoang ».

trước đã khai nhận, đến sau cha mẹ nó lại có giá-thú hợp phép cùng nhau, thời đối với pháp luật, đứa con biệt tình ấy tự nhiên thành ra con chính.

Điều thứ 167. — Nếu khi trước cha mẹ đứa con biệt tình không khai nhận con mà sau cha mẹ lại có giá-thú chánh thức, thời cũng có thể công nhận thành con chính được, nhưng khi hai người cha mẹ ấy khai giá-thú thời phải khai nhận luôn đứa con ấy mới được.

Khi ấy chứng-thư giá-thú phải biên rõ lời hai vợ chồng cùng nhau nhìn nhận phân minh là cha mẹ đứa con ấy, mà họ tên tuổi, ngày đẻ, chỗ đẻ đứa con ấy phải kể cho rõ ràng. Trong việc nầy phải có giấy trích lục chứng-thư khai-sanh của đứa con ấy xuất trình với hương-bộ sở tại nơi giá-thú.

Điều thứ 168. — Sự công nhân làm con chính phải biên chú vào bên cạnh chứng-thư khai-sanh của đứa con ấy.

Điều thứ 169. — Nếu nơi gia-thú của cha mẹ đứa con được nhận làm con chính khác với nơi sanh ra đứa con ấy, thời người hương-bộ làm chứng-thư giá-thú ấy phải tuân chiếu thể lệ định ở điều 29 luật nầy mà chuyển đạt sự biên chú ấy.

Điều thứ 170. — Con biệt tình trước kia không do cha mẹ khai nhận, sau khi đã làm chứng-thư giá-thú của cha mẹ nó rồi, mới làm riêng giấy « khai nhận con » theo như thể lệ đã định ở điều 29 và 30, thời đứa con ấy cũng có thể thành ra con chính.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Sự tìm xét cha mẹ của con biệt tình

Điều thứ 171. — Phàm con biệt tình mà không phải do người mẹ loạn luân hay phạm gian mà sanh ra, thời trong những trường-hợp sau nầy, người mẹ có thể kêu

xin tòa án công nhận người cha đứa bé ấy là ai :

1°) Khi người đàn bà bị bắt đem đi hay bị cường-gian mà thời kỳ thụ-thai lại đứng vào kỳ bị bắt hay bị cường-gian ấy.

2) Khi người đàn bà bị người ta dùng mưu quỷ quyệt, dùng quyền áp-chế hay là dùng lời ước dối rằng sẽ làm lễ ước hôn hay lễ thành-hôn để quyến-dụ;

3°) Khi có thư từ giấy má gì của người đàn ông kia mà trong có lời lẽ tỏ ra rằng người ấy đã nhận rõ ràng rằng mình là cha đứa bé ấy;

4°) Trong thời-kỳ người đàn bà thụ thai theo như luật đã định, nghĩa là từ khoản 180 đến 300 ngày trước khi sanh con, mà người đàn ông kia cùng người đàn bà ấy có ăn ở với nhau một cách công nhiên;

5°) Khi người đàn ông đã lấy tư-cách làm cha mà gánh vác hay dự vào việc nuôi nấng và dạy dỗ đứa con ấy.

Điều thứ 172. — Những đơn kêu xin khai nhận cha, về những trường-hợp sau nầy thời tòa án không công nhận và lời xin ấy sẽ bị bác:

1°) Khi có chứng cớ rằng trong thời kỳ thụ thai theo luật đã định, nghĩa là từ 180 ngày cho tới 300 ngày trước khi sanh con, người mẹ ăn ở hoang tàng ai cũng biết hay là có tư thông với người nào khác nữa;

2°) Trong thời kỳ thụ thai đã nói ở trên, người đàn ông kia, vì sự xa cách hay vì sự bất kỳ hoặc vì duyên cớ gì khác không có thể cho rằng người đàn ông ấy là cha đứa bé được.

Điều thứ 173. — Người mẹ chỉ có thể đầu đơn xin tòa-án công nhận người nào là cha đứa con mình trong hạn 2 năm sau khi sanh đứa con ấy mà thôi.

Tuy nhiên, thuộc về những trường hợp đã nói ở đoạn thứ 4 và thứ năm điều 171, thời trong hạn 2 năm sau khi đã thôi sự ăn ở với nhau hay sau khi người đàn ông kia không dự vào việc nuôi dạy đứa con ấy nữa, người đàn

bà có thể đầu đơn xin tòa-án công nhận cha đứa con ấy được.

Điều thứ 174. — Thuộc về những việc đã nói ở các điều trên, thời dùng cách gì mà viện làm bằng chứng trước tòa-án cũng được.

Điều thứ 175. — Đơn kêu xin công nhận người nào làm cha đứa con biệt tình thời lấy người ấy làm bị cáo, khi người ấy chết rồi thời lấy những người thừa-kế của người ấy làm bị cáo.

Điều thứ 176. — Nếu trong lúc đứa con vị-thành-niên mà người mẹ không kiện xin tòa-án công nhận cha đứa con ấy là ai, thời đến khi đã thành-niên, đứa con ấy cũng có thể kêu xin tòa-án công nhận người nào là cha nó, nhưng chỉ trong hạn một năm sau khi đã thành-niên, và chỉ ở trong những trường-hợp đã định ở những đoạn thứ 3, thứ 4 và thứ 5 điều thứ 171 mới được.

Phàm con biệt tình nếu người mẹ không thừa nhận mà không phải do người mẹ loạn-luân hay phạm gian mà sanh ra, thời đến khi nó thành-niên trong hạn một năm kể từ ngày thành-niên làm đầu người con ấy cũng có thể kêu xin tòa-án công nhận người nào là mẹ nó được. Nhưng phải đủ bằng chứng để tỏ ra rằng nó chính là đứa con mà người đàn bà ấy đã đẻ ra nhằm vào thời-kỳ nó sinh.

Khi người mẹ ấy chết rồi, thời có thể làm đơn thưa những người thừa kế người mẹ ấy mà kêu xin tóa-án công nhận người ấy là mẹ nó.

Điều thứ 177. — Phàm những án công nhận người nào là cha hay là mẹ đứa con biệt tình cũng có hiệu lực như chứng-thư khai nhận con do cha mẹ thuận tình khai nhận.

Điều thứ 178. — Khi án đã chung-thẩm rồi, thời quan tòa sơ-cấp phải sao lục một bản án ấy cho hương-bộ nơi sinh đứa con để biên chú sự công nhận cha mẹ vào bên cạnh chứng-thư khai-sanh của đứa con ấy.

Hương-bộ phải biên-chú án ấy và chuyển trình để biên-chú vào cả hai bản sanh bộ; sau khi đã thi hành theo như thể-lệ trong điều luật nầy, thời hương-bộ phải trình quan tòa biết.

Điều thứ 179. — Án công nhận người nào là cha đứa con biệt tình có thể xử bắt người ấy phải chịu tổn-phí cho người mẹ đứa con ấy về sự sanh đẻ và về sự nuôi nấng đứa con ấy từ lúc mới sanh.

Nếu trước kia người cha có nhân tình với người mẹ mà ước hẹn rằng sẽ làm lễ giá thú hay là vì người mẹ ấy còn vị-thành-niên mà quyến dụ, thời lại có thể bắt người cha ấy phải chịu một số tiền bồi-thường tổn hại cho người mẹ ấy.

Điều thứ 180. — Tòa án bao giờ cũng phải tùy theo gia tư của người cha mà bắt chịu tiền cấp dưỡng cho đứa con.

Khoản tiền cấp dưỡng ấy tính cho đến ngày đứa con tới 18 tuổi mà bắt người cha ấy phải theo từng kỳ-hạn trong án đã định mà giao trước.

Nếu người cha nhận lấy đứa con mà nuôi và đối đãi như con chính của mình, thời có thể khỏi phải bắt chịu tiền cấp dưỡng ấy.

Điều thứ 181. — Con biệt tình thời lấy họ người cha hay họ người mẹ đã đứng khai nhận nó hay do tòa án đã bắt buộc phải nhận nó.

Nếu do cả người cha và người mẹ đều tự khai nhận thời đứa con biệt tình lấy họ người cha.

Điều thứ 182. — Con biệt tình đã được công nhận người nào là cha hay mẹ nó, thời đối với cha mẹ ấy phải chịu nghĩa-vụ như con chính mà quyền-lợi đại-khái cũng như con chính.

THIÊN THỨ VII

Nói về con nuôi

Điều thứ 183. — Phàm người nào hơn 30 tuổi chỉ cốt có tư-cách định ở các điều sau nầy có thể nuôi một người vị-thành-niên, bất cứ con trai hay con gái để làm con nuôi mình, nhưng phải do cha mẹ đẻ hay người có quyền quản cố đứa con ấy bằng lòng mới được.

Một người muốn nuôi nhiều người con nuôi cũng được.

Điều thứ 184. — Đàn ông có vợ mà nuôi con nuôi thời phải có vợ chính bằng lòng mới được.

Vợ chính nuôi con nuôi thời phải có chồng bằng lòng mới được.

Vợ thứ nuôi con nnôi thời phải có chồng và vợ chính bằng lòng mới được, trừ ra khi nào vợ thứ ở riêng thời chỉ có người chồng bằng lòng là đủ.

Điều thứ 185. — Vợ chính góa chồng cũng có thể nuôi con nuôi như điều 183 đã định. Vợ thứ góa chồng cũng được nuôi con nuôi, nhưng chiếu theo trường hiệp định ở đoạn cuối cùng điều 184 thời phải có vợ chính thuận tình mới được.

Điều thứ 186. — Sau khi đã ban bố luật nầy, phàm những sự nuôi con nuôi phải lập ra khoán-ước mới có giá-trị và có hiệu-lực định ở trong luật nầy.

Khoán-ước ấy phải làm trước mặt hương-bộ nơi trú-quán người đứng nuôi..

Người đứng nuôi và vợ chính người ấy, hay là người đàn bà đứng nuôi và chồng người ấy, cha mẹ đẻ đứa con nuôi hoặc người có quyền quản-cố nó, đều phải khai rõ ràng với hương-bộ rằng mình đã bằng lòng về sự nuôi con nuôi.

Nếu những người đã nói trên ấy biết chữ thời phải ký tên vào khoán-ước, không biết chữ thời phải in ngón

tay cái vào khoán-ước ấy.

Điều thứ 187. — Khoán-ước nuôi con nuôi phải làm thành ba bản, do lý-trưởng thị-thực, rồi giao cho người đứng nuôi một bản, cha mẹ đẻ hoặc người có quyền quản-cố đứa con một bản, còn bản thứ ba thời lưu chiếu tại công-hàm hương-bộ.

Điều thứ 188. — Nếu đứa con nuôi ấy trước kia cũng khai sanh tại bản xã, thời hương-bộ đã chứng thực khoán-ước nuôi con nuôi phải đem việc ấy mà biên chú vào bên cạnh chứng-thư khai-sanh của đứa con ấy đã làm từ trước. Bản sổ khai-sanh lưu chiếu tại nha phủ hay huyện, hương-bộ cũng phải trình lên để bị-chú như vậy. Nếu đứa con ấy trước đẻ tại làng khác, nay làm con nuôi tại một làng khác thời hương-bộ phải lập tức đệ một bản toàn sao khoán-ước ấy chuyển trình quan phủ hay huyện nơi sanh quán đứa con ấy, quan sẽ sức đem việc nuôi con nuôi ấy làm bị chú vào hai quyển sổ khai-sanh.

Điều thứ 189. — Người con nuôi bất cứ là bao nhiêu tuổi, sẽ thuộc về gia-tộc người đứng nuôi phải đội họ người đứng nuôi và để họ mình tiếp theo.

Nhưng dù người con nuôi đã đội họ người đứng nuôi nữa, việc thờ phụng của gia-tộc người đứng nuôi cũng không giao cho một mình người con nuôi ấy được.

Khi nào người đàn bà có chồng đứng nuôi con nuôi như điều 184 đã định thời đứa con nuôi ấy phải đội họ chồng người đàn bà ấy mà để họ mình tiếp theo.

Điều thứ 190. — Cấm người đứng nuôi và người con nuôi không được lấy nhau. Các lệ cấm giá-thú với thân thuộc thời đối với con nuôi cũng như con đẻ.

Điều thứ 191. — Người con nuôi đối với cha mẹ nuôi phải chịu các nghĩa-vụ và các phận-sự như con đẻ.

Tuy nhiên, con nuôi không bắt buộc phải phụng tự cha mẹ nuôi cùng tổ tiên cha mẹ nuôi, trừ khi nào người

đứng nuôi không phải là người thừa-tự mà lập con nuôi lên làm thừa-tự riêng cho mình thời không kể.

Điều thứ 192. — Cha nuôi hay mẹ nuôi phải trông nom cấp dưỡng cho con nuôi. Lại phải đối đãi con nuôi cũng như con đẻ.

Điều thứ 193. — Người con nuôi bất cứ bao nhiêu tuổi, nếu không do cha mẹ nuôi cho phép thời không được bỏ cha mẹ nuôi. Nếu người con nuôi không do cha mẹ nuôi cho phép mà tự bỏ đi, thời cha mẹ nuôi không bị buộc phải đem nó về mà nuôi nấng nó nữa, trừ ra khi nào đứa con nuôi ấy là vị thành-niên và cha mẹ đẻ của nó không biết là ai hay là thất-tích thời không kể.

Điều thứ 194. — Khi nào đứa con nuôi hạnh-kiểm không tốt mà không thể sửa đổi lại được nữa, nếu có biết cha mẹ đẻ nó là ai thời người đứng nuôi có thể đuổi nó về nhà cha mẹ nó. Khi ấy người đứng nuôi phải khai tại trước mặt hai người chứng và lý-trưởng cùng hương-bộ nơi trú quán mình rằng đã đuổi đứa con nuôi ấy về nhà cha mẹ nó rồi. Lý-trưởng tiếp khai phải làm biên-bản vi-bằng, và giao một bản sao biên bản ấy cho người đứng khai. Khi nào đứa con nuôi bỏ người đứng nuôi mà đi, mà người đứng nuôi cũng không ưng đem về nuôi nữa thời cũng phải làm như cách đã nói trên,

Khi lý-trưởng đã làm biên-bản ấy rồi, thời khoán-ước nuôi con nuôi sẽ coi như đã tiêu rồi và không có hiệu-lực gì nữa.

Hương-bộ phải chiếu theo thể-lệ đã định ở điều 188 để mà biên - chú sự tiêu khoán-ước nuôi con nuôi vào bên cạnh chứng-thư khai-sanh người con nuôi ấy, ở dưới những chỗ đã bị-chú việc nuôi con nuôi.

Về việc nầy thời lý - trưởng phải sao một bản biên bản vi - bằng về sự tiêu khoán - ước nuôi con nuôi mà ao cho hương-bộ nơi trú-quán người đứng nuôi.

Điều thứ 195. — Người con nuôi mà không được cha mẹ nuôi lập làm thừa-tự thời không có quyền-lợi gì về di-sản của cha mẹ nuôi. Nhưng cha mẹ nuôi có thể làm chúc-thư hay phân-thư mà cho đứa con nuôi ấy một phần trong tài-sản của mình. Khi cha mẹ nuôi mệnh-một mà không có phân-thư hay chúc-thư gì cho con nuôi một phần tài-sản, thời đến khi phân-sản hội-đồng gia-tộc có thể chia cho người con nuôi một phần trong của di sản, nhưng phần ấy không được quá một nửa phần con chính.

Người con nuôi không được quyền-lợi gì về di-sản của thân-thuộc người đứng nuôi.

Điều thứ 196. — Người con nuôi đối với cha mẹ đẻ mình vẫn phải có nghĩa-vụ như không đi làm con nuôi vậy, nhưng trước hết phải phục tùng cha mẹ nuôi.

Điều thứ 197. — Người con nuôi vẫn được giữ nguyên quyền-lợi thừa-kế gia-sản của cha mẹ đẻ mình.

Chỉ khi nào trong chúc-thư hay phân-thư của cha mẹ đẻ đã mệnh-một chia cho nó một phần kém thua thời nó mới phải chịu kém thua.

Điều thứ 198. — Nếu sau khi nuôi con nuôi lại sanh con trai, thời việc nuôi con nuôi vẫn không tiêu bỏ. Chỉ khi nào người con nuôi đã lập làm thừa-tự, thời hễ sau sanh con trai, người con nuôi không được đứng thừa-tự nữa. Khi ấy tuy người con nuôi không được đứng thừa-tự, nhưng vẫn được một phần trong di-sản cha mẹ nuôi như là con đẻ vậy.

Điều thứ 199. — Nếu người con nuôi đã lập làm thừa tự cho người đứng nuôi mà bỏ phận sự thờ-tự đi, thời có thể do thân thuộc cha mẹ nuôi thưa kiện mà bắt phải điền-hoàn tài-sản về việc phụng-tự cùng phần gia-sản đã được chia.

Điều thứ 200. — Nếu cha mẹ nuôi bỏ đứa con nuôi phải thiếu thốn những sự cần dùng, hoặc đối-đãi tàn nhẫn, thời tòa-án có thể tự mình, hoặc do thân thuộc

đứa con nuôi thưa kiện mà tuyên án xử cha mẹ nuôi mất quyền đứng nuôi và tiêu khoán-ước nuôi con nuôi.

Điều thứ 201. — Khi nào người con nuôi đương còn vị-thành-niên, thời án xử cha mẹ nuôi mất quyền đứng nuôi sẽ định về sự trông coi và bảo - dưỡng đứa con ấy.

Điều thứ 202. — Quan tòa phải truyền cho hương bộ và lý-trưởng sở-quan biên chú bản án ấy vào bên cạnh hai bản chứng-thư khai - sanh và bên cạnh khoán - ước làm con nuôi của đứa con ấy lưu tại công-hàm hàng xã.

Điều thứ 203. — Từ rày về sau không ai được giả làm khoán-ước con nuôi mà kỳ-thực thời đem bán con, vì sự bán con là một điều luật hình đã nghiêm - cấm và định phạt.

Nếu trong lúc làm khoán - ước nuôi con nuôi, người đứng nuôi có cho cha mẹ đẻ đứa con nuôi những tài vật gì hay một số tiền gì, đến sau dầu có tiêu việc nuôi con nuôi ấy, người đứng nuôi cũng không bao giờ được bắt cha mẹ đẻ đứa con nuôi ấy phải điền-hoàn.

THIÊN THỨ VIII

Quyền người gia - trưởng

Điều thứ 204. — Quyền chủ tể đối với tất cả người đồng cư trong nhà, là quyền của người gia-trưởng.

Quyền gia-trưởng ấy là đối với tất cả những người thân thuộc, phối ngẫu của những người thân thuộc cùng ở chung một gia-đình, bất cứ là thế thứ dưới mình hay ngang hàng với mình, lại đối với tất cả những người có quan hệ bởi khoán-ước, như là người hầu hạ, người học nghề, người thuyền thợ.

Điều thứ 205. — Dù con hay cháu, chính nó đã làm gia-

trưởng của gia-đình nó, cha hay là ông nội cũng được lấy ý-kiến và lời khuyên bảo mà cầm quyền về phương-diện luân-lý trong gia-đình của con hay là cháu.

Điều thứ 206. — Con cháu ở cùng nhà với cha mẹ ông bà nội, thời thuộc hẳn quyền người gia-trưởng.

Điều thứ 207. — Làm con thì suốt cả đời phải giữ lễ phép thuận thừa và cung kính đối với cha mẹ ông bà. Lại phải phụng dưỡng cha mẹ ông bà. Đạo hiếu cấm con cháu không được đem thưa cha mẹ ông bà tại trước tòa-án. Không có phép cha, thời con không được bỏ nhà mà đi.

Cha mẹ còn sống thời con phải thuộc quyền cha, và theo lẽ thông thường thời không được có tài-sản riêng; trừ khi đã thành-niên mà cha mẹ cho phép ở riêng một cách công-nhiên, hay mặc-nhiên hoặc khi đã được quyền tự lập mà có gia-thất riêng thời không kể.

Gặp một trường-hợp nào trong hai trường-hợp trên nầy thời đối với pháp luật sẽ dự đoán rằng tài-sản của người con hiện có, là của người ấy đã lấy công lấy của mà tạo-mãi ra và được làm nghiệp-chủ chánh đáng.

Điều thứ 208. — Cấm cha mẹ không được đem con cái đi cầm cố hoặc bán để trừ nợ. Phàm khoán ước như thế thời cho phi luân-lý và đối với pháp-luật không có hiệu lực gì.

Con cái vị thành-niên chưa được quyền tự-lập thời cha mẹ vẫn có thể cho người ta thuê mướn để làm công việc, nhưng không bao giờ được quá hạn 3 năm.

Điều thứ 209. — Quyền trừng giới của cha mẹ đối với con cái, chỉ được thi hành trong giới hạn cần thiết để giữ quyền gia-trưởng mà thôi.

Điều thứ 210. — Quyền cha được lấy cớ thậm bất bình về hạnh kiểm của con mà xin tống giam.

Quyền ấy sẽ thi hành theo như thể-lệ định ở trong điều 92 luật hình.

Điều thứ 211. — Cha mẹ hay người thân nhơn nào có quyền gia-trưởng xin giam con thời phải các tiền phí tổn về việc tống giam và cho ăn uống no đủ.

Điều thứ 212. — Không khi nào được giam đứa con ấy cùng với các tù thường phạm.

Điều thứ 213. — Nếu người nguyên-đơn hoặc đứa con xem ra có não bệnh, hay là nếu sự tốn giam có thể làm nguy hiểm cho sức mạnh đứa con thời quan tòa chiếu quyền xét đoán đã định trong điều 92 luật hình mà bác sự xin tống giam.

Điều thứ 214. — Cha mẹ phải bảo dưỡng giáo huấn con vị-thành-niên cùng là chủ-trương việc giáo dục, trông coi hạnh-kiểm và khuyên bảo cho biết điều hay lẽ phải. Cha mẹ phải tùy lực mình mà tự dạy học cho nó hay tùy tư chất của nó mà cho đi học.

Cha mẹ phải chịu trách nhiệm bồi thường về những sự hành-vi của con vị-thành-niên theo những trường-hợp định trong luật hình và luật nầy hoặc trong các DỤ Chỉ khác.

Điều thứ 215. — Khi nào người chồng mệnh-một, hay là hiện thất tung hoặc bị cấm quyền, thời người vợ chính được giữ quyền gia-trưởng đối với tất cả các con cái của chồng sinh ra, và tư cách cũng như người chồng vậy, trừ ra khi nào những đứa con vợ thứ ở riêng với mẹ chúng nó, thời quyền gia-trưởng sẽ thuộc về mẹ chúng nó.

Tuy nhiên, bất cứ mẹ đích hay mẹ sinh, muốn tống giam một đứa con nào thời tất phải có một người thân thuộc gần nhất về bên nội hiệp thỉnh mới được.

Điều thứ 216. — Quyền gia-trưởng được đối với tất cả con nuôi và con biệt tình đã khai nhận hợp phép.

THIÊN THỨ IX

Các hạng người không có tư-cách tự-trị (1)

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Vị-thành-niên và quyền giám-hộ

TIẾT THỨ NHẤT

Vị-thành-niên

Điều thứ 217. — Người vị-thành-niên là con trai hay con gái chưa đủ 21 tuổi tròn.

Điều thứ 218. — Tuổi thời tính theo dương-lịch và tính tự ngày, tháng, năm nầy đến ngày tháng ấy năm sau là một tuổi.

Điều thứ 219. — Ngày sanh đã biên ở trong chứng-thư khai-sanh, hay đã biên trong giấy chứng nhận khai-sanh tức là ngày thứ nhất của tuổi người sanh ấy. Tính từ ngày sanh trở đi, cứ mỗi năm, đến ngày ấy là tròn một tuổi.

Điều thứ 220. — Phàm người vị-thành-niên thời đối với pháp-luật không có tư-cách quản-trị tài-sản mình và tự-trị bản thân mình, trừ ra khi nào người vị-thành-niên được quyền tự-lập theo như thể-lệ sẽ nói ở chương thứ hai ở thiên nầy thời không kể.

TIẾT THỨ HAI

Quyền giám-hộ

Điều thứ 221. — Quyền giám-hộ là theo pháp-luật để bảo-hộ những con cái vị-thành-niên bồ côi cha hay là bồ côi cả cha và mẹ.

---

(1) Luật Bắc-kỳ thời dịch là « các hạng người vô tư cách ».

Mục-đích của quyền giám-hộ là để trông nom bản thân cho người vị-thành-niên, nếu người ấy có tài sản riêng, thời lại phải quản-trị tài sản cho nó nữa.

Điều thứ 222. — Khi người cha mệnh-một thời quyền giám-hộ của các con người cha đẻ ra cùng các con nuôi ở chung một gia-đình chính sẽ tự nhiên thuộc về người chính thất quả-phụ hiện còn sống.

Nếu có những con vị thành-niên do các vợ thứ sanh ra mà ở riêng từng gia-đình, thời con của người nào sẽ thuộc quyền giám-hộ người ấy.

Điều thứ 223. — Khi nào người mẹ đích mệnh-một hay cải giá thời những con cái do người thứ thất sanh ra, nguyên thuộc quyền giám-hộ mẹ đích, nay sẽ thuộc quyền giá-hộ mẹ sinh chúng nó. Khi nào người mẹ đích đã được phép từ chối quyền giám-hộ theo như điều 225 luật nầy hay là người mẹ đích bị truất quyền giám-hộ theo như điều 224 luật nầy thời con của người thứ thất nào sẽ do người thứ thất ấy giám-hộ cũng như trên.

Điều thứ 224. — Phàm những người quả phụ tái-giá, hoặc lấy ai mà không có hôn-thú chính thức hay là vô hạnh thời sẽ bị tuyên bố rằng bị truất quyền giám-hộ con cái của mình.

Nhưng mà chỉ khi nào có người cận thân bên nội của con cái đứng thưa, hay là khi nào quan tòa tự xét ra là cần giữ quyền lợi cho con cái ấy thời mới tuyên bố truất quyền giám-hộ của người mẹ. Trong những trường-hợp ấy đều phải hỏi ý kiến các người thân thuộc trong họ.

Điều thứ 225. — Người mẹ bao giờ cũng có thể xin từ chối quyền giám-hộ con cái mình, nhưng sự từ chối ấy phải có đơn trình với quan tòa sơ-cấp, quan sẽ truyền làm giấy má công nhận sự từ chối ấy và xem xét nên đặt người nào làm giám-hộ theo như luật đã định. Người giám-hộ ấy sẽ tùy theo trường-hiệp mà cầm quyền ấy.

TIẾT THỨ III

Quyền giám-hộ do người cha và người mẹ giao-phó

Điều thứ 226. — Phàm người quan-phu hay là người chánh thất quả phụ không tái-giá cũng không bị truất quyền giám-hộ đều có thể cử một người giám-hộ để sau khi mình mệnh-một thời trông nom cho con cái mình. Người giám-hộ ấy hoặc người bà con, hoặc người ngoài họ cũng được. Tuy nhiên quyền giám-hộ ấy chỉ được làm theo như chúc-thư hay là giấy có chứng thực và trong có điều khoản rõ ràng, trừ ra khi nào người chánh-thất quả-phụ mệnh-một hay tái-giá thời cứ chiếu điều 223 luật nầy, con người thứ thất nào vẫn nguyên thuộc quyền giám-hộ người thứ thất ấy.

TIẾT THỨ IV

Quyền giám-hộ của ông bà

Điều thứ 227. — Khi nào người cha hay người mẹ mất sau mà không cử người giám-hộ cho con vị thành-niên, như cách thức đã định ở điều trên, cũng như khi nào người mẹ góa từ chối quyền giám-hộ hay là bị truất quyền giám-hộ, nếu người vị-thành-niên ấy là con chính thời theo luật, quyền giám-hộ ấy sẽ tự nhiên thuộc về ông nội ; nếu không có ông nội thời thuộc về bà nội.

Điều thứ 228. — Trong các trường-hợp đã kể ở trên, nếu không có ông bà nội mà người anh cả đã thành-niên thời quyền giám-hộ tự nhiên thuộc về người anh ấy.

TIẾT THỨ V

Quyền giám-hộ do hội-đồng gia-tộc giao phó

Điều thứ 229. — Khi nào không có đặt người giám-hộ

theo như thể-lệ định ở điều 226 luật nầy, nếu không có ông bà nội cũng không có anh thành-niên để làm giám-hộ cho con chính vị-thành-niên thời hội-đồng gia-tộc phải lựa người mà giao-phó quyền giám-hộ.

Điều thứ 230. — Hội-đồng gia-tộc hoặc do thân-thuộc của người vị-thành-niên đứng xin chiêu tập; hoặc do người kỳ-mục thứ nhất tự ý chiêu tập, nếu không thời do lý-trưởng nơi trú-quán người vị-thành-niên tự ý chiêu tập; hoặc chỗ trú quán ấy là nơi sở-tại tòa-án sơ-cấp thời do quan tòa truyền chiêu tập.

Điều thứ 231. — Hội-đồng gia-tộc sẽ do người kỳ-mục thứ nhất hoặc lý-trưởng hay là quan tòa chủ-tọa.

Hội-đồng ấy tất phải có ít nữa là bốn người thân-thuộc về bên nội, đàn ông hay đàn bà cũng được, chọn trong những người họ gần và ở không xa nơi lập quyền giám-hộ.

Điều thứ 232. — Nếu không thể nhóm đủ số bốn người thân thuộc thời ông chủ-tọa hội-đồng gia-tộc sẽ chọn trong các người thông gia hay thân bằng của gia-tộc ấy, hay là những người đàn anh trong làng để nhóm hội.

Điều thứ 233. — Trừ ông chủ-tọa không kể, khi nào số hội-viên trong hội-đồng gia-tộc cũng không được quá sáu người; khi nào các người trong hội-đồng có hai ý kiến khác nhau mà số người về ý kiến bên nầy cũng bằng số người về ý kiến bên kia, thời ý kiến ông chủ-tọa về bện nào, bên ấy sẽ coi là thắng số.

Điều thứ 234. — Hội-đồng gia-tộc bàn định và cử người giám-hộ. Biên bản về sự bàn định ấy sẽ làm ra hai bản do ông chủ-tọa và các người hội viên ký tên, một bản thời giao cho người được cử làm giám-hộ, một bản thời đệ lên phòng lục-sự tòa-án sơ-cấp sở-tại để lưu-chiếu.

Điều thứ 235. — Những người đã tiếp lời chiêu tập để dự vào hội-đồng gia-tộc, nếu không có duyên cớ gì

chánh đáng mà không đến, thời sẽ phải trình với quan tòa sở tại và có thể bị phạt theo như điều 418 (tiết thứ hai) luật hình đã định.

TIẾT THỨ VI

Quyền giám - hộ những con biệt tình

Điều thứ 236. — Nếu cha mẹ đứa con biệt tình vị-thành-niên mệnh-một mà không chúc thơ hay có giấy nhận thực để đặt người giám - hộ cho chúng nó, thời quyền giám - hộ ấy tự nhiên là thuộc về những người anh đã thành - niên hay là theo thứ - tự trưởng ấu mà thuộc về một người lớn tuổi hơn.

Điều thứ 237. — Không có người anh đã thành - niên thời quyền giám-hộ thuộc về các anh rể (là chồng của chị). Nếu có nhiều anh rể thời nên lựa người nhiều tuổi càng tốt hơn.

Điều thứ 238. — Nếu không có anh ruột và anh rể thời sẽ do tòa - án sơ cấp chọn một người thân thuộc nào về bên họ người cha hoặc người mẹ đã đứng khai nhận con mà bằng lòng làm giám - hộ thời giao - phó quyền giám-hộ cho người ấy; nếu lựa được người chánh-hệ tôn thuộc thời càng hay hơn.

Điều thứ 239. — Khi nào trong các người anh ruột, anh rể của người vị-thành-niên đã có một người nhận làm giám-hộ cho người vị-thành-niên ấy rồi thời các người kia mới được từ khước, trừ khi nào có duyên cớ chánh đáng để từ khước như điều 245 tiết thứ VIII luật nầy thời không kể.

TIẾT THỨ VII

Quyền giám hộ những đứa con vô - thừa - nhận

Điều thứ 240. — Quyền giám - hộ những đứa con vị thành-niên mà vô-thừa-nhận thời do quan tòa sơ - cấp

hoặc tự mình hoặc do người nào thỉnh cầu mà đặt ra. Khi nào các đứa con ấy không thể giao cho một hội từ-thiện mà viên hội-trưởng hay viên quản-lý hội ấy đã nhận làm giám-hộ, thời quan tòa sẽ lựa người nào thuận tình và đủ tư-cách mà đặt làm giám-hộ.

Điều thứ 241. — Quan tòa sơ-cấp định đoán các việc thuộc về quyền giám-hộ những đứa bé vô-thừa-nhận ấy.

Sự định đoán ấy sẽ làm ra giấy má mà lưu chiểu ở công-hàm tòa án. Bản sao lời định đoán ấy sẽ giao cho người giám-hộ sở-quan.

TIẾT THỨ VIII

Duyên cớ được miễn làm giám-hộ

Điều thứ 242. — Phàm người giám-hộ đã do người cha hay người mẹ chọn lấy, thời chỉ khi nào là người ngoài họ đứa vị-thành-niên, hay là khi nào nhơn có duyên-cớ chánh đáng mới được từ chối việc làm giám-hộ.

Điều thứ 243. — Phàm ông bà nội cùng các anh đã thành niên chiếu luật phải làm giám-hộ thời không được từ chối.

Điều thứ 244. Người giám-hộ do hội-đồng gia-tộc đã cử ra, thời chỉ khi nào có duyên cớ gì chánh đáng mới được từ chối.

Điều thứ 245. — Chỉ có những duyên cớ sau nầy mới gọi là chánh đáng có thể viện ra để từ chối việc làm giám-hộ: đau ốm, tàng tật, nhiều tuổi, gánh nặng việc gia-đình, mắc việc công.

Nhiều tuổi là kể từ 60 tuổi trở đi mới được từ chối.

Điều thứ 246. — Người nào đã làm giám-hộ mà gặp có duyên cớ đã nói ở trên thời cũng có thể viện ra để xin thôi làm giám-hộ.

Điều thứ 247. — Những duyên cớ từ chối ấy phải trình bày với hội-hồng gia-tộc đã nhóm họp theo như thể lệ điều 230 và các điều tiếp theo trong luật nầy. Hội-đồng xét và thẩm-định. Nếu sự từ chối ấy được y cho thời hội-đồng sẽ cử một người giám-hộ khác.

Điều thứ 248. — Những người sau nầy không được làm giám-hộ hoặc làm hội-viên hội-đồng gia-tộc: người vị-thành-niên; người bị cấm quyền; người can án đại-hình như đã định trong điều 27 luật hình; người can án về tội ăn trộm, tội du đảng, tội bội-tín, tội khi-biển, tội giả-mạo; hoặc can án về tội trừng-trị định ở những điều 301, 303, 306, 307 luật hình.

Người nào đã được cử làm giám-hộ mà về sau can án đại-hình hoặc can án về một tội trừng-trị kể ở trên, khi đã có án chung thẩm rồi thời người giám-hộ sẽ vì sự bị tội ấy mà bị truất quyền giám hộ. Hội-đồng gia-tộc chiếu theo thể-lệ định ở điều 230 mà chiêu tập để cử một người giám-hộ khác.

Điều thứ 249. — Người nào chiếu luật buộc phải làm giám-hộ không có duyên cớ gì chánh đáng mà từ chối thời sẽ do tòa án sơ cấp nơi trú quán người ấy chiếu theo tội danh đã định trong DỤ số 53 ngày 6 tháng 6 năm Bảo-Đại thứ 11 (23-7-1936) mà xử phạt.

TIẾT THỨ IX

Sự thiệt-hành quyền giám-hộ

Điều thứ 250. — Người giám-hộ bất cứ đàn ông hay đàn bà phải trông coi người vị-thành-niên như cha mẹ đối với con.

Quyền gia-trưởng định ở điều 208 đến điều 211 luật nầy cũng đem thi-hành đối với người giám-hộ, chỉ trừ ra điều khoản định ở đoạn cuối cùng điều 215 thời không

thi-hành. Người giám-hộ được thay mặt đứa vị-thành niên và làm thế cho nó cùng đứng thay mặt nó trong tất cả các công việc về việc hộ.

Điều thứ 251. — Trong 10 ngày sau khi nhận việc, người giám-hộ phải tường với lý-trưởng làng sở-tại, nơi có tài-sản người vị-thành-niên, nếu ở thành-phố thời tường với trưởng phố, mà xin làm cho một tờ kê-biên và trị-giá tất cả bất-động-sản và động-sản của người vi-thành-niên.

Giấy kê biên ấy phải có nhận thực và làm ra ba bản, một bản giao cho người giám-hộ, còn hai bản lưu tại công hàm hàng xã, đợi sau nầy khi người thuộc quyền giám-hộ đã thành-niên hoặc được quyền tự - lập thời sẽ giao cho nó một bản.

Điều thứ 252. — Người giám-hộ phải nhận đảm những tài-sản của người vị-thành-niên mà cần phải quản-trị.

Trong khi làm giám - hộ thời không được mua, nhận cầm hay là nhận thuê các tài-sản của người thuộc quyền giám-hộ mình.

Nếu người thuộc quyền giám-hộ ấy là con chính mà không có hội đồng gia-tộc cho phép, thời người giám-hộ không được bán đoạn, bán lai thục, hay cầm cố những bất-động sản của người thuộc quyền giám-hộ mình hay là cho lập quyền địa-dịch về bất động-sản ấy.

Nếu người thuộc quyền giám-hộ là con biệt - tính mà đã có quan tòa lập người giám - hộ, thời nếu quan tòa không cho phép, người giám - hộ cũng không được làm những việc đã kể trên nầy.

Điều thứ 253. — Nếu người thuộc qnyền giám-hộ là con chính mà không có hội-đồng gia-tộc cho phép, nếu là con biệt-tính đã có quan tòa sơ cấp lập quyền giám-hộ mà không có quan tòa sơ - cấp ấy cho phép, thời người giám-hộ không được đi vay hay đi kiện cho người vị-thành-niên.

Điều thứ 254. — Phàm các thư khế do người vị-thành-niên đứng làm một mình thời đối với pháp luật không có giá-trị gì và không bắt buộc được nó. Còn những thư khế theo luật cần phải có hội-đồng gia-tộc hoặc quan tòa cho phép mà người giam-hộ không được phép lại tự tiện đứng làm, thời những thư khế ấy chỉ do một mình người giam-hộ phải lấy tài sản riêng của mình mà chịu trách nhiệm đối với người đệ tam có quan thiệp đến thư khế ấy mà thôi, chứ đối với đứa vị-thành-niên không có hiệu lực gì.

Điều thứ 255. — Người giám hộ phải vì người vị-thành-niên mà sử dụng hoa lợi của người ấy và phải tính toán cho phân minh.

Điều thứ 256. — Khi người thuộc quyền giảm-hộ đã thành-niên, hoặc đã được quyền tự lập, nếu người ấy là con chính thời người giám-hộ phải trình sổ sách tính toán về công việc quản trị tài-sản tại trước mặt hội-đồng gia tộc.

Nếu người thuộc quyền giám-hộ ấy là con biệt-tính và không có hội-đồng gia-tộc, thời sổ sách ấy do quan tòa sơ cấp kiểm soát.

Điều thứ 257. — Khi người thuộc quyền giám-hộ đã thành-niên, hoặc đã được quyền tự-lập, thời người giám-hộ phải giao lại cho nó tất cả gia-tài của nó mà mình đã quản trị.

Điều thứ 258. — Trong khi quản trị tài-sản ấy, nếu người giám-hộ vì dụng tình, hay vì trễ biếng mà sanh ra tổn hại thời người ấy phải chịu trách nhiệm.

Người thừa-kế của người giám-hộ phải lấy tài-sản mình mà chịu trách-nhiệm về công việc quản-trị của người giám-hộ ấy.

Tuy nhiên khi người thuộc quyền giám-hộ đã thành-niên, nếu người giám-hộ không chịu tính toán công việc quản trị tài-sản cho xong, thời trong hạn 5 năm kể từ

ngày đã thành-niên làm đầu, người thành-niên ấy được thưa với quan tòa mà xin tính toán tài-sản ấy; nếu người giám-hộ tính toán không được như ý người thành-niên, thời trong hạn 5 năm kể từ ngày tính toán xong làm đầu, người thành-niên ấy được thưa quan tòa. Quá kỳ hạn ấy thời đơn kiện người giám-hộ hay những người thừa-kế người ấy về sự quản-trị tài-sản sẽ thành ra vô hiệu và quan tòa sẽ bác đi.

Điều thứ 259. — Phàm người giám-hộ không thành-tín, không đủ sức làm hoặc ăn ở vô hạnh, vô luân-lý, thời có thể do hội-đồng gia-tộc hoặc do quan tòa sơ-cấp tự mình bãi truất đi. Nếu trong việc quản-trị tài-sản mà người giám-hộ có phạm tội gì đáng xử phạt thời lẽ cố nhiên là phải truy cứu và chiếu luật hình mà xử phạt.

Điều thứ 260. — Người giám-hộ bị truất hay là do người khác thay thế thời phải giao lại sổ sách tính toán cho người giám-hộ mới.

Khi người giám-hộ mệnh-một hoặc thất-tung như đã nói ở thiên thứ IV luật nầy (tự điều 58 đến điều 67) thời sẽ chọn người khác để thay chân giám-hộ theo như thể-lệ định về sự đặt người giám-hộ.

CHƯƠNG THỨ II

Sự được quyền tự-lập (1)

Điều thứ 261. — Khi nào giao cho người vị thành niên được tự chủ bản thân và hưởng dụng quản-trị tài sản của mình một cách có giới hạn, gọi là « cho được quyền tự lập ».

Khi nào người vị thành niên vì sự kết hôn mà có nhà ở riêng, cha mẹ nó cũng không ngăn trở điều gì, như thế

---

(1) Luật Bắc-Kỳ thời dịch là « Thoát-Quyền »

tức là đã cho phép nó được quyền tự lập một cách mặc-nhiên.

Điều thứ 262. — Trừ trường hiệp đã nói ở trên nầy, khi người vị-thành-niên đã đủ 18 tuổi tròn, thời cũng có thể do người cha, nếu không có cha thời do người mẹ, cho phép nó được quyền tự lập một cách công nhiên.

Điều thứ 263. — Khi nào người vị-thành-niên không có cha mẹ, nếu là con chính thời có thể do hội-đồng gia tộc theo lời người giám hộ trình xin mà cho được quyền tự lập, nếu là con biệt-tính thời có thể do quan tòa sơ-cấp cho phép.

Điều thứ 264. — Khi nào người cha, người mẹ cho con vị-thành-niên được quyền tự lập thời phải làm giấy có công chức thị-thực, trong giấy phải nói minh bạch, rồ đưa trình quan thẩm-phán sơ-cấp ở nơi trú-quán người vị-thành-niên.

Nếu hội-đồng gia-tộc cho phép được quyền tự lập thời phải đệ trình một bản biên-bản hội-nghị về sự cho được quyền tự lập ấy lên tòa sơ-cấp để lưu chiếu tại phòng lục-sự.

Điều thứ 265. — Nếu người vị-thành-niên đã được quyền tự lập mà tiêu pha lãng phí và ăn chơi phóng-túng quá chừng, thời sự cho được quyền tự lập ấy sẽ bị thâu hồi, trừ ra khi nào người vị-thành-niên nhơn kết hôn mà được quyền tự lập như trường hợp định ở điều 261 luật nầy thời không kể.

Sự thâu hồi quyền tự lập cũng theo cách thức như sự cho được quyền tự lập đã nói ở trên mà làm.

Kể từ ngày quyền tự lập đã bị thâu hồi thời người vị-thành-niên lại thuộc quyền giám-hộ cho đến lúc thành-niên.

Điều thứ 266. — Người vị-thành-niên được quyền tự lập phải có một người quản tài giúp đỡ, không có người

người quản tài dự vào thời người vị-thành-niên ấy không được vay nợ và không được cầm cố hay là sử dụng gì về bất-động-sản của mình.

Về sự thưa kiện và sử dụng động-sản thời người vị-thành-niên được quyền tự lập có thể tự làm một mình.

Điều thứ 267. — Người cha, hoặc người mẹ góa mà trước kia đã làm giám hộ cho con, nay con đã được quyền tự lập thời tự nhiên được làm quản tài cho con; nếu không có cha mẹ thời do hội-đồng gia-tộc hay là do quan tòa sơ-cấp đặt một người làm quản tài.

Người giám-hộ có thể đặt làm người quản tài cho người vị thành niên nguyên thuộc quyền giám-hộ mình mà nay được quyền tự lập.

Điều thứ 268. — Nếu người vị thành-niên được quyền tự lập có làm những khế ước gì mà phải chịu trách nhiệm một cách quá đáng thời tòa-án có thể cứ lời người quản tài xin, mà xử giảm bớt đi.

Tòa-án sơ-cấp lại có thể hoặc vì nguời quản-tài đon trình hoặc tự mình xét mà xử thâu hồi quyền tự lập, trừ ra khi nào người vị thành-niên vì kết hôn mà được quyền tự lập thời không kể.

Người vị thành-niên vì kết hôn mà được quyền tự lập, nếu nguyên không có người quản tài, thời chỉ khi nào có cần vay nợ hoặc cầm cố hay sự dụng bất-động-sản thòi khi ấy mới phải có người quản tài.

Điều thứ 269. — Những thư khế gì bắt buộc phải có người quản tài dự vào mà người vị-thành-niên được quyền tự lập lại tự làm một mình thời có thể do tòa án xử tiêu hay giảm bớt đi được.

Điều thứ 270. — Người vị thành-niên được quyền tự lập, làm sự thương-mại thời cũng coi như người đã thành-niên và có đủ tư cách để làm mọi việc thuộc về sự thương-mại ấy. Những khoán-ước của người ấy đều kể là khoán-ước thương-mại.

Điều thứ 271. — Người vị-thành niên vì kết hôn mà được quyền tự lập, sau nếu đoạn hôn, thời hiệu lực về sự quyền tự lập theo như pháp-luật vẫn cứ như trước.

CHƯƠNG THỨ III

Sự cấm quyền và những người bị não bệnh không bị cấm quyền

Điều thứ 272. — Người nào đủ 21 tuổi tròn tức là thành-niên và đủ tư cách đối với các việc hộ ; trừ ra khi nào tư cách ấy do luật giảm bớt đi, nhất là chiếu theo thể lệ những điều 204, 205, 206, 207 luật nầy.

Điều thứ 273. — Người nào thành-niên hay là được quyền tự lập mà thường thường si-ngốc, ngu-xuẩn hoặc điên cuồng, thời quan tòa có thể do người tl ân-thuộc, người vợ hay người chồng, hay là hương-chức, hay là quan tỉnh xin cấm quyền người ấy mà làm án xử người ấy phải bị cấm quyền, mà bị mất tư-cách đối với việc hộ, dù người ấy thỉnh-thoảng có một đôi khi minh tỉnh cũng vậy.

Điều thứ 274. — Giấy xin cấm quyền phải đệ trình lên Tòa-án Sơ-cấp nơi trú-quán của người bị cáo. Xin cấm quyền thời phải có giấy kê rõ sự thiệt, phải kể tên người chứng cùng xuất trình các giấy má.

Điều thứ 275. — Trước khi xử, Tòa-án phải xét cho rõ trí khôn của người bị xin cấm quyền.

Muốn làm như vậy, thời Tòa-an phải điều tra kỹ lưỡng, sức đòi đích thân người bị thưa là có si ngốc, ngu-xuẩn, điên cuồng đến tòa để xét hỏi, lại hỏi tất cả các người chứng và truyền do quan thầy thuốc xét nghiệm trí khôn người ấy thế nào.

Điều thứ 276. — Điều tra xong thời trong hạn 1 tháng là cùng, Tòa-án phải làm án.

Nếu có cần thời tòa-án bao giờ cũng có thể truyền thi hành các phương pháp tạm thời.

Điều thứ 277. — Bản sao hay bản trích-lục án xử cấm quyền sẽ đem niêm yết tại tòa-án và đình sở nơi trú-quán của người bị cấm quyền để công chúng đều biết sự cấm quyền ấy.

Điều thứ 278. — Người bị cấm quyền cùng một tình cảnh như người vị-thành-niên. Nếu không sẵn có người giám-hộ như luật đã định thời phải cử một người giám-hộ, theo như cách-thức và thể-lệ định về người vị-thành-niên.

Điều thứ 279. — Người vợ chính có thể do Hội-đồng gia-tộc cử làm giám-hộ cho người chồng bị cấm quyền.

Con cả đã thành-niên cũng có thể đặt làm giám-hộ cho cha bị cấm quyền.

Con-rể và anh em người bị cấm-quyền cũng có thể chọn làm giám-hộ cho người ấy.

Điều thứ 280. — Sự cấm-quyền có thể bải đi cũng theo như cách thức khi xử cấm-quyền mà làm.

Điều thứ 281. — Người giám-hộ phải trông coi người bị cấm quyền và nhất là phải giữ gìn cẩn-thận để chứng điên cuồng của người ấy đừng làm thiệt-hại đến người ngoài.

Điều thứ 282. — Người giám-hộ có quyền trông coi về bản thân và tài-sản của người bị cấm-quyền cũng như người giám-hộ trông coi về bãn thân và tài-sản của người vị-thành-niên, chỉ trừ ra quyền xin giam để trừng phạt mà thôi.

Nếu chứng điên cuồng của người bị cấm-quyền rất nguy hiểm mà không nên để cho người ấy tự do, thời người giám-hộ được xin quan hành chánh để đem nó vào giữ ở trong một nhà điên.

Người giám-hộ của người bị cấm quyền cũng cùng một chức trách như người giám-hộ của người vị-thành-niên vậy.

Nếu người bị cấm quyền có con vị-thành-niên mà đứa con ấy không có mẹ và ông bà nội, thời quyền giám-hộ đứa con ấy cũng thuộc về người giám-hộ của người bị cấm quyền.

Điều thứ 283. — Những thư-khế làm trước khi bị cấm quyền mà xét ra khi làm thư-khế ấy cái nguyên nhân bị cấm quyền đã có rồi, thời tòa-án có thể xử tiêu được.

Điều thứ 284. — Những người bị án khổ-sai chung thân hoặc khổ-sai có kỳ hạn, thời trong khi đương chịu tội phải mất quyền quản-trị tài-sản của mình.

Những án ấy khi đã chung thẩm rồi, tức là có hiệu-lực như một cái án xử cấm-quyền nói trong chương nầy.

Điều thứ 285. — Khi nào chưa có án xử cấm-quyền, nếu có đem người điên bỏ vào một công sở hay tư sở, thời phải làm ngay những phương-pháp tạm-thời để giữ quyền-lợi của người điên ấy.

Khi ấy hoặc thân-nhân người điên, hoặc chồng hay vợ người ấy, hoặc người chung vốn làm ăn với người ấy xin đặt người quản-lý hoặc do quan tòa sơ-cấp xét mà đặt người quản-lý để quản-cố bản thân và tài-sản của người bị bệnh điên.

Sự cử người quản-lý ấy sẽ do hội-đồng gia-tộc chiếu theo thể-lệ về sự đặt người giám-hộ người vị-thành-niên định ở điều 230 và các điều tiếp theo trong luật nầy mà làm.

Khi nào người bị bệnh điên có một người theo luật làm giám-hộ thời người nên cử làm quản-lý tức là người giám-hộ ấy.

Trong những trường hợp khác, sự cử người quản-lý

sẽ theo cách thức và thể lệ định về sự đặt quyền giám-hộ cho người vị-thành-niên.

Vợ chính của người điên hay là con cả đã thành-niên, con rễ, anh em của người ấy đều có thể đặt làm người quản-lý. Nếu không có thân thuộc thời sẽ chọn một người trong thông gia, bằng hữu hay người trong làng mà có thuận tình làm quản-lý ; hoặc khi cần thiết quan tòa sẽ tự mình xét mà đặt một người chức dịch sở tại ra làm.

Điều thứ 286. — Khi nào người bị bệnh điên có con vị-thành-niên, mà con ấy không có mẹ hay ông bà nội, thời quyền giám-hộ con ấy cũng thuộc về người đã chiếu luật làm quản-lý người điên ấy.

Điều thứ 287. — Nếu người điên bị giữ lại là một người thương-mại hay là có dự hội kỹ-nghệ hoặc canh-nông, thời quan tòa - án sơ - cấp bằng vào lời xin của người vợ, người chồng hoặc người đồng hội của người điên ấy mà cho người vợ người chồng hoặc người đồng hội ấy được giữ quyền giám đốc những việc tư hay việc hội.

Về trường hợp nầy người đồng hội, trong một năm ít nhất cũng phải một lần đưa trình bản kê biên tình hình tài-sản trong hội cho người quản lý của người điên do pháp luật đặt ra.

Người chồng hay người vợ, nếu không phải là người đã được theo luật đặt làm quản-lý của người điên thời cũng phải làm như thế.

Điều thứ 288. — Người quản - lý đã theo luật đặt ra được thay mặt người bị điên tất cả các việc hộ trong khi người điên ấy đương bị câu lưu.

Quyền hạn và chức vụ của người quản-lý đối với bản thân và tài-sản người bị điên cũng như quyền hạn và chức vụ của người giám-hộ đối với người vị-thành-niên,

Người quản-lý cũng phải bị kiểm cố và chịu chức trách như người giám-hộ vậy. Khi nào cần phải thay thế người quản-lý thời phải do hội - đồng gia - tộc chiếu như cách thức sự thay thế người giám-hộ mà làm. Những thể lệ định về duyên cớ có thể viện để từ chối quyền giám - hộ cũng thi hành về sự từ chối quyền quản-lý.

Điều thứ 289. — Người quản - lý do pháp - luật đặt ra phải dùng những sinh lợi trong tài - sản của người điên để làm những phương pháp gì cho người ấy đỡ khổ và hết sức lo chữa cho người ấy được khỏi, lại lâm thời cũng phải dùng những sinh lợi ấy để nuôi gia quyến người điên ấy nữa.

Khi người điên được tạm thả ra hay tự trốn ra, thời người quản-lý phải trông nom thế nào chỗ người điên ấy đừng làm việc gì hại đến quyền lợi của nó hay của người bình nhân khác, khi nó trốn ra thời phải đem nạp tại quan địa hạt nơi gần nhất. Hễ khi chứng điên nó đã lành thời phải lo liệu cho nó được hưởng ngay các quyền lợi của nó.

Điều thứ 290. — Khi người bị bệnh điên mà phải giữ lại trong nhà thương đã được thả ra hẳn, thời quyền hạn của người quản-lý phải đình chỉ ngay. Khi người điên được tạm thả hay trốn ra thời quyền - hạn người quản-lý vẫn cứ còn.

Điều thứ 291. — Những thư - khế gì do người điên không bị cấm quyền làm ra trong lúc nó bị câu-lưu mà không có người quản - lý dự vào thời cho là vô hiệu. Những thư-khế ấy có thể do người quản-lý hay người bị điên đã lành rồi nài xin kể là vô hiệu, trừ ra khi nào người điên sau khi lành bệnh đã có công nhiên hay mặc nhiên thừa nhận thư-khế ấy rồi thời không kể.

Những thư-khế gì mà người điên làm ra ngoài chỗ nó bị câu-lưu, hoặc khi cho đem nó về nhà, hoặc khi được tạm thả ra, hoặc khi nó tự trốn ra, nếu tòa-án xét ra

rằng những thư-khế ấy là phải lẽ và làm ra trong lúc nó tỉnh, thời thơ khế ấy cũng có thể xử cho là có giá-trị.

Những thể-lệ nầy cũng đem thi hành cho những người bệnh điên chữa tại nhà riêng và có theo luật đặt quản-lý.

THIÊN THỨ X

Pháp-nhân nghĩa là người vô hình

Điều thứ 292. — Tư-cách pháp-nhân là để giao-phó cho những đoàn-thể được hưởng tư-cách về việc hộ cũng như cá nhân vậy, chỉ trừ một vài điều phải trừ ra mà thôi.

Ở quốc cảnh Trung-Kỳ ta những đoàn thể sau nầy đều có tư-cách pháp-nhân và được hưởng tư cách về việc hộ, nhưng phải chiếu theo thể-lệ phải định ở sau.

1°) Nhà Nước ;
2°) Các tỉnh ;
3°) Các thị xã ;
4°) Các làng ;
5°) Các phường hay phố ;
6°) Các thôn, các ấp ;
7°) Các giáp (tức là nhiều nhà hợp lại có quyền lợi chung với nhau, nhất là về việc tế tự ;
8°) Các xóm (tức là nhiều nhà hợp lại vì tình lân cận và sự tế tự) ;
9°) Những hội đã được phép lập ra ;
10°) Những hội thương mại đã thành lập hợp lệ.

Trong những thành phố nào đã do nghị-định quan Khâm Sứ Trung-Kỳ lập ra thị xã thời những phường hay phố thuộc về thị-xã ấy cũng được hưởng tư cách pháp nhân như các làng, nhưng chỉ ở trong phạm vi về sự tổ chức định trong nghị-định lập thị-xã ấy.

Những thôn ấp, giáp và xóm thời chỉ khi nào có nghị-định Bộ Lại cho mới có tư cách pháp-nhân.

Điều thứ 293. — Những pháp nhân đều được hưởng quyền lợi cùng chịu chức trách như cá nhân, trừ ra những cái gì tự nhiên thuộc về cá-nhân như là đàn ông, đàn bà, nhiều tuổi, ít tuổi, thân-thích họ hàng, v. v. . . thời không kể.

Hễ có đặt ra người trị-sự do pháp luật hoặc phong tục đã công nhận cho, thời các pháp nhân cũng được hưởng hành các quyền lợi về việc hộ.

Điều thứ 294. — Ý kiến của một pháp nhân nào sẽ do người trị sự của pháp nhân ấy tỏ bày ra.

Pháp nhân phải chịu trách nhiệm về các hành vi của người trị sự của mình đối với pháp luật.

Điều thứ 295. — Các làng thời có hội đồng kỳ mục thay mặt. Hội đồng ấy là chiếu theo thể-lệ hiện hành mà đặt ra.

Điều thứ 296. — Các làng có thể chiếm hữu, đứng mua, làm sở hữu chủ của các động sản và bất động sản (đình, chùa, miếu, vũ, ruộng, đất), thâu nhận những của tặng cúng.

Phàm các làng vay mượn tiền bạc, phát mại tài sản, và đại để lập những khoán ước gì sinh ra trách nhiệm về tiền tài thời tất phải có quan tỉnh thương đồng với quan Trú Sứ cho phép mới được, nếu giá bạc quá 500$00 thời phải Lại Bộ Đại Thần thương đồng qui Khâm-Sứ đại thần cho phép mới được.

Các làng cũng có thể thưa kiện tại tòa án nhưng phải tùy theo trường hiệp hoặc do tỉnh hoặc do Bộ cho phép trước cũng như về sự khế ước đã nói ở trên.

Các làng muốn thưa kiện hay đối nại trước tòa án tây thời phải có Lại-Bộ Đại Thần thương đồng qui Khâm-Sứ Đại Thần cho phép trước mới được.

Bất cứ trường-hợp nào Lại Bộ Đại-thần và quí Khâm-Sứ Đại-thần đều có thể chấp đơn các làng xin phép đi thưa hay đi hầu kiện, và khi nào xét ra quan tỉnh không cho phép làng là không hiệp thời quan Lại-Bộ Đại-thần và quan Khâm-Sứ Đại-thần có thể cho phép.

Những việc điều đình cũng phải có cho phép trước như các cách thức đã nói ở các đoạn trên mới có giá-trị.

Điều thứ 297. — Lý-trưởng hay nếu không có Lý-trưởng thời phó-lý sẽ được đứng thay mặt làng ở trước tòa án.

Điều thứ 298. — Những thôn, ấp, giáp và xóm đã có quyền hành-chánh công-nhận là pháp-nhơn thời sẽ do các thôn-trưởng, giáp-trưởng, ấp-trưởng và lân-trưởng đã theo tục-lệ mà đặt ra đứng thay mặt trong các việc hộ.

Những đoàn-thể ấy cũng có thể chiếm hữu, đứng mua. thâu nhận những của tặng cúng và chịu chức trách về việc tế tự.

Những đoàn-thể ấy được thưa kiện trước tòa án về tài-sản riêng của mình nhưng phải có quyền hành chánh cho phép cũng như các làng mới được.

Điều thứ 299. — Hội là do hai người hay nhiều người giao ước mà thường xuyên hợp trí, hợp lực với nhau để làm một việc gì mà không phải là mục đích để phân lợi. Không nên lẫn các hội thường với các hội thương mại.

Điều thứ 300. — Trong khi chưa có lệnh khác thời những hội lập ra như câu giải nghĩa ở trên phải tuân

theo DỤ số 76 ngày 13 tháng 8 năm Bảo-Đại thứ 8 (2 octobre 1933).

Khi nào hội đã được phép lập ra thời sau khi lập hội một năm, hội ấy sẽ được hưởng tư-cách về hộ-vụ như đã định rõ trong DỤ 76 nói ở trên.

Những hội gì tánh cách và mục đích thuộc về tôn giáo do dân ta lập ra mà không có người ngoại quốc dự hội và đã được cho phép thời phải tuân theo thể lệ DỤ ấy.

Điều thứ 301. — Những hội gì mà mục đích để làm sinh lợi nghĩa là thương-mãi thời sẽ qui định ở sau theo điều khoản thuộc về khoán ước lập hội trong luật nầy.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

QUYỂN THỨ NHÌ

Nói về việc thừa-kế

THIÊN THỨ I

Việc thừa-kế thường

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Điều khoản chung

Điều thứ 302. — Của thừa-kế truyền lại cho ai thời tùy ý người mệnh-một có của ấy đã theo những điều luật chung thứ hai thiên nầy mà chỉ định.

Nếu người mệnh-một không tỏ ý thế nào thời của thừa-kế ấy sẽ qui-định như thể-lệ chương thứ ba thiên nầy đã làm theo tình-tục.

Về trường-hiệp thứ nhất thời gọi là thừa-kế có chúc-thư, vì thừa-kế ấy sẽ qui-định theo như các điều khoản trong chúc-thư do ý nguyện người mệnh-một làm ra. Về trường-hiệp thứ hai thời gọi thừa-kế do pháp-luật qui-định hay thừa-kế không có chúc-thư, vì rằng không có chúc thư thời phải do pháp-luật qui-định.

Điều thứ 303. — Tài-sản của người mệnh-một thành ra di-sản là kể từ ngày người ấy mới mệnh-một và tại

nơi trú-quán cuối cùng của người ấy theo như điều 51 luật nầy đã định, hay là nếu không biết trú quán là nơi nào thời cứ kể tại nơi ngụ sở cuối cùng người ấy.

Điều thứ 304. — Khi nào có nhiều người cùng chết trong một sự tai biến gì, trong những người chết ấy có người nọ được di-sản của người kia mà không biết ai chết trước, thời người ta sẽ tùy sự dự-đoán mà kể rằng ai chết trước ai chết sau.

Sự dự-đoán ấy là do quan tòa tùy theo tình-trạng mà thẩm-định, nếu không, thời tùy theo sức mạnh hay yếu, tuổi nhiều hay ít, đàn ông hay đàn bà để dự đoán người nào chết trước người nào chết sau.

Điều thứ 305. — Chỉ những người hiện còn sống mà không bị tuyên-cáo là không xứng đáng thời mới được hưởng phần di-sản mà thôi.

Chỉ người nào hiện thành kiếp người tại khi người có của chết đi, thời mới được thừa-hưởng di-sản người ấy.

Những người sau nầy thời không được hưởng di-sản :

1·) Người nào chưa thành thai trong khi người có của chết đi ;

2·) Người nào sanh ra mà chết ngay ;

3·) Người nào đã bị truất quyền hưởng di-sản, hiện có chứng-thư hoặc làm trước mặt viên quản-lý thơ khế hoặc do lý-trưởng hay công-chức nào đại-hành chức vụ lý trưởng đứng thị thực.

Điều thứ 306. — Những người sau nầy sẽ kể là không xứng đáng hưởng di-sản và bị truất quyền được hưởng di-sản :

1·) Người nào đã do người mệnh-một có chúc-thư để lại nói rõ là người ấy không xứng đáng hưởng phần di-sản ;

2·) Người nào đã xâm phạm đến tính - mệnh người mệnh-một, dù là chánh phạm, đồng phạm hay tùng phạm cũng vậy ;

3·) Người nào đã cố ý ẩu-thương người mệnh-một hoặc ông bà cha mẹ người mệnh-một ;

4·) Người thừa-kế đã thành - niên, có biết sự cố - sát người mệnh-một mà lại không tố-giác với quan.

Nhưng đối với những người sau nầy thời không thể lấy cớ không tố-giác ấy mà không cho hưởng phần di-sản được : ông bà cha mẹ cùng con cháu của người phạm tội cố sát, người phối ngẫu đồng hàng với người ấy, chồng hoặc vợ chính, vợ thứ người ấy, các anh em chị em ruột người ấy, chú, bác, cậu, cô, thím, dì, cháu trai, cháu gái người ấy.

5·) Người nào đã vu cáo người mệnh - một, hoặc ông bà cha mẹ người mệnh-một, mà sự vu-cáo ấy đã bị phạt về tội đại-hình hay tội trừng-trị.

Điều thứ 307. — Người không xứng đáng hay người bị truất thời không bao giờ cho là được hưởng di-sản. Những di-sản đáng lẽ là thuộc về hai hạng người ấy thời trao sang cho con cái những người ấy ; những con cái ấy không vì cớ cha mẹ chúng nó có lỗi mà bị loại ra, trừ khi nào chính những con cái ấy cũng bị tuyên cáo là không xứng đáng hay cũng bị truất thời không kể.

Người thừa-kế nào đã bị tuyên cáo là không xứng đáng thời phải hoàn lại tất cả hoa - lợi cùng lợi - tức mà người ấy đã vì lòng gian mà hưởng thụ từ khi người có của chết đi.

Nếu người vị tuyên cáo là không xứng đáng hoặc bị truất mà không có con cái thời phần di-sản nguyên những người ấy đáng được hưởng sẽ về phần các người thừa-kế khác.

Điều thứ 308. — Trừ ra những con cháu trai trực - hệ người mệnh - một, hoặc vợ hay chồng người ấy thời không kể, còn ngoài ra không ai bị bắt buộc phải nhận di-sản của người nào.

Điều thứ 309. — Sự từ chối hưởng phần di-sản không thể phỏng đoán được; người từ chối phải đến khai trình với quan tòa sơ-cấp sở tại nơi người có của chết đi.

Quan tòa sẽ khiến Lục-sự làm giấy vi-bằng về việc ấy.

Điều thứ 310. — Người thừa-kế đã từ chối thời cho là không hưởng di-sản bao giờ. Chỉ người nào chưa hề nhận lấy và sử-dụng phần di-sản thời sự từ chối mới có hiệu-lực.

Điều thứ 311. — Bất cứ trường-hợp nào, kể từ khi người thừa-kế đã biết người có của chết đi mà trong hạn một năm không từ chối thời sau không được từ chối nữa.

CHƯƠNG THỨ HAI

Nói về thừa-kế có chúc-thư

Điều thứ 312. — Người cha được lập ra chúc-thư để xử trí tài sản của gia-đình mình tùy theo ý mình, nhưng phải có vợ chính mình thuận tình và phải giữ quyền lợi cho vợ chính ấy, và nếu chính mình là thừa-tự thời lại phải trao của hương-hỏa để lưu truyền việc phụng-tự tổ tiên cho người thừa-tự khác theo luật định.

Trừ tài-sản riêng của người vợ chính ra thời người chồng được làm chúc-thư để xử trí tài-sản của gia-đình tùy theo ý mình, không có vợ chính thuận tình cũng được.

Điều thứ 313. — Trừ những trường-hợp đã nói ở điều trên, người nào đã thành-niên, hoặc đã được quyền tự-lập mà có đủ trí khôn, thời đều có tư-cách được làm chúc-thư và dùng chúc-thư để xử trí về tất cả tài-sản của mình.

Tuy nhiên vợ chính vợ thứ trong khi đương có chồng phải do chồng thuận tình mới lập chúc-thư để xử trí về tài-sản riêng của mình được.

Điều thứ 314. — Người lập chúc-thư có thể truất quyền một người hay nhiều người trong các người thừa-kế.

Sự truất ấy phải có giấy nói rồ ràng. Giấy ấy do viên quản-lý thơ-khế làm ra, hoặc do lý-trưởng hay công-chức nào đại-hành chức-vụ lý-trưởng ở nơi trú-sở người lập chúc-thư thị thực.

Giấy truất quyền có thị thực ấy phải có chữ ký của những người thừa-kế hiện diện và những người thân thuộc tôn-trưởng thị thành, thời mới có giá-trị.

Điều thứ 315. — Chúc-thư thời phải làm giấy tờ, hoặc do viên quản-lý thơ-khế làm ra hoặc có công-chức thị thực.

Điều thứ 316. — Chúc-thư có công-chức thị thực thời phải tự người lập chúc-thư viết ra, hay đọc ra để người khác viết hộ cho, tại trước mặt lý-trưởng nơi trú-quán người lập chức-thư ấy, nếu ở xa không về trú-quán được thời chúc-thư ấy sẽ làm tại trước mặt lý-trưởng nơi hiện ở của người lập chúc-thư ấy.

Khi lý-trưởng thị thực chúc-thư ấy thời phải có hai người chứng đã thành-niên dự vào, hai người chứng ấy phải chọn những người không phải là người được hưởng nhận tài-sản hay được thừa-kế.

Điều thứ 317. — Chúc-thư phải biên rõ ngày, tháng, năm. Phải biên cả tên, họ, tuổi và trú-quán các người chứng. Chúc-thư đã làm xong rồi phải do lý-trưởng đọc to tiếng cho mọi người nghe, rồi lý-trưởng, người lập chúc-thư và các người chứng đều ký vào, nếu chúc-thư ấy do một người khác viết hộ, thời lại phải có người viết hộ ký tên nữa.

Nếu người lập chúc-thư không biết chữ, thời trong hai người chứng ít ra cũng phải có một người biết đọc và biết viết. Người lập chúc-thư hay người chứng không biết chữ ấy sẽ phải in dấu ngón tay vào. Gặp trường

hợp nầy thời lý-trưởng hay công-chức nào đại-hành chức-vụ lý-trưởng phải chua vào chúc-thư rằng vì những người ấy không biết ký nên phải in dấu ngón tay.

Điều thứ 318. — Người thừa-kế và người được hưởng nhận tài-sản hiện ở địa-điểm sở tại nơi lập chúc-thư thời phải gọi đến dự tri.

Điều thứ 319. — Chúc-thư có thị thực phải chiếu có bao nhiêu người thừa-kế hoặc người được hưởng nhận tài-sản thời làm ra bấy nhiêu bản chính để giao cho mỗi người một bản.

Tuy nhiên khi tờ chúc-thư nào tự tay người lập chúc-thư viết ra mà tự-dạng ấy không ai bảo là giả, thời tuy không có lý-trưởng hay công-chức thị thực, hay là không đúng với thể thức định ở điều nầy và các điều trên, chúc-thư ấy cũng có giá-trị.

Điều thứ 320. — Phàm muốn bỏ một phần hay toàn phần những điều trong chúc-thư đã lập từ trước, thời phải có một bản chúc-thư sau làm theo cách-thức đã nói ở các điều trên, hoặc phải có một bản chứng-thư công nhiên tuyên bố rằng bản chúc-thư lập từ trước vì người làm chúc-thư ấy thay đổi ý nguyện mà bỏ đi.

Điều thứ 321. — Bản chứng-thư tuyên bố bỏ một chúc-thư thời phải do người đã lập chúc-thư tự viết lấy, hay là do một người khác viết hộ trước mặt hai người chứng đã thành niên mà không phải là người thừa-kế hay người được hưởng nhận tài-sản, lại phải có lý-trưởng hay công-chức nào đại hành chức-vụ lý-trưởng thị thực, mới có giá trị.

Điều thứ 322. — Bản chúc-thư làm sau mà không nói rõ rằng bỏ cả bản chúc-thư trước đi, thời đối với bản chúc-thư trước chỉ có khoản nào không hợp hoặc có trái với bản chúc-thư sau mới bị bỏ đi mà thôi.

Điu thứ 323. — Phàm người làm chúc-thư đã cho người nào tài-sản gì, đến sau lại đoạn-mãi hoặc hoán-dịch

toàn phần hay một phần tài-sản ấy, thời tức là bãi bỏ không để cho người ấy phần tài-sản đã đoạn - mãi hay hoán-dịch ấy nữa, dù sự đoạn-mãi hoặc sự hoán-dịch về sau thành ra vô hiệu và tài - sản ấy lại hoàn nguyên về gia-tài của người lập chúc-thư cũng vậy.

Nếu chỉ đem cầm-cố, hay bán lai - thục mà thôi, thời người được hưởng-nhận tài-sản có thể xuất tiền ra để trả nợ hoặc chuộc lại mà nhận lấy của để cho ấy.

Điều thứ 324. — Phàm chúc - thư đã do người chồng cùng người chánh-thất làm ra, thời sau khi người chồng mệnh-một, người quả-phụ ấy không được tự bỏ đi. Những tài-sản gì mà người quả-phụ chỉ được hưởng-dụng thu-lợi, thời người quả-phụ ấy không được làm chúc-thư mà xử trí tài sản ấy. Còn như chúc-thư do người quả - phụ làm ra một mình sau khi người chồng đã mệnh-một thời người quả-phụ có thể bỏ đi được.

Điều thứ 325. — Người nào theo chúc-thư được hưởng nhận tài-sản mà lại chết trước người lập chúc-thư, thời khoản chúc - thư thuộc về phần người ấy thành ra vô - hiệu, trừ ra khi nào trong chúc-thư có nói rõ rằng của ấy là để cho người ấy hay con cháu người ấy mà con cháu người ấy hiện còn, thời không kể.

Tuy nhiên, nếu khi người nào được hưởng-nhận tài-sản là một người bà con theo thế-thứ được làm thừa-kế cho người lập chúc-thư, thời người thừa-kế của người được hưởng-nhận tài-sản sẽ được thay mặt người ấy mà hưởng phần và vợ người ấy sẽ được hưởng-dụng thu-lợi về phần để cho ấy.

Điều thứ 326. — Khi nào người được hưởng-nhận tài-sản lại bị tuyên-cáo là không xứng-đáng, hoặc bị truất quyền, thời các khoản để cho trong chúc-thư thuộc về người ấy sẽ bị bỏ đi.

Điều thứ 327. — Người lập chúc-thư có thể bắt người được hưởng nhận tài-sản phải đảm-nhiệm một vài chức-

trách gì. Người được hưởng nhận tài-sản mà không làm theo chức-trách hay nghĩa-vụ ấy thời sẽ bị thâu lồi của để cho ấy.

Điều thứ 328. — Phần để cho của một người đã bị truất hay bị thâu hồi sẽ thêm vào các phần của những người được hưởng-nhận tài-sản khác mà đã thuận nhận của thâu hồi ấy và nếu có chức-trách thời phải đảm nhiệm chức-trách ấy. Nếu không có người được hưởng nhận tài-sản khác hoặc những người được hưởng nhận tài-sản khác không nhận phần để cho ấy thời phần ấy sẽ trao qua cho các người thừa-kế nào của người lập chúc-thư mà không được phần biệt hứa.

Điều thứ 329. — Người lập chúc-thư có thể giao quyền cho một người do mình chọn riêng để thi hành các điều khoản trong chúc-thư.

Điều thứ 330 — Khi người lập chúc-thư mệnh một rồi, thời chúc-thư ấy mới có hiệu-lực.

Điều thứ 331. — Sau khi người lập chúc-thư mệnh một, nếu có ai khiếu rằng chúc-thư ấy là không có giá-trị thời sẽ do tòa-án thẩm đoán chúc-thư ấy có giá trị hay không. Tuy nhiên chỉ khi nào xét ra rằng người lập chúc-thư ấy không có tự do mà tỏ ý nguyện của mình một cách đích đáng và chắc chắn hay là người ấy làm quá quyền-hạn của mình thời quan tòa mới tuyên cáo rằng chúc-thư ấy là vô-hiệu. Kỳ hạn được khởi tố về chúc-thư cũng như kỳ hạn khởi tố về di-sản định ở chương thứ VI thiên nầy.

CHƯƠNG THỨ III

Nói về thừa-kế không có chúc-thư, phải theo pháp luật mà xử trí.

Điều thứ 332. — Người nào khi còn sống mà không chia tài sản của mình và cũng không lập chúc-thư, đến

khi mệnh-một thời di-sản của người ấy, nếu có con thời để lại cho con, nhưng phải giữ quyền-lợi của người quan-phu hay người quả-phụ người ấy, và khi nào có nhiều con trai thời phải giao phần hương-hỏa cho con trưởng, nếu không có con trai thời phần hương-hỏa phải giao cho người được lập làm thừa-tự theo như cách thức định ở tiết thứ hai, chương thứ nhất quyển thứ II luật nầy. Khi người mệnh-một trước kia không chia tài-sản của mình, cũng không lập chúc-thư mà nói rõ ràng cho đứa con nào, thời con trai con gái đều được chia tài-sản ấy mỗi người một phần bằng nhau.

Trong các người con, nếu có người nào chết trước người có tài-sản mà người con đã chết sớm ấy hiện có con cháu, thời các con cháu ấy được thay mặt y để nhận lấy phần của y mà chia nhau.

Điều thứ 333. — Nếu người mệnh-một không có con cháu thời của thừa-kế sẽ về tay cha mẹ người mệnh-một, nhưng không phạm đến quyền lợi của người quả-phụ hay người quan-phu của người mệnh-một ấy, và nếu có người thừa-tự thời cũng trừ quyền-lợi người thừa-tự ấy ra. Nếu cha mẹ người mệnh-một ấy ở riêng thời của thừa-kế ấy chia đôi về người cha một nửa và người mẹ một nửa.

Nếu người cha chết rồi, thời người mẹ được toàn hưởng. Nếu người mẹ chết rồi thời người cha được toàn hưởng.

Điều thứ 334. — Nếu người mệnh-một không có con cháu cũng không còn cha mẹ, thời của di-sản sẽ về tay những người chính-hệ tôn-thuộc bên nội gần nhất, nhưng phải chia cho cả vợ và chồng người chính-hệ tôn-thuộc ấy, theo như cách thức đã định ở điều trên.

Điều thứ 335. — Nếu người mệnh-một không có con cháu cũng không còn người tôn-thuộc bên nội thời di-

sản sẽ về tay anh em chị em ruột người ấy được chia phần đều nhau .

Trong các người anh em chị em được hưởng thừa-kế, nếu có người nào chết rồi mà đến khi người có tài-sản mất đi hiện còn con cháu chính-hệ, thời những con cháu ấy được thay mặt cha mẹ mình đã quá vãng để cùng dự chia với chú bác cậu cô hay là dì mình mà nhận lấy phần di-sản của cha hay mẹ được hưởng mà đả quá vãng.

Điều thứ 336 . — Nếu không có anh em chị em ruột hay là anh em chị em ruột cũng không có con cháu, thời của di-sản sẻ về tay anh em bàng chi bên nội gần nhất và con cháu chính hệ các hàng bàng chi ấy .

Những anh em bàng chi gần nhất ngang hàng vời nhau thời chiếu theo số người mà hưởng di-sản mỗi người một phần .

Nếu không có thân-thuộc bên họ nội, thời di-sản về tay những người thân-thuộc bên họ mẹ , cũng theo như cách thức đã định thuộc về thân-thuộc bên họ nội.

Điều thứ 337 — Khi người mệnh một không còn thân - thuộc nào có thể hưởng di-sản được , thời người chánh - thất quả-phụ không bị ly dị sẻ được sử-dụng tất cả di-sản ấy .

Điều thứ 338 . — Nếu người mệnh một không có thân - thuộc nào có thể hưởng di - sản được và cũng không có người chồng hay người quả-phụ còn sống thời của di-sản ấy sẻ kể là tuyệt - hộ mà thành ra của công của làng sở tại và phải chua vào bộ làng vào hạng công-điền công-thổ không chuyển-mãi được, nhưng làng phải gánh lấy nghĩa-vụ thuộc về tài-sản ấy và lại phải phụng-tự người mệnh - một và tổ tiên người ầy .

CHƯƠNG THỨ IV

Quyền - lợi của người quan - phu hay người quả - phụ

TIẾT THỨ NHẤT

Người chánh - thất quả - phụ.

Điều thứ 339. — Khi người chồng mệnh một thời người chánh-thất quả-phụ thay quyền chồng mà quản trị việc nhà. Nếu người chồng là gia - trưởng thời người chánh-thất quả-phụ ấy vẫn giữ quyền gia - trưởng của chồng.

Điều thứ 340. — Người chánh - thất quả - phụ được tất cả các quyền gia-trưởng của người chồng mệnh một đối với con đẻ của mình vị-thành-niên và các con vị-thành-niên của vợ thứ.

Người chánh-thất quả-phụ phải lấy của riêng người chồng, của chung của hai vợ chồng thuộc về mình quản-trị và của riêng của mình để lo liệu việc cấp-dưỡng giáo - dục các con mình và các con vợ - thứ cùng là cấp - dưỡng các vợ-thứ nữa.

Điều thứ 341. — Người chánh - thất quả - phụ suốt đời được hưởng-dụng thu-lợi tài-sản riêng của chồng, tài-sản chung của hai vợ chồng cùng tài-sản riêng của mình. Đối với tất cả những tài-sản ấy, người chánh-thất quả-phụ được quyền quản trị như chồng khi trước. Đến khi con cả đã tới tuổi thành-niên thời có thể chia quyền quản-trị ấy với con cả.

Điều thứ 342. — Người chánh - thất quả-phụ có quyền được tự mình sử dụng tất cả của động sản để trả nợ riêng của chồng hay nợ chung của hai vợ chồng, cấp dưỡng giáo-dục cho con cái, cấp dưỡng cho cha mẹ ông bà bên nội người chồng, cấp dưỡng cho các vợ thứ của

chồng cùng là chi tiêu các việc cần dùng cho mình và trong nhà. Lại có thể tự mình sữ-dụng những bất-động-sản riêng của mình để chi tiêu về mọi việc đã nói ở trên.

Còn bất-động-sản riêng của chồng và bất-động-sản chung của hai vợ chồng, thời khi người chánh-thất quả-phụ muốn sữ-dụng, tất phải hiệp cùng với các con chồng đã thành niên, nếu tất cả các con chưa thành niên thời phải có sự cho phép định ở điều 252 luật nầy mới được. Nếu chỉ có con gái đã thành-niên thời khi người chánh-thất quả-phụ muốn sữ-dụng bất-động-sản ấy, phải hiệp cùng với các con gái đã thành-niên ấy cùng với cha chồng, hoặc mẹ chồng nữa ; nếu không có cha hay mẹ chồng phải hiệp cùng với người nhiều tuổi nhất trong hàng anh em ruột của chồng ; nếu không có anh em chồng, phải hiệp cùng với người thân-thuộc đàn ông bên họ nội gần nhất và nhiều tuổi nhất mới được. Các vợ thứ bất cứ có làm giám hộ cho con cái mình hay không, đều có đủ tư-cách thay mặt cho con cái vị-thành-niên của mình mà tỏ bày ý nguyện về sự sữ-dụng đã nói ở trên, trừ ra khi nào các vị thành niên ấy thuộc quyền giám-hộ của một người nào mà không phải là người chánh-thất quả-phụấ y, cũng không phải là người vợ thứ đã sanh các con vị-thành-niên ấy thời không kể.

Điều thứ 343. — Khi nào người chánh-thất quả-phụ muốn sữ-dụng một bất-động-sãn gì mà người ấy cho là cần-thiết, nếu có tranh nại gì về sự ngăn trở không chịu thuận hứa một cách công nhiên hay mặc nhiên thời phải đem sự tranh nại ấy trình với tòa-án, nếu quan tòa hòa giải bất thành thời phải cứu-xữ. Nếu qua tòa xét sự sữ-dụng ấy là cần thiết thời có thể xử rằng dù có ai ngăn trở hay không thuận hứa mặc lòng, người chánh thất quả-phụ cũng cứ được sữ-dụng.

Điều thứ 344. — Khi nào người chánh-thất quả-phụ đã đem sữ-dụng một bất-động-sản gì trong di-sản dù không có các con của người ấy dự vào, cũng không có quan cho

phép thời con của người ấy cũng không thể kêu xin tiêu đi được.

Nếu người chánh-thất quả-phụ đã sữ-dụng một bất-động-sản gì mà các người vợ thứ không được thay mặt con mình dự biết hay dự-ký việc sử-dụng ấy, thời các con của vợ thứ cũng không được kêu xin tiêu, trừ ra có bằng chứng rằng người chánh-thất quả-phụ sử dụng bất-động-sản là chủ-ý để truất phần chúng nó mà làm lợi riêng cho con đẻ mình thời không kể.

Nhưng việc sử-dụng đã nói ở trên thời có thể do một người thân-thuộc gần nhất của người chồng mệnh-một, hoặc do một người thân-thuộc đàn ông bên nội gần nhất và nhiều tuổi nhất đứng lên kêu xin tiêu việc sử-dụng ấy. Nếu quan tòa xét ra rằng sự sử-dụng ấy là không phải làm ích lợi cho gia-đình người chồng mệnh-một thời sẽ tuyên án mà xử tiêu.

Điều thứ 345. — Phàm các khoản nợ do người chánh thất quả-phụ đứng vay để chi tiêu mọi việc đã nói rõ ở điều thứ 342 thời tuy không hiệp cùng với các người thừa kế của người chồng mệnh-một, nhưng các người thừa kế ấy cũ g phải gánh lấy nợ do di sản của người mệnh-một đảm bảo. Nếu không phải là để chi tiêu về các việc đã nói ở điều 342 thời người chánh-thất quả-phụ lấy của riêng của mình mà gánh các nợ ấy.

Điều thứ 346. — Trong lúc còn sinh thời, người chành thất quả-phụ được quyền ngăn cấm việc chia di-sản.

Nếu người chánh-thất quả-phụ còn sinh tnời mà người ấy không bằng lòng thời cấm các con cái không được đem chia của di-sản ấy.

Điều thứ 347. — Người chánh-thất quả-phụ được đem chia gia-sãn và được để dành riêng ra một phần để dưỡng lão. Phần dưởng-lão ấy nếu trong phân-thơ không định rõ ràng người chanh-thất quả-phụ chỉ được bưởng dụng thu-lợi mà thôi hay phần dưỡng-lão ấy là lấy trong

tài-sãn riêng của ngườichánh-thất quả-phụ, thời người ấy được quyền sử-dụng.

Điều thứ 348. — Nếu khi người chánh-thất quả-phụ mệnh-một mà phần dưỡng lão hiện còn, thời phần ấy hoặc theo trong phân-thơ mà xử trí hoặc chia cho các người thừa-kế mỗi người một phần cân nhau.

Tuy nhiên nếu phần dưỡng-lão ấy là về quyền nghiệp chủ của người chánh-thất quả-phụ thời người ấy có thể tự làm chúc-thư mà xử tri.

Điều thứ 349. — Khi nào người quan-phụ đã lớn tuổi và có nhiều con trai đã thành-niên mà lại tục-thú một người vợ kế ít tuổi thua một người con của mình, thời sau khi người chồng mệnh-một, mà không để lại chúc-thư, người kế-thất quả-phụ phải giao các phần di-sản cho những người con lớn tuổi hơn mình bay để cho các người con ấy được hưởng dụng các phần di-sản ấy.

Nếu vì điều ấy mà người kế-thất quả-phụ trẻ tuổi phải mất quyền hưởng dụng thu-lợi về toàn phần di-sản, thời người ấy sẽ được một phần di-sản bằng phần một người con, phần ấy người kế-thất quả-phụ được tự ý sử dụng như là của riêng của mình.

Phần ấy được thêm vào tài-sản riêng của người kế-thất quả-phụ ấy.

Điều thứ 350. — Khi nào người chồng mệnh-một chính là người thừa-tự mà không có con trai, thời người chánh-thất quả-phụ phải hiệp ý với hội-đồng thân-thuộc mà lập người thừa-tự để giao cho người ấy giữ của hương-hỏa. Nếu người chánh-thất quả-phụ không lập thừa-tự thời sẽ do hội-đồng thân-thuộc hội lập.

Điều thứ 351. — Người chánh-thất quả-phụ không được hưởng-dụng thu lợi về của hương hỏa mà người chồng đã đứng thừa-tự khi trước, trừ khi nào người chánh-thất quả-phụ ấy đã thay con cả mình đã thành-niên mà quản-trị hương-hỏa ấy, và khi nào con mình

chính là người thừa-tự chưa thành-niên, nên mình phải quản-trị của hương-hỏa ấy thời không kể.

Điều thứ 352.— Người chánh-thất quả-phụ phải trả tất cả các khoản nợ của người chồng mệnh-một để lại, dù các khoản nợ phải trả nhiều hơn của di-sản mình được hưởng cũng vậy. Nếu là nợ riêng của người chồng mệnh-một thời trước hết lấy của riêng người chồng, sau lấy tài-sản chung của hai vợ chồng, sau nữa lấy đến tài sản riêng của mình mà trả.

Nếu là nợ chung của hai vợ chồng thời trước hết lấy tài-sản chung của hai vợ chồng mà trả.

Điều thứ 353. — Nếu người chồng mệnh-một không có con thời người chánh-thất quả-phụ được sử-dụng những động-sản và bất động-sản riêng của mình và một nửa của chung của hai vợ chồng mà không cần phải có ai bằng lòng.

Điều thứ 354. — Người chánh-thất quả-phụ, gặp khi cần thiết thời phải thay chồng mà cung cấp cho cha mẹ chồng và ông bà nội của chồng.

Điều thứ 355 — Nếu người chánh-thất quả-phụ bị tòa-án tuyên cáo là không xứng đáng thời mất quyền-lợi về tài-sản riêng của chồng và tài-sản chung của hai vợ chồng. Những quyền-lợi về tài-sản ấy lại trao sang các người thừa-kế.

Những trường-hợp như sau nầy thời bị tòa-án tuyên-cáo là không xứng đáng : người vợ chánh-thất quả-phụ bất chính một cách thậm tệ và nhiều người biết ; có trách-nhiệm phải phụng-dưỡng cha mẹ và ông bà chồng mà bỏ liều ; đại bất kính đối với cha mẹ và ông bà chồng ; bỏ liều con chồng ; tiêu tán những của di-sản ; bị án phạt về tội xâm phạm tính mệnh hoặc thân-thể người thân thuộc gần của người chồng ; không để tang chồng trong 27 tháng.

Điều thứ 356. — Những người sau nầy đều được đầu đơn xin truất quyền người chánh-thất quả-phụ : cha mẹ

ông bà nội, anh em chị em ruột đã thành-niên của người chồng mệnh-một, người thân-thuộc gần nhất và nhiều tuổi nhất về bên chồng, hay là hội-đồng thân-thuộc về bên chồng.

Điều thứ 357. — Nếu bị tòa-án tuyên-cáo truất quyền thời người chánh thất quả-phụ chỉ được lấy lại tài-sản riêng của mình mà thôi.

Nếu người chánh-thất quả-phụ không có tài-sản riêng, hay là có tài-sản riêng mà không đủ dùng để thiệm dưỡng, thời sẽ được trích một số tiền trong tài-sản chung làm tiền cấp dưỡng.

Nếu có trích cho người chánh-thất quả-phụ được phần cấp dưỡng thời trong án xử truất quyền phải định phần cấp dưỡng là bao nhiêu và cách giao nhận thế nào.

Điều thứ 358. — Khi nào đã có án tuyên cáo truất quyền người chánh-thất quả-phụ như đã nói ở trên, thời sau khi hết tang người chồng mệnh một rồi, những người thừa kế có thể chia di-sản ấy.

Điều thứ 359. — Người chánh-thất quả-phụ tái giá tức là ra khỏi nhà chồng trước và chỉ vì lẽ tái giá ấy mà bị mất tất cả quyền lợi về tài-sản riêng của chồng trước. Còn tài-sản riêng của mình, thời vẫn được nguyên quyền nghiệp chủ. Nếu chồng trước không có con, thời người vợ ấy được một nửa tài sản chung của hai vợ chồng. Tuy nhiên khi nào người vợ ấy không có tài-sản riêng hay nhân vì người vợ ấy trước kia có làm công việc gì hay có tiết kiệm nên mới có tài-sản chung ấy thời dù người chồng mệnh một có con, hội-đồng thân-thuộc có thể cho người vợ ấy một phần trong tài-sản chung ấy.

Điều thứ 360. — Nếu trong khi ở góa, người chánh-thất quả-phụ lại tạo-mãi hay thừa-nhận riêng được động-sản hay bất-động-sản, thời đối với tài-sản ấy, người chánh-

thất quả-phụ được toàn quyền nghiệp chủ và được tự ý sử-dụng. Nếu có tái giá cũng được đem tài-sản ấy về nhà chồng mới.

Điều thứ 361. — Người kế-thất quả-phụ cũng được hưởng quyền-lợi và phải chịu chức-trách như người chánh-thất quả-phụ vậy.

Điều thứ 362. — Người chánh-thất quả-phụ được từ chối quyền quản-trị, hưởng-dụng và sử dụng về các của di-sản. Sự từ chối ấy phải có tờ khai trình với lý-trưởng nơi trú quán mình hay là trình với công-chức nào đại hành chức-vụ lý-trưởng để thị thực cho ở trước mặt các người thừa-kế đã thành-niên. Tờ khai ấy phải đệ trình tòa-án sơ-cấp để xin duyệt y, tòa án ấy sẽ sơ-thẩm và chung thẩm, và nếu cần phải làm án để duyệt y, thời làm án.

Điều thứ 363. — Chỉ khi nào người chánh-thất quả-phụ chưa hề quản-trị hay sử-dụng gì về di-sản ấy thời sự từ chối đã nói ở trên mới có giá-trị và mới được chuẩn chấp.

Khi nào tài-sản chung của vợ chồng và tài-sản riêng của người chồng mệnh một không đủ trả nợ của người chồng ấy để lại thời không thể lấy lẽ từ chối ấy mà cho người chánh-thất quả-phụ khỏi phải lấy của riêng mình mà trả nợ ấy. Khi mãn tang chồng mà người chánh-thất quả-phụ có sự từ chối ấy thời các người thừa-kế được chia di-sản. Trong khi chưa chia, người con cả đã thành-niên sẽ quản-trị di-sản để giữ quyền lợi cho các người đồng thừa-kế với mình, hay nếu các con ấy đều còn vị-thành-niên thời sự quản-trị di-sản ấy sẽ giao cho người giám hộ do người nào theo luật được làm giám-hộ, hoặc do hội-đồng gia-tộc theo thể-lệ định ở điều 229 luật nầy mà đặt ra.

TIẾT THỨ HAI

Nói về vợ thứ.

Điều thứ 364. — Vợ thứ không được hưởng một phần nào trong di-sản của người chồng mệnh một, chỉ được chỗ ở, ăn uống và chi dụng mà thôi. Chỉ thuộc về trường-hợp định ở điều 113 luật nầy, thời vợ thứ mới phải trả nợ cho người chồng mệnh một.

Điều thứ 365. — Khi chồng chết rồi và vợ chính còn sống, nếu các vợ thứ thuận tình mà vợ chính cũng bằng lòng thời các vợ thứ được ở trong gia-đình với con cái mình, nhưng thuộc quyền vợ chính trông nom. Khi ấy quyền lợi và nghĩa-vụ của các vợ thứ cũng y như khi người chồng còn sống.

Điều thứ 366. — Nếu người chánh-thất quả-phụ không bằng lòng cho các vợ thứ ở chung với mình, thời các vợ thứ được lấy lại phục-sức và tài sản riêng. Khi các vợ thứ không có tài-sản riêng để đủ cấp dưỡng mình và những con vị-thành-niên mình do lấy người chồng mệnh-một ấy mà sinh ra mà mình phải nuôi, thời các vợ thứ ấy được phép kêu xin chia một phần di-sản của chồng bằng hiện vật hay bằng ngân để chi dụng và cấp dưỡng. Phần ấy sẽ tùy theo số di-sản của chồng mệnh-một để lại và tùy theo sự chi dụng của vợ thứ phải chịu mà định.

Điều thứ 367. — Nếu vợ thứ đi tái-giá, cầu hợp với ai, hoặc bất chính, thời phải bị mất phần đã nói ở trên ; duy còn có thể được một phần nhỏ trong phần ấy để chi tiêu các việc cần dùng cho các con cái vị-thành-niên của mình mà thôi.

Điều thứ 368. — Khi nào người vợ thứ đi tái-giá cầu hợp với ai hoặc bất chính như đã nói ở điều trên mà không chịu giao phần ấy, thời người chánh-thất quả-phụ, ông bà cha mẹ, anh em chị em ruột đã thành-niên

của người chồng hay hội-đồng thân-thuộc có thể do tòa-án kêu xin mà thâu hồi hay giảm bớt phần ấy đi.

TIẾT THỨ BA

Nói về quyền lợi của người quan-phụ

Điều thứ 369. — Khi người vợ chính chết trước thời tài-sản riêng của người vợ ấy sẽ về tay người chồng, và người ấy được hưởng quyền quản-nghiệp cả gia-tài. quản-trị và hưởng-thụ gia-tài ấy để làm lợi cho gia-đình,

Điều thứ 370. — Khi nào người vợ thứ chết trước mà có để lại con cái thời người chồng chỉ được quản-trị và hưởng-dụng tài-sản riêng của người vợ thứ ấy mà thôi.

CHƯƠNG THỨ V

Thanh-toán và phân-trí di-sản

Điều thứ 371. — Không người thừa-kế nào bị buộc phải để di-sản mãi mà không chia. Tuy nhiên những người thừa-kế cũng có thể thỏa định với nhau hoãn việc phân sản trong một hạn bao lâu. Trong khi chưa phân sản thời tài-sản ấy vẫn cứ đăng-ký nguyên tên người mệnh-một trong địa-bộ.

Điều thứ 372. — Khi nào người mệnh-một trước đã có làm chúc-thư đúng phép để phân sản mà chúc-thư ấy không ai tranh nại gì, thời sau khi người ấy mệnh-một, phân thơ ấy sẽ đem ra thi-hành ngay. Mỗi người thừa-kế và người được hưởng nhận sẽ được phần của mình.

Điều thứ 373. — Trong lúc người chánh-thất quả-phụ còn sống mà không bị truất quyền, thời các người thừa-kế hay là chủ nợ các người ấy không được đòi chia của thừa-kế ấy.

Tuy-nhiên, nếu người chánh-thất quả-phụ đã hiển nhiên thuận tịnh thời di-sản ấy có thể đem chia, nhưng phải trừ ra một phần dưỡng-lão của người chánh-thất quả-phụ ấy theo như điều 347 luật nầy đã định.

Điều thứ 374. — Sau khi người chánh-thất quả-phụ quản-trị di-sản của chồng đã mệnh-một rồi, thời các người thừa-kế của người chồng được xin chia của di-sản ấy.

Điều thứ 375. — Những người thừa-kế thuộc về bàng chi mà được hưởng phần di-sản, thời cũng được phép chia như đã nói ở điều trên.

Điều thứ 376. — Khi nào có người mệnh-một mà di-sản chưa chia ngay thời người thừa-kế, người được của hưởng nhận hay người chủ nợ của người mệnh-một ấy được xin kê biên di-sản ấy (động-sản hay bất động-sản), bản kê biên ấy sẽ do lý-trưởng làm ra mà phải có người quản-trị di-sản ấy ký tên vào. Trong khi kê-biên, nếu có xảy ra sự tranh nại gì thời phải trình do quan tòa để hòa-giải hai bên, nếu hai bên hòa-giải bất thành, thời quan sẽ xử án.

Điều thứ 377. — Phàm những tài-sản gì trước kia người mệnh một còn sống đã cho các người thừa-kế thời đến khi phân-sản, các người thừa-kế ấy không phải đem hoàn lại vào của di-sản nữa. Nhưng số tiền gốc của người mệnh một đã cho mượn hoặc đã giao cho mình, thời phải đem hoàn lại. Nhưng không phải trả tiền lãi gì cả, trừ khi nào có ước riêng thời không kể, và số tiền sinh lợi đã thu được thời người thừa-kế vẫn được hưởng hết.

Điều thứ 378. — Các người đồng thừa-kế phải cùng nhau trả các khoản nợ và gánh các trách dụng thuộc về di-sản, ít nhiều tùy theo phần của mỗi người được hưởng.

Người được hưởng nhận toàn-phần hay một phần tài-sản trong của di-sản ấy cũng thế.

Điều thứ 379. — Các con được hưởng di-sản của cha mẹ, thời phải liên-đới trả cho hết tất cả các khoản nợ của cha mẹ, nhưng các người thừa-kế ấy được đòi lẫn nhau.

Người quan-phu, người chánh-thất quả-phụ hoặc người đích-tôn thừa-tự cũng thế. Những khoản nợ của người thứ-thất mệnh một để lại, mà nợ ấy vì sự làm ích-lợi cho gia-đình hay buôn bán mà phải vay, thời người chồng cũng phải trả như vậy.

Còn những người thừa-kế khác thời chỉ phải trả các khoản nợ và phải gánh vác các trách-dụng của người mệnh một, ngang với phần di-sản mà mình được hưởng là cùng, trừ khi nào từ chối di-sản thời không phải gánh.

Điều thứ 380. — Các người chủ nợ của người mệnh một, của người thừa-kế hay của người được hưởng nhận tài-sản có thể ngăn trở không cho phân sản trong lúc vắng mặt mình để phòng khỏi sự gian lậu làm thiệt hại đến quyền-lợi mình. Sự ngăn trở việc phân sản ấy sẽ phải do đơn trình với quan tòa nơi người có tài-sản chết đi để quan sức cho các người đồng thừa-kế biết, trừ ra khi nào có lệnh truyền khác thời không kể.

Điều thứ 381. — Đối với việc phân sản đã làm xong, thời các người chủ nợ của người mệnh một, của người thừa-kế hay của người được hưởng nhận tài-sản không được khiếu nại nữa, trừ ra khi nào những người chủ nợ ấy đã có đơn xin không cho phân sản khi vắng mặt mình mà người ta cứ phân thời không kể.

Điều thứ 382. — Trừ ra các con cháu ruột, người chánh-thất quả-phụ hay người chồng đều phải lấy tài-sản riêng của mình để trả tất cả các khoản nợ của người mệnh một, khi nào trả xong mới thôi, còn các người thừa-kế khác có thể bỏ phần di-sản mình được hưởng cho các chủ nợ nhận lấy, trừ của hương-hỏa không kể.

Điều thứ 383. — Phàm các di sản hoặc do các người thừa-kế thỏa-thuận mà chia, hoặc do tòa-án đứng chia.

Nếu do thỏa thuận mà chia thời phải lập thành giấy tờ có lý-trưởng hay công-chức nào đại bành chức-vụ lý-trưởng thị thực.

Điều thứ 384. — Có bao nhiêu người hoặc có bao nhiêu ngành phải được hưởng, thời phải quân phân ra bấy nhiêu phần.

Các người thừa-kế đồng ý với nhau để nhận phần, nếu không thời rút thăm.

Khi nào không đồng ý với nhau thời một người trong những người thừa-kế có thể đứng lên xin tòa án chia thành phần và giao phần cho mỗi người.

Về cách chia phần thời tòa-án sơ-cấp cứ chiếu theo tập tục địa-phương, ý nguyện của phần nhiều người thừa-kế và vị-trí các tài sản mà chia; về cách giao phần chia thời dùng lối rút thăm.

Sau khi đã rút thăm rồi, các người thừa-kế vẫn được tự ý đổi lẫn phần nhau.

Điều thứ 385. — Khi có một động-sản hay bất động-sản gì nếu đem chia ra mà đến nỗi giảm nhiều giá đi, thời giao động-sản hay bất động-sản ấy cho một người thừa-kế, nếu người ấy cần phải bồ tiền cho các người thừa-kế khác, thời sẽ bồ.

Điều thứ 386. — Những tài-sản nào mà các người thừa-kế không đồng ý về sự chia phần hoặc giao phần, thời đem phát mại để lấy tiền mà quân phân.

Điều thứ 387. — Mỗi người dự chia đã nhận phần tài-sản nào thời được lấy các văn-tự thư-khế và tài-sản ấy. Văn-tự thư-khế ấy cùng bản sao phân thơ sẽ xuất trình để đăng-ký sự chuyển quyền nghiệp-chủ vào địa-bộ.

Điều thứ 388. — Người dự chia đã nhận tài-sản và văn-tự thư-khế về phần mình rồi thời phải làm giấy biên nhận thành khoản.

Giấy thỏa thuận phân sản mà đã do mọi người dự chia

ký kết rồi tức là nhất định. Nếu các người dự chia không biết ký, thời phải bị chú vào phân thơ là không biết ký, rồi các người ấy phải in dấu ngón tay vào phân thơ ấy ở trước mặt lý trưởng hay công-chức nào đại-hành chức vụ lý trưởng.

Điều thứ 389. — Sự phân sản do tòa-án đứng chia thời khi nào bản án xử về việc ấy đã chung thẩm, tức là nhứt định.

Điều thứ 390. — Sự thỏa thuận phân sản có thể kêu xin tiêu trong hạn một năm kể từ ngày việc phân sản ấy đã thành nhất định.

Vì các duyên cớ như sau nầy thời có thể xin tiêu: các người dự chia không đủ tư cách; cách-thức chia không theo luật; sự phân sản ấy do sự bạo hành hay đánh lừa mà làm sai sự thỏa thuận.

CHƯƠNG THỨ VI

Nói về việc kiện xin di-sản

Điều thứ 391. — Kiện đòi di-sản là cốt để cho người thừa-kế được đòi lấy toàn phần hay một phần di-sản nguyên thuộc về quyền mình được hưởng mà lại bị truất oan.

Ai hiện giữ di-sản ấy thời có thể kiện người ấy.

Điều thứ 392. — Hạn khởi-tố về việc đòi di-sản là 3 năm kể từ ngày mà người có tài-sản mệnh-một làm đầu.

Nhưng cái hạn 3 năm ấy đối với người vị-thành-niên là kể từ ngày người ấy đến tuổi thành-niên làm đầu, đối với người thất-tung thời kể từ ngày người ấy trở về trú sở làm đầu, đối với người bị bệnh điên thời lấy ngày lành bệnh làm đầu.

Điều thứ 393. — Khi nào việc kiện xét ra là phải lẽ, thời người giữ di-sản phải giao trả lại toàn phần hay

một phần di-sản cho người thừa-kế chính đáng. Nếu người hiện giữ di-sản là bởi lòng ngay thời được giữ lấy hoa-lợi cùng lợi tức đã thu rồi, và được lấy lại các khoản tiền đã chi tiêu về tài-sản ấy cùng là được lấy lại cả các số tiền mình đã xuất ra để trả nợ cho người mệnh-một.

Nếu người hiện giữ di sản bởi lòng gian, thời phải trả lại giá tiền hoa-lợi cùng lợi tức đã lạm nhận, và các số tiền đã xuất ra để trả nợ cho người mệnh một, hay là đã chi tiêu về tài-sản ấy, hay để bảo-thủ tài sản ấy, đều không được lấy lại gì cả.

CHƯƠNG THỨ VII

Tổ phụ phân sản trong lúc còn sinh thời

Điều thứ 394. — Phàm tổ-phụ mà đối với pháp luật có đủ tư-cách và được toàn hưởng quyền-lợi của mình, thời có thể được đem tài sản của mình, mà phân giao ngay trong khi còn đương sinh thời cho các con cháu và mọi người khác trong gia-tộc.

Điều thứ 395. — Sự phân sản ấy phải làm thành chứng-thư trước mặt viên quản-lý thơ khế hay do lý-trưởng hay là công-chức nào đại-hành chức vụ lý-trưởng thị thực.

Chứng-thư ấy phải do người tổ-phụ đứng phân sản cùng chánh-thất người ấy và tất cả các con trai con gái đã thành-niên đều ký tên vào, và nếu các người vợ thứ được dự phần hay là có con vị-thành-niên thời các người vợ thứ ấy cũng phải ký tên cả. Những người đã kể trên, nếu không biết ký thời phải in dấu ngón tay vào chứng-thư ấy.

Có bao nhiêu người hưởng phần thời phải làm ra bấy nhiêu bản chứng-thư. Mỗi người dự phần được giữ một bản, bản của người nào thời biên phần chia của người

ấy, nếu có phần hương-hỏa thời lại biên phần hương-hỏa nữa.

Điều thứ 396. — Khi nào có con cháu vị-thành-niên thời phân tài-sản chia cho các con cháu ấy sẽ do người tổ-phụ quản-trị hay do một người nào mà người tổ-phụ ấy lựa đứng quản - trị cho đến khi các con cháu ấy đến tuổi thành-niên hay được quyền tự lập ; những phần của người dự chia mà đã thành-niên không được hưởng lợi cũng không phải bị thiệt gì vì những phần của người vị-thành-niên ấy. Người vị thành-niên không được khiếu nại những thư-khế do tổ phụ mình đã làm ra.

Điều thứ 397. — Hễ của chia ra chưa thực giao hẳn cho các người dự phần, thời người đứng chia vẫn có thể bãi bỏ giấy phân sản của mình đã làm.

Điều thứ 398. — Không ai được khiếu nại về sự phân sản, trừ khi nào có sự gian lậu hoặc khi nào giao của hương hỏa cho người khác mà người ấy không phải là người thừa-tự thời không kể.

Điều thứ 399. — Phàm người quả-phụ đã được người khác đặt phần dưỡng-lão cho mình, hoặc tự mình làm chứng-thư để dành phần dưỡng lão của mình, thời người quả-phụ được tự do sử-dụng phần dưỡng-lão ấy.

THIỆN THỨ II

Nói về thừa-kế phụng-tự

CHƯƠNG THỨ I

Hương - hỏa

Điều thứ 400. — Của hương-hỏa là một phần động-sản hay bất-động-sản trong gia-tài dùng để thừa cúng một

người và vợ hay chồng cùng là gia-tiên bên nội người ấy.

Những tài-sản gì có thể sanh lợi dể, dùng về việc phụng-thờ, đều có thể lấy để lập hương-hỏa, dù người mệnh một thuộc về tôn-giáo nào cũng vậy.

TIẾT THỨ I

Lập hương-hỏa

Điều thứ 401. — Phàm lấy một phần gia-tài để lập ra hương-hỏa, thời tất phải có giấy má hoặc làm thành chứng-thư trước mặt viên quản-lý thư-khế, hoặc làm thành giấy tờ có lý trưởng thị-thực, hoặc không có lý-trưởng thị-thực. Sự lập hương hỏa ấy hoặc làm ngay vào chúc-thư, hoặc biên vào giấy chia gia tài, hoặc lập thành giấy tờ riêng cũng được. Không bắt buộc ai phải lập hương-hỏa, người đã lập hương-hỏa trong lúc còn sống bao giờ cũng có thể bãi bỏ sự lập hương-hỏa ấy đi.

Điều thứ 402. — Giấy tờ riêng về sự lập hương-hỏa phải do những người sau nầy ký tên: người lập hương-hỏa, vợ chính, con trai con gái đã thành-niên, con dâu, con rể, cùng là cha, mẹ, ông bà nội người ấy; nếu không có cha mẹ ông bà thời do người chú bác hoặc do người thân thuộc họ gần bên nội đã thành niên và có tư-cách tự trị. Trừ không có chữ ký của vợ chồng người lập hương-hỏa thời không kể, còn không có chữ ký các người khác thời cũng không phải là một duyên cớ làm cho giấy tờ lập hương-hỏa thành ra vô hiệu.

Nếu vợ chồng người lập hương-hỏa không biết ký tên hoặc không thể ký tên được thời phải biên sự ấy vào giấy lập hương-hỏa, khi ấy thời giấy lập hương-hỏa phải do hai người thân thuộc họ gần bên nội đã thành-niên và có tư-cách tự trị ký tên vào, và phải có lý-trưởng hay công chức nào đại hành chức-vụ lý-trưởng thị thực.

Sự lập hương hỏa trong chúc-thư hay phân-thư thời chỉ khi nào chúc-thư hay phân-thư ấy có giá-trị, sự lập hương-hỏa ấy mới có giá trị.

Phàm bãi bỏ sự lập hương-hỏa thời cũng làm theo cách như lúc lập hương-hỏa, hay làm ra giấy tờ riêng có lý-trưởng hay công chức thị thực.

Điều thứ 403. — Phàm người nào đã thành-niên hay đã được quyền tự-lập có tư cách tự-trị mà làm nghiệp chủ những tài-sản gì sinh lợi được, thời có thể lập hương hỏa.

Tuy nhiên sự lập hương-hỏa đối với pháp-luật chỉ có hiệu-lực sau khi những người mà hương hỏa ấy đã lập ra đề phụng thờ mệnh-một rồi.

Nếu lập hương-hỏa mà không thiệt hại đến quyền-lợi người chủ nợ của người lập hương-hỏa, thời lập mới được. Không khi nào người mắc nợ có thể đem một tài-sản gì lập hương-hỏa để người chủ nợ không tịch biên được trong khi mình còn sống hay sau khi mình mệnh một.

Điều thứ 404. — Những tài-sản gì mà quyền nghiệp-chủ bị tranh nại, hay là không chắc thuộc về ai, những tài-sản gì hiện thuộc về quyền hưởng-dụng thu lợi của một người nào, những tài-sản gì hiện do khế-ước đem cầm cố hay đem làm vật bảo chứng thời không được đem lập làm hương-hỏa.

Điều thứ 405. — Trừ những trường-hợp định ở hai điều trên nầy, khi người chồng mệnh-một nếu có để di-sản lại, người chánh-thất quả-phụ có thể bỏ bớt quyền mình được hưởng dụng thu-lợi về di-sản ấy mà lập hương-hỏa cho chồng, nếu người chồng mệnh-một không có con cháu và ông bà cha mẹ thời người chánh-thất quả-phụ được tự quyền lập hương-hỏa ; nếu người chồng mệnh-một có con cháu hay ông bà cha mẹ, thời người chánh-thất quả-phụ phải hiệp ý với các người ấy mà lập. Người chánh-thất quả-phụ lại được tự ý lấy

của riêng của mình mà lập hương-hỏa cho người chồng mệnh - một.

Điều thứ 406. — Từ nay về sau, trong các trường-hợp về sự lập hương-hỏa, bất cứ là theo cách nào mà lập ra, phần đem lập hương-hỏa không được quá một phần năm trong tổng số tài-sản của người lập hương-hỏa, dù số người thừa-kế nhiều hay ít cũng vậy.

Khi nào số tài-sản đem lập làm hương-hỏa quá số đã định ở trên, thời sẽ bị giảm bớt cho ngang với số trên nầy đã định.

Nếu sự xin giảm bớt ấy có lợi cho mình thời các người thừa-kế, những chủ nợ của các người thừa-kế hay chủ nợ của người để lại di-sản, được đứng kêu xin.

Điều thứ 407. — Nếu cũng một hương - hỏa mà do nhiều khoản lập ra, thời số tổng-cọng các tài-sản lập hương-hỏa ấy cũng không bao giờ được quá số như điều trên đã định.

Điều thứ 408. — Khi nào có sự giảm bớt ấy thời nên do các người có quan thiết trong gia-đình hiệp đồng bàn định mà giảm bớt. Nếu các người ấy không đồng ý mà giảm bờt thời sẽ do tòa-án xét định.

Điều thứ 409. — Muốn cho sự lập hương-hỏa đối với Nhà nước và người ngoài được có giá trị, thời phải đăng-ký sự lập hương-hỏa ấy vào sổ bảo-tồn điền-trạch nơi sở tại có tài-sản hương-hỏa ấy, nếu không thời đăng-ký vào địa-bộ làng.

Chỉ khi nào sự đăng-ký ấy không phải vì người lập hương-hỏa làm gian để làm thiệt hại cho các chủ nợ, thời sự đăng-ký ấy đối với các chủ nợ mới có giá-trị.

Điều thứ 410. — Vợ chính, vợ thứ, hoặc có con hay không có con, đều có thể lấy tài - sản riêng của mình để lập hương-hỏa cho cha mẹ để mình đã mệnh - một, sau khi chồng đã thuận tình.

Khi người chồng đã mệnh - một thời vợ chính, vợ thứ được lấy của riêng mình mà lập hương-hỏa cho cha mẹ mình không cần phải xin phép ai.

TIẾT THỨ II

Nói về người được thừa - hưởng của hương - hỏa

Điều thứ 411 — Của hương - hỏa thời giao cho người thừa-tự, quyền lợi và chức-trách người ấy sẽ định rõ ở tiết thứ III.

Điều thứ 412. — Ai mà không có con trai cháu trai chính hệ thời không buộc phải lập người thừa - tự để thờ cúng mình.

Nếu chính mình là người thừa - tự, thời tất phải lập người thừa-tự để kế mình mà phụng thờ tổ - tiên mình.

Điều thứ 413. — Khi nào người mệnh - một là con trưởng chi chính và vì thế người ấy là thừa - tự, thời người được kế người mệnh-một ấy để mà thừa - hưởng hương-hỏa tất phải là một người đàn ông. Nếu người mệnh-một là con thứ, không đứng thừa-tự, thời gặp khi không có con cháu trai chính - hệ, có thể lập con gái trưởng đứng thừa-hưởng hương-hỏa để phụng tự mình. Gặp trường-hợp ấy đến lúc người trưởng-nữ đứng thừa hưởng hương-hỏa chết, thời của hương - hỏa lại truyền cho trưởng-tử, nếu không có trưởng-tử thời truyền cho đích-tôn người trưởng-nữ ấy.

Điều thứ 414. — Khi nào người cho đứng thừa - tự mệnh - một, mà đã có con trai thành - niên thời người thừa-hưởng hương - hỏa tất phải là con trưởng của vợ chính người mệnh-một, nếu con trưởng không còn thời tất phải người đích-tôn, tức là con trưởng của người con trưởng ấy. Nếu người con trưởng khôug có con

trai thời người thừa-hưởng hương-hỏa là con thứ hai của vợ chính, nếu không có con thứ hai, hoặc con thứ hai không có con trai thời người thừa-hưởng hương-hỏa là con thứ ba của vợ chính và cứ theo thứ tự như thế mãi.

Các con vợ chính, không cứ bao nhiêu tuổi, đối với các con vợ thứ, bao giờ cũng coi là đàn anh.

Điều thứ 415. — Nếu vợ chính không có con trai hoặc có cháu trai chính hệ, thời người thừa-hưởng hương-hỏa là người con trai lớn tuổi nhất trong các con vợ thứ.

Điều thứ 416. — Nếu chi trưởng không có con trai và cháu trai chính hệ, thời người thừa-hưởng hương-hỏa cho cả phái là con trưởng về chi thứ nhì, nếu không có con thời cháu trưởng, nếu không có cháu thời chắt trưởng chi ấy.

Nếu chi thứ nhì không có con trai cháu trai chính hệ thời người thừa-hưởng hương-hỏa là con trưởng về chi thứ ba, nếu không có con thời cháu trưởng. Cứ theo thứ tự như thế mãi.

Điều thứ 417. — Nếu không có con cháu chính hệ về chi thứ mà chính người mệnh-một lại là người thừa-tự thời người kế làm thừa-tự của hương-hỏa ấy phải chọn trong các hàng đồng tộc hay đồng tông.

Đồng-tộc đồng tông là gồm tất cả con cháu cùng do một ông tổ chung sinh ra, mà còn có thể biết được thế hệ, cùng chung một họ với nhau và cùng phụng tự một ông tổ ấy.

Điều thứ 418. — Nếu không có con cháu ruột và con cháu thứ ba, thời người thừa-tự có thể cử một người kế làm thừa-tự để giữ hương-hỏa. Người chánh-thất quả-phụ thủ tiết cũng có thể hiệp đồng với hội-đồng thân thuộc như điều 350 đã định mà cử người kế làm thừa-tự.

Trong việc chọn người thừa-tự thời phải theo thứ tự chiêu-mục.

Nếu người chánh-thất quả-phụ thủ tiết không lập thừa-tự, thời do hội-đồng thân-thuộc phải lập người thừa-tự. Nếu hội-đồng thân-thuộc không đồng ý thời sẽ do tòa-án lập người thừa-tự.

Điều thứ 419. — Hội-đồng thân-thuộc sẽ gồm tất cả các người thân-thuộc có quan hệ đến việc thừa tự. Nếu việc lập tự ấy có quan hệ đến cả họ, thời hội-đồng thân-thuộc phải gồm cả người trong các chi ; nếu hương-hỏa là do ông tổ trong một chi lập ra, thời hội-đồng thân-thuộc chỉ gồm những người trong chi ấy mà thôi ; nếu hương-hỏa là do người gia-trưởng trong một nhà lập ra, nghĩa là gồm tất cả các người thân-thuộc cùng ở trong một gia-đình, thời hội-đồng gia-tộc chỉ có các người trong gia-đình ấy mà thôi.

Không cứ về hàng thân-thuộc thế nào, hội-đồng thân-thuộc ngoài các con trai đã thành-niên, lại phải có cả các chánh thất quả phụ không tái giá, con gái đã xuất giá hay chưa xuất giá, con rể, con dâu người mệnh-một nữa.

Nếu những người đã nói ở trên có thể đến dự hội được thời tất phải theo phép mà chiêu tập, và phải làm thế nào cho có bằng cứ là có chiêu tập.

Khi nào đã chiếu phép mà chiêu tập các người được dự hội rồi mà người thân-thuộc đến dự hội ít ra cũng phải có năm người, thời sự quyết-nghị của hội-đồng ấy mới có giá-trị.

Điều thứ 420. — Khi nào người mệnh-một tự mình không phải là người thừa-tự, thời chiếu luật sẽ do con cả hoặc con một đã thành-niên của người ấy đứng lên phụng tự vợ chồng người ấy và thừa-hưởng hương-hỏa của người mệnh-một đã lập ra trước khi lâm chung, trừ khi nào người mệnh-một đã công nhiên tuyên-bố trong chúc-thư rằng đã truất quyền đứa con ấy thời không kể.

Điều thứ 421. — Nếu người mệnh - một không có con cháu trai chính hệ thời người chánh - thất quả - phụ có thể lập người thừa-tự và lấy một phần trong di-sản để đặt hương-hỏa cho chồng, sau khi được cha mẹ ông bà nội nhà chồng thuận tình. Người chánh - thất quả - phụ cũng có thể truất người thừa-tự đã lập ra, sau khi cha mẹ ông bà nội nhà chồng thuận tình. Còn sự lập tự của chồng mình đã làm, thời mình không thể tiêu được.

Khi người mệnh-một không có con cháu trai chính-hệ mà người chánh-thất quả - phụ cũng lại mất đi thời các con gái đã thành-niên của người mệnh-một có thể cùng với chồng mình lập người thừa-tự và đặt hương-hỏa cho cha mẹ quá cố của mình, do ông bà nội mình hay ông bà không còn thời do người thân - thuộc gần nhất bên họ mình chuẩn bứa cho. Sự lập tự đã do người mẹ làm ra thời các người con gái ấy không được bãi đi. Khi người chồng mệnh - một không có con, thời người chánh-thất quả-phụ lại mệnh-một hay tái giá, nếu hội - đồng thân-thuộc nghĩ nên đặt hương-hỏa thời sẽ do hội-đồng thân-thuộc lập người thừa-tự theo thứ tự luật đã định.

Điều thứ 422. — Không ai buộc phải thừa nhận sự lập mình làm thừa - tự, nhưng khi đã từ chối không thừa nhận thời phải khai minh bạch và phải trao của hương-hỏa lại cho người thừa - tự khác, do thứ tự luật đã định hoặc do sự quyết-nghị của Hội-đồng thân - thuộc lập ra.

Điều thứ 423. — Người kế-tự tự nhiên gọi là đích - tử hay đích-tôn. Người nào lập ra để phụng tự gọi là người thừa-tự và việc lập người thừa-tự gọi là lập-tự.

Người lập làm thừa - tự phải chiếu theo thứ tự luật định mà chọn trong những người đồng một tôn-phái cùng chung một họ và cùng một ông tổ chung với người mệnh-một.

Điều thứ 424. — Phàm con nuôi không phải là người

trong tôn-phái thời không được lập làm thừa-tự cho cha nuôi.

Điều thứ 425. — Người thừa-tự trong một chi có thể vừa phụng tự cho chi mình mà lại vừa phụng tự cho một chi hay người chi khác không con cháu trai. Khi ấy thời được kiêm nhận cả các hương-hỏa của các chi.

Điều thứ 426. — Nếu người nào đáng lẽ là được lập thừa-tự mà trước lại thường xung khắc với người đứng lập tự cho mình, thời người đứng lập tự ấy có thể theo thứ tự luật định tùy ý chọn trong hàng thân thuộc một người nào mình yêu muốn mà lập làm thừa-tự cũng được (lập ái).

Điều thứ 427. — Quyền khởi tố để kiện về việc đặt người thừa hưởng hương-hỏa thời thuộc về các người trong hàng thân thuộc có quan hệ đến sự lập tự ấy.

Điều thứ 428. — Khi người được thờ mới chết hay là trong khi phụng tự, mà người thừa-hưởng của hương-hỏa xét ra là không xứng đáng giữ việc phụng tự, thời sẽ do một người thừa kế nào có quan thiết đến việc thờ tự ấy xin với hội-đồng thân-thuộc hội-nghị để sát thực việc không xứng đáng ấy. Lời quyết-nghị của hội-đồng về sự truất quyền thừa-hưởng hương-hỏa tất phải nói rõ duyên cớ và phải đệ trình tòa-án duyệt y, nếu không thời vô hiệu.

Điều thứ 429. — Người được thừa hưởng hương-hỏa có thể do hội-đồng thân-thuộc tuyên cáo là bị truất quyền vì các duyên cớ sau nầy :

1°) Bỏ hẳn việc phụng tự ;
2°) Không có duyên cớ chánh đáng mà quá lười biếng về trách nhiệm phụng tự ;
3°) Bất hiếu ;
4°) Đạo mại của hương-hỏa ;
5°) Bị án về tội đại hình ;

Điều thứ 430. — Trong lời quyết-nghị truất quyền hưởng hương-hỏa thời phải theo thứ tự luật đã định mà cử người khác thay.

Nếu người thừa-hưởng hương-hỏa bị truất chính là đích-tử đích-tôn, thời hương-hỏa tự nhiên sẽ trao sang cho con cả người bị truất ấy.

TIẾT THỨ BA

Quyền-lợi và chức-trách người thừa-hưởng hương-hỏa

Điều thứ 431. — Người thừa tự là người được thừa hưởng của hương-hỏa mà hưởng dụng thu lợi, được thu các hoa lợi do của hương-hỏa sinh ra ; phải hưởng thụ một cách phải chăng để giữ gìn của hương-hỏa ấy.

Điều thứ 432. — Khi người được thừa-hưởng hương-hỏa đương còn vị-thành niên thời do người chánh-thất quả-phụ người lập hương-hỏa không tái giá hoặc do người giám-hộ người vị-thành-niên quản-trị của hương-hỏa ấy cho đến khi nào thành-niên, trừ khi người lập hương-hỏa định khác thời không kể.

Điều thứ 433. — Nếu người mệnh-một nguyên là thừa-tự mà không có con cháu trai, thời phần hương-hỏa của tổ-phụ người ấy để lại phải giao cho người thừa-tự mới đã theo luật mà đặt ra ; và người chánh-thất quả-phụ phải quản-trị của hương-hỏa ấy cho đến khi đặt xong người thừa-tự mới. Người quả-phụ phải giao của hương-hỏa cho người thừa-tự mới sau khi đã thu-hoạch hoa lợi hiện vụ rồi.

Nếu của hương-hỏa là do người chồng mệnh-một lập ra thời người chánh-thất quả-phụ được quản-trị của hương-hỏa ấy mãn đời, trừ khi nào người chánh-thất

quả-phụ tự ý giao cho người thừa-tự quản-trị thời không kể. Khi nào tái giá thời người chánh-thất quả-phụ ấy buộc phải giao của hương-hỏa ấy cho người thừa-tự, hoặc cho người nào chiếu luật được thay mặt người thừa-tự ấy.

Khi nào người chánh-thất quả-phụ có cầu-hợp với ai hay bất-chánh, thời bắt phải giao lại của hương-hỏa như vậy.

Đều thứ 434. — Khi người thừa-hưởng hương-hỏa bị điên cuồng, bị lưu-thủ, bị giam-cấm hay thất-tung, thời trong khi có sự ngăn trở ấy, của hương-hỏa sẽ do người vợ chính quản-trị, nếu không thời do người con cả đã thành-niên quản-trị, nếu không nữa thời do một người thân gần nhất bên nội của hội-đồng thân-thuộc cử ra quản-trị.

Nếu của hương hỏa không phải là hương-hỏa của cả tôn-phái, thời khi không có con trai đã thành-niên, thời cũng có thể cử một người con gái đã thành-niên để tạm thời quản-trị. Khi hết sự ngăn trở nói rõ ở trên, thời sự hưởng dụng của hương-hỏa ấy sẽ trả lại ngay cho người thừa-tự mà gánh lấy chức trách.

Điều thứ 435. — Người thừa-hưởng của hương-hỏa được tự giữ lấy mà hưởng-dụng, hoặc đem của ấy cho thuê một phần hay toàn phần, nhưng không được cho thuê quá ba năm. Tuy nhiên sau khi đã hết hạn ấy cũng có thể cho thuê lại.

Còn từ-đường thời chỉ khi nào cần thiết lắm mới được đem cho thuê mà thôi. Khi ấy người thừa-hưởng hương-hỏa phải giữ lại một chỗ trong từ-đường ấy để thờ cúng.

Điều thứ 436. — Người thừa-hưởng hương-hỏa phải tu bổ và làm các việc để giữ gìn của hương-hỏa được

như thường. Lại phải làm cả những việc sửa sang lớn, mà có cần thiết, nhưng sự sửa sang ấy không phải dùng quá số tiền hoa-lợi đã được hưởng về phần hương-hỏa, trừ số chi-tiêu về việc thờ cúng ngoại. Khi hoa-lợi hương-hỏa không đủ chi tiêu thời có thể xin Hội-đồng thân-thuộc bổ cấp cho.

Của kiến-trúc gì lâu ngày đổ nát, hoặc vì tai biến bị phá hủy, thời người thừa-hưởng hương-hỏa không bị buộc phải làm lại.

Điều thứ 437. — Người thừa-hưởng hương-hỏa có chức-trách phải canh tác ruộng đất hương-hỏa. Trong khi hưởng-thụ thời phải chịu cả các thuế dịch về bất-động-sản ấy tùy theo số hoa-lợi của hương-hỏa sanh ra.

Điều thứ 438. — Người thừa-hưởng hương-hỏa phải lấy hoa-lợi của hương-hỏa tùy theo số hoa-lợi ấy mà chi tiêu mọi khoản phí tổn về việc phụng-tự cùng việc coi giữ phần mộ. Người thừa hưởng hương-hỏa được lấy một phần trong hoa-lợi ấy để chi-tiêu cho mình.

Điều thứ 439. — Những tài-sản lập làm hương-hỏa sau khi đã giao cho người thừa-tự hưởng-dụng, nếu không có chủ nợ nào của người lập hương-hỏa hay của người để lại di-sản phản kháng gì, thời của hương-hỏa ấy không được tịch, không được cầm bán và không bị tiêu-diệt thời-hiệu. Tuy nhiên những tài-sản gì do ông tổ sáu đời trở lên đặt làm hương-hỏa thời có thể được đem cầm bán và bị tiêu-diệt thời-hiệu.

Khi nào vì việc ích-lợi chung mà nhà nước lấy đất đã đặt làm hương-hỏa, thời hội-đồng thân-thuộc phải chọn một bất-động-sản khác để thay vào bất-động-sản bị lấy đi ấy. Số tiền được cấp giá sẽ dùng tất cả để tạo ra bất-động-sản khác làm của hương-hỏa. Người thừa-hưởng phải đem bất-động-sản mới tạo ra ấy mà đăng-trước vào sổ địa-bộ làm của hương-hỏa.

Điều thứ 440. — Khi nào từ-đường hoặc chỗ thờ đổ nát mà trong thân thuộc không đủ tiền để chi về việc sửa sang và việc thờ cúng mà người thừa-hưởng hương-hỏa không có hoa-lợi để chi cho đủ, thời hội-đồng thân-thuộc có thể cho phép phát mãi một phần hương-hỏa để chi về việc ấy. Khi xây mộ gia-tiên cũng thế.

Lại khi nào sự phát mãi hay sự giao dịch mà có ích lợi cho hương-hỏa thời hội-đồng thân-thuộc cũng có thể cho phép phát mãi và giao-dịch của hương-hỏa được.

Những sự chuyển-dịch đã nói ở trên, nếu muốn đối với người ngoài có giá trị thời phải đem đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch, nếu chỗ nào chưa có sổ ấy, thời phải đăng-ký vào địa-bộ làng sở tại bất-động-sản ấy.

Điều thứ 441. — Khi nào có việc như thiết cần kíp, thời của hương-hỏa có thể đem cầm cố hay bán lai-thục, nhưng phải có hội-đồng thân-thuộc cho phép và không được cầm bán quá mười năm.

Nếu không có hội-đồng thân-thuộc cho phép thời không thể xin tịch-biên của hương-hỏa ấy mà bắt bồi lại số tiền đã đem cầm của hương-hỏa ấy để vay mượn hay bồi lại số tiền đã bán lai-thục của hương-hỏa ấy.

Điều thứ 442. — Những tài-sản do Sắc Chỉ trích trong hạng quan-điền-thổ để trí tự các vị Hoàng-Thân Vương-Công, thời chỉ khi nào có quan Kiêm-Nhiếp Tôn-Nhơn Đại-thần chuẩn cho người chủ-tư mới có thể đem cho thuê, nhưng không được quá hạn ba năm. Tài-sản ấy bao giờ cũng không được cầm bán và không bị tiêu-diệt thời-niệu.

TIẾT THỨ VI

Hương - hỏa chung cuộc

Điều thứ 443. — Gặp những trường - hợp nầy thời hương-hỏa chung cuộc :

1·) Khi trong họ không còn có người thừa-kế đàn ông nào nữa ;

2·) Khi cải-dụng những tài-sản về hương - hỏa do hội-đồng thân-thuận quyết định ; hội-đồng ấy là gồm những người con cháu của ông tổ do hương-hỏa ấy phụng tự ;

3·) Khi toàn thể tài-sản đặt làm hương-hỏa đều bị hủy ;

Con cháu người lập hương-hỏa bao giờ cũng có thể lấy một tài-sản khác để thay vào tài - sản bị hủy,

Điều thứ 444.— Khi hương-hỏa tiêu-diệt thời sau khi đã xóa chữ bị chú là hương-hỏa ở sổ địa-bộ đi, tài-sản ấy tự nhiên trở về sản - nghiệp chung mà theo các thể-lệ về tài-sản thường, trừ khi của hương - hỏa ấy mất đi thời không kể.

TIẾT THỨ V

Sự lưu - chuyển của hương - hỏa

Điều thứ 445. — Sự lưu-chuyển của hương - hỏa cũng theo một thể-lệ như sự lưu-chuyển việc phụng-tự.

Điều thứ 446. — Của hương-hỏa lưu chuyển mãi mãi trong tôn phái. Tuy nhiên quá năm đời thời của hương-hỏa có thể thành ra tự-sản chung của đồng - tông. Khi ấy sẽ tùy theo lời quyết định của hội-đồng thân-thuộc gmồ những con cháu của ông tổ đã đặt ra của hương-hỏa ấy mà hoặc giao việc quản-trị tự-sản ấy cho người thừa-tự trong phái, hoặc giao cho người thân thuộc nào

nhiều tuổi nhất trong phái, hay là luân phiên giao cho mỗi chi do ông tổ ấy sinh hạ để chi tiêu về các việc tế lễ quan trọng.

Của hương-hỏa ấy cũng có thể do hội-đồng thân-thuộc quyết định mà sử-dụng hoặc dùng làm việc khác.

CHƯƠNG THỨ II

Nói về ky-điền

Điều thứ 447. — Ky-điền là một phần bất-động-sản trong gia-tài lập ra để cúng giỗ người lập ky-điền ấy hay là cúng giỗ một người thân-thuộc hay thân-ái của người ấy.

Tùy ý người lập ky-điền hoặc giao cho cả họ, hoặc giao cho một chi, hoặc giao cho một người nào.

Về hai trường hợp trên, việc quản-trị ky-điền sẽ cứ luân phiên giao cho tất cả mọi người trong họ hay trong chi, hoặc giao cho một người đại-biểu mỗi chi.

Khi nào giấy lập ky-điền không định rõ ràng giao cho người nào hay là chi nào thời sự quản-tri ky-điền ấy sẽ giao cho người chủ-tự của người được thờ, nếu không thời giao cho chủ-tự của người đặt ra ky-điền ấy.

Khi nào người giữ ky-điền mệnh-một thời ky-điền ấy sẽ giao cho người thừa-tự của người mệnh-một ấy được kế hưởng quyền-lợi và chịu chức-trách.

Khi nào sự quản-trị ky-điền là do các người trong họ hay trong phái luân phiên, nếu đến phiên người nào mà người ấy mệnh-một, thời người thừa-tự của người ấy sẽ được kế hưởng quyền-lợi và chịu chức-trách về phiên ấy.

Điều thứ 448. — Việc lập ky điền phải làm theo thức như việc lập hương-hỏa. Hạn số ky-điền cũng như hạn số của hương-hỏa.

Phàm đã lập hương-hỏa rồi cũng được lập ky-điền nữa.

Tuy nhiên số ruộng đất hương-hỏa đã đến mãn lệ rồi thời số ky-điện không được quá một phần mười tài-sản của người lập ky-điền, dù số người thừa-kế của người ấy là bao nhiêu cũng vậy.

Điều thứ 449. — Quyền-lợi và chức-trách của người thừa-hưởng ky-điền trong khi đang hưởng-thụ thời cũng giống như quyền-lợi chức-trách của người thừa-hưởng hương-hỏa.

Điều thứ 450. — Kể ra thời ky-điền không được sử-dụng không được tịch, không bị tiêu-diệt thời hiệu, nhưng khi có duyên cớ chánh-đáng, nếu ky-điều do một người lập ra để cúng ky mình hay một người thân-thuộc của mình, thời hội-đồng thân-thuộc có thể quyết-định đem bán hay đem đổi, hay là nếu ky-điền do một người lập ra để cúng ky một người thân ái của mình thời sau khi có quan sở tại cho phép, ky-điền cũng có thể đem phát mãi hay giao-dịch. Chỉ khi nào ky-điền đã theo thường-lệ lập ra, không có sự gian dối gì làm thiệt hại đến quyền lợi của người ngoài và tài-sản đem lập ky-điền ấy đã đăng ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch hay địa-bộ làng sở tại tài-sản ấy, thời sự lập ky-điền ấy đối với người ngoài mới có giá-trị.

Điều thứ 451. — Khi nào người thừa-hưởng ky-điền không tuân làm các chức-trách về việc cúng giỗ, thời hội-đồng thân-thuộc có thể theo ý-nguyện hiền-nhiên hay mặc nhiên mà truất người ấy đi và đặt người khác thay thế.

Điều thứ 452. — Khi không còn người nào thừa-hưởng ky-điền nữa thời ky-điền chung cuộc. Phần tài-sản dùng làm ky-điền lại hoàn về gia-sản chung, hoặc cúng vào chùa, hay vào một hội-sở tế-tự nào để làm ruộng hậu. Khi nào gia-đình ấy tiêu tuyệt cả, mà trước kia không

có điều khoản gi định về việc nầy, thời phần ky-điền ấy, nhập làm công-điền công-thổ của làng.

CHƯƠNG THỨ III

Nói về Hậu-điền

Điều thứ 453 — Hậu-điền là phần bất-động-sản do một người lập ra hoặc cúng vào chúa, hoặc cúng vào một tự sở hay một hội sở nào khác đã được phép lập ra, hoặc cúng vào hàng thôn hàng ấp, hàng giáp, hàng xóm, mà đã được công nhận là có tư-cách pháp-nhân hoặc cúng vào hàng xã, để cúng giỗ người lập ra hậu-điền, hay cúng giỗ bà con bên nội bên ngoại người ấy, theo ngày đã định sẵn.

Điều thứ 454. — Việc lập hậu điền phải làm ra giấy tờ do công-chức thị thực và phải biên chú rõ người nào thuận nhận hậu-điền ấy. Chứng-thư ấy phải do người lập hậu-điền và người theo luật được thay mặt các hội-sở hay đoàn-thể được thừa-hưởng hậu-điền ấy ký tên. Nếu các người trên nầy không biết ký hay không thể ký tên được cũng phải biên vào trong giấy là không biết ký rồi in dấu ngón tay vào.

Giấy tờ ấy phải làm ra hai bản, một bản do một người lập hậu-điền hay con cháu người ấy chấp chiếu, còn một bản do người thừa hưởng hậu-điền chấp chiếu.

Điều thứ 455. — Giấy ấy phải biên rõ vị trí, diện-tích bất-động-sản đã lập thành hậu-điền, bất-động-sản ấy, bất cứ là ruộng, đất, hay vườn đều không được quá ba mẫu, lại phải định rõ chức-trách người được hưởng ky-điền mỗi kỳ lễ-tiết phải chi biện phẩm vật gì là bao nhiêu.

Điều thứ 456. — Việc quản-trị hậu-điền thời thuộc về người sư nam sư nữ trong chùa hay là người trùm trưởng đoàn-thể nào được hưởng hậu-điền ấy.

Quyền-lợi và chức-trách aủa người được hưởng hậu-điền cũng như quyền-lợi chức-trách người hưởng-dụng thu - lợi.

Điều thứ 457. — Hậu-điền không thể đem cho đi được. Khi nào người lập hậu-điền hay con cháu người ấy thuận tình thời hậu-điền cũng có thể chuyển - mãi hay giao-dịch, nếu không còn người lập hậu-điền cũng không có con cháu người ấy thời phải có quan sở-tại nơi hậu-điền ấy cho phép mới được. Chỉ khi nào sự lập hậu-điền là không phải gian-dối để làm thiệt hại quyền-lợi các chủ nợ của người lập hậu-điền và đã đem việc lập hậu-điền ấy mà bị chú vào sổ bảo-tồn điền-trạch, nhà địa-chánh hay là địa bộ làng sở-tại thời hậu-điền không được tịch và không bị tiêu-diệt thời-hiệu.

Điều thứ 458. — Khi nào người được hưởng hậu-điền không làm theo chức trách thời người lập hậu-điền hay con cháu người ấy được đòi trả lại.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

Quyển thứ III

NÓI VỀ TÀI-SẢN

THIÊN THỨ I

Sự phân biệt các tài-sản

Điều thứ 459. — Tài-sản có cái là động-sản, có cái là bất-động-sản.

CHƯƠNG THỨ I

Nói về bất động-sản

Điều thứ 460. — Có thứ tự nguyên-chất là bất-động-sản, có thứ vì công dụng mà thành ra là bất-động-sản, hoặc có thứ vì quyền sở-dụng thuộc về bất-động-sản mà thành bất-động-sản.

Điều thứ 461. — Những thứ tự nguyên-chất là bất-động-sản là :

1·) Điền địa ;

2·) Nhà cửa, trừ những nhà có thể tháo ra lắp lại mà không hư hại nhiều ;

3·) Tường vây chung quanh, hàng lủy, hàng rào ;

4·) Ao, hồ, hào, rảnh, sông đào và lòng sông ;

5·) Đê, đập và những công trình xây đắp khác để chắn nước ;

6·) Các rừng núi, và cây cối mọc liền trên đất ;

7·) Các thứ mỏ khoáng-chất cùng hầm đá mà chưa lấy lên ;

8·) Các hoa lợi, mùa màng, tuy đã chín rồi mà chưa gặt hái ; khi đã gặt rồi thời là động-sản, dù chưa đem về nhà cũng vậy, và nếu một phần mùa màng đã gặt rồi, thời phần gặt rồi ấy cũng là động-sản ;

Và phàm những vật tuy nguyên-chất là động-sản nhưng là phụ thuộc cốt yếu của ruộng đất nhà cửa, như là cột mốc-giới, rào dậu của một cánh đồng, cánh cửa nhà ở.

Điều thứ 462. — Những thứ vì công-dụng mà thành là bất-động-sản là hết thảy các động-sản, bất cứ nguyên-chất gì, mà người chủ đặt trong đất nhà của mình để dùng về việc khai-khẩn, việc ích-lợi hay để trang hoàng đất nhà ấy, hoặc đặt vĩnh-viễn, hoặc đặt nhứt thời, hễ hoặc do ý muốn của người chủ, hoặc do giấy hợp đồng như khế-ước về việc thuê mướn mà phải đặt các đồ vật ấy vào đất nhà, thời đồ vật ấy cũng là bất-động-sản.

Những động-sản mà người có quyền hưởng-lợi tạm thời về nhà đất đem đặt trong nhà đất ấy cùng một mục-đích như đã nói trên, thời cũng là bất-động-sản.

Tất cả các vật ấy hễ khi nào có hiện tại ở trong nhà đất đó thời là bất-động-sản.

Điều thứ 463. — Nếu không có bằng chứng gì trái lại, thời đại khái những vật hạng như sau nầy đều cho là bất-động-sản vì công-dụng :

1·) Những nhà có thể tháo ra lắp lại được ;

2·) Những loài súc-vật dùng để cày bừa, hoặc để khai-khẩn ruộng đất ;

3·) Những đồ làm ruộng ;

4·) Hạt giống, rơm rạ, phân tro để khai khẩn ruộng đất ;

5·) Máy móc cùng khí cụ dùng để chế-hóa và làm thêm giá-trị cho các nông-sản trong ruộng đất ;

6·) Máy móc đồ dùng làm trong các xưởng công-nghệ như là xe kéo mật và ép dầu, nồi máy, nồi cất rượu và thùng chứa rượu ;

7·) Cá trong ao, ong trong tổ, chim bồ câu trong chuồng ;

8·) Những bức vẻ, bức bàn, tấm gương, đồ chạm hoặc đồ trang sức khác, những ống và máy điện đặt liền với nhà cửa mà không thể tháo ra mà không hư hại được ; hoặc khi những đồ kể trên nầy mà người ta đã lấy vôi hay xi-măng để gắng vào một bất-động-sản nào, hoặc khi những đồ ấy không thể tháo ra mà không khỏi bị gảy, bị bể, hay làm hư hại những chỗ của bất-động-sản mà các đồ ấy đã gắn vào.

Điều thứ 464. — Các thứ vì quyền sở-dụng thuộc về bất-động-sản mà thành ra bất-động-sản là :

A) Những vật-quyền thuộc về bất-động-sản như sau nầy :

1·) Quyền sở hữu ;

2·) Quyền hưởng-dụng thu-lợi ;

3·) Quyền dùng và quyền ở ;

4·) Quyền cho thuê dài hạn ;

5·) Quyền địa-dịch ;

6·) Quyền cầm-cố bất-động-sản ;

7·) Quyền để-đương.

B) Quyền đi kiện để đòi một bất-động-sản.

CHƯƠNG THỨ II

Nói về động-sản

Điều thứ 465. — Có thứ tự nguyên-chất là động-sản, hoặc có thứ vì pháp-luật chỉ định mà là động-sản.

Điều thứ 466. — Các thứ tự nguyên-chất là động-sản là những vật có thể chuyển-dịch đi được, hoặc tự mình nó như các súc-vật, hoặc nhờ sức ngoài như các đồ-vật.

Điều thứ 467. — Các tàu, các thuyền bè và các nhà cửa có thể tháo ra lắp lại mà không hư hại nhiều đều là động-sản.

Điều thứ 468. — Những vật-liệu do dỡ một cái nhà cũ mà ra, cùng những vật-liệu xếp lại để xây dựng nhà mới, thời kể là động-sản cho đến lúc đã dùng vào một công-tác gì thuộc vào hạng bất-động-sản.

Điều thứ 469. — Các thứ vì pháp-luật chỉ định mà là động-sản là :

1·) Những vật-quyền thuộc về động-sản và quyền đi kiện để đòi hay là truy về một động-sản ;

2·) Những cổ-phần trong 1 hội buôn hay hội thường ;

3·) Các nghiệp-bổn buôn bán ;

4·) Các món nợ ;

5·) Các lợi-tức phiếu-thải ;

6·) Những quyền nghiệp-chủ thuộc về văn-tự, mỹ-thuật và kỷ-nghệ.

CHƯƠNG THỨ III

Tài-sản đối với người có quyền chấp-hữu

Điều thứ 470. — Một người hay một pháp-nhân tư (1) có thể chấp-hữu riêng một tài-sản và hành-dụng riêng một vật-quyền, hoặc nhiều người có một phần chung trong tài-sản hay quyền lợi ấy cũng thế ; hoặc một bọn người hay là cả đồng-dân lập thành một pháp-nhân công (2)

---

(1) Pháp-nhân tư đại khái như là các hội thương-mải, các hội thường, v.v.,.. mà đã được phép thành-lập.

(2) Pháp-nhân công đại khái như là Nhà-nước, làng hay xã, v.v...

như điều 292 luật nầy đã định cũng có thể chung nhau mà chấp-hữu một tài-sản hay là hành-dụng một vật-quyền.

Những tài-sản thuộc về hạng thứ nhất nói trên nầy là của riêng của cá-nhân hay pháp-nhân tư, những tài-sản thuộc về hạng thứ nhì là của công và của tư các đoàn-thể.

Điều thứ 471. — Các cá-nhân cũng như các đoàn-thể đối với bất-động-sản chỉ có những quyền đã kể rõ ở điều 464 trên nầy.

Điều thứ 472. — Các cá-nhân cùng pháp-nhân tư đều có quyền tự-do sử-dụng tài-sản và quyền-lợi của mình, duy phải theo thể-lệ luật định.

Điều thứ 473. — Những pháp-nhân công mà không phải là Nhà-nước, về đường thiết-lập, quản-trị hay chuyển-dịch tài-sản mình, thời phải theo thể-lệ đã định riêng cho các pháp-nhân công ấy.

Điều thứ 474. — Bất-động-sản của pháp-nhân công đã nhứt định đem dùng về việc ích chung là của công.

Bất-động-sản ấy trong khi dùng về việc ích chung thời nhất thiết không chuyển-dịch được.

Điều thứ 475. — Những tài-sản bỏ không và vô chủ, ở địa-hạt xứ Trung-kỳ, cùng là tài-sản của dân mình chết mà không có người thừa-kế, hay di-sản không ai thừa-nhận, thời nhập làm công-sản của Nhà-nước.

Những tài-sản nầy thời do Bộ Tài-chánh chịu trách-nhiệm trông nom, quản-trị và thanh-toán theo lệ định riêng, trừ những quyền-lợi của các làng được hưởng theo thể-lệ định ở điều 338 luật nầy thời không kể.

Khi một cá-nhân nào khai xin bỏ quyền nghiệp-chủ về một bất-động-sản mình để khỏi nạp thuế, thời bất-động-sản ấy thuộc về quyền nghiệp-chủ của làng sở-tại và nhập vào hạng công-điền công-thổ không thể chuyển-dịch được, chiếu theo như thể-lệ do quan Thượng-thơ bộ Tài-chánh thương đồng với qui Khâm-Sứ Đại-Thần mà định ra.

Sự không nạp thuế luôn năm năm thời cũng coi như là đã mặc-nhiên bỏ quyền nghiệp-chủ, sự bỏ quyền nghiệp-chủ ấy sẽ có bản án chứng-nhận, quan Thượng-thơ bộ Tài-chánh thương đồng cùng qui Khâm-Sứ Đại-thần mà đứng ra khởi-tố.

THIÊN THỨ II

CHƯƠNG THỨ I

Nói về quyền nghiệp-chủ

Điều thứ 476. — Quyền nghiệp-chủ là quyền hưởng dụng và sử-dụng các vật một cách tuyệt-đối và về phần riêng, miễn đừng dùng quyền ấy đến nỗi phạm vào những điều luật cấm.

Điều thứ 477. — Nếu không phải vì việc công ích và không có tiền cấp giá trước cho thích-đáng, thời không ai có thể bị bắt phải nhường quyền nghiệp-chủ của mình cả.

Cho được tiện việc công tác về công ích thời có thể bắt người nghiệp-chủ phải tạm nhượng quyền chấp-hữu tài-sản của mình, miễn là phải cấp giá cho người ta.

Điều thứ 478. — Người nào không có quyền lợi đối với một tài-sản mà nhận giử tài-sản ấy thời người có quyền nghiệp-chủ có thể đòi lại và khi có người muốn chiếm đoạt tài-sản ấy, thời có thể chống cự lại, trừ khi có luật định khác, tức như điều 572 sau nầy, thời không kể.

Điều thứ 479. — Quyền nghiệp-chủ một vật động-sản hoặc bất-động-sản thời kiêm cả quyền được hưởng tất cả các vật của nó sinh ra hay các vật phụ-thuộc theo nó, hoặc do tự-nhiên mà có, hoặc là tự người làm ra ; quyền ấy gọi là quyền phụ-thiêm.

CHƯƠNG THỨ II

Quyền phụ-thiêm về sản-vật của tài-sản sinh ra

Điều thứ 480. — Các sản-vật của ruộng đất, các con vật do gia-súc đẻ ra, các hoa-lợi về hộ-luật đều thuộc về quyền phụ-thiêm của người nghiệp-chủ.

Điều thứ 481. — Người nghiệp-chủ có chịu trả lại những tiền phí cày bừa, làm lụng, giống-má của người đệ-tam xuất ra để làm cho tài-sản mình sinh ra hoa lợi, thời mới được nhận hưởng những hoa-lợi ấy.

Điều thứ 482. — Người nào do tình ngay mà chấp-hữu một tài-sản, thời mới được nhận hoa-lợi tài-sản ấy làm của mình, bằng không mà người có quyền nghiệp-chủ đòi lại thời người chấp-hữu phải trả lại cả tài-sản cùng hoa-lợi.

Điều thứ 483. — Một người chấp-hữu một tài-sản như người nghiệp-chủ, vì có khế-tự, nhưng khế-tự bất-hợp-pháp mà mình không biết, thời cho là có tình ngay.

Khi nào biết sự bất-hợp-pháp ấy rồi mà cứ chấp-hữu thời không thể cho lạ có tình ngay nữa.

Người chấp-hữu được dự đoán là có tình ngay, nếu người nghiệp-chủ muốn đòi lại hoa-lợi thời phải viện ra chứng cớ tỏ rằng người chấp-hữu ấy đã biết khế-tự ấy là bất-hợp-pháp rồi.

CHƯƠNG THỨ III

Quyền phụ-thiêm về mọi vật phụ-hợp và sáp-nhập vào tài-sản

Điều thứ 484. — Phàm cái gì phụ-hợp và sáp-nhập vào tài-sản là thuộc quyền người nghiệp-chủ, theo như thể-lệ định sau nầy.

Điều thứ 485. — Quyền nghiệp-chủ thuộc về điền-địa là gồm cả quyền nghiệp-chủ ở trên và ở dưới mặt đất, trừ các mỏ thời phải theo luật lệ định riêng mới nhận lấy được.

Ở trên mặt đất thời người nghiệp-chủ có quyền trồng trọt và xây dựng gì cũng được, trừ những điều luật lệ hạn chế không kể, nhất là những điều định ở thiên nói về địa-dịch.

Ở dưới đất thời có quyền xây dựng và khai đào gì cũng được, và khai đào được sản-vật gì thời có quyền thu dụng, trừ những điều hạn-chế thuộc luật-lệ khai mỏ và luật-lệ cảnh-sát thời không kể.

Điều thứ 486. — Nếu không có bằng chứng trái lại, thời phàm công tác, nhà cửa và cây cối ở trên đất hay ở dưới đất cũng coi là người nghiệp-chủ xuất tiền làm ra và là của người ấy cả.

Điều thứ 487. — Người chủ đất mà đã làm nhà cửa, trồng trọt và xây đắp gì bằng những vật-liệu gì của người khác, thời phải trả tiền vật-liệu ấy, lại có thể bị xử bồi tổn hại nữa; nhưng người chủ vật-liệu ấy không có quyền lấy vật-liệu đi được.

Điều thứ 488. — Nếu một người đệ-tam dùng vật liệu của mình mà trồng trọt hoặc làm nhà cửa hay xây đắp gì trên đất người khác, thời người chủ đất ấy có quyền giữ lấy hay là bắt phải dỡ đi.

Nếu người chủ đất kia đòi triệt-hủy cây cối hay nhà cửa đi, thời người đã làm ra phải chịu sở-phí, không được bồi khoản gì. Nếu người chủ đất có thiệt hại gì, thời người làm ra đó lại bị xử bồi tổn-hại nữa.

Nếu người chủ đất muốn lưu giữ cây cối và các thứ kiến-trúc ấy thời phải trả giá tiền vật-liệu nhân-công,

nhưng không kể sự trồng-trọt, kiến-trúc ấy đã làm cho đất tăng giá trị lên ít nhiều.

Điều thứ 489. — Tuy nhiên nếu người đệ-tam đã làm những việc trồng-trọt, kiến-trúc ấy mà không được hưởng, nhưng vì tình ngay nên không phải hoàn hoa-lợi lại cho người chủ đất, thời người chủ nầy không có thể đòi triệt-hủy cây cối, kiến-trúc của người đệ-tam ấy đã làm ra, nhưng người chủ có thể tùy ý mình mà chiếu giá vật-liệu nhân-công mà trả lại, hoặc trả một số tiền bằng cái giá đất ấy đã tăng lên.

Điều thứ 490. — Những cù-lao lớn nhỏ và những bãi phù-sa nổi lên ở giữa hay ở hai bên bờ sông hoặc bằng đất bùn, cát và đá sỏi, hoặc vì khúc sông bên lở bên bồi mà thành ra, đều thuộc về công-sản.

Nếu một con sông lớn hay sông nhỏ mà đổi giòng nước chảy, thời đất lòng sông củ thuộc về công-sản.

Quan Thượng-thơ bộ Tài-chánh có thể thương đồng với các quan Bảo-Hộ sẽ xét một cách công-bằng mà cho phép làng hay tư-chủ nào đã bị thiệt-hại về sự lở bồi hay sự đổi giòng nước chảy đó, được canh-tác những đất tân bồi hay lòng sông củ ấy mà khỏi phải trả tiền.

Điều thứ 491. — Những bãi tân-bồi ở duyên hải là thuộc về công-sản.

Điều thứ 492. — Giới-hạn các hồ, ao, đầm là nhất định, dù mặt nước lên hay xuống cũng không thể thay đổi thêm hay bớt cho nghiệp-chủ được. Giới-hạn ấy là giới hạn mặt nước lên đến khi tràn bờ.

Điều thứ 493. — Nếu một con sông lớn hay nhỏ chia ra thêm một giòng mới nữa mà chảy ngang cắt đứt hay tràn qua ruộng đất một tư-chủ, làm thành một hòn cù-lao, thời người tư-chủ ấy vẫn được giữ quyền nghiệp-chủ ruộng đất mình.

Điều thứ 494. — Những chim bồ câu đến chuồng nào và cá đến ao hay vũng nuôi cá nào thời người chủ chuồng và chủ ao hay chủ vũng ấy được quyền nghiệp-chủ, miễn là không dùng gian kế mà nhữ đến thôi.

Điều thứ 495. — Người nào dùng vật-liệu không phải của mình mà chế-tạo ra đồ đạc gì, nếu công làm đắt giá hơn vật-liệu thời được giử lấy đồ đạc ấy, nếu không thời phải trả lại cho người chủ có vật-liệu; về trường-hợp thứ nhứt người làm ra đồ đạc phải trả giá tiền vật-liệu, về trường-hợp thứ nhì thời người có vật-liệu phải trả giá tiền công.

Nếu người chế-tạo không có tình ngay, thời tuy công làm đắt giá hơn vật-liệu, quan tòa sẽ xử giao đồ vật ấy cho chủ có vật-liệu, và như có cần thời tùy theo tình trạng mà xử người chủ có vật-liệu phải trả tiền vừa phải cho người chế-tạo ấy.

Điều thứ 496. — Khi nào những vật của nhiều chủ-nhập chung lại thành một vật mới, không thể phân rẽ ra mà không khỏi hư hại và tốn công của nhiều, thời những người ấy thành ra chủ chung của vật mới ấy, cứ chiếu theo số vật, tánh-chất hay giá vật của mỗi phần lúc mới chung nhập mà định số sai-phân về quyền nghiệp-chủ của mỗi người.

Trong hai vật chung nhập với nhau mà một vật là chính, một vật là phụ, thời người chủ vật chính được lấy vật mới nhưng phải trả giá tiền vật phụ cho người chủ kia

Điều thứ 497. — Người nào lẻn dùng vật-liệu của người khác thời có thể bị xử bồi-thường tổn hại cho người có vật-liệu ấy và có thể bị truy-cứu về mặt hình nữa.

CHƯƠNG THỨ IV

Nói về quyền đồng-nghiệp-chủ

Điều thứ 498. — Khi nào nhiều người đã chung phần có quyền nghiệp-chủ một vật gì mà không có thể phân ra được, thời các người ấy là đồng-nghiệp-chủ vật ấy. Phần của các người ấy cho là bằng nhau.

Mỗi người đồng-nghiệp-chủ có quyền-lợi trách-nhiệm nghiệp-chủ về phần mình. Phần đó tự mình có thể cầm bán được và chủ nợ có thể tịch được.

Điều thứ 499. — Phàm đồng-nghiệp-chủ đều quản-trị tài-sản chung, trừ có lời ước khác thời không kể.

Vậy thời mỗi người đồng-nghiệp-chủ có thể trông coi quyền-lợi chung và được hưởng-dụng tài-sản chung, nhưng không được xâm-phạm đến quyền của người khác.

Điều thứ 500. — Nếu phần đông người không quyết-định cách khác, thời mỗi người đồng-nghiệp-chủ đều có tư-cách làm mọi sự quản-trị thường, như các việc tu-bổ cùng canh-tác.

Những việc quan-trọng hơn như là thay đổi cách trồng trọt cùng làm những sự tu-lý lớn lao, tất phải có phần đa số các người đồng-nghiệp-chủ họp cả từng phần riêng lại được quá nữa tài-sản chung thời mới quyết định được.

Muốn chuyển-dịch, cầm-cố hay đặt các vật-quyền khác cùng là đổi cách sử-dụng thuộc về tài-sản chung thời cần phải có các người đồng-nghiệp chủ hợp ý mới được, trừ những người ấy đã đồng tình đặt ra thể-lệ khác thời không kể.

Điều thứ 501. — Phàm những tiền chi-phí về việc quản-trị, các tiền thuế-lệ thuộc về quyền nghiệp-chủ chung hay là thuộc về đồ-vật chung, là do tất cả các đồng-nghiệp-chủ chiếu theo phần mình mà chịu, trừ khi có điều-khoản định khác thời không kể ; nếu một người đồng-nghiệp-

chủ đã trả quá phần của mình đáng trả thời có thể đòi những người kia về phần trả quá đó, duy nếu có người nào không trả được thời thôi.

Điều thứ 502. – Nếu không có giấy tờ bắt phải để tài-sản ấy làm của chung, hay là không có chủ-đích để dùng tài-sản ấy về một việc vĩnh-viễn, thời không người đồng-nghiệp-chủ nào phải bắt buộc để tài-sản chung làm của chung mãi, một người đồng-nghiệp-chủ nào bao giờ cũng có quyền đòi đem tài-sản chung ra chia được.

Điều thứ 503. — Những người đồng-nghiệp-chủ có thể đồng-ý với nhau mà định cứ giử làm của chung, nhưng chỉ được tạm thời mà thôi, và một lời ước như thế không có hiệu-lực ngoài một hạn năm năm được.

Tuy-nhiên lời ước ấy, khi hết hạn, có thể lập lại được.

Lời ước ấy phải có công-chức thị-thực mới có hiệu lực, và nếu nơi làm lời ước ấy có địa bộ thời phải đăng-ký vào địa-bộ, mới có giá-trị đối với người đệ-tam.

Điều thứ 504. – Những khi như sau nầy thời quyền đồng-nghiệp-chủ đình-chỉ : khi đem của chung ra mà chia nhau, khi đem ra bán hoặc bằng cách hòa-mại, hoặc bằng cách đấu-giá, rồi lấy tiền bán được mà chia nhau ; hay là khi một hay là nhiều người đồng-nghiệp-chủ mua lại phần của người khác.

Nếu các người đồng-nghiệp-chủ không thuận nhau về cách phân-chia, thời tòa-án nào đã thọ-lý việc xin chia ấy truyền đem hiện-vật ra chia, và nếu đem ra chia mà đồ vật bị giảm giá đi nhiều, thời tòa-án tùy theo tình-trạng truyền đem bán đấu giá, hoặc trước công-chúng, hoặc bán trong những người đồng-nghiệp-chủ với nhau.

Điều thứ 505. — Khi đem hiện-vật ra chia mà các lô không được cân nhau, thời người nọ có thể bồ (bù) tiền cho người kia ; nếu các người đồng-nghiệp-chủ không

thuận tình với nhau về sự phân phát các lô thời dùng cách rút thăm mà phân phát, khi phân phát xong, người nào cũng được tự-do thỏa đổi phần mình với phần người khác.

Điều thứ 506. — Đối với những đất như là giáp-điền, hậu-điền, kỵ-điền, tư-văn-điền, yến-lão-điền, thần-từ-điền, phật-tự-điền và học-điền thời các thể-lệ trên nầy thuộc về quyền đồng-nghiệp-chủ không thi-hành, các hạng ấy đều theo thể-lệ riêng.

Điều thứ 507. — Thuộc về những tài-sản như sau nầy thời sự công-đồng bị bắt buộc phải để nguyên và không thể phân chia ra được :

1·) Những điền-địa cùng công-tác dùng về phần mộ của người trong một họ ;

2·) Những khoảng đất dùng chung cho nhiều bất-động-sản như là đường cái, đường kiệt, lối đi, v.v... ;

3·) Các tường rào chung cho những bất-động-sản liên tiếp nhau.

CHƯƠNG THỨ V

Nói về tường-lủy chung

Điều thứ 508. — Sự công-đồng thuộc về tường-lủy gọi là tường-lủy chung.

Tường-lủy nào công-đồng thuộc về hai người nghiệp-chủ của hai đám đất mà tường-lủy ấy ngăn ra, gọi là tường-lủy chung.

Điều thứ 509. — Tu-bổ và làm lại một bức tường chung thời những chủ có quyền-lợi vào đó phải chiếu phần nhiều ít mà chịu.

Người đồng-nghiệp-chủ nào cũng có thể không chịu tiền tu-bổ và chữa sửa các tường-lủy chung mà bỏ quyền hưởng-dụng chung, trừ khi các tường-lủy chung đó là để

chống giữ cho một nhà cửa nào của mình thời không kể.

Điều thứ 510. — Một người đồng-nghiệp-chủ, nếu không có người đồng-nghiệp-chủ kia thuận-tình thời không được tự-do đâm xoi vào bức tường chung và làm cái gì dựa bám vào đó ; nếu người đồng-nghiệp-chủ kia không thuận hay không cho làm thời phải có kẻ giám-định chỉ về cách-thức để làm cho khỏi thiệt-hại cho chủ kia.

Điều thứ 511. — Người nghiệp-chủ nào mà đất mình liên tiếp với một bức tường thời được quyền xây dựng áp vào bức tường ấy để cho đất mình khỏi có chỗ trống vô-ích, nhưng nếu có nên thời phải trả tiền tổn-hại cho người láng-giềng.

Điều thứ 512. — Những người đồng-nghiệp-chủ có thể làm nhà dựa theo tường chung và đặt những rường hoành trong suốt phần tường, trừ ra năm phân tây, nhưng nếu người kia cũng muốn đặt những rường hoành vào chính chỗ ấy thời họ có quyền bắt mình bào lui những rường hoành của mình đến nữa thân tường được.

Điều thứ 513. — Mỗi người đồng-nghiệp-chủ có thể xây cao thêm tường chung lên được, nhưng phải chịu cả tiền xây, tiền tu-bổ về phần xây thêm đó, và lại phải chiếu giá mà trả cho người chủ kia tiền phí-tổn vì sự xây cao thêm tường mà phải gánh chịu thêm.

Điều thứ 514. — Nếu bức tường chung không thể chịu nổi sự xây cao lên đó, thời người muốn xây cao thêm phải xuất tiền xây lại cả bức tường, mà bề dày tăng ra bao nhiêu thời phải lấy về bên đất của mình.

Điều thứ 515. — Người láng-giềng trước kia không chịu tiền xây cao thêm tường đó, có thể xin hưởng quyền công-cọng về tường ấy được, nhưng phải chịu nữa tiền kinh-phí về việc xây thêm, và nếu có nên thời lại phải trả giá tiền một nữa số đất về bề dày thêm của cái tường ấy.

Điều thứ 516. — Phí-tổn giữ gìn tường-lủy chung thời phải chịu chung, nhưng người đồng-nghiệp-chủ nào cũng có thể không chịu tiền mà bỏ quyền hưởng dụng chung, nhưng khi tường lủy chung ấy là một công-tác hay một cái hào thường dùng làm mương nước thời không thể bỏ quyền hưởng chung ấy được.

Điều thứ 517. — Người chủ nào có đất tiếp giáp với một bức tường, một cái hào, một cái hàng rào hay một cái lủy, mà không phải của chung, thời không được bắt chủ tường ấy, hào ấy, hàng rào hay lủy ấy phải nhường cho mình làm của chung được.

Người đồng-nghiệp-chủ một cái hàng rào chung có thể phá hàng rào chung ấy đến giáp giới đất mình, nhưng phải xây một cái tường ở giới-hạn ấy.

Người nghiệp-chủ một cái hào hay bờ chung cũng có thể phá hào bờ ấy như cách đã nói ở trên nầy, nếu hào bờ ấy chỉ dùng làm phân giới chung mà thôi.

Điều thứ 518. — Những cây cối ở rào lủy chung thời cũng là của chung như rào lủy. Những cây trồng giữa đường phân-giới hai sở đất, cũng cho là của chung. Cây ấy khi chết đi, đốn xuống hay nhổ lên, thời phải chia đôi. Có hoa-lợi thời phải chia đôi và có sở phí phải chịu chung, dù hoa-lợi ấy tự-nhiên rụng, hay là làm cho rụng xuống, hay là hái xuống cũng thế.

Người đồng-nghiệp-chủ được quyền bắt nhổ những cây cối của chung ấy nhưng nếu có nên thời phải trả tiền tổn-hại cho chủ kia.

CHƯƠNG THỨ VI

Nói về sự thủ-đắc và di-chuyển quyền nghiệp-chủ

Điều thứ 519. — Trừ khi dùng quyền phụ-thiêm ngoại, quyền nghiệp-chủ lấy được và chuyển đi được vì hiệu-lực

của quyền thừa-kế, của chúc-thư, của khế-ước và của sự phát-mại do quan Tòa truyền.

Quyền đó lại có thể lấy được bằng cách chấp hữu và bằng thời-hiệu.

TIẾT THỨ NHẤT

Nói về sự thủ-đắc và di-chuyển bất-động-sản và những vật quyền bất-động-sản

Điều thứ 520. — Chỗ nào có địa-bộ thời sự di-chuyển các quyền thuộc về bất-động-sản cho người thủ-đắc phải đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch mới có thực-trạng và được hoàn toàn.

Người nào có thủ-đắc được một bất-động-sản hay một vật quyền khác về bất-động-sản thời tuy chưa đăng vào sổ bảo-tồn điền-trạch mà cũng có quyền nghiệp-chủ rồi, nhưng khi đã đăng vào sổ rồi thời quyền nghiệp-chủ mới có thể viện ra để chống lại với người đệ-tam, và người nghiệp-chủ ấy mới được quyền sử-dụng.

Điều thứ 521. — Những khoản-ước về việc di-chuyển bất-động-sản, về việc lưu chuyển hay lập ra những vật-quyền về bất-động-sản, thời phải có viên-chức thị-thực để đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch mới có giá-trị.

Điều thứ 522. — Quyền nghiệp-chủ thành lập là bởi sự đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch theo cách-thức đã có lệ định.

Điều thứ 523. — Sự chấp-hữu lâu ngày một bất-động-sản nào, khi đã hợp cách-thức định ở thiên thứ III quyển nầy, mới thành quyền nghiệp-chủ được.

Điều thứ 524. — Quyền nghiệp-chủ điền-địa tiêu-diệt bởi hai cách : hoặc mất hẳn bất-động-sản ấy hoặc bị xóa trong sổ bảo-tồn điền-trạch.

Sự lập ra sổ bảo-tồn điền-trạch, cách giử gìn cùng hiệu

quả ích-lợi của sổ ấy như là làm trích-lục để phát cho nghiệp-chủ, trích-lục ấy có hiệu-lực đối với người nghiệp-chủ và người đệ-tam ra sao đều theo thể-lệ riêng về việc bảo-tồn quyền nghiệp-chủ và các quyền thuộc về bất-động-sản.

Muốn cho các sự chuyển-dịch được chắc chắn thời những thể-lệ ấy đều phải nhất-luật trong xứ, và sẽ do Chánh-phủ Bảo-hộ thương đồng với Chánh-phủ Nam-triều mà làm ra. Chánh-phủ trông coi cho các thể-lệ ấy không trái với luật nầy.

TIẾT THỨ II

Nói về thủ-đắc và di-chuyển quyền nghiệp-chủ về động-sản

Điều thứ 525. — Di-chuyển quyền nghiệp-chủ về động-sản thời phải có giao cho người ta chấp-hữu mới được.

Người nào có tình ngay thẳng mà được người ta giao quyền nghiệp-chủ một vật động-sản cho, thời tiện thị được quyền nghiệp-chủ về vật ấy, dầu người đứng giao không đủ tư-cách mặc lòng, cứ chiếu theo thể-lệ thuộc về quyền chấp-hữu thời người ấy được quyền nghiệp-chủ về vật ấy, trừ ra khi phải tuân theo thể-lệ định ở điều 571 và 572 sau nầy thời không kể.

Khi người thủ-đắc đã tuân theo tục-lệ trong xứ hay thể-lệ riêng thuộc về việc bán một vài thứ động-sản mà mua, thời người ấy là có tình ngay rõ rệt.

Điều thứ 526. — Nhận lấy một vật vô-chủ để làm của mình gọi là chiếm-hữu ; sự chiếm-hữu tức là một cách thu lấy một vật vô chủ.

Điều thứ 527. — Khi người nghiệp-chủ một động-sản

nào bỏ vật ấy đi không làm nghiệp-chủ nữa, thời vật ấy thành ra vô chủ.

Điều thứ 528. — Các giống vật hoang còn ăn ở tự-do ngày nào thời còn là vật vô chủ.

Các giống vật đã bắt về mà sổ ra, mà người nghiệp-chủ không đi tìm liền và kiếm luôn thời cho là vật vô-chủ.

Những giống vật bắt về nuôi mà nó lại trở lại thành giống vật hoang hẳn cũng là vô-chủ.

Cá các hồ và ao tư đều không phải là vật vô-chủ.

Nếu một đàn ong rời đi chỗ khác mà người nghiệp-chủ không theo đuổi tìm ngay và bỏ đi thời cho là ong vô-chủ.

Điều thứ 529. — Người nào nhận lấy một vật động-sản vô-chủ mà có ý làm chủ vật ấy, thời được có quyền nghiệp-chủ về vật ấy bởi sự chiếm-hữu.

Tuy nhiên, nếu chiếm-hữu trái pháp-luật hay là nhận thủ mà làm tổn-hại quyền lợi người khác, thời quyền nghiệp-chủ ấy là không thành.

Điều thứ 530. — Người nào được vật gì của người ta đánh mất thời phải tin cho người nghiệp-chủ biết và nếu không biết chủ là ai, thời phải báo quan chức ngay.

Có thể giao vật ấy cho quan-chức hay là giử lấy cũng được. Khi giá vật không quá năm hào thì không cần gì phải báo.

Lại phải tuân theo thể-lệ điều 351 luật hình nữa.

Điều thứ 531. — Vật gì bắt được thời phải giử gìn cho cẩn-thận.

Khi nào giử một vật gì mà tốn tiền nhiều, hoặc sợ nó hủy mất đi, hay là giao tại quan-chức giữ đã hơn một năm, thời quan chức có thể cho phép đem vật ấy ra đấu giá phát-mại. Số tiền bán sẽ thế cho vật ấy.

Điều thứ 532. — Nếu người nghiệp-chủ trong một năm kể từ ngày báo quan-chức mà không tìm ra được, thời

người đã tìm được vật đó mà đã làm hết bổn-phận mình, sẽ được quyền nghiệp-chủ về vật ấy.

Khi vật đã mất hoàn nguyên-chủ, thời người bắt được có quyền đòi phải bồi lại cho mình các tiền phí-tổn về việc coi sóc, giữ gìn hay các tiền phí-tổn khác.

Điều thứ 533. — Thể-lệ cảnh-sát do quan Thượng-thơ bộ Lại thương-đồng với Hội-đồng Thượng-thơ và Quí Khâm-Sứ đại-thần mà đặt ra sẽ minh định cách thức thi hành thể-lệ thuộc về những vật bắt được.

Điều thứ 534. — Những của cải quí báu mà khi tìm được xem ra chắc là chôn cất đã lâu ngày mà vô chủ, thời cho là vật mai tàng.

Vật mai tàng đó tìm được trong động-sản hay là bất-động-sản của người nào, thời quyền nghiệp-chủ thuộc về người ấy ; tuy nhiên những của cải có ích cho sự khảo cứu khoa-học hay mỹ-thuật sẽ theo thể-lệ định riêng, nhất là điều 351 luật hình.

Người nào tìm được của mai tàng thời có quyền được lấy nữa cái giá của mai tàng ấy, dù người ấy làm việc cho người nghiệp-chủ của bất-động-sản hay động-sản mà ở trong có của mai tàng ấy cũng vậy, trừ ra khi nào người tìm được của ấy đã do một người khác thuê đào hoặc làm việc gì cốt để tìm của cải quí báu hay dấu tích đời xưa, thời khi ấy người thuê đào tìm sẽ coi là người được vật mai tàng ấy.

Điều thứ 535. — Những thể-lệ thuộc về các vật tìm thấy cũng đem thi hành cho các vật bị sức nước, sức gió, sức mạnh thiên nhiên gì hay là vì sự ngẫu nhiên mà xiêu lạc về tay người khác.

THIÊN THỨ III
Nói về thủ-đắc thời-hiệu

CHƯƠNG THỨ I
Điều khoản chung

Điều thứ 536. — Thủ-đắc thời-hiệu là một cách lấy được quyền nghiệp-chủ một tài-sản gì vì đã chấp-hữu lâu ngày trong một thời-hạn là bao nhiêu đó, và theo như thể-lệ luật-pháp đã định.

Điều thứ 537. — Khi thời-hiệu chưa đến, không có thể từ chối cái quyền được hưởng thời-hiệu được, thời-hiệu đến rồi thời có thể từ khước được.

Điều thứ 538. — Người ta có thể công nhiên hay mặc nhiên từ khước cái quyền được hưởng thời-hiệu ; khi nào có việc gì đoán được rằng người đương-sự bỏ quyền ưng-đắc của mình đi, thời tỏ ra rằng người ấy đã mặc nhiên từ khước.

Điều thứ 539. — Người nào không có quyền chuyển-dịch tài-sản thời khi nào đã đến thời-hiệu cũng không thể từ khước cái quyền hưởng thời-hiệu ấy được.

Điều thứ 540. — Quan Tòa không thể tự ý viện lẽ thời-hiệu thay người đương-sự.

Điều thứ 541. — Phàm việc tố-tụng, lúc nào cũng có thể viện lẽ thời-hiệu được, dù đã chống cải đến nội-dung việc kiện mặc lòng, trừ khi nào có tình trạng gì tỏ rằng người đương-sự đã bỏ cái quyền được hưởng thời-hiệu, thời không kể.

Điều thứ 542. — Những người chủ nợ hay là người nào mà có lợi về sự được thời-hiệu cũng có thể viện lẽ đó được, dù người nghiệp-chủ đã từ bỏ cái quyền được hưởng thời-hiệu ấy mặc lòng.

Điều thứ 543. — Phàm vật kiện thuộc về thương-mại có thể theo lệ thời-hiệu được, trừ những vật kiện mà luật-pháp định khác thời không kể.

Những bất-động-sản dùng để tế-tự thời không viện lẽ thời-hiệu được, trừ biệt-khoản đã định trong điều thứ 439 không kể, nhưng chỗ nào có sổ bảo-tồn điền-trạch thời phải đăng-ký vào là dùng để tế-tự mới được.

CHƯƠNG THỨ II

Nói về quyền chấp-hữu

Điều thứ 544. — Người nào có thực quyền chủ sự một vật gì thời có quyền chấp-hữu vật ấy.

Về địa-dịch thời sự chấp-hữu tại sự thực hưởng quyền địa-dịch.

Điều thứ 545. — Khi người chấp-hữu trao vật gì cho một người đệ-tam để phó-giữ cho người ấy hoặc một quyền địa-dịch hay để làm tin, hoặc một nhân-quyền, thời cả hai người đều có quyền chấp-hữu.

Người nào vì là nghiệp-chủ mà chấp-hữu thời có quyền chấp-hữu nguyên gốc, còn các người kia thời là có quyền chấp-hữu tùy tùng.

Điều thứ 546. — Khi nào vì sự tạm thời ngăn trở hay là gián đoạn mà không hưởng dụng được, thời quyền chấp-hữu của mình vẫn không mất.

Điều thứ 547. — Di-chuyển quyền chấp-hữu là giao cho người thủ-đắc hay là người thay mặt người thủ-đắc chính vật ấy hay là các phương cách làm cho vật ấy chuyển sang quyền người ta.

Ngay từ khi người chủ trước tự ý mình giao một vật gì vào quyền người thủ-đắc rồi, thời sự giao nhận là hoàn-toàn.

Điều thứ 548. — Người chấp-hữu có quyền kháng cự mọi sự xâm phạm hoặc quấy rối.

Nhưng nếu không có tình trạng gì cần thiết thời không được bạo hành.

Điều thứ 549. — Khi nào không vì cách bạo hành mà được chấp-hữu và sự chấp-hữu cứ ngay thẳng, công nhiên, không gián-đoạn, không hàm hồn, thời sự chấp-hữu có hiệu-lực đối với pháp-luật.

Điều thứ 550. — Khi nào một người không biết quyền-lợi người khác mà chấp-hữu một vật gì, thời kể là có tình ngay.

Điều thứ 551. — Khi người chấp hữu không giấu diếm gì, công việc của mình làm phải để cho những người nào muốn tranh kháng quyền-lợi ấy đều được biết cả, thời sự chấp-hữu là công nhiên.

Điều thứ 552. — Khi nào người chấp-hữu thường thường hành dụng vật ấy luôn không hề vô cố mà gián đoạn, trái với mục-đích về sự dùng vật ấy, thời sự chấp-hữu là liên tiếp.

Điều thứ 553. — Khi nào chính người chủ chấp-hữu hay là người thay mặt người ấy chỉ lấy tư-cách là có quyền chấp-hữu mà hưởng-dụng vật ấy, chứ không được để cho người ta lầm rằng sự hưởng-dụng đó là vì một quyền khác mà thành ra, thời sự chấp-hữu là không hàm hồn.

Điều thứ 554. — Khi nào hành dụng một vật gì do mình may được, hoặc do người ta dung thứ cho thời không thể lập ra quyền chấp-hữu và thời-hiệu được.

Điều thứ 555. — Những sự bạo-động không thể lập ra quyền chấp-hữu để có thể thi-hành thời-hiệu được.

Bao giờ sự bạo-động thôi hẳn rồi, nhiên hậu quyền chấp-hữu mới có công hiệu để thi hành thời-hiệu.

Điều thứ 556. — Người chấp-hữu được dự-đoán là người nghiệp-chủ chánh đáng. Người nào tranh quyền lợi của người chấp-hữu thời phải tỏ ra bằng-chứng rằng quyền ấy là của mình.

Điều thứ 557. — Người chấp-hữu được cho là có tình ngay, trừ ra khi nào vật bị chấp-hữu là một bất-động-sản đã đăng vào sổ bảo-tồn điền-trạch là thuộc về của một người khác, thời không kể.

Điều thứ 558. — Người chấp-hữu có tình ngay, cứ theo quyền-lợi của mình mà hưởng-dụng vật gì, thời dù có phải trả lại cho người khác cũng không phải bồi thường gì cho người ấy.

Có mất mát hay là hư hỏng cũng không phải chịu trách-nhiệm.

Điều thứ 559. — Người chấp-hữu có tình ngay, lúc giao lại vật, có thể đòi người nguyên-cáo phải hoàn cho mình những khoản phí-tổn cần thiết đã tiêu dùng vào đó, và có thể giữ vật lại cho đến khi trả xong mới giao.

Những hoa-lợi mà người chấp-hữu đã thu-hoạch được thời trừ vào khoản bồi thường những khoản tiền phí người ấy đã xuất ra.

Điều thứ 560. — Người chấp-hữu có lòng gian dối thời phải trả vật lại cho người có quyền và trong khi lạm chiếm, có làm thiệt hại gì thời phải bồi thường lại, cùng có thu-hưởng hao-lợi hay là tại mình sơ suất mà không thu hoạch thời cũng phải bồi hoàn lại.

Nếu người chấp-hữu phải chi phí gì về vật đó, thời chỉ khi nào sự chi phí đó là cần, giá dịch-địa người nghiệp-chủ tự mình cũng phải làm như vậy, khi ấy mới có quyền đòi lại được mà thôi.

Người chấp-hữu chỉ phải chịu trách-nhiệm về sự hư hỏng tự lỗi mình, trong thời-kỳ mà mình không biết phải trả vật ấy cho ai.

Điều thứ 561. — Người chấp-hữu mà có quyền được hưởng thời-hiệu thời có thể tiếp quyền chấp-hữu của mình với quyền của người trước trao cho, dù cách thừa-kế thế nào mặc lòng.

CHƯƠNG THỨ III

Nói về các duyên cớ làm ngăn trở, gián-đoạn hay là đình-chỉ thủ-đắc thời-hiệu

Điều thứ 562. — Những người thay mặt cho người khác mà chấp-hữu thời không bao giờ được hưởng thời-hiệu, dù chấp-hữu bao lâu mặc lòng.

Như người lảnh-canh, người nhận vật ủy-thác, người hưởng-dụng thu-lợi cùng đại để những người tạm thời giử vật-sản của người nghiệp-chủ, các hạng người ấy không được hưởng thời-hiệu.

Điều thứ 563. — Sự thủ-đắc thời-hiệu có thể hoặc tự-nhiên, hoặc do sự kiện tụng mà gián-đoạn.

Điều thứ 564. — Thời-hiệu tự nhiên mà gián-đoạn là khi người chấp-hữu bị người nghiệp-chủ hay một người đệ-tam nào cũng được, đã làm cho mình không được hưởng dụng vật ấy trong hơn một năm.

Điều thứ 565. — Thời-hiệu gián-đoạn vì tố-tụng là khi có đơn thưa tại tòa-án, dù thưa ở một tòa không có thẩm-quyền cũng vậy.

Nếu người đầu đơn rút đơn về, hoặc để việc kiện quá hạn (1), thời sự gián-đoạn thời-hiệu cũng kể như không vậy.

Điều thứ 566. — Khi người chấp-hữu đã công-nhận rằng quyền-lợi thuộc về tài-sản mà mình chấp-hữu đó là của cải người mà mình viện thời-hiệu để khiếu-tranh, thời thời-hiệu thủ-đắc bị gián-đoạn.

---

(1) Việc kiện quá hạn đại-khái như đưa đơn mà không đến hầu.

Điều thứ 567. — Thủ-đắc thời-hiệu không đem ra thi-hành đối với kẻ vị-thành-niên và kẻ bị cấm quyền.

Vợ chồng cũng không được thi-hành thời-hiệu đối với nhau.

CHƯƠNG THỨ IV

Nói về thời-kỳ cần để thi-hành thời-hiệu

Điều thứ 568. — Thời-kỳ thời-hiệu thời tính theo ngày chứ không tính theo giờ. Ngày bắt đầu chấp-hữu thời không tính vào, và khi nào xong ngày cuối cùng của kỳ-hạn, thời khi ấy thời-hiệu mới thành.

Điều thứ 569. — Thuộc về bất-động-sản khi nào sự chấp-hữu của mình được yên lặng, ngay thẳng, công-nhiên, không gián-đoạn và không hàm-hỗn, trong mười lăm năm liên tiếp luôn, thời người chấp-hữu thành ra người nghiệp-chủ chánh đáng, bất cứ bất-động-sản ấy ở cách nơi trú-quán hay ngụ-quán của người mà mình muốn thi-hành quyền-lợi thời-hiệu xa gần thế nào.

Nếu người chấp-hữu không có khế-tự chánh-đáng làm bằng, hoặc có khế-tự nhưng xét ra người ấy gian dối, thời thời-kỳ thủ-đắc thời-hiệu là ba mươi năm.

Điều thứ 570. — Người nào thủ-đắc vật động-sản gì mà có giấy tờ chánh-đáng và có tình ngay, thời tức khắc được hưởng thời-hiệu về vật đó.

Khi ấy, nếu không có chứng cớ trái lại, thời người chấp-hữu được coi là chấp hữu một cách chánh-đáng và có tình ngay.

Điều thứ 571. — Người nào đánh mất hay bị ăn trộm một động-sản gì, trong một năm kể từ ngày mất hay bị trộm mà thấy vật ấy ở tay người nào, thời có thể đòi người ấy trả lại, nhưng người chấp-hữu mà phải hoàn đó có quyền được kiện người đã trao vật ấy cho mình.

Điều thứ 572. — Nếu người hiện đương chấp-hữu vật mất hay là bị trộm đó mà đã mua vật ấy ở chợ hay là trong một cuộc phát mại công, hay ở một người buôn bán những đồ cùng loài với vật đó, thời người nghiệp-chủ có thể lấy lại được, nhưng phải trả lại cho người ấy cái giá tiền mua.

Điều thứ 573. — Thể-lệ hai điều trên nầy không thi-hành với người nghiệp-chủ đã tự lòng giao một động-sản gì cho một người khác rồi người ấy lạm-thủ đi.

THIÊN THỨ IV

Nói về sự phân-thác quyền nghiệp-chủ

Điều thứ 574. — Khi nào quyền nghiệp-chủ do một người ngoài không phải là người nghiệp-chủ hưởng-dụng thời quyền nghiệp-chủ ấy là bị phân-thác.

CHƯƠNG THỨ I

Nói về quyền hưởng-dụng thu-lợi

Điều thứ 575. — Quyền hưởng-dụng thu-lợi là quyền hưởng-dụng một vật gì thuộc về quyền nghiệp-chủ của người khác, cũng hưởng-dụng như người nghiệp-chủ vậy, nhưng phải giữ nguyên vật ấy cho người ta.

Điều thứ 576. — Quyền hưởng-dụng thu-lợi hoặc do pháp-luật định ra, hoặc do người ta tự ý định ra.

Quyền ấy có thể đối với tất cả các hạng động-sản và bất-động-sản.

Điều thứ 577. — Quyền hưởng-dụng thu-lợi có thể đặt ra mà không có điều-kiện gì, hay là có kỳ-hạn nhất định tự ngày nào là khởi đầu, hay đến ngày nào là hết.

Quyền đó lại có thể đặt theo một điều-kiện gì, hễ điều-kiện ấy có thành thời mới bắt đầu có quyền hay là hết quyền.

Điều thứ 578. — Quyền hưởng-dụng thu-lợi lập ra hoặc vô điều-kiện, hoặc có kỳ-hạn, hay có điều-kiện, cũng chỉ được hết đời người hưởng quyền ấy là cùng.

Quyền hưởng-dụng thu-lợi lập ra có kỳ-hạn hay cho một pháp-nhân hưởng, thời không được quá hạn ba mươi năm, trừ những thể-lệ riêng về những tài-sản dùng về tế-tự ngoại.

TIẾT THỨ NHẤT

Nói về quyền-lợi của người hưởng-dụng thu-lợi

Điều thứ 579. — Người hưởng-dụng thu-lợi có quyền được hưởng-dụng tất cả các hoa-lợi do vật mình được quyền hưởng-dụng sinh ra, hoặc bởi thiên-nhiên, hoặc thuộc về hộ-vụ mà sinh ra.

Điều thứ 580. — Những hoa-lợi thiên-nhiên là những hoa-mầu tự-nhiên do vật sinh ra, cùng là hoa mầu do sự trồng trọt, sự công-tác hay là kỷ-nghệ của người ta mà sinh ra.

Những chất cùng con của các giống súc-vật sinh-sản ra cũng là hoa-lợi thiên-nhiên.

Điều thứ 581. — Những lợi-tức về hộ-vụ là tiền thuê nhà, tiền lời của các món tiền cho vay hay đặt lãi, tiền lời của cổ-phần các hội, tiền lời công-thải, tiền trưng nộp về các hầm mỏ do người đệ-tam khai-quật, tiền lãnh canh.

Điều thứ 582. — Những hoa-lợi thiên-nhiên, còn ở trên cành cây hoặc còn ở dưới rễ cây, lúc mới bắt đầu hưởng quyền hưởng-dụng thu-lợi, thời về của người có quyền hưởng-dụng được hưởng kể từ khi lìa đất.

Khi hết hạn hưởng quyền hưởng-dụng thu-lợi, mà có hoa quả đương ở cành ở rễ cây, thời là của người nghiệp-chủ được hưởng, bên nào cũng không được đòi tiền cày bừa, giống mạ gì, nhưng lúc mới khởi đầu hay là hết hạn quyền đó mà có người làm rẽ hay lãnh canh, thời không được xâm đến cái phần hoa-lợi thuộc về quyền của người ấy.

Những chất ở mỏ hay ở hầm đá cũng vậy, trong hai người nghiệp-chủ và người hưởng dụng thu-lợi, người nào đã khai lấy lên thời được hưởng kể từ khi khai lấy.

Điều thứ 583. — Hưởng lợi-tức về hộ-vụ thời coi là hưởng từng ngày một và thuộc người hưởng quyền hưởng-dụng thu-lợi tùy theo kỳ-hạn quyền đó.

Điều thứ 584. — Nếu quyền hưởng-dụng thu-lợi thuộc về những vật tất phải tiêu đi mới hưởng-dụng được, như tiền bạc, lúa thóc, thời người hưởng quyền đó có phép đem ra tiêu dùng, nhưng đến khi hết hạn thời trả lại nguyên số và nguyên chất, hay là chiếu giá mà trả tiền.

Chiếu lệ về việc quản-trị, người hưởng-dụng thu-lợi cũng có thể bán tất cả các súc-vật mà mình nhận được, nhưng sau phải điền-hoàn lại cho người nghiệp-chủ, nếu bán đi bao nhiêu con, cái hay đực, thời điền-hoàn lại bấy nhiêu, nhưng về trường-hợp nầy, nếu súc-vật ấy có sinh con mà gặp trường-hợp phải bổ định ở điều 603 sau nầy, mà khi đã bồi xong rồi lại còn dư ra, thời cũng được đem mà điền-hoàn.

Điều thứ 585. — Nếu người hưởng-dụng thu-lợi thuộc về những vật tuy không tiêu hủy liền ngay, nhưng dùng nó thời hư hỏng dần đi, đại khái như đồ tơ lụa, vải vóc, đồ khí-dụng ở bếp núc, đồ bày diện trong nhà, thời người hưởng quyền đó có quyền tùy theo vật mà sử-dụng, đến khi hết hạn, những vật ấy còn lại, thế nào thời trả lại thế

ấy, nhưng không được làm hư hỏng đi vì gian dối hay là vì lỗi tại mình.

Điều thứ 586. — Những cây có quả đã chết đi, hoặc bị rủi ro mà đổ gảy xuống, đều thuộc về người hưởng-dụng được hưởng, miễn là phải trồng thế cây khác.

Nếu người hưởng-dụng không muốn trồng thế vào, thời phải để gỗ những cây chết hay bị gãy lại cho người nghiệp-chủ đến lấy.

Điều thứ 587. — Người hưởng-dụng thu-lợi có thể tự mình hưởng lấy, hay là đem toàn phần hoặc một phần quyền đó ra cho thuê mướn, hay cho lãnh-canh, hay nhường cho người khác, mà không lấy tiền, hoặc có lấy tiền, nhưng chỉ được trong kỳ hạn mình được hưởng quyền ấy mà thôi.

Khi quyền hưởng-dụng thu-lợi mà không định kỳ-hạn là bao nhiêu, nếu người hưởng quyền đó đem cho thuê mướn hay cho lãnh canh, thời không có thể cho quá chín năm được ; nếu thuộc về đất ruộng nhà quê, người đó cũng không có quyền cho thuê lại chương khác quá ba năm trước khi hết hạn, nếu thuộc về nhà cữa thời không được cho thuê lại trước hai năm.

Còn như khi khác thời người hưởng quyền đó không có thể cho thuê mướn hay cho lãnh-canh lâu quá kỳ-hạn mình được hưởng.

Điều thứ 588. — Phàm tài-sản thuộc quyền hưởng-dụng của người nào mà do sự phụ-thiêm sinh thêm vào, thời người ấy cũng được hưởng như là người nghiệp-chủ vậy.

Điều thứ 589. — Người đó được hưởng quyền địa-dịch và phàm các quyền-lợi gì mà người nghiệp-chủ được hưởng thời người ấy cũng được hưởng như người nghiệp-chủ vậy.

Điều thứ 590. — Những hầm mỏ đương khai lấy dở

đang lúc bắt đầu hưởng quyền hưởng-dụng thu-lợi, thời người hưởng-dụng cũng được hưởng như người nghiệp-chủ vậy, nhưng phải xin phép với quan trên riêng về phần mình theo như thể-lệ đã định.

Người hưởng dụng ấy không được hưởng-dụng những hầm mỏ chưa khai lấy, hay vật quí báu tìm được dưới đất trong kỳ hạn hưởng-dụng thu-lợi, trừ khi người hưởng-dụng ấy tìm ra được vật quí báu thời có phần về sự tìm được không kể.

Trong khoảng đất thuộc về quyền hưởng-dụng mà có hầm mỏ đương khai lấy thời người hưởng-dụng được thu những tiền thuê mà người lĩnh khai phải nộp cho người nghiệp-chủ, dù bắt đầu khai mà phải nộp tiền thuê từ hồi nào mặc lòng.

Điều thứ 591. — Người nghiệp-chủ không thể tự mình làm cách gì để thiệt hại cho quyền-lợi của người hưởng-dụng. Về phần người hưởng-dụng, đến khi hết hạn cũng không được đòi người nghiệp-chủ phải trả bồi phí vì cớ rằng mình có bồi bổ sửa sang vào đấy, dù giá vật có nhờ đó mà tăng lên mặc lòng.

Điều thứ 592. — Nếu người hưởng-dụng thu-lợi có xây đắp hoặc làm nhà cửa gì thời người ấy hay người thừa-kế của người ấy được xin thi-hành thể-lệ điều 488 trên nầy.

Nếu người hưởng-dụng thu-lợi có đặt những tấm gương, bức vẽ, pho tượng hoặc đồ trang sức khác, thời người ấy hoặc người thừa-kế người ấy có thể tháo ra, nhưng phải sửa những chỗ đã tháo đồ ra đó cho y như cũ mới được.

TIẾT THỨ II

Nói về nghĩa-vụ của người hưởng-dụng thu-lợi

Điều thứ 593. — Tài-sản thế nào thời người hưởng-

dụng thu-lợi nhận thế ấy, nhưng phải lập một bản kê-biên các động-sản và một bản kê-biên các bất-động-sản với người nghiệp-chủ, rồi nhiên hậu mới được hưởng-dụng.

Nếu người nghiệp-chủ đi khỏi hay là không muốn lập các bản kê-biên ấy, thời người hưởng-dụng thu-lợi được làm đơn xin với quan tòa Sơ-cấp sở tại chỗ tài-sản cử một quan-viên nào thay mặt người nghiệp-chủ mà lập các bản kê ấy ; các bản ấy khi lập xong phải do lý-trưởng nhận thiệt, và phải làm ra ba bản, một bản giao người hưởng-dụng thu-lợi, còn hai bản kia, một bản nộp cho Lục-sự tòa Sơ-cấp để bỏ vào hồ-sơ, một bản giao cho người nghiệp-chủ.

Thuộc về bất-động-sản, phàm nơi nào đã có sổ bảo-tồn điền-trạch rồi, thời quyền hưởng-dụng thu-lợi phải chú vào sổ ấy ; nếu người hưởng-dụng thu-lợi hay các chủ nợ người ấy không lo sớm đem chú vào sổ bảo-tồn điền-trạch, thời quyền hưởng-dụng thu-lợi ấy không thể viện ra để tranh-nại với người đệ-tam được.

Điều thứ 594. — Người hưởng-dụng thu-lợi phải săn-sóc tài-sản mà mình được hưởng như của nhà mình, người ấy chỉ phải làm những việc sửa-chửa để giữ gìn tài-sản mà thôi.

Việc đại tu-bổ thời về phần người nghiệp-chủ phải chịu. Nhưng nếu từ khi bắt đầu hưởng quyền về sau mà vì người hưởng-dụng thu-lợi sơ-suất không giữ gìn nên cần phải tu bổ to thời người hưởng-dụng cũng phải chịu vào đấy.

Điều thứ 595. — Những việc đại-tu-bổ là những việc sửa tường lớn cùng cữa cuốn, đặt lại đòn tay, lợp lại mái nhà, sửa bờ đập, tường chống đở và tất cả tường rào cùng những việc làm lại một phần quan-trọng của tài-sản mà phải chi phí nhiều.

Còn các việc tu-bổ khác là việc sửa sang để giữ gìn.

Điều thứ 596. — Người nghiệp-chủ cùng người hưởng-dụng đều không phải làm lại những cái gì lâu ngày hư đổ hoặc bị sự bất-kỳ hủy-hoại.

Tuy nhiên, nếu vì sự tai-nạn mà bất-động-sản bị hủy-hoại một phần hay là toàn phần, nhưng tài-sản ấy trước đã có bảo-hiểm rồi, thời số tiền mà người nghiệp-chủ hoặc người hưởng-dụng thu-lợi đã xin sở bảo-hiểm đền cho ấy, phải đem dùng mà làm lại hay là cải-tạo bất-động-sản ấy.

Điều thứ 597. — Người hưởng-dụng thu-lợi, trong thời-kỳ đương hưởng-dụng phải chịu các tiền đóng góp hàng năm về bất-động-sản, như là các tiền thuế cùng khoản phụ-nạp, tiền bảo-hiểm, mà theo lệ thường đều coi là tính vào hoa-lợi phải chịu.

Vả lại người hưởng-dụng thu-lợi phải lo đúng kỳ-hạn mà làm hoặc làm lại những khoán-ước bảo-hiểm của bất-động-sản thuộc về quyền hưởng-dụng của mình, bất cứ là những khoán-ước trong lúc bắt đầu hưởng quyền đã có rồi hay là sau người nghiệp-chủ mới bắt làm.

Điều thứ 598. — Thuộc về những số tiền đóng góp về bất-động-sản trong thời-kỳ hưởng-dụng thu-lợi, thời người nghiệp-chủ và người hưởng-dụng thu-lợi phải chia nhau mà trả như sau nầy :

Người nghiệp-chủ phải trả, mà người hưởng-dụng thu-lợi thời chịu lời cho người nghiệp-chủ.

Người hưởng-dụng thu-lợi có thể xuất tiền ra trả, và nếu như vậy thời đến khi mản hạn quyền mình, người ấy sẽ được đòi lại số tiền đã xuất.

Điều thứ 599. — Nếu bất-động-sản đã bị để-đương về sự gì, thời người hưởng-dụng thu-lợi không phải trả nợ ấy ; nếu người hưởng-dụng thu-lợi nghĩ vì quyền-lợi mình

mà phải trả nợ ấy, thời có thể đòi lại người nghiệp-chủ, trừ khi trong giấy tờ giao quyền hưởng-dụng thu-lợi cho mình có nói rõ ràng bắt buộc mình phải trả thời không kể ; nhưng người hưởng-dụng ấy phải trả tiền lời các nợ ấy cho vừa phải với quyền mình được hưởng-dụng thu-lợi, nếu trong giấy tờ không nói rằng mình được miễn trả tiền lời ấy.

Điều thứ 600. — Người hưởng-dụng thu-lợi chỉ phải trả tiền án phí việc kiện về sự hưởng-dụng cùng những tiền khác do tòa-án bắt trả về việc kiện ấy mà thôi.

Điều thứ 601. — Nếu trong thời-kỳ hưởng-dụng thu-lợi, một người đệ tam nào xâm-chiếm bất-động-sản hoặc xâm-phạm đến quyền-lợi của người nghiệp-chủ, thời người hưởng-dụng thu-lợi phải báo cho người nghiệp-chủ biết, bằng không thời phải chịu trách-nhiệm cả mọi sự tổn-hại cho người nghiệp-chủ, như là khi tự tại lỗi mình mà làm ra hư hỏng vậy.

Điều thứ 602. — Nếu quyền hưởng-dụng thu-lợi thuộc về một con vật, mà con vật ấy chết đi, không phải tại lỗi người hưởng-dụng ấy, thời người ấy không phải trả lại con khác, hoặc chiếu giá bồi tiền.

Điều thứ 603. — Nếu người hưởng-dụng thu-lợi thuộc về một đàn vật mà đàn vật ấy vì tai-biến hay là vì bệnh-tật mà bị chết tất cả, không phải do lỗi người hưởng-dụng, thời người nầy chỉ phải trả da những con vật ấy hay giá tiền da ấy cho người nghiệp-chủ.

Nếu cả đàn không chết hết, thời người hưởng-dụng lấy những con mới sinh ra được bao nhiêu mà thế vào những con chết đi bấy nhiêu.

TIẾT THỨ III

Thế nào là hết quyền hưởng-dụng thu-lợi

Điều thứ 604. — Những khi như sau nầy thời quyền hưởng-dụng tiêu hết :

1) Khi hai bên không định kỳ hạn về quyền hưởng-dụng thu-lợi mà người được hưởng-dụng mệnh-một đi ;

2·) Khi kỳ hạn hưởng-dụng đã hết ; nếu người hưởng-dụng chết mà kỳ hạn quyền ấy chưa hết, thời quyền ấy có thể chuyển giao cho người thừa-kế của người ấy để hưởng-dụng cho hết kỳ hạn ;

3·) Khi một người mà kiêm cả hai tư-cách hưởng-dụng thu-lợi và nghiệp-chủ ;

4·) Khi người được hưởng-dụng thu-lợi từ chối quyền ấy, hay không dùng quyền ấy trong hạn mười lăm năm ;

5·) Khi vật hưởng-dụng bị tiêu-hủy mất đi.

Điều thứ 605. — Vả lại Tòa-án có thể theo lời người nghiệp-chủ xin mà xử truất-quyền người hưởng-dụng thu-lợi, khi người nầy lạm dụng quyền ấy, hoặc là làm tổn hại vật-sản mà y được hưởng-dụng hoặc là không giữ gìn để cho tiêu-diệt đi.

Những chủ nợ của người hưởng-dụng có thể can-thiệp vào việc kiện-tụng, để bảo-thủ quyền-lợi của mình ; những người chủ nợ ấy có thể xin tự mình sửa chữa những sự tổn hại cùng xin đảm-bảo về sau nầy.

Tòa-án đã thọ-lý đơn xin truất-quyền có thể tùy tình-trạng nặng nhẹ mà hoặc xữ bải hẳn quyền hưởng-dụng thu-lợi, hoặc bắt giao lại vật thuộc quyền hưởng-dụng cho người nghiệp-chủ, nhưng mỗi năm phải trả lại cho người hưởng-dụng hay là những người tiếp-hưởng người ấy một số hoa-lợi bao nhiêu đó, cho đến khi hết thời-hạn hưởng-dụng.

Điều thứ 606.— Sự cầm bán vật-sản thuộc quyền hưởng-dụng thu-lợi không thay đổi gì địa-vị của người hưởng-dụng, người nầy vẫn cứ hưởng-dụng quyền mình, trừ khi tự mình đã công-nhiên từ-chối quyền ấy thời không kể, hay trừ ra khi vật thuộc quyền hưởng-dụng thu-lợi là một bất-động-sản, mà người hưởng-dụng không biên-chú quyền ấy vào sổ bảo-tồn điền-trạch như điều 593 trên nầy đã định, nên quyền ấy bị mất đi ; tuy nhiên người hưởng-dụng thu-lợi bị mất hưởng có quyền xin bắt người nghiệp-chủ đã đem cầm bán ấy bồi thường tổn hại cho mình.

Điều thứ 607. — Nếu người hưởng-dụng thu lợi dụng-tâm từ chối để làm thiệt hại cho người chủ nợ, thời người chủ nợ có thể xin thủ-tiêu sự từ chối quyền ấy.

Điều thứ 608. — Nếu tài-sản thuộc quyền hưởng-dụng thu-lợi bị hủy-hoại đi một phần, thời người hưởng-dụng thu-lợi vẫn được hưởng về phần còn lại.

Điều thứ 609. — Nếu quyền hưởng-dụng thu-lợi thuộc về một sở nhà, mà nhà ấy toàn bị hủy-hoại vì hỏa tai hay là tai biến gì khác, hoặc lâu ngày mà sập đổ đi, thời người hưởng-dụng thu-lợi không có quyền hưởng-dụng đất cùng vật-liệu ; nhưng nếu quyền hưởng-dụng về một sở đất mà ở trên đất có nhà, khi nhà ấy bị hủy-hoại đi, thời người hưởng-dụng vẫn được hưởng-dụng đất cùng vật-liệu như khi tài-sản thuộc quyền hưởng-dụng bị hủy-hoại có một phần thôi, nhưng trong hai trường-hợp nầy phải thi-hành theo đoạn cuối cùng điều 596 nầy.

CHƯƠNG THỨ II

Nói về quyền dùng vật người khác và quyền ở nhà người khác

Điều thứ 610. — Quyền dùng vật người khác là một vật-quyền tạm-thời hay là chung-thân, làm cho người được hưởng quyền ấy có thể dùng tài-sản của một người khác và thu lấy hoa-lợi, nhưng chỉ được dùng trong số cần kíp cho mình và gia-quyến mình mà thôi, dù mình lấy vợ lấy chồng sau khi được hưởng quyền ấy cũng vậy.

Quyền ở nhà người khác là một quyền dùng tài-sản người khác mà thuộc về nhà cữa.

Điều thứ 611. — Cách thành-lập cùng cách tiêu-hủy quyền dùng vật người khác và quyền ở nhà người khác cũng giống như quyền hưởng-dụng thu-lợi.

Điều thứ 612. — Những người được hưởng quyền dùng vật người khác và quyền ở nhà người khác phải hưởng-dụng tài-sản ấy như của nhà mình.

Quyền ấy phải theo các điều-khoản trong khế-tự đã lập ra mà hưởng, nếu không có khế-tự thời theo thể-lệ định sau nầy.

Điều thứ 613. — Những người được hưởng quyền dùng vật người khác và quyền ở nhà người khác phải chịu các nghĩa-vụ đã định ở điều 593 cho người hưởng-dụng thu-lợi.

Điều thứ 614. — Những người ấy không thể đem các quyền ấy mà chuyển-nhượng hay cho người khác thuê.

Điều thứ 615. — Nếu người có quyền dùng tài-sản người khác hưởng tất cả các hoa-lợi của đất ruộng, hay ở toàn cả cái nhà, thời người ấy phải chịu tiền phí-tổn về việc trồng-trọt, việc sửa sang để giữ gìn, các tiền đóng góp, tiền thuế-lệ, tiền bảo-hiểm như người hưởng-dụng thu-lợi. Nếu chỉ hưởng một phần hoa-lợi hay chỉ

ở một phần cái nhà mà thôi, thời người ấy sẽ theo cách sai-phân so với lợi mình được hưởng mà góp chịu một phần phí-tổn.

CHƯƠNG THỨ III

Nói về sự cho thuê dài hạn

Điều thứ 616 Sự thuê dài hạn là sự hưởng-dụng nhà đất của người khác, chiếu theo khế-tự lập ra có kỳ-hạn, ngắn nhứt là mười tám năm, dài nhứt là chín mươi chín năm.

Sự cho thuê dài hạn là một vật-quyền có thể tịch-biên theo cách thức định về việc tịch-biên bất-động-sản.

Điều thứ 617. — Sự cho thuê dài hạn phải làm ra chứng thư có viên-chức thị-thực. Chỗ nào có sổ bảo-tồn điền-trạch thời phải đăng-ký sự cho thuê ấy vào, đăng-ký như thế thời có thể viện quyền ấy ra để tranh-kháng với người đệ-tam.

Sự cho thuê dài hạn chỉ do người nào có quyền sử-dụng tài-sản thuận-tình mới có giá-trị, và phải theo các điều-kiện về sự sử-dụng tài-sản.

Những bất-động-sản của người vị-thành-niên hay người bị cấm quyền có thể đem cho thuê dài hạn, nhưng trừ sự ngăn cấm và phải tuân theo thể lệ điều 252 luật nầy.

Điều thứ 618. — Quyền-lợi và nghĩa-vụ của người thuê dài hạn thời tùy theo trong khế-tự cho thuê đã định, hay nếu không có khế-tự, thời theo thể-lệ định sau nầy.

TIẾT THỨ NHẤT

Nói về quyền-lợi của người thuê dài hạn

Điều thứ 619. — Người thuê dài hạn có thể đem nhượng hay đem đảm-bảo quyền của mình hay là đem nhà đất

cho người khác thuê. Tuy nhiên kỳ-hạn cho thuê, bất cứ vào lúc nào, không được quá hạn của mình thuê trước.

Điều thứ 620. — Trong thời-kỳ thuê dài hạn, người thuê được hưởng quyền phụ-thiêm.

Điều thứ 621. — Người thuê dài hạn có thể thu nhận những quyền địa-dịch chủ-động làm lợi cho nhà đất mà mình đã thuê, hay làm khế-ước chịu nhận những quyền địa-dịch thụ-động thuộc về nhà đất ấy phải chịu, nhưng chỉ làm trong thời-hạn mình thuê mà thôi và phải bảo cho người nghiệp-chủ biết.

Điều thứ 622. — Đối với người lãnh khai các hầm mỏ, người thuê dài hạn cũng có quyền-lợi như người hưởng-dụng thu-lợi vậy.

Điều thứ 623. — Người thuê dài hạn không được thay đổi gì trong nhà đất mà mình đã thuê để đến nỗi nhà đất ấy giảm giá đi.

Nếu có làm công việc gì cho tốt đẹp thêm, hoặc xây đắp nhà cữa làm cho nhà đất ấy tăng giá-trị lên, thời khi hết hạn thuê không được triệt phá đi, cũng không được đòi tiền cấp giá.

TIẾT THỨ II

Nói về nghĩa-vụ của người thuê dài hạn

Điều thứ 624. — Người thuê dài hạn phải trả đủ tiền thuê đã định trong khế-tự cho thuê; người ấy không thể lấy lẽ rằng ruộng đất bị hủy-hoại một phần, hoặc ruộng đất không sinh lợi nữa, hay vì cớ ngẫu nhiên nên không trồng trọt được, mà xin bớt tiền thuê ấy được.

Điều thứ 625. — Nếu người thuê dài hạn không trả tiền thuê trong hai năm liên tiếp, thời người nghiệp-

chủ được thưa quan mà xin xử bải-bỏ sự cho thuê ấy, sau khi đã buộc người thuê trả mà người nầy vẫn không trả.

Khi người được thuê không làm các điều đã định trong khế-tự hay là đã làm tổn-hại nhiều đến nhà đất mà y đã thuê, thời người nghiệp-chủ cũng có thể xin tiêu sự cho thuê dài hạn.

Tuy nhiên tòa-án có thể theo tình-trạng mà cho triển hạn.

Điều thứ 626. — Người thuê dài hạn không được bỏ nhà đất mình đã thuê để tránh khỏi trả tiền thuê và khỏi phải thi hành các điều-khoản đã định trong khế-tự cho thuê.

Điều thứ 627. — Người thuê dài hạn phải chịu mọi sự tu-bổ thuộc về nhà cữa mà lúc mình nhận hưởng đã có rồi, hay là chiếu theo khế-tự mới làm ra về sau.

Tuy nhiên, nếu mình tỏ ra được bằng chứng rằng vì sự ngẫu-nhiên, vì tình-thế cưỡng-bức, hoặc vì những sự khuyết-điểm trong cách kiến-trúc có từ trước khi thuê mà thành ra nhà cữa đổ, thời mình không phải làm lại.

Điều thứ 628. — Người thuê dài hạn còn phải chịu các tiền đóng góp, tiền thuế-lệ hàng năm cũng như người hưởng dụng thu-lợi.

THIÊN THỨ V

Nói về địa-dịch

CHƯƠNG THỨ I

Điều khoản chung

Điều thứ 629. — Địa-dịch là những sự mà một bất-động-sản phải gánh, bất-động-sản ấy gọi là bất-động-sản chịu

địa-dịch, để làm ích cho một bất-động-sản khác của người khác, bất-động-sản nầy là bất-động-sản hưởng địa-dịch ; những sự phải gánh ấy hoặc là hạn-chế sự tự-do trong đường hưởng-dụng quyền-lợi của người chủ bất-động-sản chịu địa-dịch, hoặc là cho người chủ bất-động-sản hưởng địa-dịch được lợi-dụng một đôi chút về bất-động-sản chịu địa-dịch.

Điều thứ 630. — Địa-dịch là hoặc do địa-thế tự-nhiên, hoặc do pháp-luật bắt buộc hay là do các nghiệp-chủ ước định với nhau mà đặt ra.

Điều thứ 631. — Địa-dịch hoặc là không gián-đoạn, hoặc là gián-đoạn.

Địa-dịch không gián-đoạn là địa-dịch có thể dùng luôn mà không phải có người can thiệp vào, như là địa-dịch án-hướng, địa-dịch dẫn-thủy, địa-dịch không được xây dựng, v. v...

Địa-dịch gián-đoạn là những địa-dịch cần phải có người mới thi-hành được, như là địa-dịch về lối đi, lối lấy nước, về sự khai-quật vật-liệu, v. v...

Điều thứ 632. — Địa-dịch hoặc là hiển-hiện hoặc là không hiển-hiện.

Địa-dịch hiển-hiện là những địa-dịch có bày rõ ra bằng những sự công-tác ở ngoài, như cửa, cửa sổ, cầu cống.

Địa-dịch không hiển-hiện là những địa-dịch không có biểu-hiệu ra ngoài, như là địa-dịch không được xây dựng, hay là chỉ được xây dựng đến bao nhiêu mà thôi.

CHƯƠNG THỨ II

Nói về địa-dịch do địa-thế tự-nhiên

Điều thứ 633. — Những đất thấp thời phải chịu cho nước của những đất cao tự-nhiên chảy xuống, không do nhân lực can-thiệp, nhưng người nghiệp-chủ chỗ đất cao

phải tuân theo thể-lệ và tục-lệ trong xứ thuộc về bờ ruộng như đã định riêng ở điều 637 sau nầy.

Người nghiệp-chủ đất thấp không được đắp đê, bờ, đập, làm cho ngăn trở nước không chảy được, nếu không thời phải triệt bỏ đi như củ và hoàn lại nguyên hình, lâm thời lại có thể bị kiện bồi tổn-hại nữa.

Người nghiệp-chủ đất cao không được làm gì có thể làm nặng thêm địa-dịch của đất thấp, trừ ra trường-hợp nói ở điều 635 sau nầy.

Điều thứ 634. — Tùy theo nước sông hay nước triều lên xuống, các nghiệp-chủ đất mà nước tự-nhiên chảy ra thời phải lần lượt chịu địa-dịch phóng thủy.

Vì thế, các nghiệp-chủ các ruộng đất ở ven bờ sông, phải để nước sông chảy qua sang ruộng đất của người bên cạnh mình, người nầy đối với đất xa hơn của mình thời cũng phải bắt buộc như vậy, tùy theo sự cần dùng cho việc làm ruộng.

Điều thứ 635. — Người nghiệp-chủ nào cũng có quyền dùng và sử-dụng những nước mưa mưa xuống đất mình cùng những nước mạch ở đất lên.

Tuy nhiên, nếu vì việc sử-dụng ấy hoặc vì thay đường nước chảy mà làm nặng thêm địa-dịch phóng-thủy định ở điều 633, thời người nghiệp-chủ đất cao phải chịu cấp tiền cho người nghiệp-chủ đất thấp.

Điều thứ 636. — Người nghiệp-chủ nào có đất gần nước chảy mà không phải của công Nhà-nước, thời có thể dùng nước ấy để tưới đất ruộng của mình.

Người nghiệp-chủ nào có nước ấy chảy qua đất mình thời được lợi dụng trong lúc chảy qua đó, nhưng phải làm thế nào để cho nước lúc qua khỏi đất mình lại theo giòng tự-nhiên của nó mà chảy.

Điều thứ 637. — Những nghiệp-chủ đất để trồng-trọt mà chung quanh có đắp bờ cần cho sự trồng-trọt ấy thời phải giữ gìn cẩn-thận những bờ đắp ấy, và cần đến đâu thời phải làm thêm, và phải tuân theo cách thức cùng thời-kỳ do tục-lệ bản-xứ cùng thể-lệ Nhà-nước đặt ra.

Điều thứ 638. — Những người nghiệp-chủ các đất thấp không được xâm-phạm vào bờ đập cùng những công-trình xây đắp do nghiệp-chủ các ruộng đất cao tuân theo tục-lệ bản-xứ mà làm ra để giữ gìn các ao vực nuôi cá của mình.

CHƯƠNG THỨ III

Nói về địa-dịch do pháp-luật định

Điều thứ 639. — Địa-dịch do pháp-luật định là để làm ích-lợi cho công-chúng hoặc làm ích-lợi cho tư-nhân.

TIẾT THỨ NHẤT

Nói về địa-dịch do pháp-luật định để làm ích-lợi cho công chúng

Điều thứ 640. — Địa-dịch do pháp-luật định để làm ích-lợi cho công-chúng, như là địa-dịch để tiện đường đi ra bờ bể và bờ sông cùng địa-dịch để tiện-lợi sự xây đắp và tu-bổ đường sá đê-điều, sông ngòi và các việc công-tác chung, thời phải có thể-lệ riêng định ra.

TIẾT THỨ II

Nói về địa-dịch do pháp-luật định để làm ích-lợi cho tư nhân

Điều thứ 641. — Địa-dịch do pháp-luật định để làm ích-lợi cho tư-nhân, là minh-định cái phạm-vi của một nghiệp-

chủ có thể thi-hành các việc trong nhà đất của mình cho khỏi xâm-phạm đến quyền-lợi của nghiệp-chủ các nhà đất bên cạnh. Địa-dịch ấy hoặc do pháp-luật hoặc lệ riêng và tục quen trong xứ định ra.

Điều thứ 642. — Nếu không có khế-ước hay điều-lệ gì định khác thời người chủ nào củng phải làm mái nhà thế nào để cho nước mưa chảy xuống đất mình hay là ra đường công, chứ không được để chảy vào đất cũa láng-giềng.

Điều thứ 643. — Người chủ nào muốn làm ở đất mình, làm dựa vào tường lũy chung hay làm ở gần tường lũy chung ấy những công-tác có thể hại cho đất người láng-giềng, như là đào giếng, xây ống khói, lò rèn, lò đốt, đào hầm vệ-sinh hay làm chuồng cho thú-vật ở, làm kho chứa muối hay chứa vật gì có thể làm hư hại đồ khác, hoặc làm nguy hiểm bất-tiện hay hại vệ-sinh, thời phải tuân theo tục-lệ trong xứ thuộc về từng vật, hoặc bắt phải cách xa là bao nhiêu, hoặc là bắt phải xây dựng thế nào cho ngăn cách để khỏi làm hại cho người láng-giềng.

Người nào chôn hay là xây mồ mả thời phải giữ cho cách ra mồ mả khác như tục-lệ đã định.

Điều thứ 644. — Hai người đồng nghiệp - chủ một bức tường lũy chung, nếu một người không thuận thời người kia không thể trổ cữa sổ hay lỗ hổng gì vào tường chung, dù làm cách nào mặc lòng hay để gương lu vào cũng vậy.

Điều thứ 645. — Người chủ một bức tường không phải là tường chung mà liên tiếp ngay đất người khác, thời có thể trổ lỗ sáng hoặc cữa sổ nhưng phải đặt mặt lưới bằng sắt vào, và bề lỗ mặt lưới ấy không được rộng quá một tấc tây.

Điều thứ 646. — Những lỗ sáng và cữa sổ ấy thời phải đặt cách hai thước sáu tây, trên mặt đất cũa gian nhà

mình muốn cho ánh sáng vào hay là cữa tầng dưới, và ở các tầng trên thời phải đặt cách mặt gác một thước chín tấc tây.

Điều thứ 647. — Nếu tự tường nhà mình đến đất láng-giềng cách xa không được sáu tấc tây, thời không được xoi lỗ để ngó thẳng hay làm cữa sổ, bao-lơn hoặc xây trổ sang bên đất cữa người ta, có rào hay không rào cũng vậy.

Điều thứ 648. — Nếu tự tường nhà mình đến đất láng-giềng cách xa không được sáu tấc tây, thời không được xoi lỗ để ngó xiên, hay ngó xuống sang bên đất cữa người ta, có rào hay không rào cũng vậy.

Điều thứ 649. — Cách đo hạn định xa gần đã nói ở hai điều trên thời đo tự bề ngoài cái tường mà phải trổ cữa sổ đến đường chia giới hạn hai đám đất, và nếu có bao-lơn hoặc xây trổ gì như thế, thời đo tự đường ngoài bao-lơn đến đường giới-hạn ấy.

Điều thứ 650. — Người nghiệp-chủ muốn trồng cây lớn cây nhỏ gần giới-hạn đất láng-giềng thời phải theo hạn định xa gần cữa thể-lệ cùng tục quen riêng mỗi chỗ, không có tục quen thời hạn định ấy là hai thước tây đối với các cây mà bề cao quá hai thước tây, trừ các cây giống lá kè (như cây cau, cây dừa, v. v.) thời không kể, và đối với các cây mà bề cao không quá hai thước tây, thời hạn định ấy là năm tấc tây.

Nếu không tuân hạn định ấy người nghiệp-chủ sẽ bị người láng-giềng bắt buộc phải nhổ các cây cao quá hai thước mà trồng cách giới-hạn không được hai thước, người nghiệp chủ nếu không muốn nhổ thời phải chặt bớt các cây ấy đi cho không được cao quá hai thước, và phải nhổ các cây cao không được hai thước mà trồng cách giới-hạn dưới năm tấc, trừ khi phải theo tục quen

trong xứ, hoặc đã đúng kỳ-hạn thời-hiệu mười lăm năm, hay có khế-tự khác thời không kể.

Điều thứ 651. — Người ta có thể trồng cây lớn hay cây nhỏ theo cách dựa tường vào mỗi bên cái tường phân chia giới-hạn, không cần phải tuân theo một hạn-định xa gần gì, nhưng các cây ấy không được cao quá tường ấy.

Nếu tường phân chia giới-hạn ấy không phải là tường chung, thời chỉ người nghiệp-chủ tường ấy được trồng cây theo cách dựa tường ấy mà thôi.

Điều thứ 652. — Chủ đất nào mà có cành cây của láng-giềng mọc chìa sang bên mình, thời có thể bắt người láng-giềng chặt những cành cây ấy đi. Những quả tự-nhiên rụng xuống đất mình thì mình được hưởng.

Nếu rễ cây, gai và dây chìa sang đất mình, thời mình có quyền chặt đi cho tới đường phân chia giới-hạn.

Cái quyền chặt rễ cây, gai hoặc dây ấy cùng cái quyền bắt chặt cành cây ấy không có kỳ-hạn trước-tiêu.

Điều thứ 653. — Người chủ đất nào bị bao bọc chụng quanh không có lối đi ra đường công (kể cả các sông ngòi thuyền bè đi được) hay có lối đi mà không đủ cho sự kinh-lý các việc nông công trong nhà mình, thời có thể yêu-cầu đặt lối đi trên đất của người láng-giềng được, nhưng thiệt hại cho người ta bao nhiêu thời phải cấp giá trước bấy nhiêu.

Điều thứ 654. — Theo lẻ thông thường thời lối đi phải đặt vào bên nào gần nhất kể từ đất bị bao bọc cho đến đường công.

Tuy nhiên lối đi đó phải làm vào chỗ nào thiệt hại ít nhất cho người chủ đã cho phép mình làm.

Điều thứ 655. — Nếu nhận sự phân-phối nhà đất vì việc mua bán, đổi chác, phân chia, hay vì khoán-ước gì

khác, mà nhà đất thành ra bị bao bọc chung quanh, thời chỉ có thể đặt lối đi vào phần đất chia còn lại hay là vào các phần đất khác thuộc về khoán-ước đó mà thôi.

Tuy nhiên, nếu đất chia đó không đủ làm lối đi, thời điều 653 trên nầy cứ thi-hành được.

Điều thứ 656. — Người chủ nào muốn dùng nước tự-nhiên hay nước dẫn lấy mà mình có quyền sử-dụng, để tưới vào ruộng đất của mình, thời có thể cho nước ấy chảy qua đất chung quanh để thông vào đất mình, nhưng phải cấp giá trước cho vừa phải cho người ta.

Điều thứ 657. — Người chủ ấy cũng có thể cho nước đã chảy qua đất của mình rồi, chảy thoát xuống đất thấp hơn, nhưng vẫn phải cấp giá cho người ta.

Điều thứ 658. — Người chủ ruộng đất bị úng thủy toàn phần hay là một phần có thể được quyền địa-dịch cho chảy qua ruộng đất chung quanh, để cho đất được khô ráo và nước ứ thoát đi.

Điều thứ 659. — Những người chủ ruộng đất láng-giềng hay ruộng đất đã để cho nước của chủ khác chảy qua có thể dùng các công-tác đã làm ra theo điều trên mà cho nước ở ruộng đất mình chảy ra.

Khi ấy thời những chủ ruộng đất ấy phải chịu :

1·) Một phần vừa phải giá tiền làm ra công-tác ấy ;

2·) Tiền phí tổn do việc sửa chửa các công-tác ấy cần cho sự hưởng-dụng của mình ;

3·) Một phần giá tiền phải sửa chửa các công-tác ấy sau nầy mà đã thành công-cọng.

Điều thứ 660. — Trừ ra khi phải tuân theo thể-lệ định về việc lấy nước không kể, người chủ đất nào, tuân theo điều 636 trên nầy đã dùng nước ở chung quanh ruộng đất mình để tưới, thời có thể dựa theo bờ đất của người chủ bên kia sông để xây đắp bờ đập mà lấy nước,

nhưng phải cấp giá trước cho người ta một số tiền cho vừa phải.

Điều thứ 661. — Người chủ đất mà người ta dựa vào đó để đắp xây bờ đập, thời vẫn có thể dùng chung bờ đập ấy mà phải chịu một phần nửa tiền xây đắp và giữ gìn, như vậy thời không được cấp giá gì hết. Nếu người ta đã trả tiền cấp giá cho mình rồi thời phải hoàn lại.

Điều thứ 662. — Những quyền địa-dịch định ở điều 636 và các điều tiếp theo không thể đem lập ở đất mà có xây dựng nhà cửa, ở sân, vườn tiếp với nhà ở.

Điều thứ 663. — Khi có việc tương-tranh về việc để nước chảy đi hay lấy nước vào, thời khi xử, tòa-án phải dung-hòa quyền-lợi về sự canh-nông với quyền nghiệp-chủ, và khi nào cũng nên theo thể-lệ riêng hay tục quen ở trọng xứ.

CHƯƠNG THỨ IV

Nói về địa-dịch bởi người lập ra

Điều thứ 664. — Các chủ đất được phép tùy ý đặt địa-dịch gì trên đất mình cho bất cứ chủ đất nào khác hưởng cũng được, nhưng miễn là địa-dịch ấy chịu làm lợi cho đất ruộng hưởng địa-dịch và miễn là địa-dịch ấy không có điều gì trái với trật-tự công chúng địa-dịch ấy cũng không được quan-hệ lợi hại về người mà chỉ quan-hệ lợi hại về đất mà thôi.

Công-dụng và giới-hạn của địa-dịch lập ra như thế, phải có giấy tờ làm chuẩn-đích ; nếu không có giấy tờ thời phải theo điều-lệ như sau nầy :

TIẾT THỨ NHẤT

Địa-dịch lập ra thế nào

Điều thứ 665. — Những địa-dịch do người lập ra, phải có giấy tờ mà có viên-chức thị-thực. Chỗ nào có sở bảo-tồn điền-trạch thời phải đăng-ký vào mới có thể đem ra mà tranh nại với người đệ-tam được.

Dù hai sở đất cùng một chủ mà người chủ đặt địa-dịch đất nầy qua đất kia mặc lòng, nếu đem chuyển-dịch một sở trong hai sở ấy cho người khác mà trong giấy chuyển-dịch không nói rõ là để nguyên địa-dịch, thời địa-dịch ấy tự-nhiên mất đi.

Điều thứ 666. — Người nào đã cho quyền địa-dịch thời tức là cho đủ cách cần-thiết để dùng quyền ấy :

Ví như địa-dịch cho lấy nước thời tức là phải cho quyền được đi qua.

TIẾT THỨ II

Điều-kiện thi-hành địa-dịch

Điều thứ 667. — Người chủ đất được hưởng quyền địa-dịch có quyền làm những công-tác cần-thiết trên đất chịu địa-dịch để hành-dụng và bảo-tồn địa-dịch ấy.

Điều thứ 668. — Chi-phí về công-tác ấy bao nhiêu mình phải chịu, chứ người nghiệp-chủ đã chịu địa-dịch không phải trả, trừ ra trong giấy tờ lập địa-dịch có nói khác thời không kể.

Điều thứ 669. — Dầu trong giấy tờ có nói rằng người chủ đất bị địa-dịch phải xuất tiền làm các việc công-tác cần thiết để hành-dụng hay là bảo-tồn địa-dịch mặc lòng, người ấy có thể bỏ phần đất bị địa-dịch của mình cho người chủ đất được hưởng địa-dịch để khỏi phải làm công việc ấy.

Điều thứ 670. — Nếu đất nào đã được hưởng địa-dịch rồi mà sau đem phân chia ra, thời địa-dịch phần nào cứ giữ phần ấy, nhưng không được làm cho đất bị địa-dịch phải chịu nặng thêm.

Ví dụ như nói về địa-dịch lối đi, thời bao nhiêu người chủ các phần đất đã chia ra, đều phải đi một lối cả.

Điều thứ 671. — Người chủ đất bị địa-dịch thời không được làm gì để hạn-chế quyền hành-dụng địa-dịch hay là làm cho địa-dịch thành ra bất-tiện.

Vì thế người ấy không được thay đổi địa-thế trong đất mình, cũng không được đem địa-dịch ra một chỗ khác với chỗ đã định trước rồi.

Song nếu giữ địa-thế củ có thiệt-hại cho người chủ đất bị địa-dịch, tức như làm cho người ấy không thể làm những sự tu-bổ có ích-lợi cho đất của mình, thời có thể xin với người chủ đất hưởng địa-dịch đem chuyển địa-dịch ra một nơi khác cũng tiện-lợi như vậy, gặp trường-hợp ấy người nầy không được từ-khước.

Điều thứ 672. — Về phần người hưởng địa-dịch thời chỉ có thể hưởng-dụng theo giới-hạn định ở trong giấy tờ mà thôi, không có thể thay đổi gì về phần đất bị địa-dịch cùng phần đất hưởng địa-dịch, làm cho phần đất bị địa-dịch phải chịu nặng thêm lên.

TIẾT THỨ III

Địa-dịch tiêu-diệt thế nào

Điều thứ 673. — Những khi sau nầy thời địa-dịch tiêu diệt :

1·) Khi quyền-lợi người lập địa-dịch đã hết, ví-dụ như khi người được hưởng địa-dịch và người bị địa-dịch lập lại một khế-tự mới, hay khi quyền địa-dịch mản-hạn, hoặc là khi quyền người lập địa-dịch đã bị thủ-tiêu ;

2·) Khi đất hưởng địa-dịch với đất bị địa-dịch đều thuộc vào một chủ ;

3·) Khi đất lập địa-dịch bị hủy-hoại mất cả.

Điều thứ 674. — Trong mười lăm năm mà không hành-dụng quyền địa-dịch thời quyền ấy bị tiêu-diệt.

Phải tùy theo các thứ địa-dịch mà tính hạn mười lăm năm ấy : nếu là địa-dịch gián-đoạn thời kể từ ngày mình không hành-dụng nữa, nếu là địa-dịch không gián-đoạn thời kể từ ngày đã làm việc gì trái với địa-dịch.

Điều thứ 675. — Nếu đất hưởng địa-dịch là của chung nhiều người thời một người hưởng cũng đủ ngăn trở tiêu-diệt thời-hiệu đối với các người khác.

Nếu trong các người đồng nghiệp-chủ, có một người mà theo pháp-luật không thể thi-hành kỳ hạn tiêu-diệt thời-hiệu đối với người ấy được, ví dụ như đối với một người vị-thành-niên, thời người ấy được giữ quyền địa-dịch cho các người đồng nghiệp-chủ khác.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM

Quyển thứ IV

THIÊN THỨ I

Nghĩa-vụ và Khế-ước

CHƯƠNG THỨ I

Điều khoản chung

Điều thứ 676. — Nghĩa-vụ là cái dây liên-lạc về luật thực-tế hay luật thiên-nhiên, bó buộc một hay nhiều người phải làm hay đừng làm sự gì đối với một hay nhiều người nào đó.

Người bị bó buộc vào nghĩa-vụ gọi là người mắc nợ, người được hưởng lợi về nghĩa-vụ gọi là người chủ nợ.

Điều thứ 677. — Người nào tự bản-thân mình bị bó buộc vào nghĩa-vụ thời phải dùng động-sãn hay bất-động-sãn cũa mình hiện có và sẽ có để làm cho đầy đủ nghĩa-vụ cũa mình, trừ những hạng tài-sãn nào luật đã có định rõ là không được tịch-biên ngoại.

Điều thứ 678. — Nghĩa-vụ về luật thực-tế là những nghĩa-vụ mà có thể dùng các cách về luật-pháp và quan-lệnh, nhứt là các cách tố-tụng trước tòa-án để bắt người mắc nợ phải thi-hành.

Nghĩa-vụ về luật thiên-nhiên thời không thể tố-tụng trước tòa-án được.

Luật-pháp không can-thiệp vào sự thi-hành các nghĩa-vụ về luân-lý cùng về tôn-giáo.

CHƯƠNG THỨ II

Căn nguyên cũa nghĩa - vụ

Điều thứ 679. — Nghĩa-vụ sinh ra :

1°) bởi những hiệp-ước hay khế-ước ;

2°) bởi những sự thu-nhận một cái gì không phải cũa mình hay không có lý-do chánh-đáng ;

3°) bởi một sự thiệt hại không đáng có, do mình cố - ý hay vô - ý làm ra ;

4°) bởi luật-lệ định ;

TIẾT THỨ I

Hiệp-ước hay khế-ước

Điều thứ 680. — Hiệp - ước là một người hay nhiều người đồng-ý nhau để lập ra hay chuyển đi, đổi đi hay tiêu đi một quyền - lợi thuộc về cũa - cãi hay về người.

Khế-ước là một hiệp-ước cũa một người hay nhiều người cam - đoan với một hay nhiều người khác để chuyển-giao để làm hay không làm cái gì.

Điều thứ 681. — Người lập - ước được tự - do giao-ước với nhau, miễn là đừng ước-định điều gì trái với pháp-luật, với phong-hóa hay trật-tự công-chúng.

Mục thứ 1. — *Các loại hiệp - ước*

Điều thứ 682. — Phàm hiệp-ước có cái hai phương-diện, có cái một phương-diện.

Hiệp-ước thuộc về hai phương-diện là khi những người lập-ước có cam-đoan lẫn với nhau.

Hiệp-ước thuộc về một phương-diện là khi một hay nhiều người lập-ước cam-đoan với một hay là nhiều người khác mà không trách người khác ấy phải đảm - thụ gì

đối lại với mình, nghĩa là về phần người sau nầy không có cam-đoan gì cả.

Điều thứ 683. — Hiệp-ước có cái có tốn cũa, có cái không tốn cũa.

Hiệp-ước có tốn cũa hay là hiệp-ước có lợi nghĩa là bên nào cũng có chịu thiệt để làm lợi cho bên kia hay cho một người ngoài.

Hiệp-ước không tốn của tức là hiệp-ước do hảo-tâm, nghỉa là một bên nhận một khoản lợi của bên kia mà không phải đưa lại cho bên kia chút lợi gì.

Điều thứ 684. — Hiệp-ước hoặc thuộc về ý hợp, hoặc thuộc về thực sự.

Hiệp-ước thuộc về ý hợp là hễ mỗi bên đồng ý với nhau là thành.

Hiệp-ước thuộc về thực-sự là khi ngoài sự đồng ý lại còn phải trao nộp đồ vật làm chủ-đích việc giao-ước nữa.

Điều thứ 685. — Hiệp-ước hoặc là nhất định, hoặc là không nhất định.

Hiệp-ước nhất định là khi hiệp-ước lập thành thời ước thành và có hiệu quả chắc chắn.

Hiệp-ước không nhất-định là khi còn phải tùy một sự ngẫu-nhiên thời ước mới thành và có hiệu-quả.

Điều thứ 686. — Hiệp-ước hoặc là chính hoặc là phụ.

Hiệp-ước chính là khi hiệp-ước ấy không thuộc hiệp-ước khác. Hiệp-ước phụ là khi phụ-thuộc với hiệp-ước khác.

Hiệp-ước chính vô-hiệu thời hiệp-ước phụ cũng vô-hiệu, trừ khi hiệp-ước phụ lập ra cốt là để thế cho sự vô-hiệu của hiệp-ước chính thời không kể.

Chỉ khi nào các người lập-ước đã định rằng hiệp-ước

chính và hiệp-ước phụ không rời nhau được, thời sự vô-hiệu của hiệp-ước phụ mới làm cho hiệp-ước chính vô-hiệu.

Mục thứ 2. — *Các điều cần cho hiệp-ước được thành và có giá-trị*

Điều thứ 687. — Phàm các hiệp-ước phải cần có ba điều như sau nầy mới thành được :

1·) Phải có hai bên hay người thay mặt của hai bên ấy đồng ý ;

2·) Phải có một vật nhất-định đã chỉ rõ mà hai bên có quyền sử-dụng ;

3·) Phải có một việc đích-thực và chánh-đáng.

Điều thứ 688. — Ngoài những điều cần cho hiệp-ước được thành, lại còn phải hai điều như sau nầy hiệp-ước mới có giá-trị :

1·) Phải không có sự gì hiểu lầm hay là cưỡng-bách làm cho sai cái lòng tự-thuận của hai bên ;

2) Người lập-ước phải có đủ tư-cách về đường pháp-luật, hoặc có người thay mặt chánh-đáng.

Nếu hiệp-ước có sinh ra thiệt-hại thời chỉ những khi nào trong luật đã định mới có thể làm cho hư hiệp-ước được.

Điều thứ 689. — Đồng ý là ý-nguyện của hai bên có quan-hệ trong hiệp-ước đều thỏa-hợp nhau cả.

Nếu có một bên không đồng ý thời hiệp-ước cũng không thành.

Điều thứ 690. — Sự đồng ý có thể tỏ ra bằng lời nói hoặc bằng giấy tờ.

Sự đồng ý cũng có thể tùy tình-trạng mà cho là mặc-nhiên ám-chỉ được.

Điều thứ 691. — Phàm những lời bên nọ rủ bên kia lập hiệp-ước mà lời ấy gởi đi xa không định rõ hoặc ám-chỉ thời-hạn bao lâu phải trả lời nhận, thời có thể thu hồi lại được, nhưng lời thu hồi đó phải đến tận nơi bên kia trước khi người ta gởi lời thuận nhận mới được.

Nếu giữa lúc hoặc sau khi rủ bên kia lập hiệp-ước mà có định rõ hoặc ám-chỉ một thời hạn bao lâu phải trả lời nhận, thời trong thời hạn ấy, lời rủ lập hiệp-ước ấy không thể thu hồi lại được, trừ khi lời thu hồi gởi đến trước hoặc đồng thời với lời rủ hay lời định hạn thời không kể.

Khi có định hạn như trên đó, thời hễ hết hạn là lời rủ thủ-tiêu, trừ khi lời phúc đáp thuận nhận đã gởi đi từ trước thời không kể.

Lời phúc đáp thuận nhận gởi đi rồi, có thể thu hồi được, nhưng lời thu hồi phải gởi đến cho người rủ lập hiệp-ước trước hay đồng thời với cái lời phúc đáp thuận nhận mới được.

Nếu người rủ lập hiệp-ước không định thời-hạn mà chợt quá cố đi, hoặc mất tư-cách giao-ước, thời cái lời phúc đáp thuận nhận của bên kia nếu có gởi trước khi biết các tin đó mới có giá-trị. Nếu đã có định thời-hạn thời cái lời phúc đáp thuận nhận gởi trong hạn đó bao giờ cũng có giá-trị.

Nếu vì lỗi tự mình hoặc lỗi ở người làm của mình mà lời phúc đáp thuận nhận hoặc lời thu hồi gởi đến chậm hay không đến thời mình phải chịu.

Khi gặp tình thế gì mà sức người không chống lại được thời bên kia phải chịu.

Điều thứ 692. — Khi nào vì một sự sai lầm mà các người lập-ước không chủ ý lập cùng một ước như nhau,

hay là không chủ định cùng một người, cùng một vật hay cùng một việc như nhau, thời là không có đồng ý.

Nếu trong các người lập ước, có người hiểu lầm về tính cách hiệp-ước mà chỉ lầm lời hứa hiệp-ước với chính lời hiệp-ước mà thôi, thời không đủ vì thế mà làm cho hiệp-ước không có giá-trị.

Điều thứ 693. — Nếu hiệp-ước lập ra là chủ vì đích thân hay là vì tư-cách cùng tài-năng của một người nào, thời hễ nhận lầm về người lập-ước đó, là hiệp-ước thế nào cũng vô-hiệu.

Nếu trong khi lập-ước không chủ vì đích-thân hoặc tư-cách người lập-ước, thời hễ nhận lầm về người ấy, hiệp-ước có thể thủ-tiêu được.

Điều thứ 694. — Nếu nhận lầm về vật mà lầm về tính cốt yếu của vật ấy, người lập-ước tưởng rằng có thật mà vì tưởng thế mới quyết định hoặc là đoan hay hứa, hoặc là bán hay mua vật đó, thời hiệp-ước mới có thể bị hư và xin thủ-tiêu được.

Nếu không có chứng cớ nào trái lại thời những tính-cách thuộc về bản thể vật kiện coi như trong ý người lập-ước đã cho là tính-cách cốt yếu.

Trái lại, những tính cách không thuộc về bản-thể vật kiện, thời khi nào ý người lập-ước đã định lấy làm cốt yếu hay là khi có một tình-trạng hiển-nhiên như thế, thời mới cho là tính-cách cốt yếu mà thôi.

Điều thứ 695. — Khi nào có một bên lập mưu đánh lừa bên kia, đến nỗi giá không có mưu đó bên kia không giao-ước, thời sự đánh lừa đó là một duyên cớ làm cho hiệp-ước vô-hiệu.

Điều thứ 696. — Khi nào một bên bị cưỡng ép bằng cách hành hung hay cách dọa nạt không thể chống lại

được mà phải nhận ước, thời sự bạo hành đó làm mất hẳn sự đồng ý.

Khi nào cách hành hung dọa nạt hay là sự nguy-hiểm không đến nỗi không chống lại được, nhưng cũng khiến cho người đương sự phải giao-ước để tránh khỏi cái hại lớn hơn, hoặc trực-tiếp ngay, hoặc về sau nầy, thời sự bạo hành đó chỉ là một duyên cớ có thể làm cho khuy-khuyết sự đồng ý mà thôi.

Dầu khi sự nguy-hiểm chỉ quan-hệ đến tài-sản mà không quan-hệ đến thân-thể của người lập-ước, hay là cả khi quan-hệ đến tài-sản hoặc thân-thể người khác, những điều trên cũng thi-hành được.

Điều thứ 697. — Nếu người đệ-tam mà thân-thể hay tài-sản bị nguy-hiểm vì cách hành hung hay dọa nạt đó, lại là vợ chồng hay thân thuộc người làm khế-ước, thời sự bạo hành ấy bao giờ cũng coi như là trực-đối với chính người làm khế-ước.

Còn người khác thời tòa-án tùy tình-trạng mà xét xem sự dọa nạt đối với người ấy có ảnh-hưởng gì đến sự đồng ý của người làm khế-ước không.

Điều thứ 698. — Thuộc về các trường-hợp bạo-hành thời tòa-án phải xét xem các người đương-sự nhiều hay ít tuổi, đàn ông hay đàn bà, thân-thể tinh-thần thế nào, cùng địa-vị đối với nhau thế nào.

Nhưng nếu chỉ vì một sự kính sợ của vợ đối với chồng hay của con cháu đối với ông bà cha mẹ, thời không đủ mà làm cho hiệp-ước thủ-tiêu được.

Điều thứ 699. — Sự sai lầm, sự đánh lừa, sự bạo-hành, sự thiệt hại, hay sự vô-tư-cách về đường pháp-luật, không phải là những cớ phỏng-đoán được, người nào viện những cớ đó phải tỏ ra bằng chứng mới được.

Điều thứ 700. — Thường thường người ta hứa và ước-định cho đích-thân mình, và coi như là mình làm cho mình, cho người thừa-kế và người tiếp mình để hưởng quyền, trừ ra khi có định trái lại hay nhân vì tánh-cách khế-ước mà có điều trái lại ấy thời không kể.

Điều thứ 701. — Người ta có thể đứng đảm-bảo cho một người đệ-tam mà hứa rằng người đệ-tam ấy sẽ làm một việc gì, nhưng nếu người đệ-tam lỗi hẹn, thời người hứa ấy phải bồi thường.

Điều thứ 702. — Người ta có thể ước-định cho một người ngoài, khi điều-ước chủ lợi cho người ngoài ấy là một điều phụ cũa điều-ước chủ lợi cho chính mình hay một điều phụ cho một việc tặng-dữ hoặc một việc trả nợ cho bên kia. Nếu người ngoài đó đã khai rõ là muốn hưởng sự lợi ấy, thời người lập-ước không thể bãi bỏ đi được.

Điều thứ 703. — Nghĩa-vụ không có sự-cố hay có sự-cố dã-dối hoặc phi-pháp thời không có hiệu-lực gì.

Điều thứ 704. — Tuy nhiên khế-ước mà sự-cố không nói rõ cũng có giá-trị, nếu sau nầy người nào nói rằng khế-ước ấy không có sự-cố hay phi-pháp thời phải viện cớ ra.

Điều thứ 705. — Sự-cố phi-pháp là khi bị pháp-luật cấm hay là trái với phong-hóa hay trật-tự chung.

Mục thứ 3. — *Nói về tư-cách về đường pháp-luật cũa các người lập-ước*

Điều thứ 706. — Phàm người nào không bị pháp-luật tuyên-cáo là vô-tư-cách thời có thể giao-ước được cả.

Điều thứ 707. — Những người không có tư-cách giao-ước là người vị-thành-niên, người bị cấm quyền, đàn bà có chồng, không được giao-ước trong những trường-hợp

mà luật đã định và tất cả những người mà luật đã cấm không được giao-ước trong một vài việc luật đã minh chỉ.

Điều thứ 708. — Người vị-thành-niên, người bị cấm quyền, người đàn bà có chồng chỉ có thể được xin thủ-tiêu ước-định của mình vì cớ vô-tư-cách trong những trường-hợp luật đã định mà thôi.

Những người đồng-ước với các người vô-tư-cách ấy không thể viện cớ người kia vô-tư-cách mà thoái-thác những nghĩa-vụ đã định trong khế-ước về các người đồng-ước ấy được.

Mục thứ 4. — *Nói về mục-đích cùng sự-vật cũa khế-ước*

Điều thứ 709. — Phàm khế-ước là chủ một sự vật gì do một bên cam-đoan giao cho hay là cam-đoan làm, hoặc không làm đối với bên kia.

Điều thứ 710. — Chủ đích khế-ước là ở chính sự vật, hoặc cũng có khi ở quyền hưởng-dụng hay là quyền chấp-hửu sự-vật ấy mà thôi.

Điều thứ 711. — Phàm sự-vật làm chủ-đích cho hiệp-ước thời phải minh chỉ cho rỏ từng sự-vật một, hay thuộc về chũng-loại nào, nhiều hay ít và khi cần phải nói rỏ tốt hay xấu thế nào nữa.

Điều thứ 712. — Khế-ước có thể chủ được những sự-vật thuộc về tương-lai, không chắc rồi có hay không, khi ấy thời người hứa không được làm gì để ngăn trở hay hạn-chế cho lời ước mình không thực-hành được; lại theo ý hai bên, phàm sự gì làm cho lời ước đó để thực-hành, người ước cũng không được lảng bỏ.

Người ta không thể từ chối hưởng phần tài-sản mà chưa thành di-sản, hay làm ước-định gì về di-sản ấy được, trừ khi đã có người nghiệp-chủ của di-sản ấy thuận-tình thời không kể.

Mục thứ 5. — *Hiệu-lực của hiệp-ước*

Điều thứ 713. — Hiệp-ước lập theo pháp-luật thời đối với người lập-ước, hiệu-lực cũng như pháp-luật.

Hễ có hai bên bằng lòng hay vì những duyên-cớ trong luật cho phép, thời mới có thể thâu-hồi được.

Phàm hiệp-ước phải lấy lòng ngay mà thi-hành.

Điều thứ 714. — Khi vì tình-thế gì mà sức người không chống lại được hay vì cớ ngẫu-nhiên buộc một bên không làm được nghĩa-vụ của mình đã ước, thời nghĩa-vụ của bên kia cũng đồng-thời tiêu-diệt.

Điều thứ 715. — Có thể lấy hiệp-ước riêng mà làm khác luật-pháp chung, thêm hoặc bớt hiệu-lực của luật-pháp được, miễn là đừng phạm đến trật-tự công chúng và phong-hóa.

Điều thứ 716. — Hiệp-ước không những bắt buộc phải theo những điều đã định rõ, mà lại phải tùy theo tính-chất nghĩa-vụ, chiếu theo lẽ công-bằng, theo tục-lệ cùng pháp-luật mà là mọi sự nhân đó sinh ra nữa.

Điều thứ 717. — Trong nghĩa-vụ giao vật-sản, có cả nghĩa-vụ chuyển đưa vật-sản ấy và bảo-tồn vật-sản ấy cho đến khi chuyển đưa, nếu không thời phải bồi tổn-hại cho người chủ nợ.

Điều thứ 718. — Trước khi chuyển đưa một vật-sản đích-thực, người ước phải săn-sóc việc bảo-tồn vật-sản ấy cho cẩn-thận như người quản-lý chu-đáo vậy, nếu trễ biếng hay gian dối thời phải bồi tổn-hại.

Tuy nhiên, nếu là vật cho không, thời người ước chỉ phải gìn giữ cẩn-thận như đồ vật riêng của mình mà thôi.

Điều thứ 719. — Hễ người đương-sự lập-ước đồng-ý đúng phép với nhau thời nghĩa-vụ chuyển đưa vật-sản là thành hẳn từ đấy.

Thế là người chủ nợ có chủ quyền về vật-sản ấy, và kể từ lúc vật-sản đó chuyển đưa, trách-nhiệm là ở người ấy, dù chưa trao tay mặc lòng; trừ khi người mắc nợ không giao mà bị bách phải giao, thời khi ấy trách-nhiệm về người mắc nợ.

Điều thứ 720. — Khi có đơn kiện hay có giấy thúc do hương-chức hay viên-chức tư-pháp lục đến, hoặc khi bởi hiệu-lực của khế-ước hay khi khế-ước định rõ ràng cứ đến hạn là phải thi-hành, thời người mắc nợ bị bách phải thi-hành.

Điều luật nầy không trái gì với tục-lệ định giữa các thương-gia.

Điều thứ 721. — Nếu vật-sản mà mình cam-đoan giao cho, hay chuyển đưa cho hai người lần lượt nhau, là một vật động-sản thôi, thời trong hai người đó, người nào cầm vật đó trong tay được đắc-thắng và được giữ quyền nghiệp-chủ, dù mà văn-tự làm sau mặc lòng, miễn là sự chấp-hửu đó phải do lòng ngay mới được.

Điều thứ 722. — Người mắc nợ buộc phải thi-hành cho đúng nghĩa-vụ, nếu không thời phải bị bồi tổn-hại.

Điều thứ 723. — Nếu là việc phải làm mà người mắc nợ không thi-hành, thời tòa-án có thể cho phép người chủ nợ tự đem thi-hành, phí-tổn người mắc nợ phải chịu.

Nếu là nghĩa-vụ, không được làm mà người mắc nợ cứ làm trái nghĩa-vụ, thời tòa-án có thể cho phép người chủ nợ được phá hủy, phí-tổn người mắc nợ phải chịu, lại được phép dùng phương-pháp gì để phòng bị về sau.

Không kể những khi ấy, nếu có thiệt hại, người mắc nợ còn phải bồi tổn hại nữa.

Điều thứ 724. — Khi nào người mắc nợ đến kỳ phải làm nghĩa-vụ của mình mà không làm, để đến phải bách làm,

thời khi ấy mới phải chịu bồi tổn hại. Nhưng trừ ra khi nào sự hay vật mà người mắc nợ đã đoan-giao cho hay làm, chỉ có thể giao cho hay làm trong một thời-gian nào mà thôi, mà thời-gian ấy người mắc nợ đã bỏ qua không giao hay không làm, thời khi ấy dù không bị bách cũng phải chịu bồi tổn hại.

Điều thứ 725. — Người mắc nợ không thi-hành một phần hay toàn phần nghĩa-vụ mà không có bằng chứng rằng vì một duyên cớ ngoài, không bởi lỗi mình, dù không có ý gian mặc lòng, cũng có thể phải bồi tổn hại, hoặc vì không thi-hành, hoặc vì thi-hành chậm.

Điều thứ 726. — Nếu vì gặp tình-thế mà sức người không chống lại được hay vì cớ ngẫu-nhiên, mà người mắc nợ bị ngăn trở không giao cho hay không làm được cái mình đã ước, hay là làm cái gì mình không được làm, thời không phải bồi tổn hại.

Điều thứ 727. — Thường thường trong sự bồi tổn hại là phải kể sự đền về thiệt-hại mà người chủ nợ đã phải chịu, và sự bù cho cái lợi mà người ấy đã mất ăn.

Tuy nhiên nếu người mắc nợ không phải là có lỗi nặng, hay có ý gian-dối mà không thi-hành hoặc chậm thi-hành, thời trong khoản bồi tổn hại chỉ tính những khoản chịu thiệt hay mất lời mà hai bên đã dự định, hoặc đã có thể dự định được khi lập-ước mà thôi.

Khi người mắc nợ có lỗi nặng hay có ý gian dối thời phải bồi tổn hại, dẫu không dự định bồi cũng vậy, miễn là những khoản bị thiệt hay mất lời mà phải bồi ấy là trực-tiếp bởi không thi-hành lời ước mà ra.

Điều thứ 728. — Khi trong ước đã định rằng người nào không thi-hành thời phải bồi thường tổn hại một món tiền là bao nhiêu đó, thời không có thể bắt bồi cho bên kia một món tiền hơn hay kém số ấy.

Điều thứ 729. — Khi nào trong ước-chỉ định rằng phải trả một món tiền, thời chỉ bắt trả lãi tiền ấy trong thời-kỳ để chậm theo số tiền lãi luật đã định, trừ khi có tục riêng về thương-mải thời không kể.

Sự bồi tổn hại ấy, người chủ nợ được hưởng, không cần phải tỏ ra rằng mình có thiệt hại gì.

Tiền bồi tổn hại chỉ tính từ ngày có giấy thúc đòi mà thôi, trừ khi chiếu luật tự nhiên mà được thời không kể.

Nếu người mắc nợ đã vì chậm trễ nên làm thiệt-hại cho người chủ nợ, lại vì lòng gian làm cho người ta thiệt thêm nữa, thời ngoài khoản tiền lãi vì chậm trả, người chủ nợ còn có thể đòi bồi khoản khác nữa.

Điều thứ 730. — Tiền gốc đặt lãi, lãi ấy đến hạn chưa trả, có thể làm đơn kiện, hoặc chiếu ước riêng làm sau khi đáo hạn, đập lãi làm gốc được, miễn là lãi ít ra đã chẵn một năm chưa trả.

Lãi nầy không được quá số lãi luật định.

Điều thứ 731. — Tuy nhiên những tiền lợi tức không phải là do tiền gốc sinh ra mà sau nầy phải trả như tiền hoa-lợi, tiền thuê nhà, lãi về các khoản tiền thải vô-hạn, hoặc tiền thải chung thân, cùng những hoa-mầu phải nộp, đến kỳ mà chưa trả hay chưa nộp, dù mắc chưa được một năm cũng vậy, thời chạy lãi theo luật định kể từ ngày đệ đơn hay lập-ước.

Lệ nầy cũng thi-hành về các lãi tiền cho vay do một người đệ-tam trả người chủ nợ thay cho người mắc nợ.

Mục thứ 6. — *Nói về cách giải nghĩa các tờ hiệp-ước*

Điều thứ 732. — Phàm giải nghĩa về hiệp-ước, nên tìm xem cái ý chung của các người đương-sự hơn là câu-nệ về nghĩa đen từng chữ.

Điều thứ 733. — Khi một điều nào có thể giải ra hai nghĩa được, thời nên giải ra cái nghĩa có thể có hiệu-lực được, hơn là cái nghĩa không thể có hiệu lực được.

Điều thứ 734. — Những chử dùng có thể hiểu ra hai nghĩa được, thời phải giải theo nghĩa nào là hợp với sự-vật trong khế-ước hơn.

Điều thứ 735. — Điều nào hối nghĩa thời phải giải nghĩa theo tục-lệ nơi lập-khế.

Điều thứ 736. — Những điều-khoản thông-thường, theo lề-lối, dù trong khế-ước không nói, cũng phải bổ vào.

Điều thứ 737. — Phàm các điều-khoản trong khế-ước, phải châm-chước điều nọ với điều kia mà giải nghĩa, ý-nghĩa của mỗi điều phải tùy theo ý-nghĩa của toàn-văn mà định.

Điều thứ 738. — Khi hồ-nghi thời khế-ước phải giải nghĩa thế nào cho lợi người mắc nợ hơn là cho người chủ nợ.

Mục thứ 7. — *Nói về hiệu-lực của các tờ hiệp-ước đối với các người đệ-tam*

Điều thứ 739. — Phàm hiệp-ước chỉ có hiệu-lực đối với các người lập-ước và những người kế-tiếp người ấy để hưởng quyền mà thôi, trừ ra khi nào luật có định khác thời không kể; hiệp-ước không thể hại đến người đệ-tam được, mà muốn viện ra để tranh-nại với người đệ-tam thời chỉ tùy trường-hợp cùng điều-kiện trong luật đã định mới được.

Điều thứ 740. — Tuy nhiên người chủ nợ có thể thi-hành tất cả các quyền-lợi cùng tố-quyền của người mắc nợ, chỉ trừ những quyền toàn thuộc về nhân-thân thời không kể.

Hễ khi nào có quyền-lợi hay có nợ chắc chắn thời quyền ấy thi-hành được ; khi thi-hành quyền ấy, người chủ nợ có thể xin tòa-án làm các phương-pháp bảo-thủ để người mắc nợ khỏi na di tài-sản đi, và tòa-án có thể tùy tình-trạng mà truyền rằng giá tài-sản ấy sẽ trả cho người chủ nợ có quyền ưu-tiên.

Người mắc nợ bao giờ cũng phải bị đòi ra dự-sự.

Điều thứ 741. — Người chủ nợ cũng có thể cáo-tố xin tiêu những khế-ước người mắc nợ làm gian lậu để thiệt quyền-lợi mình, khi những việc ấy cốt làm cho người mắc nợ nghèo đi, còn khi người mắc nợ không làm những việc để cho mình được lợi thêm thời không kể.

Điều thứ 742. — Chỉ trong những trường-hợp như sau nầy thời đơn của người chủ nợ xin tiêu khế-ước mới được chuẩn-chấp :

Khi nào khế-ước làm cho người mắc nợ thành ra vô-lực hay làm cho vô lực thêm ;

Khi nào người mắc nợ đã biết rằng khế-ước mình làm sẽ có thiệt hại cho người chủ nợ ;

Khi nào khế-ước ấy làm sau khi có nợ hay làm ra để tránh khỏi trả nợ.

Điều thứ 743. — Việc cáo-tố xin tiêu khế-ước ấy là đối với người đệ-tam đã hưởng việc gian lậu và đối với các người kế-tiếp người ấy để hưởng quyền.

Nếu người đệ-tam đã nhận tài-sản của người mắc nợ mà phải trả tiền, thời các người chủ nợ đi kiện ấy phải viện ra bằng-chứng tỏ rằng người đệ-tam ấy đã tùng-phạm trong việc gian-dối ấy.

Điều thứ 744. — Tài-sản gì làm chủ kiện cho khế-ước gian lậu mà đã có người đệ-tam do tình ngay mà mua lại rồi, thời tài-sản ấy thuộc về quyền nghiệp-chủ của

người đệ-tam ấy, dù các người chủ nợ hơn kiện cũng vậy ; khi ấy thời người chủ nợ chỉ được bồi tổn-hại mà thôi.

Điều thứ 745. — Muốn cáo-tố xin thủ-tiêu khế-ước gian lậu, thời các người chủ nợ đi kiện không phải tỏ bằng cớ về việc tùng-phạm của người đệ-tam đã nhận lấy tài-sản của người mắc nợ mà không phải trả tiền.

Đối với các người đệ-tam đã nhận lại tài-sản mà không phải trả tiền cũng vậy.

Điều thứ 746. — Sự cáo-tố xin thủ-tiêu khế-ước gian lậu không làm lợi gì cho người mắc nợ, người nầy đối với người đệ-tam mua mà không được hưởng vẫn phải còn chịu nghĩa-vụ.

Chỉ những người chủ nợ được kiện được lĩnh giá tài-sản bị kiện đó, tùy theo các món nợ và số nợ bao nhiêu mà lãnh phần. Nếu chia cho các chủ nợ mà giá tài-sản còn lại bao nhiêu thời giao cho người đệ-tam đã mua lại.

Điều thứ 747. — Về hai việc cáo-tố đã định ở điều 740 và 741 trên nầy thời thời-hạn tiêu-diệt là năm năm.

Tiền phí-tổn mà người chủ nợ đã xuất ra để kiện đòi lại một tài-sản gì cho người mắc nợ, thời sẽ lấy vào giá tiền tài-sản đã đòi lại được mà trả.

Điều thứ 748. — Phàm chuyển-dịch động-sản phải có trao tay thực mới được viện ra để tranh nại với người đệ-tam được.

Điều thứ 749. — Phàm chuyển-dịch bất-động-sản cùng những vật quyền về bất-động-sản, chỉ khi đã có văn-tự có viên-chức thị-thực và nơi nào đã có địa-bộ mà đã đăng-ký phân-minh rồi, thời mới được viện ra để tranh-nại với người đệ-tam được.

TIẾT THỨ II

Nói về nghĩa-vụ do sự thu-nhận của-cải không phải của mình mà sinh ra

---

Mục thứ nhất. — *Trả của không nợ*

Điều thứ 750. — Người nào vì lầm hay cố ý mà thu nhận cái gì không phải của mình, thời buộc phải hoàn lại cho người đã giao lầm cho mình cái ấy.

Điều thứ 751. — Khi nào một người tưởng lầm rằng mình mắc nợ mà đã trả không một món nợ, thời được quyền đòi lại ở người chủ nợ.

Tuy nhiên, nếu người chủ nợ vì lòng ngay, đã hủy văn-tự nợ ấy đi rồi, thời không thể thi-hành quyền đòi lại được nữa, nhưng người đã trả, có quyền đòi món nợ ấy ở đích người mắc nợ.

Điều thứ 752. — Nếu người nhận có ý gian, thời người ấy buộc phải trả lại cả vốn lãi hay hoa-lợi kể từ ngày nhận. Người ấy lại có thể bị phạt bồi tổn-hại nữa.

Điều thứ 753. — Nếu của nhận vô-lý (như thế là một bất-động-sản hay là một động-sản hữu-hình, thời người đã thu nhận buộc phải hoàn lại nguyên vật, nếu vì lỗi người thu nhận, nên của ấy mất hay bị hư hỏng thời phải đền lại giá tiền của ấy ;

Nếu người thu nhận có ý gian thời phải bị xử bồi tổn-hại khi của ấy bị giảm giá, và nếu của ấy vì cớ ngẫu nhiên hay bị tình thế gì mà sức người không chống lại được, nên bị hư hỏng hay bị mất đi thời người ấy cũng phải chịu trách-nhiệm.

Điều thứ 754. — Nếu người nào thu nhận do tình ngay mà đã bán của ấy, thời chỉ hoàn lại giá tiền bán mà thôi.

Khi có lòng gian, mà lại cho hay bán kém cái giá khi bồi hoàn, thời có thể bị xử trả tiền theo như thời giá của ấy vào khi phải trả.

Điều thứ 755. — Nếu người nào do lòng gian mà mua đồ vật của người thu nhận vô-lý, thời người ấy có thể buộc phải bồi hoàn đồ vật lại cho người nguyên chủ đã giao lầm, nhưng được kiện người thu nhận vô-lý ấy bồi tiền lại cho mình.

Điều thứ 756. — Người nào đã được người ta trả của lại cho mình, thời phải trả các tiền phí-tổn cần thiết mà họ đã xuất ra để bảo-tồn của ấy, dù người chấp-hữu có tình gian cũng vậy.

Mục thứ II. — *Nói về sự quản-trị công việc*

Điều thứ 757. — Khi nào mình tự quản-trị công việc của người khác, hoặc nghiệp-chủ biết đến hay không biết đến, thời việc quản-trị ấy mình đã bắt đầu làm, cũng coi như là đã mặc-nhiên cam-đoan phải làm cho trọn, cho đến khi nghiệp-chủ có thể tự đương lấy được ; mọi việc phụ-thuộc với việc mình quản-trị đó, cũng phải đảm-đương hết cả.

Người quản-trị ấy phải chịu tất cả các nghĩa-vụ sinh ra, không khác gì như nghiệp-chủ đã công-nhiên ủy-thác cho mình vậy.

Điều thứ 758. — Nếu người chủ chợt mệnh-một đi trước khi việc khởi-hành, thời người quản-trị cứ phải đảm-đương cho đến khi người thừa-kế của người chủ đến nhận lấy.

Điều thứ 759. — Người quản-trị phải đảm-đương công việc cho cẩn-thận như của mình vậy.

Tuy nhiên, nếu có vì lầm lỗi hay trễ biếng mà đến thiệt-hại, thời quan tòa-án định khoản bồi tổn-hại có thể

châm - chước tình - trạng đã khiến cho người ấy phải đương việc đó mà giảm bớt cho được.

Điều thứ 760. — Người quản-trị đảm-đương công việc chu tất, thời người chủ phải làm trọn các điều mà người quản - trị đã đoan nhận thay mình, phải bồi thường những khoản mà người quản-trị đã tự đứng tên giao-ước, và phải hoàn lại các số tiền người ấy đã chi tiêu để lợi cho việc mình.

TIẾT THỨ III

Nói về những sự trái lẽ mà làm tổn hại cho người, nghĩa là sự phạm pháp cùng các lỗi gần như sự phạm pháp

Điều thứ 761. — Bất cứ việc gì của người làm ra mà thiệt đến ai, thời người có lỗi làm ra việc ấy buộc phải đền sự thiệt ấy.

Điều thứ 762. — Người nào làm thiệt hại thời phải chịu trách-nhiệm, không những vì tự mình làm ra mà lại vì cả mình trễ nải hay vô-ý mà sinh ra cũng vậy.

Điều thứ 763. — Người ta phải chịu trách-nhiệm không những về sự tổn-hại tự mình làm ra, mà cả về sự tổn-hại do những người mình có trách-nhiệm trông nom, hay do những vật mình phải trông coi làm ra nữa.

Phàm vật vô tri-giác mà làm nên tổn-hại, thời người trông coi vật ấy cho là có lỗi vào đó, không phân biệt là vật ấy có tay người động đến hay không; muốn phá sự dự-đoán đó, thời phải có bằng chứng trái lại mới được.

Điều thứ 764. — Con cái vị-thanh-niên dưới 21 tuổi ở với cha mẹ, làm sự gì tổn-hại cho người ta, thời cha mẹ phải chịu trách-nhiệm.

Người chủ nhà, người trao quyền, người thợ cả, phải chịu trách-nhiệm về sự tổn-hại do người đầy-tớ, người

chịu quyền, người thợ cùng người học nghề của mình làm ra trong khi làm công việc cho mình.

Người dạy học, người dạy nghề, phải chịu trách-nhiệm về sự tổn-hại do học trò cùng đồ-đệ mình làm ra, trong thời giờ ở dưới quyền mình trông coi.

Bấy nhiêu trường-hợp như trên đều có trách-nhiệm cả, trừ khi người chịu trách-nhiệm đó có bằng chứng rằng cái việc sinh ra trách-nhiệm ấy mình không thể ngăn cấm được.

Điều thứ 765. — Khi một người không có trách-nhiệm gì đã làm ra sự tổn-hại, mà người bị thiệt-hại không được người trông coi người đã làm ra sự tổn-hại ấy đền bồi, thời tòa-án được tùy theo gia-tư của các người đương sự mà truyền-trích lấy ở gia-sản người không có trách-nhiệm một số tiền vừa phải, để đền bồi một phần hay toàn phần tùy theo tình trạng.

Điều thứ 766. — Người chủ một con vật hay là người dùng nó, trong khi đương nuôi nó mà nó làm tổn-hại sự gì, thời phải chịu trách-nhiệm, dù khi ấy mình có giữ nó hay nó lạc trốn đi mặc lòng.

Điều thứ 767. — Người chủ nhà mà nhà mình hư nát làm thiệt-hại cho người ta, vì mình không chịu tu-bổ hay vì làm không chắc chắn, thời phải chịu trách-nhiệm về sự tổn-hại đó.

TIẾT THỨ IV

Nói về những nghĩa-vụ bởi luật sinh ra

Điều thứ 768. — Có những nghĩa-vụ do luật-pháp bắt buộc phải làm, không thuộc một việc gì hiện-tại của người ta. Như là :

Nghĩa-vụ cấp-dưỡng của vợ chồng cùng mấy người thân thích với nhau ;

Nghĩa-vụ phải đảm-đương một việc giám-hộ khi không thể từ chối hay xin miễn được ;

Nghĩa-vụ người chủ nhà hay chủ sở phải bồi thường cho đầy-tớ, người làm công, người làm thợ hay người học nghề của mình gặp khi tai nạn bất kỳ trong khi vì họ làm công việc cho mình mà không phải tại họ cố ý muốn làm ra tai-nạn ấy.

Điều thứ 769. — Nghĩa-vụ cấp-dưỡng là nghĩa-vụ phải cấp-nuôi một người nào, nghĩa là cấp cho đồ ăn, nhà ở, sự cần dùng, bằng cách trả một số tiền từng kỳ.

Điều thứ 770. — Tiền cấp-dưỡng thời chỉ tùy theo sự cần dùng của người xin cấp và tùy theo tư-lực của người có nghĩa-vụ phải cấp mà thôi.

Khi người có nghĩa-vụ cấp-dưỡng tỏ ra rằng không thể trả tiền cấp-dưỡng được vì tài-sản ít, thời tòa-án có thể cho phép người ấy đem người bà con hay thân thích được cấp-dưỡng về nhà mình mà nuôi dưỡng.

Điều thứ 771. — Số tiền cấp-dưỡng do tòa-án định bao giờ cũng là tạm thời mà thôi ; vậy khi người phải cấp-dưỡng hay người được cấp-dưỡng gặp một tình trạng khiến cho một bên không thể cấp được nữa hay là một bên không cần cấp nữa, hoặc là tất cả, hoặc là một phần, thời tòa-án có thể xử miễn hẳn hay xử giảm bớt ; hay là khi một bên cần phải cấp nhiều hơn hay một bên tài-sản thêm nhiều cũng có thể xử cấp thêm được.

Điều thứ 772. — Khi nào nghĩa-vụ cấp-dưỡng là thuộc nhiều người đồng hàng với nhau phải chịu, thời phải chung nhau mà chịu, tùy theo tư-lực của mỗi người.

Điều thứ 773. — Con cái buộc phải chịu nghĩa-vụ cấp-dưỡng cho cha mẹ hay ông bà cố cụ trong khi túng bấn.

Điều thứ 774. — Đối với vợ chồng thời nghĩa-vụ cấp-

dưởng do điều 92 luật nầy đã định, đối với con cái vị-thành-niên do điều 214, 182, 192, 365 và 366 ; đối với ông nhạc bà nhạc hay tôn thuộc người chồng mệnh-một do điều 354 ; đối với người vợ thứ mà chồng chết rồi, do điều 342, 364 và các điều tiếp theo.

Điều thứ 775. — Khi nào cha mẹ hay ông bà cố cụ, không có đấy, thời người làm anh làm chị phải cấp-dưởng cho em trai em gái vị-thành-uiên, và khi anh em chị em đã thành-niên mà bị tàn-tật hay thế bất đắc dĩ không tìm được cách sinh-nhai.

Chị em gái tuy đã xuất giá cũng phải chịu nghĩa-vụ cấp-dưởng, những người chị em gái nào chưa cưới hay đã đoạn hôn, mới có thể xin anh em chị em cấp-dưởng mình.

Điều thứ 776. — Người chủ nhà và chủ sở phải chịu tiền phí thuốc thang cho đầy tớ, người làm công, người làm thợ và người học nghề của mình gặp sự tai-nạn bất kỳ, trong lúc họ làm công làm việc của mình. Lại phải cấp-dưởng cho họ trong thời-hạn họ ốm yếu không làm được. Tiền cấp dưởng không khi nào có thể quá tiền công được. Tuy nhiên nếu thời-kỳ không làm việc được không quá bốn ngày hoặc nếu tại họ cố ý làm ra tai-nạn thời không phải trả tiền bồi thường gì cả.

Điều thứ 777. — khi nào tai-nạn bất-kỳ gây nên cố-tật, thời chủ nhà hay chủ sở phải cấp một món tiền cho người bị nạn.

Nếu người chủ muốn cứ dùng người bị nạn mà người nầy thuận, thời trong thời-kỳ thuận ấy không phải cấp tiền gì cả.

Điều thứ 778. — Nếu tai-nạn đến chết người, thời người chủ phải chịu tiền tống-táng, lại phải cấp tiền cho những thân-nhân mà khi sinh-thời người bất-hạnh phải nuôi nấng, nhưng tiền ấy không được quá số tiền mà

những thân-nhân ấy được hưởng trong tiền công của người bị nạn.

Điều thứ 779. — Khi có sự phân-tranh bất-đồng-ý, thời tiền cấp ấy sẽ do tòa-án định.

Tòa-án định tiền cấp ấy về khi mắc cố-tật thời sẽ xét người bị nạn sức-vóc kém đi bao nhiêu, tiền công mỗi ngày bao nhiêu, và khi tai-nạn đến chết người, thời sẽ xét những người mà người bất-hạnh sinh-thời phải cung-dưỡng đối với người ấy thân sơ thế nào và sự cần-dùng nhiều ít thế nào.

Điều thứ 780. — Cái bằng-chứng rằng tai-nạn là do người bị nạn cố-ý làm ra, thời về phần người chủ phải viện ra.

Thời-hạn trước-tiêu về việc kiện xin cấp tiền là hai năm, kể từ ngày bình-phục hay từ ngày vết thương lành làm đầu, hoặc kể từ ngày không còn thuận-tình cùng nhau như đã định ở đoạn thứ 2 điều 777 trên nầy.

Những thể-lệ định ở điều 776 và các điều tiếp theo trên nầy, chỉ thi-hành vào khi nào có tuân theo thể-lệ riêng định cách thức làm việc trong các nghề đã định rõ.

CHƯƠNG THỨ III

Nói về các thể-thức cũa nghĩa-vụ

Điều thứ 781. — Tùy theo nghĩa-vụ thuộc về một hạng nào liệt-kê dưới nầy, thời hiệu-lực có đổi khác đi:

1°) Nói về sự lập-thành nghĩa-vụ, thời nghĩa-vụ hoặc giản-dị, hoặc là có kỳ-hạn hay có điều-kiện;

2°) Nói về sự-vật của nghĩa-vụ, thời nghĩa-vụ có thể hoặc là đắp-đổi hoặc là tùy ý;

3°) Nói về số người chủ nợ hay người mắc nợ, thời

nghĩa-vụ hoặc là can-hệ đến một người, hoặc là can-hệ đến nhiều người ;

4·) Nói về thể-cách hay sự thi-hành của nghĩa - vụ thời nghĩa-vụ có thể hoặc phân - cát, hoặc không phân-cát được.

TIẾT THỨ I

Nói về các nghĩa-vụ giản-dị, có kỳ-hạn hoặc có điều-kiện về phương-diện thành-lập

Điều thứ 782. — Nghĩa-vụ giản - dị là khi lập - thành đích-xác, kể từ lúc lập nên, có thể bắt thi - hành ngay được.

Điều thứ 783. — Nghĩa-vụ có hạn là khi chủ nợ không được bắt thi-hành trước một kỳ-hạn nào, hay trước một sự gì, thế nào cũng xẩy ra, dù xẩy lại một thời-kỳ không nhứt định mặc lòng.

Điều thứ 784. — Sự gì mà có hạn trả thời không được đòi trước khi mản-hạn, nhưng sự gì đã trả trước rồi thời không đòi lại được.

Điều thứ 785. — Nghĩa - vụ có kỳ hạn, lợi cho người mắc nợ thời người mắc nợ có thể thôi không hưởng sự lợi đó mà thi-hành trước kỳ-hạn được, trừ khi chiếu tình trạng có bằng chứng rằng kỳ-hạn đặt ra là chủ lợi cả hai bên, hay lợi một bên chủ nợ mà thôi thời không kể ; khi chỉ lợi một bên chủ nợ mà thôi, thời chủ nợ cũng có thể thôi không hưởng lợi đó được.

Điều thứ 786. — Khi người mắc nợ đã hiển-nhiên trở nên vô-lực hoặc đã tự mình làm kém mất những khoản đảm-bảo hứa cho người chủ nợ trong khế - ước, thời không thể yêu-cầu được hưởng lợi về kỳ-hạn nữa.

Sự truất quyền hưởng lợi về kỳ hạn không phải tự-nhiên mà được ; phải thưa ở tòa-án mới được.

Điều thứ 787. — Nghĩa-vụ có điều-kiện là khi người đương sự hay luật-pháp định rằng nghĩa-vụ đó phải tùy một sự hậu-lai không chắc có mới thành-lập hay thủ-tiêu; trong trường-hợp thứ nhất thời gọi là điều-kiện huyền-sĩ, trong trường-hợp thứ nhì thời gọi là điều-kiện giải-trừ.

Điều thứ 788. — Khi việc dự định đã xẩy ra, thời điều-kiện huyền-sĩ có hiệu-lực ngược lên từ ngày lập-ước.

Khi việc thuộc điều-kiện giải-trừ đã xẩy ra, thời địa-vị của mọi bên đương sự đối với nhau lại hoàn như trước khi lập-ước.

Điều thứ 789.— Khi điều-kiện đã thành sự, thời bên nào phải nộp hay phải hoàn một đồ vật hay một món tiền gì, phải tính hoa-lợi hay lời lãi đã thu được hay đã đến kỳ trong hạn đó mà giao lại, trừ khi chiếu tình-trạng có bằng chứng rằng ý người đương sự là thế khác thời không kể.

Điều thứ 790. — Phàm điều-kiện thuộc về một sự không thể có được, hay là trái với phong-hóa, hay là bị luật-pháp cấm, thời là vô-hiệu và làm cho hiệp-ước cũng vô-hiệu.

Nếu điều-kiện không thể có được, hay trái phép đó chỉ quan-hệ đến một hiệu-quả phụ-thuộc của hiệp-ước mà thôi, thời chỉ duy một khoản thuộc về điều-kiện đó là vô-hiệu.

Điều thứ 791. — Nếu điều-kiện thuộc việc phải có, có hạn thời-kỳ nhất định, hoặc do người đương-sự, hoặc do tòa-án định, thời hễ thời-kỳ ấy qua đi rồi mà việc không xẩy ra, thời điều-kiện là bất thành; lại dù có định hay không định thời-kỳ mặc lòng, mà đã rõ rằng việc không thể xẩy ra được, thời điều-kiện cũng là bất thành.

Điều-kiện thuộc việc không có, có hạn thời-kỳ nhất định, thời kể trong thời-kỳ ấy việc không xẩy ra, là điều-

kiện thành ; lại dù có định hay không định thời-kỳ mặc lòng, mà đã rõ rằng việc không xẩy ra được, thời cũng cho là điều-kiện thành.

Trong hai trường-hợp như trên vừa nói, kỳ-hạn do người đương sự đã định, tòa-án không thể gia thêm được.

Điều thứ 792. — Nếu một bên hay cả hai bên đương sự quá-cố đi, trước khi điều-kiện thành hay bất thành, thời đối với người thừa kế, hiệp-ước vẫn còn hiệu-lực một bên được hưởng, một bên phải chịu, trừ khi nào hoặc vì tính chất của điều-kiện, hoặc vì bản ý hai bên, điều-kiện ấy có quan thiết hay bắt buộc đến đích thân người lập-ước hay người thụ-ước thời không kể.

Điều thứ 793. — Nếu trước khi điều-kiện huyền-sĩ đã thành, mà cái vật đem hứa đã mất hẳn hay bị hư hại quá nữa phần giá mà không tại lỗi người hứa, thời hiệp-ước kể như không thành-lập, mà hai bên không thể đòi nhau gì được.

Nếu trước khi điều-kiện giải-trừ thành sự, việc mất hẳn hay bị hư hại ấy vẫn xẩy ra thời điều-kiện ấy kể như vô-hiệu, và người lập ra điều-kiện ấy không thể đòi hoàn lại gì cả.

Nếu trong hai trường-hợp trên nầy mà sự hao-tổn không quá nữa phần giá, thời điều-kiện thành hiệp-ước sẽ có hiệu-quả như đã ước-định với nhau.

Điều thứ 794. — Khi tại lỗi một bên mà hư-hại hay mất một phần, thời bên kia có thể tùy ý thỉnh-cầu hoặc thi-hành hiệp-ước mà phải trả tiền bồi, hoặc bãi hiệp-ước mà đòi tiền bồi thường.

Điều thứ 795. — Phàm khế-ước do hai bên cùng làm thời điều-kiện giải-trừ bao giờ cũng là ám-chỉ cho bên đã thi-hành nghĩa-vụ hoặc sẵn lòng thi-hành nghĩa-vụ, khi bên kia không làm được trọn phần mình.

Trong trường-hợp ấy hiệp-ước không phải tự-nhiên mà bải đi, bên thiệt phải làm đơn xin tòa xử bải, và tòa-án có thể gia-ân cho bên kia được thêm hạn, nhưng phải thận trọng lắm mới được.

Điều thứ 796. — Hai bên có thể ước-định phân-minh rằng không khi nào có sự bải ước đó được.

Lại có thể ước-định phân-minh rằng hễ một bên bị bách phải thi-hành, thì sự bải-ước là tự nhiên đối với bên đó ; nhưng bên kia có viện lẽ đó chống lại thời bên bị bách mới có thể vin lấy cớ bải-ước đó được.

Điều thứ 797. — Nếu sự bải-ước là mặc-nhiên ám-chỉ, thời bên bị thiệt-hại vì ước không thi-hành, hễ chưa đệ đơn kiện, có thể thôi sự bải-ước được ; nếu sự bải-ước là công-nhiên định rõ, mà bên bị thiệt chưa tuyên-bố rằng xin viện lẽ đó, thời cũng có thể thôi được.

Điều thứ 798. — Bên nào có giấy thỉnh-cầu ở tòa-án để bải-ước, hay là viện lẽ tự-nhiên bải-ước, lại có thể xin bồi tổn-hại nữa.

Điều thứ 799. — Bên nào mà quyền-lợi phải tùy thuộc một điều-kiện huyền-sĩ, hay là tố-quyền bị hoãn vì có hạn pháp-luật hay hạn gia-ân, thời trong thời-kỳ đó có thể dùng các phương-pháp bảo-tồn quyền-lợi mình theo như pháp-luật đã định.

TIẾT THỨ II

Nói về các nghĩa-vụ đắp-đổi hay tùy ý thuộc về đồ vật mắc-nợ

Điều thứ 800. — Nghĩa-vụ đắp-đổi là khi có hai hay nhiều sự-vật khác nhau, nhưng người mắc-nợ đã cung-cấp được một hay nhiều sự-vật rồi, thời tiện-thị là được miễn.

Điều thứ 801. — Phàm nghĩa-vụ đắp-đổi có nhiều sự-vật khác nhau, mà theo nghĩa-vụ người mắc-nợ được chọn

mà nộp, thời người mắc-nợ hễ đã nộp được một sự-vật hay một vài sự-vật là được miễn nợ, và nếu không định rõ rằng người chủ-nợ được chọn, thời quyền chọn ấy là ở người mắc-nợ.

Điều thứ 802. — Muốn được miễn nợ, người mắc-nợ không thể bắt người chủ nợ phải nhận một phần vật nầy và một phần vật kia được.

Điều thứ 803. — Tuy nghĩa-vụ khi giao-ước là có tánh-cách đắp-đổi, nhưng nếu trong hai sự-vật để chọn, mà một sự-vật không thể cho làm chủ-đích của nghĩa-vụ được, thời nghĩa-vụ là giản-dị.

Điều thứ 804. — Nếu những sự-vật đã hứa cho người mắc-nợ chọn bị hư mất, chỉ còn một sự-vật mà thôi, thời nghĩa-vụ thành ra giản-dị, dù những vật bị hư mất đó do tự lỗi người mắc-nợ cũng vậy ; người mắc-nợ phải giao-phó cái vật còn lại, chứ không được chiếu giá vật đã hư mất đi mà trả bằng tiền.

Điều thứ 805. — Nếu những vật đã hứa cho người mắc nợ chọn, đều bị hư mất mà có một vật hư mất ấy tự lỗi người mắc-nợ, thời người nầy phải chiếu giá tiền vật bị hư mất sau cùng mà trả lại.

Điều thứ 806. — Nhưng nếu quyền lựa chọn sự-vật là cũa người chủ nợ, thời người nầy có thể đòi một sự-vật trong những sự-vật còn lại hay đòi giá tiền của một sự-vật trong những sự-vật bị hư mất do lỗi người mắc-nợ.

Điều thứ 807. — Nếu không vì lỗi người mắc-nợ mà những sự-vật đều hủy mất tại trước khi đến kỳ-hạn người ấy phải thi-hành nghĩa-vụ, thời nghĩa-vụ tiêu-diệt.

Điều thứ 808. — Nghĩa-vụ tùy-ý là khi người mắc-nợ chính phải buộc về một hay nhiều sự-vật đã định, nhưng có quyền nộp một hay nhiều sự-vật khác để miễn nợ được.

Điều thứ 809. — Người mắc-nợ chỉ có quyền đòi những sự-vật chính mắc-nợ, và nếu sự-vật ấy bị hư mất vì cớ ngẫu-nhiên hay vì tình-thế gì mà sức người không thể chống lại được, thời nghĩa-vụ bị tiêu-diệt.

Điều thứ 810. — Nếu những sự-vật chính mắc-nợ bị hủy mất vì lỗi người mắc-nợ, thời người ấy phải chiếu giá trả lại và có thể bị xử bồi-thường nữa ; nhưng người mắc-nợ vẫn có quyền lấy cái sự-vật hay những sự-vật phụ tùy-ý nộp vào để miễn nợ.

TIẾT THỨ III

Nói về các nghĩa-vụ giản-dị hay phiền-phức thuộc về số người chủ-nợ và số người mắc-nợ

Điều thứ 811. — Nghĩa-vụ giản-dị là khi nào chỉ có một người chủ-nợ và một người mắc-nợ thôi ; nghĩa-vụ phiền-phức là khi hoặc ngay tự lúc lập-ước, hoặc về sau vì có nhiều người thừa-kế cho một bên đương-sự.

Nghĩa-vụ phiền-phức thời hoặc là chung nhau, hoặc là liên-đới, hoặc là chia được, hay không được.

Điều thứ 812. — Khi nào không có một điều-khoản trong tờ giao-ước, hay một điều-luật nào cấm rằng nghĩa-vụ ấy được chia ra mà đòi hay chia ra mà trả, đến nỗi người chủ-nợ chỉ có quyền đòi phần nợ của mình mà thôi, và người mắc-nợ chỉ bị đòi về phần nợ mình mà thôi thời nghĩa-vụ phiền-phức gọi là chung nhau.

Nếu tờ giao-ước không định một cách hiển-nhiên hay mặc-nhiên hoặc theo tình-trạng thực-sự mà phải định khác, thời cái nghĩa-vụ chung nhau được chia ra từng người hay từng phần cân nhau ; mỗi người chủ-nợ có quyền thưa lại người chủ-nợ khác để qui lại cho đúng cái thiệt phần mà mình được hưởng, mỗi người mắc-nợ có quyền thưa lại người mắc-nợ khác để qui lại cho đúng cái thiệt phần mà mình phải trả.

Điều thứ 813. — Khi một người mắc-nợ trong nghĩa-vụ chung nhau thành ra vô-lực, thời người chủ-nợ phải chịu mất phần nợ ấy.

Nếu trong các người mắc-nợ có một người bị bách phải trả, thời chỉ người ấy chịu hiệu-lực sự bị bách ấy mà thôi;

Nếu trong các người chủ-nợ có một người bách người mắc-nợ phải trả, thời chỉ người chủ-nợ ấy được hưởng hiệu-lực sự bách ấy trong phần nợ của mình mà thôi;

Nếu thời-hiệu tiêu-diệt gián-đoạn hay huyền-sĩ cho một bên đương-sự thời chỉ bên ấy chịu thiệt hay được hưởng mà thôi.

Điều thứ 814. — Thể-lệ chung về việc phân-cát những nghĩa-vụ chung nhau hay chuyển cho nhiều người, nếu gặp có sự liên-đới hay không phân-cát được, thời không thể đem thi-hành.

Mục thứ 1. — *Nói về các nghĩa-vụ liên-đới.*

Điều thứ 815. — Khi nào tờ giao-ước hay luật-lệ định rằng một người trong các người chủ-nợ được thâu toàn cả món nợ, hay là một người trong các người mắc-nợ phải trả toàn cả món nợ, thời nghĩa-vụ gọi là liên-đới của nhiều chủ-nợ hay của nhiều người mắc-nợ.

A — Sự liên-đới về phần các người chủ nợ với nhau.

Điều thứ 816. — Nghĩa-vụ liên-đới của nhiều chủ-nợ với nhau, là khi văn-tự định phân-minh rằng một người trong những người đó có thể đòi được tất cả món nợ, mà khi nào đã trả một người rồi thời người mắc-nợ được miễn nợ, dù người chủ-nợ liên-đới đã nhận được nợ mà không chia cho các chủ-nợ khác mỗi người một phần cân nhau, nếu tờ giao-ước hay tình-trạng thực-sự không định cách chia nào khác.

Điều thứ 817. — Khi nào trong các người chủ nợ liên-đới không có người nào thua đòi, thời người mắc-nợ được tùy tiện trả cho người nầy hay người khác trong bọn chủ-nợ liên-đới cũng được.

Tuy nhiên, nếu chỉ có một người chủ-nợ liên-đới miễn trừ cho người mắc-nợ, thời chỉ có thể miễn được phần riêng của người chủ-nợ ấy thôi.

Điều thứ 818. — Việc bách trả nợ hay việc gì đình thời-hiệu giải-trừ do một người chủ-nợ liên-đới đứng làm thời các chủ nợ khác cũng được hưởng ; nhưng sự huyền-sĩ về cái thời hạn tiêu-diệt chỉ có hiệu-lực đối với người được hưởng lệ ấy mà thôi.

B — Sự liên-đới về phần các người mắc-nợ với nhau.

Điều thứ 819. — Khi nào các người mắc-nợ buộc phải chịu chung làm một nghĩa-vụ gì, mà mỗi người có thể bị bắt phải làm tất cả cái nghĩa-vụ ấy, và khi một người đã làm, thời các người kia đều được miễn nợ đối với chủ-nợ, như vậy thời gọi là các người mắc–nợ có liên-đới với nhau.

Điều thứ 820. — Nghĩa-vụ có thể là liên-đới được, dù một người trong những người mắc-nợ phải trả nợ chung một cách khác người kia mặc lòng ; thí dụ như một người chỉ là nghĩa-vụ có điều-kiện mà thôi mà người kia lại là nghĩa-vụ giản-dị ; hay là một người được hưởng kỳ-hạn mà người khác không được.

Điều thứ 821. — Sự liên-đới không phỏng đoán được : phải có biên rõ phân minh trong khế-ước.

Chỉ khi nào trong luật có định rằng sự liên-đới là thuộc lẻ đương-nhiên, thời thể-lệ nầy mới không thi-hành.

Điều thứ 822. — Người chủ-nợ một nghĩa-vụ liên-đới có thể tùy ý đòi một người trong những người mắc-nợ phải thi-hành trọn nghĩa-vụ, hình như người mắc-nợ ấy chỉ có một mình mà thôi.

Người chủ nợ lại có thể đồng thời hay lần lượt kiện tất cả các người mắc-nợ cho đến khi trả thành.

Điều thứ 823. — Người mắc-nợ liên-đới bị kiện phải trả tất cả nợ hay quá phần nợ của mình, thời được thỉnh-cầu một thời-hạn để gọi những người cùng mắc-nợ với mình ra đương-sự và bắt những người ấy góp phần vào việc chống cải hay việc trả nợ chung.

Những người cùng mắc-nợ ấy cũng có thể tự xuất phí-tổn ra mà can-thiệp để bảo-thủ quyền-lợi của mình.

Điều thứ 824. — Mỗi người mắc-nợ bị kiện phải thi-hành nghĩa-vụ liên-đới, thời đối với người chủ-nợ về tất cả món nợ chung, được phép chống cải cho mình và cho các người cùng mắc-nợ, viện những phương-pháp chống cải về lẻ nghĩa-vụ không thành hay là về lẻ nghĩa-vụ đã tiêu-diệt rồi.

Điều thứ 825. — Cách chống cải lấy duyên cớ vì một người mắc-nợ không có tư-cách hay sự đồng-ý của người ấy không được hoàn-toàn, thời chỉ riêng người ấy được dùng; song nếu những cách ấy đã được tòa-án y nhận, thời sẽ lợi cho các người cùng mắc-nợ về phần nợ của người ấy, nên khi lập-ước những người cùng mắc-nợ ấy đã chắc rằng người kia sẽ góp gánh trong việc thi-hành ước.

Điều thứ 826. — Nếu đồ vật nợ đã mất bởi lỗi hay trong khi một hay nhiều người cùng mắc nợ liên-đới đến kỳ-hạn phải thi-hành, thời những người cùng mắc-nợ khác phải chiếu giá đồ vật ấy mà trả lại, không thể miễn được, nhưng được miễn không phải bồi tổn-hại.

Người chủ-nợ chỉ được đòi bồi tổn-hại ở người có lỗi về sự mất đồ-vật nợ cùng người đã bị bách thi-hành mà thôi.

Điều thứ 827. – Hễ một người mắc-nợ liên-đới bị kiện phải trả tiền lời, thời đối với tất cả các người mắc-nợ khác cũng phải chịu lời.

Điều thứ 828. – Hễ một người mắc-nợ liên-đới bị kiện phải trả tiền lời, thời đối với tất cả các người mắc-nợ cũng phải chịu lời.

Điều thứ 829. — Người chủ-nợ nào thuận cho chia nợ đối với người đồng mắc-nợ, thời vẫn được quyền tố-tụng liên-đới đối với các người khác, song phải trừ phần nợ của người mình đã miễn cho sự liên-đới đó.

Điều thứ 830. — Một người đồng mắc nợ liên-đới mà đã thi-hành nghĩa-vụ, thời đối với người chủ nợ, các người đồng mắc nợ khác đều được miễn.

Điều thứ 831. — Khi nào một người đồng mắc nợ thi-hành một phần nghĩa-vụ liên-đới, mà người chủ nợ thuận cho, thời cũng không làm cho mất sự liên-đới, trừ trong khế-ước có điều khoản phân minh hay người chủ - nợ có tuyên bố rõ ràng thời không kể.

Điều thứ 832. – Đối với nhau thời những người mắc nợ liên-đới chỉ phải chịu mỗi người về phần mình thôi.

Điều thứ 833. — Người đồng mắc nợ một món nợ liên-đới đã trả được cả số nợ rồi, thời chỉ được đòi lại những người kia, người nào phần nấy mà thôi, nhưng người ấy cũng được đòi tiền lời về số tiền mình đã xuất ra mà trả kể từ ngày mình trả.

Điều thứ 834. — Nếu trong các người đồng mắc nợ có một người vô-lực, thời sự thiệt đó các người mắc nợ hữu-lực đều phải chiếu tùy phần nợ của mình mà sai phân cùng chịu, dù trong số đó có một người đã được người chủ nợ miễn trừ phần nợ đi rồi, hay là có người đã trả phần nợ của mình rồi cũng thế.

Các phần ấy nếu không có lời ước trái lại hay tình-trạng thực-sự trái lại, đều phỏng-đoán là bằng nhau cả.

Mục thứ II. — *Nói về các nghĩa-vụ chia được và không chia được*

Điều thứ 835. — Nghĩa-vụ hoặc là chia được, hoặc là không chia được, tùy theo chủ-kiện là một vật gì hay một việc gì, khi nộp hay khi làm có thể hay không có thể đem chia ra được, hoặc về hình-chất của sự vật, hoặc về ý định của đôi bên.

Điều thứ 836. — Tuy vật hay việc làm chủ-kiện của nghĩa-vụ, bản-tính nó là có thể chia được, nhưng người mắc nợ không thể thi-hành một phần được, thời nghĩa-vụ cũng là không thể chia được.

Điều thứ 837. — Đối với người mắc nợ và người chủ nợ, dù nghĩa-vụ có thể chia được cũng phải thi-hành như không thể chia được. Chỉ đối với kẻ thừa-kế của những người ấy mới có thể viện lẻ chia được mà thôi; kẻ thừa-kế nầy chỉ có thể đòi hay chỉ buộc phải trả phần nợ mình được đòi hay phải trả theo tư-cách là thay mặt cho người chủ nợ hay người mắc nợ mà thôi, trừ khi đã nói ở điều 379 trên nầy thời không kể.

Điều thứ 838. — Những người đồng mắc nợ cùng những người thừa-kế người mắc nợ về một nghĩa-vụ không chia được, ai nấy cùng buộc phải thi-hành nghĩa-vụ đó, dù trong khế-ước không nói là liên-đới trách-nhiệm mặc lòng.

Điều thứ 839. — Phàm nghĩa-vụ không chia được, mỗi người thừa-kế của người chủ nợ có thể đòi phải thi-hành toàn phần được.

Nhưng một mình không thể cho miễn trừ toàn cả món nợ được, cũng không thể một mình nhận giá tiền hay đồ vật được.

Nếu một người trong những người thừa-kế đã một mình cho miễn trừ món nợ hay nhận giá tiền đồ vật, thời người đồng thừa-kế khác muốn đòi các vật không thể chia được đó, tất phải tính trừ cái phần của người kia đã miễn trừ hay đã nhận giá rồi mới được.

Điều thứ 840. — Người thừa-kế của người mắc nợ bị tòa đòi phải thi-hành toàn nghĩa-vụ, có thể khất hạn để đòi những người đồng thừa-kế khác ra dự-sự, trừ khi chiếu theo tính-chất nợ chỉ người thừa-kế bị tòa đòi đó mới trả được mà thôi thời không kể, khi ấy thời tòa có thể làm án một mình người đó được, nhưng người đó có thể kiện lại các người đồng thừa-kế khác bồi thường lại cho mình.

Điều thứ 841. — Hễ một người mắc-nợ trong nghĩa-vụ không chia được bị kiện, thời sự tiêu-diệt thời-hiệu bị gián-đoạn đối với các người mắc-nợ khác.

TIẾT THỨ IV

Nghĩa-vụ có khoản-phạt

Điều thứ 842.— Khoản-phạt là một khoản do một người cam-đoan rằng nếu không thi-hành nghĩa-vụ thời phải chịu một sự gì; khoản ấy là để bảo-đảm sự thi-hành nghĩa-vụ.

Điều thứ 843. — Nghĩa-vụ chính mà vô-hiệu thời khoản-phạt cũng vô-hiệu.

Nhưng khoản-phạt vô-hiệu không làm cho nghĩa-vụ chính vô-hiệu được.

Điều thứ 844. — Người chủ-nợ có thể không đòi phạt người mắc-nợ bị-bách mà kiện người ấy phải thi-hành nghĩa-vụ chính cũng được.

Điều thứ 845. — Khoản-phạt cốt để đền vào sự tổn-hại mà người chủ-nợ phải chịu vì sự người mắc-nợ không y-ước thi-hành nghĩa-vụ.

Khi người mắc-nợ có trách-nhiệm trong sự không thi-hành nghĩa-vụ, thời phải chịu khoản-phạt ấy, người chủ-nợ không cần phải viện cớ rằng mình bị thiệt-hại hay là khi theo khế-ước định rằng nếu gặp những cớ ngẫu-nhiên hay gặp tình-thế gì mà sức người không chống lại được, người mắc-nợ cũng phải chịu.

Người chủ-nợ không thể đồng-thời đòi cả khoản chính cùng cả khoản phạt được, trừ khi khoản-phạt đặt ra là để phạt sự chậm mà thôi thời không kể.

Điều thứ 846. — Dù nghĩa-vụ chính có định hay không định hạn để thi-hành mặc lòng, chỉ có khi nào người đã tự buộc phải nộp, phải lấy hay phải làm một sự gì đến kỳ bị bách thi-hành, thời người ấy mới phải chịu phạt mà thôi.

Điều thứ 847. — Khoản-phạt đúng phép là một điều-luật cho hai bên đương-sự. Quan tòa không thể thay đổi khoản-phạt được, trừ khi nào theo ý-định phỏng-đoán của hai bên, nếu nghĩa-vụ đã thi-hành được một phần thời không kể.

CHƯƠNG THỨ IV

Nói về sự tiêu-diệt nghĩa-vụ

Điều thứ 848. — Những khi như sau nầy thời nghĩa-vụ bị tiêu-diệt :

Khi trả xong ;

Khi chủ-nợ thuận-ý miễn-trừ nghĩa-vụ ;

Khi thế-dịch nghĩa-vụ ;

Khi hai bên cùng nợ hòa nhau ;

Khi hai bên chủ-nợ mắc-nợ hỗn-hợp ở một người ;

Khi một vật phải trả đã mất đi ;

Khi có kiện xin thủ-tiêu sự mua bán hay xin tuyên-cáo là khế-ước vô-hiệu ;

Khi đến tiêu-diệt thời-hiệu.

TIẾT THỨ I

Nói về sự thi-hành nghĩa-vụ

Mục thứ 1. — *Nói chung về sự trả nợ*

Điều thứ 849. — Trả nợ là khi đã giao một sự-vật hay làm một việc gì mà mình phải giao hay phải làm.

Nợ trả rồi thời nghĩa-vụ hết.

Có nợ thời mới phải trả, không nợ mà trả thời được phép đòi lại.

Tuy nhiên đối với nghĩa-vụ tự-nhiên mà tự-ý mình trả thời không đòi lại được.

Điều thứ 850. — Phàm người nào có quan-hệ đến một nghĩa-vụ, đều có thể thi-hành nghĩa-vụ ấy, như người đồng mắc nợ hay người bảo-lảnh nợ.

Người đệ-tam không quan-hệ đến nghĩa-vụ, cũng có thể thi-hành được, miễn là người đệ-tam ấy phải là thay mặt hay trả hộ người mắc-nợ, hay nếu đứng đích tên mình mà làm nghĩa-vụ thời không được đòi thế chân vào quyền của người chủ-nợ mới được.

Điều thứ 851. — Nếu là nghĩa-vụ phải làm sự gì, mà người chủ nợ có lợi muốn để cho chính người mắc-nợ phải làm, thì không thể trái ý người chủ nợ mà để cho người đệ-tam làm được.

Điều thứ 852. — Muốn cho sự trả nợ có giá-trị thời mình phải là đích-nghiệp-chủ vật dùng để trả đó và có tư-cách đích-chuyển vật ấy được.

Nhưng khi đã trả bằng một món tiền hay một vật gì có thể tiêu dùng được, mà người chủ nợ đã ngay tình tiêu dùng đi rồi, thời không đòi lại được nữa, dù người trả không phải là nghiệp-chủ hay không có tư-cách chuyển-dịch cũng vậy.

Điều thứ 853. — Phải trả cho người chủ-nợ, hay người có ủy-quyền của người ấy, hay người mà tòa-án hay pháp-luật cho phép nhận thay người ấy.

Nếu trả cho một người không có quyền nhận thay người chủ-nợ, nhưng người chủ-nợ có chuẩn-y hay đã lợi-dụng, thời-sự trả nợ ấy cũng có giá-trị.

Điều thứ 854. — Nếu người mắc-nợ nhân lòng ngay mà trả nợ cho một người mà ngoại-dụng tợ hồ là chủ-nợ, thời-sự trả nợ ấy cũng có giá-trị dù sau nầy người chủ-nợ thiệt không được hưởng cũng vậy.

Điều thứ 855. — Nếu trả nợ cho một người chủ-nợ không có tư-cách nhận, thời sự trả nợ ấy không có giá-trị, trừ khi người mắc-nợ có bằng chứng rằng vật trả đó đã thành ra lợi cho chủ-nợ thời không kể.

Điều thứ 856. — Nếu người mắc-nợ trả chủ-nợ mà hại cho việc tịch-biên hay chế-chỉ, thời-sự trả nợ không có giá-trị đối với những người chủ-nợ xin tịch-biên hay xin chế-chỉ ấy. Những người ấy có thể tùy theo quyền-lợi của mình bắt người mắc-nợ phải trả lần nữa, trừ trong trường-hợp ấy, người mắc-nợ có thể kiện lại người chủ-nợ tuy đã có việc chế-chỉ mà cứ nhận tiền trả.

Điều thứ 857. — Không thể bắt người chủ-nợ phải nhận một vật khác cái vật phải trả được, dù cái vật mà người mắc-nợ xin trả ấy bằng giá hay hơn giá vật phải trả mặc lòng.

Điều thứ 858. — Người mắc-nợ không thể bắt người chủ-nợ phải nhận lấy một phần món nợ được, dù nợ ấy có thể chia được mặc lòng.

Tuy nhiên quan Tòa có thể xét tình cảnh người mắc-nợ gia hạn cho ít lâu để trả nợ và hoản việc kiện lại, để y nguyên như vậy, nhưng quyền nầy quan Tòa chỉ nên dùng một cách rất cẩn-thận ; khi án buộc mỗi người

chủ-nợ nhận nợ bằng nhiều kỳ, nếu người mắc-nợ không trả một kỳ, thời người chủ-nợ được đòi toàn cả số nợ, quan Tòa không cho thêm hạn mới nữa, chỉ trừ khi nào gặp tình-thế gì mà sức người không thể chống lại được, thời không kể.

Điều thứ 859. — Người mắc-nợ một cái vật đích-thực và nhất-định, thời hễ trả lại cái vật ấy y như lúc giao, là miễn nợ, hoặc có hư-hỏng thì phải không bởi mình hay bởi lỗi mình, cũng không lỗi tại những người mình phải chịu trách-nhiệm, hay là trước khi hư-hỏng mình chưa phải đến kỳ bách thi-hành mới được.

Điều thứ 860. — Nếu nợ là một cái vật chỉ định về chủng-loại mà thôi, thời người mắc nợ không buộc phải trả bằng hạng tốt hơn, nhưng cũng không được trả bằng hạng xấu hơn.

Điều thứ 861. — Nợ phải trả ở nơi trong ước đã định. Nếu không có chỉ nơi, mà cái vật phải trả là một vật đích-thực và nhất-định, thời khi lập-ước vật ấy ở đâu phải trả ở đấy.

Trừ hai khi đó, trả nợ thời phải trả ở trú sở người mắc nợ.

Điều thứ 862. — Tiền phí về sự trả nợ thời người mắc-nợ phải chịu. Khi trả toàn phần hay một phần món nợ bằng bạc hay bằng hàng-hóa, người mắc-nợ ngoài sự lấy biên-lai rồi, lại được phép đòi người chủ-nợ phải biên bằng mực vào khế rằng số bạc hay số vật hạng đã trả rồi, nếu người chủ-nợ không giao-khế cho mình.

Mục thứ 2. — *Sự trả nợ để thế chân vào*

Điều thứ 863. — Sự trả nợ để thế chân vào là một điều luật đặt ra trong khi một người đệ-tam trả nợ thế cho người mắc nợ, thời người đệ-tam ấy vẫn còn có quyền-

lợi về món nợ ấy cùng những điều phụ-thuộc, để sau nầy mà đòi lại.

Khi một người đệ-tam trả để thế chân, thời người mắc-nợ được miễn đối với người chủ-nợ. Món nợ và những bảo-chứng cùng hiệu-quả của món nợ ấy thời người đệ-tam đã trả bao nhiêu thời được hưởng bấy nhiêu và cả tiền lời số tiền đã trả ấy nữa.

Sự thế chân như vậy thời do người chủ-nợ, người mắc-nợ hay luật-pháp nhận cho, theo như cách định sau nầy.

Điều thứ 864. — Sự thế chân do người chủ-nợ nhận cho thời phải biên phân-minh trong giấy biên-lai mới có giá-trị nhưng không cần phải nói rõ là người đệ-tam có lợi hay không có lợi trong sự trả đó, cũng không cần biên rõ rằng y trả cho y hay là y trả cho người mắc-nợ.

Điều thứ 865. — Người mắc-nợ có thể không cần phải người chủ-nợ nhận cho, mà cho một người đệ-tam thế vào chân người chủ-nợ, khi người đệ-tam ấy đã cho mình vay đủ tiền bằng biện-ngân hay bằng của-cải để trả món nợ của mình.

Muốn sự trả nợ thế chân ấy đối với người đệ-tam có giá-trị, thời văn-tự vay phải biên rõ rằng số bạc hay cũa-cải là đã vay để trả nợ, và tờ biên-lai của chủ-nợ xuất cho phải nói rõ số bạc hay cũa-cải ấy ở đâu mà ra ; vả lại khế vay và giấy biên - lai hay là tờ giấy gì làm bằng về hai sự ấy đều phải do công-chức thị-thực, thời mới đem làm bằng chứng được.

Nếu từ lúc vay để trả cho đến lúc trả, đã qua thời-hạn quá dài, thời tòa-án có thể tuyên-bố cho sự thế chân là không có hiệu-lực.

Điều thứ 866. — Trong những trường-hợp sau nầy thời sự thế chân trả nợ tự-nhiên có hiệu-lực :

1·) Khi người nào chính mình là chủ-nợ mà lại trả một người chủ-nợ khác được quyền lấy nợ trước mình vì người ấy có vật quyền ;

2·) Khi người mua một bất-động-sản nào mà dùng giá mua để trả nợ những chủ-nợ mà bất-động-sản ấy đã đem để-đương hay cầm-cố cho họ ;

3·) Khi người nào vì mình cùng người khác hay thay cho người khác bị buộc phải trả nợ, hễ trả nợ ấy đi cho xong thời có ích cho mình.

Điều thứ 867. — Sự trả nợ thế-chân định ở các điều trên nầy vẫn có hiệu-lực đối với người bảo-lãnh cùng người mắc-nợ ; sự trả nợ thế-chân ấy không được làm thiệt-hại cho người chủ-nợ đã nhận một phần số nợ ; vậy người chủ-nợ có thể từ-chối sự trả nợ thế-chân về một món nợ mà có thể làm giảm mất bảo-chứng về các nợ khác, hay là sau khi đã trả một phần nợ rồi mà tài-sản bị đem để-đương hay cầm-cố để bảo-chứng nợ đã đem ra phát-mải chia tiền, thời trong số tiền phát-mải ấy người chủ-nợ được quyền ưu-tiên, lấy cho đủ số nợ của mình mà người mắc-nợ còn thiếu trước người trả nợ thế-chân, trừ ra khi có lời ước định trái lại thời không kể.

Mục thứ 3. — *Định khoản trả nợ*

Điều thứ 868. — Người mắc-nợ nhiều món nợ thời lúc trả được nói rằng mình trả món nợ nào.

Điều thứ 869. — Nếu người chủ-nợ không thuận, thời người mắc-nợ không được phép chọn trả :

1·) Một món nợ chưa đến hạn trả, khi hạn ấy là có lợi cho chủ-nợ ;

2·) Trả tiền vốn trước tiền lời cùng tiền-phí ;

3·) Trong nhiều món mà trả mỗi món một phần.

Điều thứ 870. — Khi nào người mắc-nợ không có định khoản trả nợ đích - đáng, thời người chủ-nợ có thể tự mình định khoản trong biên-lai là trả về nợ nào.

Nếu người mắc-nợ đã nhận biên-lai mà không phản-kháng hoặc dị-nghị gì, thời không được xin định khoản trả một món nợ khác, trừ khi nào tại mình lầm hay tại chủ-nợ gian lừa hay lầm lẫn thời không kể.

Điều thứ 871. — Nếu người mắc-nợ cùng người chủ-nợ đều không định một cách đích-đáng rằng số tiền nào trả về món nợ nào, thời cứ chiếu luật định như sau nầy :

1°) Phải trả món nợ đã đến hạn trước món nợ chưa đến hạn ;

2°) Phải trả tiền phí và lãi trước tiền vốn ;

3°) Nếu cùng là đến hạn hay chưa đến hạn cả, thời định cho trả về món nợ nào mà người mắc-nợ có lợi nên trả trước hết ;

4·) Nếu người mắc-nợ không có lợi nên trả nợ nầy hay trả nợ khác trước, thời định trả vào nợ nào đả đến hạn lâu nhất hay là nợ nào gần đến hạn nhất ;

5·) Nếu chỉ bảo-lảnh một phần nợ mà thôi, thời định trả vào phần nợ không có bảo-lảnh ;

6·) Nếu tất cả các món nợ đều cùng một thể-cách như nhau, thì sẽ dùng cách sai phân mà khấu vào tất cả các món.

Mục thứ 4. — *Nói về sự tình-nguyện trả nợ và sự ký-tồn*

Điều thứ 872. — Khi người chủ nợ từ chối không chịu nhận trả nợ, thời người mắc-nợ có thể mang hiện vật đến tình-nguyện trả, nếu người chủ-nợ không nhận thời có thể đem ký-tồn tiền hay vật nợ.

Đem hiện vật tình-nguyện trả thời do người mắc-nợ xin với quan tòa sơ-cấp làm lệnh cử người đem thế cho người mắc-nợ ấy.

Người mắc-nợ đã đem hiện vật tình-nguyện trả, lại đem ký-tồn thế là được miễn nợ, nếu làm như vậy một cách đích-đáng thời tức là trả nợ rồi, và chủ-nợ phải chịu trách-nhiệm về vật ký-tồn.

Điều thứ 873. — Phàm đem hiện vật tình-nguyện trả muốn cho có giá-trị thời phải :

1°) Tình-nguyện với người chủ-nợ có tư-cách nhận lấy, hay người có quyền nhận lấy cho chủ-nợ ;

2°) Phải do người có tư-cách trả được đứng tình-nguyện ;

3°) Phải tình-nguyện trả tất cả vốn lời, tính đến ngày tình-nguyện trả ;

4°) Nếu kỳ hạn trả nợ lợi cho người chủ, thời nợ phải đến hạn mới được ;

5·) Nợ tùy thuộc điều-kiện gì, thời điều-kiện ấy phải thành đã ;

6·) Phải tình-nguyện trả ở nơi đả ước-định để trả, hay nếu không có ước riêng về nơi trả nợ, thời phải tình-nguyện với đích-thân người chủ-nợ, hay ở nơi trú-sở người ấy, hay ở nơi trú-sở đã chọn để thi-hành khế-ước.

Điều thứ 874. — Muốn cho việc ký-tồn có giá-trị, không cần phải có phép của quan tòa, miễn là :

1·) Trước khi ký-tồn đã tống-đạt cho chủ-nợ biết rõ ngày giờ và chỗ sẽ đem ký-tồn vật tình-nguyện trả ;

2·) Người mắc-nợ đã bỏ không giử cái vật mà mình tình-nguyện đem trả nữa, và đã giao vật ấy cùng lời lãi tính đến ngày ký-tồn cho một sở ký-tồn đã định ở

trong thể-lệ hành-chánh, hay cho một người nào hay hội nào mà quan tòa sơ-cấp đã làm lệnh chỉ-định ;

3·) Đã lập một tờ biên-bản nói rõ hiện vật tình-nguyện trả là gì, cùng việc người chủ-nợ không nhận hay không ra mặt và sau hết nói việc ký-tồn ;

4·) Khi người chủ-nợ không ra mặt, đã lục-tống tờ biên-bản ký-tồn cho người ấy mà thúc người ấy phải lấy của ký-tồn ra.

Thể thức trên nầy phải do người mắc-nợ xin người được ủy làm và có quan tòa kiểm-sát.

Điều thứ 875. — Trong khi chủ-nợ chưa ưng thuận việc ký-tồn, thời người mắc-nợ có thể lấy vật ký-tồn ra được ; nếu người mắc-nợ lấy ra thời người đồng mắc-nợ hay những người bảo-lảnh không được miễn.

Điều thứ 876. — Nhưng khi người chủ-nợ thuận, hay khi đã có án chung-thẩm truyền rằng sự ký-tồn là đích-đáng, thời sự ký-tồn ấy có hiệu-lực như đã trả xong nợ, như vậy là người mắc-nợ không được lấy ra nữa, người coi việc ký-tồn ấy hoặc khi người chủ-nợ thuận hay khi có án công nhận sự ký-tồn tống-lục cho, thời bác việc xin lấy ra đi, trừ khi người chủ-nợ thuận tình không kể, và khi người chủ-nợ thuận tình thời các người đồng mắc nợ và người bảo-lảnh được miễn nợ và người chủ-nợ không được thi-hành quyền-ưu tiên-đối với người đệ-tam về các việc để đương hay cầm-cố trước về món nợ của chủ-nợ ấy, trừ ra người chủ-nợ được bảo người mắc nợ làm cho mình một khoán-ước khác theo lệ-định thời không kể.

Điều thứ 877. — Nếu món nợ là một vật chắc chắn không phải là một số bạc, như một số hàng-hóa đã định, người mắc nợ được bách người chủ nợ đến lấy. Việc bách ấy thời do người được ủy đứng làm, nếu

người chủ-nợ không đến lấy, và người mắc-nợ nếu cần có chỗ để đem gởi hàng-hóa ấy, thời được xin quan Tòa đem để ở một chỗ khác.

Đơn xin về việc ấy sẽ đệ lên quan Tòa sơ-cấp, sau khi xem giấy tống-đạt việc thúc bách người chủ-nợ đến lấy, đã làm đúng phép rồi thì quan Tòa sẽ làm lệnh định chỗ để hàng-hóa ấy. Lệnh nầy sẽ tống-lục cho người chủ-nợ theo cách thức luật định.

Điều thứ 878. — Nếu việc tình nguyện mang trả và việc ký-tồn đã làm một cách có giá-trị, thời chủ-nợ phải chịu những tiền phí về việc ấy.

Mục thứ 5. — *Di-nhượng tài-sản*

Điều thứ 879. — Di-nhượng tài-sản là khi nào một người mắc-nợ vì không thể trả được nợ, tự nhượng hay buộc phải nhượng lại tất cả tài-sản mình cho các chủ-nợ. Việc di-nhượng là tự ý hay do tòa-án xử cho hoặc bắt buộc.

Điều thứ 880. — Tự ý di-nhượng là khi những chủ-nợ tự thuận cho như thế; hiệu-quả của sự di-nhượng nầy thời cứ theo như điều ước của chủ-nợ với người mắc-nợ.

Điều thứ 881. — Việc di-nhượng do tòa-án xử cho, là một cách pháp-luật gia ân cho người mắc-nợ có lòng ngay mà gặp bước khó khăn, được phép ra trước tòa-án xin nhượng tất cả tài-sản mình có thể tịch được cho chủ-nợ để được yên thân, dù có điều-ước khác trái lại mặc lòng.

Điều thứ 882. — Việc di-nhượng do tòa-án bắt buộc là khi người mắc-nợ bị tòa-án bắt phải giao tất cả tài-sản của mình cho người chủ-nợ, trừ ra tài-sản nào luật định không được tịch, thời không giao.

Việc di-nhượng ấy hoặc do một người hay nhiều người chủ-nợ thưa đơn xin, hoặc do quan Tòa tự ý đứng làm, khi gặp trường-hợp người mắc-nợ có nhiều chủ-nợ mà bị khánh-tận.

Điều thứ 883. — Những người chủ-nợ không thể chối được việc di-nhượng do tòa-án xử cho hay bắt buộc, trừ ra những trường-hợp trong luật-pháp đã định riêng không kể.

Việc di-nhượng do luật-pháp xử cho hay bắt buộc chỉ miễn cho người mắc-nợ đến một số tiền ngang với giá các tài-sản đã di-nhượng mà thôi ; khi tài-sản ấy không đủ trả nợ mà sau nầy người mắc-nợ lại có cũa-cải khác, thời cũng phải nhượng cho đến hết nợ, và nếu người mắc-nợ ẩn-nặc tài-sản mình đi, thời phải bị phạt theo điều 366 luật-hình đã định, và nếu có lòng gian lại phải bị câu-thúc thân-thể nữa.

Điều thứ 884. — Việc di-nhượng do tòa-án xử cho hay bắt buộc không trao quyền nghiệp-chủ cho các chủ-nợ ; tòa-án nào đã cho phép hay xử di-nhượng thời cử một người thanh-toán để quản-trị tài-sản tịch được của người mắc-nợ, để lấy hoa-lợi cho đến ngày phát-mải và để phân phát tiền phát-mải, theo cách thức thi-hành án-định trong DỤ số 31 ngày 23-7-34. Tuy nhiên khi phát-mải, nếu có một giá đặt ra mà không ai trả đến, thời người thanh-toán có thể tùy tình-trạng mà xin tòa-án hạ giá xuống hay hoãn việc phát-mải lại.

Chỉ những món nợ nào biết được trước việc kiện xin di-nhượng mới được dùng giá tiền phát-mải của di-nhượng ấy để trả mà thôi, trừ khi nào người chủ-nợ có tình ngay rõ rệt thời không kể.

Điều thứ 885. — Tòa-án có thể theo tình-trạng mà định trong án các quyền để giao phó cho người thanh-toán,

người nầy phải săn sóc đến quyền-lợi của người chủ-nợ cùng người mắc-nợ, tòa-án cũng định số tiền người thanh-toán được giữ để dùng trong việc thanh-toán mà không phải nạp ở phòng lục-sự và ủy một quan Tòa để coi thủ-tục đó.

Điều thứ 886. — Nếu không có lệnh quan Tòa cho phép thời người thanh-toán không được tiêu một việc gì trên ba mươi đồng, trừ khi cần khẩn không kể ; khi không có lệnh quan Tòa cho phép, thời người thanh-toán cũng không được kiện để lấy một tài-sản gì về cho người mắc-nợ, hay đứng ra tranh-nại một quyền-lợi có can-thiệp đến của thanh-toán.

Điều thứ 887. — Trái lại, người chủ-nợ nào cũng được tư-cách ấy, nhưng người thanh-toán sẽ ra dự-sự, và tài-sản sẽ lấy được thời tất các người đương-sự được hưởng, người chủ-nợ đứng kiện để lấy tài-sản ấy chỉ được quyền ưu-tiên lấy lại tiền tổn-phí mà mình đã chịu ở giá tài-sản ấy và chỉ ngang với giá ấy mà thôi.

Điều thứ 888. — Trong việc di-nhượng do tòa-án xử cho hay bắt buộc, những tài-sản mà người mắc-nợ trong lúc còn thịnh-vượng thật hay là chỉ thịnh-vượng bề ngoài mà thôi và trước khi bị vỡ nợ đã đem dùng về việc tế-tự một người còn sống, hay tế-tự mình, thời nay được lấy lại, và tài-sản đã đem dùng về việc tế-tự của những người chết rồi, có thể giảm bớt để cho vừa việc tế-tự mà thôi.

Đơn xin lấy lại hay giảm bớt ấy sẽ do người chủ-nợ hay người thanh-toán được phép đứng kêu xin ở tòa-án sở-tại chỗ tài-sản ; án xử về việc ấy sẽ truyền xóa hay sửa lại việc đem tài-sản dùng về tế-tự ở nơi sổ bảo-tồn điền-trạch, các thể-thức ấy cùng việc phát-mải tài-sản lấy ra được thời sẽ do người thanh-toán đứng làm dưới quyền kiểm-sát của quan Tòa.

TIẾT THỨ II

Nói về sự tha nợ

Điều thứ 889. — Tha nợ là một việc do người chủ-nợ cùng người mắc-nợ thỏa-thuận cùng nhau mà định rằng người chủ-nợ tha cho người mắc-nợ khỏi phải trả; có khi vì có trả tiền mà được tha nợ; có khi không trả tiền mà được tha nợ; có khi tha nợ cả toàn phần; có khi tha nợ một phần. Khi nào không trả tiền mà được tha nợ thời việc tha nợ ấy có thể bải bỏ hay giảm bớt đi cùng trong các trường-hợp mà việc tặng-dự có thể bải bỏ hay giảm bớt.

Điều thứ 890. — Tự ý trả văn-tự nợ cũng cho như là tha nợ hay trả nợ rồi không kể khi có bằng cớ trái lại.

Khi có nhiều người mắc-nợ liên-đới, thời sự trả văn-tự cho một người tức cũng có hiệu-lực đối với các người đồng khế.

Điều thứ 891. — Tha nợ cho một người đồng mắc-nợ liên-đới, tức là miễn trừ cho tất cả người đồng mắc-nợ khác, trừ khi người chủ-nợ đã công-nhiên giữ quyền mình đối với những người nầy thời không kể.

Khi ấy thời chủ-nợ chỉ được đòi số nợ còn lại sau khi đã trừ phần của người mình đã tha cho mà thôi.

Điều thứ 892. — Trao trả một vật cầm-cố, không đủ cho là tha nợ được.

Điều thứ 893. — Tha nợ cho người mắc-nợ chính, tức là miễn cho cả những người bảo-lĩnh.

Nhưng tha cho người bảo-lĩnh, không phải là miễn cho người mắc nợ chính;

Tha cho một người bảo-lĩnh, không phải là tha cho cả các người bảo-lĩnh khác.

Điều thứ 894. — Người chủ-nợ đã nhận lấy cái gì của một người bảo-lĩnh để miễn cho người ấy, thời cũng

phải trừ vào nợ mà chiếu số miền cho người mắc-nợ chính cùng những người bảo-lĩnh khác.

TIẾT THỨ III

Nói về đổi nợ

Điều thứ 895. — Sự đổi nợ là một việc giải trừ nghĩa-vụ trước mà làm nghĩa-vụ mới, nghĩa-vụ mới khác nghĩa-vụ cũ vì có việc mới ; nghĩa-vụ mới ấy thế vào nghĩa-vụ cũ.

Điều thứ 896. — Sự đổi nợ có ba cách :

1·) Khi người mắc-nợ vay người chủ-nợ một món nợ mới thế vào nợ cũ, thời nợ cũ nầy tiêu-diệt ;

2·) Khi một người mắc-nợ mới thế vào người mắc-nợ cũ, thời người nầy được chủ-nợ miễn trừ ;

3·) Khi nhân có giao-ước mới, người chủ-nợ mới thế vào chủ nợ cũ, thời người mắc nợ được miễn trừ đối với người chủ-nợ cũ.

Điều thứ 897. — Sự đổi nợ chỉ bởi những người có tư-cách giao-ước định với nhau mới thành được.

Điều thứ 898. — Sự đổi nợ không thể phỏng-đoán được, phải nói rõ trong văn-tự là có ý đổi nợ mới được.

Điều thứ 899. — Sự đổi nợ do người mắc-nợ, thời là hoặc bởi người mắc-nợ cũ ủy-thác cho người mắc-nợ mới, hoặc bởi người mắc-nợ mới tự ý can-thiệp, không cầu đến người mắc-nợ cũ.

Điều thứ 900. — Nếu người chủ-nợ có tỏ ý rõ ràng miễn trừ cho người mắc-nợ cũ, thời việc ủy-thác mới hoàn toàn, và sự thế nợ mới thành được ; nếu không tỏ ý rõ ràng thời sự ủy-thác không hoàn toàn và người mắc-nợ cũ với người mắc-nợ mới có thể bị đòi liên-đới được.

Khi người chủ-nợ đã có tỏ ý rõ ràng mà người mắc-nợ mới đã bị khánh-tận hay vở nợ rồi thời cũng vậy.

Điều thứ 901. — Việc người mắc-nợ chỉ ra một người nào trả thế cho mình thời không coi là sự đổi nợ đã thành được.

Việc người chủ-nợ chỉ ra một người khác thu nợ hộ mình cũng thế.

Điều thứ 902. — Những đảm-bảo bằng vật quyền thuộc về nợ củ, không trao sang nợ mới, trừ khi người chủ nợ đã công nhiên giữ lại sau khi đã đồng ý với những người giao của đảm-bảo thời không kể.

Điều thứ 903. — Khi đổi nợ bởi thay người mắc nợ mới vào, thời sự đảm-bảo bằng vật quyền về nợ củ không chuyển sang tài-sản người mắc nợ mới được.

Điều thứ 904. — Khi đổi nợ do người chủ nợ với một người mắc nợ liên-đới định với nhau, thời sự đảm-bảo bằng vật quyền về nợ củ chỉ giữ lại được ở tài-sản của người mắc nợ mới thôi.

Điều thứ 905. – Khi nào người chủ-nợ cùng người mắc-nợ liên-đới định đổi nợ với nhau, thời các người đồng mắc-nợ được miễn trừ.

Sự đổi nợ về phần người mắc-nợ chính là miễn trừ cho các người bảo-lĩnh.

Tuy nhiên, nếu về trường-hợp thứ nhất, người chủ-nợ bắt phải có những người đồng mắc-nợ đều thuận mà người nầy không thuận, hay là về trường-hợp thứ hai người chủ-nợ bắt phải có những người bảo-lĩnh đều thuận mà những người nầy không thuận, thời sự đổi nợ vẫn không thành mà nợ củ vẫn còn nguyên.

TIẾT THỨ IV

Nói về sự trừ nợ

Điều thứ 906. — Trừ nợ là một cách tiêu-hủy nghĩa-vụ do hai người cùng mắc-nợ lẫn nhau. Khi nào trong hai người mà người nọ mắc-nợ người kia thời hai người đều không phải trả nợ hai món nợ tự nhiên tiêu-diệt theo cách-thức cùng trường-hợp nói ở sau nầy.

Điều thứ 907. — Sự trừ nợ, cứ chiếu luật thi-hành được, không cần người mắc nợ biết đến ; hai nợ đồng thời với nhau thời tự-nhiên là tiêu-diệt lẫn nhau, lấy số nợ nào nhỏ thua mà làm hạn.

Điều thứ 908. — Khi nào hai món nợ đều là tiền cả, hay là vật gì đồng-loại có thể tiêu dùng được, và lại có thể trao đổi hay đổi lấy được thời sự trừ nợ mới thành.

Những thực-phẩm bên nọ phải trả bên kia, mà có đánh giá tại chợ công sở-tại, thời chiếu luật có thể lấy số tiền bên kia nợ mà trừ được.

Điều thứ 909. — Ân-hạn không có ngăn-trở gì đến sự trừ nợ.

Điều thứ 910. — Dù căn-nguyên nợ thế nào mặc lòng, vẫn trừ nợ được, trừ những khi như sau nầy thời không kể :

1·) Khi hoàn lại một vật cho người nghiệp-chủ đã bị người ta chiếm-đoạt một cách trái phép ;

2·) Khi hoàn lại một vật ký-thác hay một vật cho mượn để dùng ;

3·) Khi một khoản nợ là một khoản tiền để cấp-dưỡng hay một giá tiền gì mà luật đã định rằng không được tịch.

Điều thứ 911. — Khi nào người chủ-nợ có thiếu nợ

tại người mắc-nợ chính thời người bảo-lĩnh có thể viện ra sự ấy để trừ nợ.

Nhưng khi nào người chủ-nợ có thiếu nợ tại người bảo-lĩnh, thời người mắc-nợ chính không thể viện ra sự ấy để trừ nợ được.

Khi nào người chủ-nợ có thiếu nợ ở một người đồng-trái, thời các người mắc-nợ khác không thể viện ra sự ấy mà trừ nợ được.

Điều thứ 912. — Người mắc-nợ có tư-cách sử-dụng tài-sản đều được từ-chối việc trừ nợ, khi nào người chủ-nợ di-nhượng món nợ cho một người đệ-tam mà người mắc-nợ đã công-nhận hẳn thời về sau người mắc-nợ ấy không thể viện sự trừ nợ để phản-kháng với người đệ-tam ấy. Nếu có phản-kháng thời lẽ ra phải phản-kháng với người nguyên-trái-chủ trước khi mình đã công nhận sự nhượng trái đó.

Việc di-nhượng mà người mắc-nợ không công nhận, nhưng bị người ta lục-tống đến, chỉ có thể làm ngăn trở việc trừ nợ đối với các món nợ mắc sau khi lục-tống mà thôi.

Điều thứ 913. — Nếu hai món nợ không thể trả một chỗ được, thời muốn trừ nợ tức phải châm-chước các tổn-phí vận-tải tiền hay giá vật hiện-thời.

Điều thứ 914. — Nếu một người mắc-nợ có nhiều nợ có thể trừ được, thời sự trừ phải y theo thể-lệ đã định ở điều 871 về sự định khoản trả nợ.

Điều thứ 915. — Khi có thiệt đến quyền-lợi của người đệ-tam đã được thời sự trừ nợ không thành. Thí dụ như một người mắc-nợ mà về sau thành ra chủ-nợ sau khi người đệ-tam tịch-biên chế-chỉ ở mình, thời mình không được viện lẽ trừ nợ để làm thiệt cho người đứng xin tịch-biên.

Điều thứ 916. — Khi một người mắc-nợ người khác mà chiếu luật đáng được khấu-trừ, nhưng người mắc-nợ không viện lẽ khấu-trừ ấy mà cứ đem trả, thời khi đòi nợ của mình không thể vin lấy những đảm-bảo bằng vật quyền thuộc về nợ ấy để làm thiệt đến người đệ-tam, trừ khi có duyên-cớ chánh-đáng không biết rằng người chủ nợ của mình có món nợ đáng được khấu-trừ mình thời không kể.

TIẾT THỨ V

Nói về sự hỗn-hợp

Điều thứ 917. — Hỗn-hợp là khi nào một người vừa thành là chủ-nợ vừa là người mắc-nợ thuộc về một khoản nợ, gặp trường-hợp ấy thời món nợ ấy thủ-tiêu.

Điều thứ 918. — Sự hỗn-hợp ở người mắc-nợ chính, thời cũng lợi cho những người bảo-lĩnh.

Sự hỗn-hợp ở người bảo-lĩnh, không làm tiêu được nợ chính.

Sự hỗn-hợp ở người chủ-nợ thời chỉ lợi cho người đồng mắc-nợ liên-đới với mình về phần mình nợ mà thôi.

TIẾT THỨ VI

Nói về sự mất vật nợ

Điều thứ 919. — Nếu người mắc-nợ có nghĩa-vụ phải nộp một vật đích-thực mà không vì lỗi tại mình, lại trước khi bị bách phải nộp, vật ấy hủy-hoại đi, thất-lạc đi, hay ở thị-trường không có nữa, thời nghĩa-vụ tiêu-diệt, khi nào nghĩa-vụ thuộc về vật gì phải lấy ở trong

một hạng vật nhất định mà vật ấy không thể giao-phó được, hoặc vì người ta không thể làm ra hay kiếm vật ấy được nữa, hoặc vì vật ấy không có ở thị-trường nữa, thời nghĩa-vụ cũng tiêu-diệt.

Nghĩa-vụ phải làm nhưng vì các lẽ đã kể trên nầy mà đến nỗi không thể làm được, hoặc là nghĩa-vụ không được làm, nhưng vì các lẽ đã kể trên nầy mà đến nỗi không thể không làm được, thời nghĩa-vụ cũng tiêu-diệt.

Khi người mắc-nợ viện lẽ rằng vì sự bất-trắt hay là vì sự gì mà sức người không chống lại được mà đến nỗi không làm được nghĩa-vụ, thời người ấy phải tỏ ra bằng chứng.

Điều thứ 920. — Khi người mắc-nợ đã đoan rằng nếu có gặp sự bất-trắc hay là sự gì mà sức người không chống lại được, người ấy cũng đành phải chịu, thời người ấy không được viện các sự ấy mà thôi không làm nghĩa-vụ.

Điều thứ 921. — Nếu người mắc-nợ đã đến kỳ phải thi-hành nghĩa-vụ trước khi có sự bất-trắc hay sự gì mà sức người không chống lại được, thời người mắc-nợ ấy cũng không được miễn.

Tuy nhiên nếu người mắc-nợ tỏ ra rằng giá mình có làm nghĩa-vụ đúng ngày nữa, người chủ-nợ vẫn bị thiệt, thời nghĩa-vụ cũng tiêu-diệt, và người mắc-nợ được miễn nợ.

Điều thứ 922. — Khi mất toàn phần hay một phần, mà nhân đó có thể kiện bồi tổn đối với người đệ-tam, thời người chủ-nợ có thể đòi phần còn lại và đứng lên kiện được.

TIẾT THỨ VII

Nói về việc kiện xin tuyên-cáo hiệp-ước vô-hiệu, hay kiện xin thủ-tiêu hiệp-ước

Điều thứ 923. — Phàm nghĩa-vụ do những người không có tư-cách ký-kết, hoặc những người vì lầm mà thuận, bị cưỡng-bách hay bị bên kia đánh lừa mà nhận, thời tòa-án có thể tiêu đi được trong hạn 5 năm, hoặc theo lời thỉnh-cầu của những người ấy hay người thay mặt, hoặc khi bên kia kiện bắt thi-hành mà những người ấy chống cãi lại mà xin thủ-tiêu nghĩa-vụ.

Khi vì cưỡng-bách phải nhận, thời hạn ấy tính từ ngày không bị cưỡng-bách nữa; khi vì lầm hay bị đánh lừa, thời tính từ ngày khám-phá được những sự lầm hay sự lừa ấy; còn những khế-ước của đàn-bà có chồng mà chồng không cho phép, thời hạn từ ngày tiêu hôn.

Đối với khế-ước của người bị cấm-quyền, thời hạn tính từ ngày bải sự cấm-quyền, và đối với khế-ước của những người vị-thành-niên làm hay có quan-hệ đến các người ấy, thời tính từ ngày đã thành-niên.

Điều thứ 924. — Đối với người thành-niên, hễ khế-ước gì có sự thiệt-hại cho người ấy, thời chỉ khi nào luật-lệ có định rõ, người ấy mới đủ lẽ người ta điền-hoàn cho.

Đối với người vị-thành-niên thời bất cứ khế-ước gì, hễ có sự thiệt-hại gì cho người ấy là có thể thủ-tiêu được.

Sự thiệt-hại là lượng theo lúc lập-ước, khi do sự bất-trắc mà sinh ra thiệt-hại thời không kể đến.

Điều thứ 925. — Người vị-thành-niên buôn bán hay làm kỷ-nghệ đã giao-ước gì về những việc buôn bán kỷ-nghệ đó, mà có thiệt-hại đến mình thời không được

người ta điền-hoàn lại cho, trừ khi gặp thể-lệ điều 266 luật nầy cấm người vị-thành-niên không được sử-dụng bất-động-sản thời không kể.

Điều thứ 926. — Người vị-thành-niên chịu nghĩa-vụ gì do nó tri-tình phạm-pháp hay có lỗi gần như sự phạm-pháp mà sinh ra, thời cũng không được điền-hoàn lại.

Điều thứ 927. — Nếu người vị-thành-niên chỉ khai là mình đã thành-niên mà không làm đều gian-quyệt cho người khác tin là mình thành-niên thật, thời sự khai đó không ngăn trở được sự tiêu khế-ước vì cớ « không có tư-cách » hay cớ « có thiệt-hại ». Những sự khai không thật của các người không có tư-cách về đường pháp-luật khác cũng thế.

Điều thứ 928. — Người thành-niên đã được thủ-tiêu một khế-ước, vì sự đồng ý không được hoàn-toàn hay vì có thiệt-hại cho mình, thời phàm vật gì mà y đã theo khế-ước mà nhận được, y đều phải hoàn lại.

Nếu là người không có tư-cách về đường pháp-luật, thời người ấy chỉ phải hoàn những vật gì mà nhờ khoán-ước ấy đã làm lợi thêm cho mình mà thôi.

Điều thứ 929. — Khi người quan-hệ đã thừa nhận khế-ước xin thủ-tiêu, hoặc công-nhiên hoặc mặc-nhiên, thời không thể kiện xin tuyên-cáo vô-hiệu hay xin thủ-tiêu được nữa, nhưng sự đó không có phạm đến quyền-lợi của người đệ-tam.

Điều thứ 930. — Thừa nhận công-nhiên, thời phải làm ra giấy má rõ ràng, thuật nội-dung khế-ước thủ-tiêu được là thế nào, nói duyên-cớ khuyết-điểm thế nào mà đáng bị thủ-tiêu, và khai rõ ý mình không muốn kiện xin thủ-tiêu nữa.

Nếu khế-ước có nhiều khuyết-điểm, thời sự thừa nhận

công-nhiên chỉ xóa được điều khuyết-điểm đã kể rõ ra mà thôi.

Người đã thành-niên nếu muốn thừa nhận những khế-ước có thể thủ-tiêu vì tổn-hại thời tất phải làm giấy má rõ ràng mà thừa nhận, vả lại sự thừa nhận đó cũng không được làm chung vào trong bức khế có thể tiêu được.

Điều thứ 931. — Khi đã tự thi-hành toàn phần hay một phần khế-ước trong lúc mình có tư-cách hay khi mình có quyền tự-do và biết cớ rõ ràng, hoặc là khi bị cưỡng-bách thi-hành mà không phản kháng dị nghị gì, thời kể như là đã mặc-nhiên thừa nhận vậy. Mặc-nhiên thừa nhận cũng có thể do sự thế nợ cùng việc tự ý bảo-chứng về vật hay về người được.

Còn những trường-hợp mặc-nhiên thừa-nhận khác, thời để tùy tòa-án xét định.

Điều thứ 932. — Những khế-ước chiếu luật là vô-hiệu, tức như những khế-ước có khuyết một hay nhiều điều-kiện cốt yếu, mà điều 687 luật nầy buộc phải có, thời thừa nhận được.

Điều thứ 933. — Khi đối với người vị-thành-niên hay người bị cấm quyền, trong việc chuyển-dịch bất-động-sản hay phân chia gia-tài mà đã làm đúng những thể-thức như luật đã định, thời đối với những khế-ước ấy các người vị-thành-niên hay bị cấm quyền cũng coi như là mình đã làm ra khi mình thành-niên hay trước khi chưa bị cấm quyền.

TIẾT THỨ VIII

Nói về thời-hiệu tiêu-diệt hay giải-trừ

Điều thứ 934. — Thời-hiệu tiêu-diệt hay giải-trừ là một cách thoát nợ, vì chủ nợ không đòi hỏi trong thời-hạn pháp-luật đã định.

Điều thứ 935. — Phàm nghĩa-vụ gì mà pháp-luật không định một thời-hạn ngắn hơn hay không tuyên rõ là không thể bị thời-hiệu giải-trừ được, thì cứ hết mười năm tính từ túc người chủ-nợ có quyền đòi hỏi mà không đòi hỏi gì, đều vì thời-hiệu giải-trừ mà bị tiêu.

Điều thứ 936. — Phàm kiện về nhân quyền nếu quá hết mười năm thời bị tiêu-diệt, trừ khi có điều luật định khác thời không kể.

Các việc kiện xin tuyên cáo vô-hiệu hay kiện xin thủ-tiêu các khế-ước, nếu quá năm năm thời bị tiêu-diệt, trừ khi có điều luật riêng định khác thời không kể.

Điều thứ 937. — Tính hạn giải-trừ thời-hiệu thời tính theo ngày chứ không tính theo giờ ; ngày đáo hạn không tính vào thời-hạn và khi nào hết ngày của thời-hạn mới có hiệu-lực.

Điều thứ 938. — Khi món nợ phải trả góp từng năm hay từng tháng, dù có tính lời hay không, thời-hạn thời-hiệu giải-trừ sẽ tính riêng từng kỳ góp một, kể ngay từ ngày hôm sau hạn phải trả.

Điều thứ 939. — Những việc thưa kiện sau nầy thời hạn tiêu-diệt là một năm :

Của các chủ - quán về sự chứa trọ và cung - cấp đồ thực-phẩm ;

Của các người làm công, làm thợ hay đi ở, về tiền lương hay tiền công ;

Của các thầy thuốc, bà đỡ, chủ bào-chế, về việc khám bệnh, chữa bệnh hay bán thuốc ;

Của các người thừa-phát-lại và tổng-lý nhậm chức ấy, về tiền công, tiền phí tống-đạt các văn-thư và chấp-hành các công-sai ;

Của các nhà buôn về hàng hóa bán cho tư-nhân không làm việc buôn bán.

Điều thứ 940. — Khi chưa đến thời-hiệu tiêu-diệt thời người ta không thể từ chối trước rằng không hưởng thời-hiệu ấy được ; khi thời-hiệu tiêu-diệt đến rồi thời mới được từ chối không hưởng mà thôi.

Điều thứ 941. — Việc từ chối ấy hoặc là công-nhiên hay mặc-nhiên ; khi mình có làm việc gì để cho người ta tin rằng mình đã bỏ cái quyền được hưởng tiêu-diệt thời-hiệu thời coi là đã từ chối mặc-nhiên.

Điều thứ 942. — Người vô-tư-cách về đường pháp-luật không được từ chối cái quyền được hưởng thời-hiệu giãi-trừ đã đến rồi.

Điều thứ 943. — Chỉ người nào quan-thiết về việc gì mới được viện cớ thời-hiệu giãi-trừ trong việc ấy.

Quan tòa không thể tự mình viện ra cớ ấy ; tuy nhiên quan tòa được giãi-thích một vài lời khai của người bị-cáo, như là lời khai rằng nghĩa-vụ đã lâu năm, đã có trả từ lâu để miễn một phần hay toàn phần nợ rồi mà coi lời khai ấy như là người bị cáo muốn viện ra cớ thời-hiệu giãi-trừ.

Điều thứ 944. — Bất cứ lúc nào người đương-sự cũng được viện cớ thời-hiệu giãi-trừ hay quan tòa cũng được viện ra cớ ấy theo điều-kiện định ở điều trên, trừ khi theo tình-trạng có nhiều điều đáng ngờ rằng người đượng-sự đã bỏ quyền ấy thời không kể.

Điều thứ 945. — Các chủ-nợ hay người nào khác có quyền-lợi về thời-hiệu giãi-trừ thời được viện ra cớ ấy, dù người mắc-nợ không viện cớ ấy mặc lòng.

Điều thứ 946. — Người mắc-nợ nào đã trả một khoản nợ được thời-hiệu giãi-trừ rồi, thời không thể đòi lại số tiền hay giá vật gì đã trót trả ấy được.

Điều thứ 947. — Gặp những khi như sau nầy thời thời-hiệu giãi-trừ bị gián đoạn :

Khi người mắc-nợ công-nhận rằng người chủ-nợ có quyền đòi món nợ mà mình có thể giãi-trừ ;

Khi người chủ-nợ thưa đơn xin đòi nợ, dù thưa ở một quan tòa vô - thẩm - quyền cũng vậy, hoặc khi có truyền lệnh đòi nợ hay xin tịch-biên.

Điều thứ 948. — Sự đòi hỏi người đồng mắc-nợ hay tự người ấy công-nhận lấy món nợ thời làm cho đình chỉ thời-hiệu đối với các người đồng mắc-nợ khác.

Sự đòi hỏi người mắc-nợ chính thời làm cho đình chỉ thời-hiệu đối với người bảo-lảnh.

Điều thứ 949. — Thời-hiệu không đem ra thi-hành đối với kẻ vị-thành-niên và kẻ bị cấm-quyền, đối với các người ấy thời-hiệu được đình chỉ, trừ khi luật định khác thời không kể và về trường-hợp sau nầy thời các người ấy được thưa lại người giám-hộ của mình.

Thể-lệ định ở điều 939 và điều 1326 luật nầy cũng có khi đem thi-hành đối với các người vô-tư-cách về đường pháp-luật ấy.

Điều thứ 950. — Vợ chồng cũng không được thi-hành thời-hiệu giãi-trừ đối với nhau.

THIÊN THỨ II

Nói riêng về mấy thứ khế-ước

CHƯƠNG THỨ I

Nói về việc sinh-thời tặng-dử

TIẾT THỨ I

Điều-khoản chung

Điều thứ 951. — Sinh-thời tặng-dử là một khế-ước do bên tặng-chủ bỏ đứt ngay một tài-sản gì để cho bên người thụ-tặng nhận lấy.

Điều thứ 952. — Tặng-dử là để làm phúc, hoặc để đền công, hoặc để thưởng-tứ, hoặc để bắt gánh một trách-nhiệm gì.

Chỉ tặng-dử tài-sản mà mình hiện có mà thôi, nếu tặng-dử tài-sản mình sẽ có, thời sự tặng-dử ấy là vô-hiệu.

Điều thứ 953. — Việc tặng-dử nào có điều-kiện mà sự thi-hành điều-kiện ấy toàn do ý muốn của tặng-chủ mà thôi, thời việc tặng-dử ấy là vô-hiệu.

Điều thứ 954. — Trong một việc tặng-dử gì có điều-kiện không thi-hành được, hay trái với luật hoặc phong-hóa thời coi là không biên vào.

Điều thứ 955. — Sự cấm người thụ-tặng sử-dụng tài-sản tặng-dử trong khi tặng-chủ còn sinh thời, là đúng phép.

Điều thứ 956. — Việc tặng-dử có thể lập ra có điều-kiện tạm-đình ; tặng-chủ có thể định hạn giao tất cả hay một phần tài-sản đã tặng-dử.

Điều thứ 957. — Khi tặng-dử, người tặng-chủ có thể giữ lại cho mình hay cho một người đệ-tam nào quyền hưởng-dụng thu-lợi về một phần hay toàn phần tài-sản đã đem tặng-dử.

Điều thứ 958. — Khi tặng-dử, người tặng-chủ có thể bắt buộc người thụ-tặng phải làm nghĩa-vụ gì hay trả những nợ nào đã định rõ trong khế-ước tặng-dử.

Về trường-hợp nầy thời người thụ-tặng sau khi đã thuận-nhận rồi, thời không thể từ-chối việc tặng-dử để không làm những nghĩa-vụ mà nó cho là nặng quá.

Điều thứ 959. — Tuy nhiên khi tặng-chủ bắt buộc người thụ-tặng trả những món nợ hay làm những nghĩa-vụ khác với những món nợ và nghĩa-vụ đã định rõ trong khế-ước hay đã có trong khi lập khế-ước thời việc tặng-dữ là hoàn-toàn vô-hiệu.

Điều thứ 960. — Khi người tặng-chủ giữ lại quyền sử-dụng một vật gì trong của tặng-dử hay một số tiền nhất-định trong tài-sản tặng-dử, nếu người ấy mệnh-một đi, mà chưa sử-dụng, thời vật-sản hay số tiền ấy về của các người thừa-kế của người mệnh-một, dù khi có điều-khoản định trái lại mặc lòng, trừ khi phải theo thể-lệ định ở điều 991, sau nầy thời không kể.

TIẾT THỨ II

Nói về tư-cách sử-dụng hay thụ-nhận của sinh-thời tặng-dử

Điều thứ 961. — Người nào cũng được sử-dụng và thụ-nhận của sinh-thời tặng-dử, chỉ trừ những người vô-tư-cách như luật đã định.

Điều thứ 962. — Muốn sự tặng-dử có giá-trị thời người tặng-chủ phải có trí-thức mới được.

Điều thứ 963. — Trong khi đoàn tụ với nhau, người chồng và người vợ muốn sử-dụng của tặng-dử hay của riêng của mình thời phải đồng tình cùng nhau hay phải có hai bên cùng bằng lòng mới được.

Điều thứ 964. — Người vị-thành-niên dù đã được quyền tự-lập cũng không được tặng-dử tài-sản, trừ khi phải theo thể-lệ định ở điều 992 sau nầy thời không kể.

Người bị cấm quyền cũng vậy.

Điều thứ 965. — Muốn có tư-cách thụ-nhận của tặng-dử, thì chỉ cốt đã thành thai trong khi tặng-dử, nhưng người thụ-tặng ấy tất phải sinh ra mà sống, và có người thay mặt đúng phép thuận-nhận sự tặng-dử ấy theo thể-lệ định sau nầy cho các người vị-thành-niên, thời việc tặng-dử mới có hiệu-lực.

Việc thuận-nhận ấy có thể làm trong lúc đương có thai.

Điều thứ 966. — Khi tặng-dử cho người vị-thành-niên thời người giám-hộ đứng thuận-nhận, nhưng khi tặng-dử mà có bắt buộc phải làm nghĩa-vụ gì, thời người giám-hộ ấy phải xin phép hội-đồng gia-tộc.

Khi tặng-dử cho người bị cấm quyền cũng thế.

Người vị-thành-niên được quyền tự-lập được thụ-nhận của tặng-dử, dù có bắt buộc phải làm nghĩa-vụ gì cũng vậy, nhưng phải có người quản-tài dự-tri.

Vả lại người cha hay người mẹ hoặc người tôn-thuộc trực-hệ nào của người vị-thành-niên cũng được tùy ý thuận-nhận cho người vị-thành-niên ấy một việc tặng-dử mà không bắt buộc phải làm nghĩa-vụ gì.

Ngoài ra lại phải tuân theo thể-lệ định ở thiên nói về các người vô-tư-cách về đường pháp-luật.

Điều thứ 967. — Người chánh-thất và thứ-thất có thể thụ-nhận của tặng-dử nhưng phải có chồng bằng lòng mới được, hoặc khi người chồng bị ngăn trở hay không thuận-tình, thời người vợ phải có phép quan tòa như điều 97 và 99 đã định ở thiên nói về giá-thú.

Điều thứ 968. — Khi có một người nào đã hứa tặng-dử cho một người vị-thành-niên, người bị cấm-quyền hay người vợ có chồng, nhưng người giám-hộ hay người chồng không thuận nhận đến nỗi các người ấy không được hưởng, thời các người ấy không được đòi hỏi gì người tặng-chủ hay người thừa-kế người tặng-chủ ấy, nhưng nếu người giám-hộ hay người chồng có lỗi thời các người ấy được kiện lại.

Điều thứ 969. — Những việc tặng-dử cho các hội hè các sở làm phúc, các nhà nuôi kẻ bồ-côi, các người nghèo khổ trong một làng, hay các sở công-ích thời sẽ do những người thay mặt đúng phép đứng nhận sau khi đã được phép, nếu thể-lệ thuộc về các hội ấy có bắt buộc phải xin phép.

TIẾT THỨ III

Nói về thể-thức của việc sinh-thời tặng-dử

Điều thứ 970. — Tặng-dử bất-động-sản phải lập thành khế-ước có viên-chức thị-thực, tại trước mặt người thụ-tặng, mà người nầy phải thuận-nhận, nếu không thời việc tặng-dữ là vô-hiệu.

Người thụ-tặng có thể theo cách ủy-quyền có viên-chức thị-thực, hay người quản-lý văn-khế làm cho mà ủy người thuận-nhận thay mình.

Điều thứ 971. — Người thụ-tặng có thể làm giấy thuận-nhận riêng có viên-chức thị-thực hoặc do người quản-lý văn-khế làm.

Gặp trường-hợp nầy thời khi nào người hương-chức hay viên-chức có trách-nhiệm thi-hành mệnh-lệnh tòa-án đã tống-đạt tờ thuận-nhận cho đích-thân người tặng-chủ có tư-cách về đường pháp-luật, nghĩa là giao cho người ấy bản sao tờ thuận-nhận và làm biên-bản về sự lục-tống đó, khi ấy thời khoán-ước tặng-dử mới hoàn toàn và thi-hành được, nếu không thời vô-hiệu.

Đến khi ấy người tặng-chủ có thể thu lại việc tặng-dử, trừ ra khi có làm thiệt hại cho người thụ-tặng thời phải bồi tổn-hại.

Điều thứ 972. — Người tặng-chủ thâu-hồi việc tặng-dử lại, thời phải hoặc làm ra giấy có viên-chức thị-thực rồi lục-tống cho người thụ-tặng trước khi người nầy tống-đạt sự thuận-nhận đến, hoặc trong khi đương có việc tống-đạt sự thuận-nhận nầy thời phải khai sự thâu-hồi ấy cho người công-chức tống-đạt biết rồi người nầy làm biên-bản.

Biên-bản tống-đạt sự thuận-nhận hay biên-bản thâu-hồi việc tặng-dử phải do người tặng-chủ ký, không biết ký thời điểm-chỉ, nếu không thời vô-hiệu.

Điều thứ 973. — Sự đồng-tình của người chồng hay người vợ định ở điều 963 trên nầy, khi có làm ra bằng giấy riêng thời cũng phải có viên-chức thị-thực hay do người quản-lý văn-khế làm cho, nếu không thời vô-hiệu.

Điều thứ 974. — Chỉ những giấy tờ có viên-chức thị-thực hay do người quản-lý văn-khế làm ra nói ở trên nầy mới được đem làm tin ở tòa-án, ngoài ra nếu dù có bằng cớ khác cũng không kể.

Điều thứ 975. — Chỗ nào có sổ bảo-tồn điền-trạch thời việc tặng-dử bất-động-sản phải đăng-ký vào cho người ngoài biết.

Khi thuận-nhận có làm ra giấy riêng, thời giấy ấy và biên-bản tống-đạt giấy thuận-nhận cho tặng-chủ đều cùng đồng-thời đăng-ký vào sổ với việc tặng-dử.

Khi có sự đồng-tình của người chồng hay người vợ mà làm ra giấy riêng cũng vậy.

Chỉ có việc đăng-ký ấy vào sổ bảo-tồn điền-trạch mới đem ra viện lẽ để chống cải với người đệ-tam được, ngoài ra dù có bằng-cớ khác cũng mặc.

Điều thứ 976. — Tặng-dử tiền bạc hoặc vật động-sản thời không phải theo thể-lệ gì. Tặng-chủ chỉ giao của tặng-dử cho người thụ-tặng là xong.

Điều thứ 977. — Tuy nhiên gặp trường-hợp cần-thiết, hai bên cũng có thể làm ra giấy về sự tặng-dử động-sản để làm bằng, như khi tặng-dử có định kỳ-hạn hay tặng-dử có điều-kiện đình chỉ, nhưng giấy ấy cùng các giấy phụ-thuộc khác cũng phải có viên-chức thị-thực như về việc tặng-dử bất-động-sản đã định ở các điều 971, 972 và 973, nếu không thời phải chịu sự thiệt-hại định ở điều 974.

TIẾT THỨ IV

Nói về quyền lấy lại và các điều biệt-định khác về thể-lệ không thể bải bỏ được việc tặng-dử

Điều thứ 978. — Gặp những khi sau nầy thời việc tặng-dử có thể bải bỏ hay giải-trừ được :

1·) Khi người thụ-tặng và các con cái người ấy đều chết trước ;

2·) Khi người tặng-chủ sau nầy có sinh con cháu ;

3·) Khi người thụ-tặng không thi-hành các điều-kiện hoặc các nghĩa-vụ đã định trong giấy tặng-dử ;

4·) Khi người thụ-tặng ăn ở bội bạc ;

Vả lại khi hai vợ chồng tặng-dử cho nhau trong thời-kỳ đoàn-tụ, thời trong lúc sinh-thời người thụ-tặng, người tặng-chủ được tự ý bải bỏ việc tặng-dử mà không phải theo điều-kiện về thể-thức gì, dù có định trái lại cũng mặc, và người vợ không phải xin phép người chồng ;

Và khi gặp những điều-kiện định sau nầy.

Điều thứ 979.— Người tặng-chủ có thể dự-định rằng hễ người thụ-tặng chết trước, hoặc cả người thụ-tặng và cả con cái người ấy đều chết trước, thời người tặng-chủ vẫn giữ quyền được lấy lại của đã tặng-dử.

Quyền được lấy lại ấy phải lấy trong hạn năm năm kể bắt đầu từ ngày người thụ-tặng chết hay người con cái cuối cùng của người thụ-tặng ấy chết, quá hạn ấy thời không được lấy lại nữa.

Điều thứ 980. — Người tặng-chủ không có con cháu hiện còn sống, cũng có thể dự-định rằng hễ sau nầy có sinh con cháu thời vẫn giữ quyền bải sự tặng-dử trước đi, không phải buộc theo thể-lệ gì cả.

Quyền ấy phải thi-hành trong hạn năm năm kể bắt đầu từ ngày sinh ra đứa con cuối cùng, ngoài hạn ấy thời không được bải nữa.

Điều thứ 981. — Chỉ khi nào sự bải bỏ nói ở hai điều trên nầy có tự trong giấy tặng-dử, thời mới có thể bải bỏ được, khi ấy sự bải bỏ tự-nhiên là do ý muốn của tặng-chủ, nhưng sự bải bỏ ấy chỉ có thể do người tặng-chủ

tự làm, hay nếu khi người tặng-chủ không thể tỏ bày ý muốn được thời do người thay mặt đúng phép người ấy đứng làm, dù trong giấy tặng-dử có định trái lại cũng không kể.

Vậy người tặng-chủ bải bỏ việc tặng-dử phải làm ra giấy có viên-chức thị-thực, và khi nào sự tống-đạt giấy bải bỏ ấy đã do người hương-chức hay viên-chức nào tống-đạt đến cho người thụ-tặng hay người thụ-quyền người thụ-tặng ấy, thời sự bải bỏ mới thành.

Và khi bải bỏ việc tặng-dử bất-động-sản, thời ở chỗ nào có sổ bảo-tồn điền-trạch, giấy bải bỏ và biên-bản tống-đạt cho người thụ-tặng phải đăng-ký vào, mới được đem chống cải với người đệ-tam, nếu có chứng cớ khác cũng không kể.

Điều thứ 982. — Trong những trường-hợp định ở các điều 979 và 980 trên nầy sự bải việc tặng-dử đều sinh hiệu-lực như một điều-kiện giải-trừ; sự bải bỏ ấy xóa hẳn những việc chuyển-dịch và việc lập ra vật quyền do người thụ-tặng lập ra cho người đệ-tam, và những của đã tặng-dử lại hoàn-nguyên cho tặng-chủ, tặng-chủ không phải đảm-nhiệm gì những nợ cùng nghĩa-vụ của người thụ-tặng cả, nhưng việc đăng-ký các giấy tờ vào sổ bảo-tồn điền-trạch và việc bải bỏ phải làm theo cách thức luật đả định mới được.

Sự bải bỏ những việc vợ chồng tặng-dử cho nhau trong lúc đoàn-tụ cũng vậy, nhưng khi người chồng hay người vợ tặng-dử đã thuận-tình cho người chồng hay người vợ thụ-tặng được chuyển-dịch tài-sản tặng-dử, hay được lập ra vật-quyền thời khi ấy giấy bải bỏ được đem mà chống cải với người tặng-dử, người nầy không được thưa kiện hay đòi hỏi gì người mua hay người chủ-nợ về tài-sản tặng-dử ấy nữa.

Điều thứ 983. — Sự giải-trừ việc tặng-dử vì cớ không thi-hành những điều-kiện hay nghĩa-vụ định trong giấy tặng-dử thời theo thể-lệ thường về sự giải-trừ khoán-ước định ở điều 795 và các điều tiếp theo luật nầy.

Tuy nhiên đơn xin giải-trừ phải có đích-thân người tặng-dử đứng thưa hay nếu người nầy không thể tỏ ý muốn mình được, thời sẽ do người thay mặt đúng phép của người ấy đứng thưa, và người ấy không thể xin bắt người thụ-tặng hay các người thừa-kế người thụ-tặng ấy đền tổn-phí vì sự không thi-hành ấy nên đã làm thiệt-hại cho mình.

Điều thứ 984. — Chỉ gặp những khi như sau nầy thời người tặng-chủ mới có thể xin bải bỏ việc tặng-dử vì cớ bội-bạc :

1·) Khi người thụ-tặng đã phạm đến tính-mệnh người tặng-chủ ;

2·) Khi người thụ-tặng đã phạm lỗi ngược-đãi hay thống-mạ người tặng-chủ.

Khi người thụ-tặng không chịu cấp-dưỡng cho người tặng-chủ ; nhưng chỉ khi nào người tặng-chủ không có người thân-thuộc nào có thể cấp-dưỡng một cách sung-túc được, thời khi ấy người thụ-tặng mới phải cung-cấp và chỉ cung-cấp ngang với tài-sản mình được tặng-dử mà thôi.

Trừ ra sự biệt định ở điều 993 sau nầy thời không kể.

Điều thứ 985. — Đơn xin bải bỏ thời sẽ do đích thân người tặng-chủ đứng thưa hay nếu người ấy không tỏ ý muốn được, thời sẽ do người thay mặt đúng phép đứng thưa trong hạn một năm kể từ ngày người tặng-chủ biết việc bội bạc đó.

Nhưng khi có sự bội bạc nói ở đoạn thứ nhất điều trên, mà người tặng-chủ nhơn vì bị thương hay bị ngược đải mà phải chết nên không kịp kêu xin bải bỏ được, thời sự xin bải bỏ ấy sẽ đặc cách do các người thừa-kế người tặng-chủ đứng xin.

Điều thứ 986. — Nếu sự bải bỏ vì cớ bội bạc đã do tòa-án xử rồi, thời sự bải bỏ ấy không thể làm thiệt-hại đến quyền-lợi của những người đệ-tam đã thủ-đắc đúng phép ở người thụ-tặng, cho đến ngày mà đơn thưa xin bải bỏ đã đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch rồi.

Điều thứ 987. — Những người thừa-kế của người tặng-chủ được quyền tiếp-tục người nầy trong việc kiện xin sự bải bỏ việc tặng-dử chưa xử xong mà tặng-chủ chết, dù vì cớ gì cũng vậy.

Điều thứ 988. — Khi có sự bải bỏ việc tặng-dử, dù vì cớ gì cũng vậy, thời những thể-lệ thuộc về người chấp-hửu có tình ngay vẫn thi-hành đối với người thụ-tặng; như vậy thời người nầy được giữ quyền hưởng những hoa-lợi và lợi-tức đã thủ-đắc từ trước.

TIẾT THỨ V

Thể-lệ riêng về việc tặng-dử do hôn-khoán lập ra

Điều thứ 989. — Khi tặng-dử cho một việc giá-thú đã làm ra hôn-khoán trước ngày giá-thú ấy theo thể-lệ định ở các điều 102 và 103 trên nầy, thời việc tặng-dử ấy phải theo thể-lệ riêng định sau nầy.

Điều thứ 990. — Việc tặng-dử ấy không ai có thể kiện xin thủ-tiêu hay kiện xin vô-hiệu vì không có sự thuận nhận được.

Điều thứ 991. — Gặp trường-hợp định ở điều 960 trên nầy thời đồ vật hay món tiền mà người tặng-chủ không tiêu dùng sẽ về người thụ-tặng chứ không phải về các người thừa-kế người tặng-chủ.

Điều thứ 992. — Trái với thể-lệ định ở điều 964 trên nầy, người vị-thành-niên có thể tuân theo thể-thức định trong điều 103 ở thiên nói về giá-thú mà tặng-dử cho người vợ hay người chồng mình.

Điều thứ 993. — Khi một người thân thuộc hay một người đệ-tam tặng-dử cho một người vợ hay người chồng trong hôn-khoán lập theo thể-lệ điều 103 luật nầy đã định, thời việc tặng-dử ấy không thể bải bỏ vì cớ bội bạc được.

Điều thứ 994. — Việc tặng-dử nào lập trong hôn-khoán nếu về sau không có giá-thú thời việc tặng-dử ấy không có hiệu-lực.

CHƯƠNG THỨ II

Nói về sự mãi-mại

TIẾT THỨ I

Điều-khoản chung

Điều thứ 995. — Mãi-mại là một khế-ước do người bán giao cho hoặc cam-đoan giao cho người mua quyền nghiệp-chủ một vật hạng gì hay một quyền-lợi gì theo giá tiền đã định trước mà bên người mua đã cam-đoan trả cho mình.

Điều thứ 996. — Khi hai bên đã đồng ý với nhau về vật hạng cùng giá cả và cùng các điều-kiện khác phụ-thuộc về việc đồng ý ấy rồi, thời sự mãi-mại là hoàn-toàn và người mua đối với người bán là có quyền nghiệp-chủ về vật đó rồi, trừ ra khi luật có định thể-thức và điều-kiện riêng để cho khế-ước có giá-trị thời không kể.

Điều thứ 997. — Mãi-mại bất-động-sản thời phải làm ra giấy tờ có viên-chức thị-thực mới có giá-trị, chỉ khi nào giấy tờ mãi-mại ấy đã có viên-chức thị-thực rồi sự mãi-mại mới hoàn-toàn và người mua mới có quyền nghiệp-chủ về vật đó.

Trong giấy bán phải nói rõ bất-động-sản bán đó tọa-lạc ở nơi nào, đông tây tứ-chí, cùng các điều đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch.

Điều thứ 998. — Chỉ khi nào đã đăng-ký khế-tự mãi-mại vào sổ bảo-tồn điền-trạch ở các nơi đã có sổ ấy rồi thời sự mãi-mại mới được viện ra để chống cải với, người đệ-tam ;

Nếu không có sổ bảo-tồn điền-trạch thời tòa-án sẽ tùy theo tình-trạng mà xử rằng sự mãi-mại ấy có được viện ra để chống cải với người đệ-tam không, nhưng sự mãi-mại ấy trước khi chưa trước-bạ thời không khi nào được viện ra để chống cải với người đệ-tam được ;

Khi có sự mãi-mại một bất-động-sản cho nhiều người, thời người nào đã đăng-ký sự mãi-mại ấy đầu tiên ở trong sổ bảo-tồn điền-trạch, thời chỉ người ấy được coi là nghiệp-chủ chánh-đáng ;

Nếu không có sổ bảo-tồn điền-trạch, thời người nghiệp-chủ chánh-đáng là người đã đem trước-bạ đầu tiên, trừ khi tỏ ra là có tình gian thời không kể.

Vả lại khi mãi-mại mà không định có việc chuộc lại thời trong giấy phải viết rõ mấy chữ thường dùng là « bán đứt » hay « bán đoạn » nếu không viết chữ ấy thời khi có tranh tụng gì, giấy bán ấy tùy theo tình-trạng hoặc coi là bán lai-thục, hoặc coi là một sự thế-chấp bất-động-sản.

Điều thứ 999. — Sự mãi-mại hoặc không có điều-kiện gì hoặc có điều-kiện đình-chỉ hay là điều-kiện giải-trừ.

Sự mãi-mại lại có thể lấy hai hay nhiều vật hạng đắp đổi làm chủ-đích.

Bất cứ thuộc về trường-hợp nào, hiệu-lực sự mãi-mại cũng theo thể-lệ thông thường về khoán-ước.

Điều thứ 1000. — Khi nào hàng-hóa không bán cả món, nhưng bán theo cân, theo số đếm hay số đo, thời trước khi cân, đếm và đo, sự bán chưa được hoàn-toàn, nghĩa là người chủ bán còn phải chịu trách-nhiệm về hàng-hóa ấy ; nhưng nếu người bán không y-ước thời người mua có thể hoặc đòi người bán phải giao đồ cho, hoặc xin bồi tổn hại.

Điều thứ 1001. — Trái lại, nếu hàng-hóa đã bán cả món, thời dù chưa cân, chưa đếm hay chưa đo, sự mãi-mại cũng là hoàn-toàn, nghĩa là người mua chịu trách-nhiệm về hàng-hóa đã bán ấy.

Điều thứ 1002. — Khi nào sự mãi-mại mà có thí-nghiệm thời sự mãi-mại ấy coi là theo điều-kiện đình-chỉ, nghĩa là vật bán đó có trúng dụng thời sự mãi-mại mới thành, trừ khi theo tình-trạng có tỏ ra rằng sau khi thí-nghiệm vật hạng ấy chỉ làm cho thích ý người mua thời không kể.

Điều thứ 1003. — Phàm sự mãi-mại thực-phẩm mà theo thói thường phải nếm trước, thời cho là theo điều-kiện đình-chỉ cho đến khi người mua thuận nhận.

Điều thứ 1004. — Giá mãi-mại thời hai bên phải định rõ với nhau.

Cũng có thể hoặc theo thị-giá hiện-thời hay sắp tới của các hàng-hóa đồng loại mà định, hoặc để cho một người đệ-tam trong khế-ước chỉ rõ hồ-giá cũng được. Nếu người đệ-tam không muốn hay không có thể hồ-giá được, thì mãi-mại không thành.

Điều thứ 1005. — Các phí-tổn về việc mãi-mại cùng các khoản phụ thuộc, thì do người mua phải chịu.

TIẾT THỨ II

Nói về sự hứa lời bán

Điều thứ 1006. — Phàm một bên đã hứa lời bán hễ bên kia yêu-cầu thời mình phải lập ước theo giá cả cùng cách thức đã định.

Điều thứ 1007. — Tuy nhiên, lời hứa ấy không sinh ra thực quyền gì cho người mua về vật hứa bán đó, và trước khi người nầy thuận tình, người hứa đem bán cho một người khác, thời việc không giữ lời hứa ấy và việc không giao đồ cho người mua như thế chỉ có thể làm cho người mua được kiện xin bồi tổn-hại.

Điều thứ 1008. — Phàm hứa bán bất-động-sản thời cũng phải làm ra giấy tờ có viên-chức thị-thực mới có giá-trị.

Trái với thể-lệ điều trên nầy, việc hứa bán bất-động-sản có thể viện ra để tranh nại với người đệ-tam, khi việc hứa ấy là một điều phụ trong một khế-ước khác, ví dụ như là khế-ước cho thuê dài hạn, nếu khế-ước nầy đã có viên-chức thị-thực và đã đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch rồi.

Điều thứ 1009. — Khi người mua đã thuận-tình rồi thời sự mãi-mại mới hoàn-toàn và mới có hiệu-lực ; vậy khi có việc kiện xin thủ-tiêu sự mãi-mại vì thiệt-hại, thời định giá bất-động-sản phải theo giá ngày người mua thuận-tình.

Điều thứ 1010. — Nếu người hứa lời bán từ chối không làm khế-ước, thời tòa-án sẽ làm án công-nhận cách-thức và hiệu-lực của khế-ước rồi truyền rằng án ấy thế cho khế-ước bán.

Nếu bán bất-động-sản thời án ấy sẽ đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch.

Điều thứ 1011. — Gặp khi không định hạn để nhận lời hứa thời người hứa lời bán có thể xin tòa-án định hạn cho, nếu quá hạn định ấy mà người mua không yêu-cầu thi-hành thời lời hứa bán ấy coi như không.

Điều thứ 1012. — Những thể-lệ trên nầy cũng đem thi-hành vào khi một bên đã hứa lời mua.

Điều thứ 1013. — Sự hứa lời bán mà có việc đồng-ý định ở điều 996 trên nầy cũng như sự mãi-mại và có hiệu-lực của sự mãi-mại, trừ khi thuộc về sự mãi-mại mà luật buộc phải làm theo thể-thức hay điều-kiện riêng mà không làm thời vô-hiệu, thời không kể.

Điều thứ 1014. — Gặp khi cả hai bên hay trong hai bên ấy có một bên cam-đoan sau nầy lập-ước mua bán, hay là chỉ tả khế mua bán mà thôi, và đã có tiền đặt cọc để đảm-bảo lời ước, thời bên nào không chịu lập-ước hay không chịu tả khế, phải mất tiền đặt cọc của mình hay phải trả lại gấp đôi tiền đặt cọc mình đã nhận. Thế là thủ-tiêu khế-ước.

TIẾT THỨ III

Những ai là người được mua bán

Điều thứ 1015. — Phàm ai có tư-cách lập khế-ước thời mua được bán được.

Điều thứ 1016. — Tuy nhiên, vợ chồng cấm không được làm khế-ước mãi-mại với nhau, và người vợ hay người chồng hay người chủ-nợ của người vợ hay người chồng đã bán ấy, có thể xin thủ-tiêu khế-ước ấy trừ khi người vợ hay người chồng nhân mới bán tài-sản riêng của mình hay mới hưởng thừa-kế mà có tiền rồi đem mua, mục-đích cốt để tạo ra ngay một tài-sản khác thời không kể.

Điều thứ 1017.— Những người sau nầy không thể chính mình hay nhờ người khác đứng mua của phát-mãi kể sau nầy, nếu không thời vô-hiệu :

1·) Người giám-hộ không được đứng mua tài-sản của các người thuộc quyền mình giám-hộ ;

2·) Người nhận ủy-quyền không được đứng mua các tài-vật người ta đã ủy mình đứng bán ;

3·) Những hương-chức nhiệm chức thừa-phát-lại và các công-lại không được mua những tài-vật mà chức-vụ mình phải đứng bán ;

4·) Các quan cai-trị các công-chức cùng các chức-dịch không được đứng mua những tài-vật công của hàng xã hay là của các công-sở giao cho mình trông nom.

Điều thứ 1018. — Các quan tòa, các quan tòa dự khuyết, cùng các viên lục-sự không được thụ-nhượng các việc kiện, các quyền lợi cùng các việc tố-tụng đương phân tranh, thuộc về thẩm quyền tòa-án của hạt mình đương nhiệm chức, nếu không thời việc thụ-nhượng vô-hiệu mà lại phải chịu tiền lệ-phí cùng bồi tổn-hại nữa.

TIẾT THỨ IV

Nói về vật có thể đem bán được

Điều thứ 1019. — Phàm vật gì hay quyền gì mà không có luật riêng cấm chuyển-dịch, thời có thể đem bán được.

Điều thứ 1020. — Bán tài-vật của người khác là vô-hiệu, nhưng người bán không được viện lẽ vô-hiệu ấy; bán như thế mà người mua không biết rằng tài-vật ấy là của người khác thời có thể bắt người bán phải bồi tổn-hại.

Điều thứ 1021. — Khi bán những tài-vật gì, cứ theo vật loại mà kể, thời sự vô-hiệu ấy không thi-hành.

Khi nào một người có giấy má chắc chắn làm cho cả hai bên cùng lầm tưởng là người thừa-kế thật nên đem bán một tài-vật trong di-sản, thời sự mãi-mại cũng không đến nỗi là vô-hiệu; gặp khi ấy người mua vẫn được làm nghiệp-chủ vật ấy, trừ khi có bằng-cớ tỏ ra người nầy có lòng gian thời không kể.

Người hư-thừa-kế khi ấy chỉ hoàn lại cho người thừa-kế chánh đáng giá bán vật ấy, nhưng nếu có bằng-cớ tỏ ra rằng người hư-thừa-kế có lòng gian thời phải đền sự thiệt-hại do sự bán ấy sinh ra và có khi lại phải bị truy-cứu về mặt hình nữa.

Điều thứ 1022. — Tài-sản công của nhà nước, của xã thôn hay của các pháp-nhân-công, muốn đem chuyển-dịch, thời phải theo thể-lệ hành-chánh riêng về các tài-sản ấy.

Công-điền, công-thổ thời không chuyển-dịch được; chỉ gặp trường-hợp đặc-biệt mới được bán và có bán phải theo thể-lệ hành-chánh định về công-điền công-thổ.

Điều thứ 1023. — Khi người thân-thuộc còn sống mà không cho phép thời những người thừa-kế không được chuyển-dịch những bất-động-sản của người thân-thuộc ấy đã chia cho, nếu trong phân-thơ người thân thuộc ấy đã có cấm rõ như thế, và việc cấm ấy đã đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch ở các nơi có sổ ấy.

Nếu theo trong giấy mua bất-động-sản cho người vị-thành-niên, người nầy đã biên tên trong sổ bảo-tồn điền-trạch làm nghiệp-chủ rồi, mà không có bị-chú hay biệt-khoản gì, thời sau nầy người vị-thành-niên đã trưởng-thành đem bán bất-động-sản ấy đi, tuy người thân-thuộc trước đã xuất tiền ra mà mua cho người vị-thành-niên ấy không thuận tình mặc lòng, việc bán ấy đối với người mua vẫn có giá-trị, nếu trong giấy bán không có điều gì có thể coi là vô-hiệu được ; khi tịch-biên bất-động-sản ấy cũng có giá-trị như vậy.

Điều thứ 1024. — Nếu khi lập-ước mà vật bán bị hủy mất cả, thời việc bán ấy thành ra như không.

Nếu vật đó chỉ bị hủy đi có một phần, thời người mua được tùy ý hoặc là bải việc mua bán, hoặc là tùy vật ấy bị hủy đi bao nhiêu mà giảm giá xuống bấy nhiêu ; trong hai khi ấy, nếu người bán có lỗi thì lại bị bồi tổn-hại nữa.

TIẾT THỨ V

Nói về nghĩa-vụ của người bán

Điều thứ 1025. — Người bán có nghĩa-vụ phải giao-phó của bán cho người mua và vì thế nên phải bảo-thủ của ấy cho đến lúc giao-phó. Người bán ấy lại phải đảm-bảo cho người mua khỏi những sự quấy nhiễu và sự truy đoạt vì các duyên cớ định rõ như sau.

Mục thứ nhất. — *Nói về việc giao-phó vật bán*

Điều thứ 1026. — Giao-phó là chuyển đưa vật bán vào tay người mua.

Điều thứ 1027. — Người bán phải bảo-thủ vật bán cho cẩn thận cho đến ngày giao-phó đã định từ trước, để có thể thi-hành được nghĩa-vụ giao-phó.

Điều thứ 1028. — Trong thời-kỳ từ lúc bán đến lúc giao-phó, người bán không được thay đổi gì đến vật bán cả.

Điều thứ 1029. — Cho đến khi giao-phó, có xảy ra tổn-hại gì, người bán phải chịu trách-nhiệm.

Điều thứ 1030. — Nếu trước khi giao-phó mà vật bán bị hủy mất hay bị tổn-hại nhiều, thời sự bán phải thủ-tiêu.

Nếu sự hủy mất hay tổn-hại đó là do lỗi người bán, thời người ấy lại phải bồi tổn-hại nữa.

Điều thứ 1031. — Khi người mua chậm đến lấy vật đã mua, thời người bán khỏi phải bị trách-nhiệm khi có tổn-hại gì xảy ra, nhưng trừ khi tại lỗi người bán thời không kể.

Các điều trên nầy lại phải tuân theo thể-lệ định ở thiên nói về nghĩa-vụ và khế-ước nữa.

Điều thứ 1032. — Việc giao-phó làm thế nào, tùy ý hai bên. Theo lời hai bên ước-định với nhau, hoặc là người bán phải giao đem tận chỗ ở người mua hay chỗ nào mà người nầy đã chỉ rõ, hoặc là người mua phải đến lấy ở nhà người bán.

Nếu không có lời giao-ước, thời giao-phó vật bán ở chỗ đã bán vật ấy.

Điều thứ 1033. — Nếu không có lời giao-ước khác, thời người bán có thể giữ lại của bán cho đến khi trả tiền xong.

Nếu từ ngày mua bán người mua thành ra vô-lực, hay là vẫn vô-lực từ trước mà giấu diếm đi, thời dầu có cho một hạn để trả tiền nữa, người bán cũng có thể hoãn việc giao-phó được.

Điều thứ 1034. — Người bán không những phải giao vật chính mà lại phải giao cả vật phụ nữa, như tài-sản vì công-dụng mà thành là bất-động-sản.

Điều thứ 1035. — Người bán cũng phải giao-phó cả hoa-lợi mà vật bán đã sanh ra từ khi bán nữa.

Khi mua bán có điều-kiện đình chỉ, thời người bán chỉ phải giao-phó hoa-lợi kể từ khi điều-kiện ấy thành mà thôi.

Điều thứ 1036. — Về bất-động-sản, thời giao-phó vật bán tức là giao giấy tờ có quan-hệ về bất-động-sản ấy, hay có khi giao cả chìa khóa nữa; nhưng chỉ khi nào những giấy tờ chuyển giao có thể vì sự đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch (ở các nơi có sổ ấy rồi) làm cho sự chuyển-dịch của bán có hiệu-lực đối với người đệ-tam, thời sự giao-phó mới hoàn-toàn.

Điều thứ 1037. — Về ghe thuyền và các động-sản khác có trước-bạ, thời chỉ khi nào đã giao giấy tờ, tiểu-sách hay là bài-chỉ thuộc về ghe thuyền và các động-sản đã bán đó thời sự giao-phó mới hoàn-toàn.

Điều thứ 1038. — Nếu không có định hạn, thời phải giao-phó ngay, trừ khi người mua chưa trả tiền thời người bán được quyền giữ vật bán lại, như đã nói ở điều 1033 trên nầy.

Điều thứ 1039. — Các phí-tổn về việc giao-phó như là cân, đo, lường thời người bán phải chịu; các phí-tổn về sự đem đi thời người mua phải chịu, trừ khi có tục quen rõ ràng hay ước-định khác thời không kể.

Điều thứ 1040. — Nếu người bán không giao-phó trong thời-hạn hai bên đã định với nhau, và nếu sự chậm giao ấy chỉ do lỗi người bán thời người mua có thể tùy-ý hoặc xin thủ-tiêu việc mua bán, hoặc bắt phải giao-phó vật đã bán.

Điều thứ 1041. — Không cứ trường-hợp nào, vì cớ không giao-phó đúng hạn mà thiệt-hại đến người mua, thời người bán phải bồi tổn-hại.

Điều thứ 1042. — Nếu vật bán là một bất-động-sản đã định, diện tích tổng-cọng đã khai trong khế-ước có nói giá mỗi sào, thước vân vân. . . là bao nhiêu, mà diện-tích thực lại kém diện-tích đã viết trong văn-khế, thời người bán dù không đảm-bảo về diện-tích mặc lòng, cũng phải tùy theo số thiếu mà chịu bớt giá đi.

Nếu diện-tích thực lại hơn diện-tích đã viết trong văn-khế, thời người mua phải tùy số hơn ra mà trả thêm.

Điều thứ 1043. — Nếu lúc bán bất-động-sản đã kể tổng số diện-tích cùng tính gồm một giá chung, mà diện-tích thực lại kém, thời hễ người bán có lòng gian mới bắt buộc phải giảm giá gi, nếu có lòng ngay thì chỉ khi nào mình đã đảm-bảo diện-tích là đích-thực hay là số kém đi đó ít ra là một phần hai mươi, mới chịu giảm giá.

Dù có biên là không đảm-bảo diện-tích hay là diện-tích chỉ ước lượng mà thôi, nếu người bán có lòng gian thì trách-nhiệm cũng không giảm đi được.

Khi thừa ra thì nếu số thừa đó đến một phần hai mươi, người mua mới phải trả thêm tiền.

Điều thứ 1044. — Nếu bán hai khu đất, có xây nhà hay không, mà làm cùng một khế-ước, định cùng một giá chung, có kể rõ diện-tích từng khu một, nhưng thực ra diện-tích khu nọ lại thừa, khu kia lại thiếu, thời lấy

chỗ thừa bù cho chỗ thiếu, phải chiếu giá từng sào, thước, vân vân... chứ không tính theo diện-tích.

Nếu thừa trừ như thế xong rồi, mà lại còn thừa hay thiếu quá một phần hai mươi giá chung định ở trong khế-ước, thời khi ấy sẽ chiếu số trả thêm tiền lên hay bớt tiền đi.

Điều thứ 1045. — Những khi người mua có quyền được giảm giá vì diện-tích thiếu, nếu người ấy viện được chứng cớ rằng cần phải mua đủ diện-tích như lời đã hứa mới có thể làm được công việc đã định, và nếu người bán có đảm-bảo diện-tích thời người mua có thể xin bồi tổn-hại và có thể xin thủ-tiêu khế-ước đi cũng được.

Nếu vì diện-tích thừa mà người mua phải trả thêm tiền đến một phần hai mươi giá mua, thời người ấy có thể tự nhiên bỏ khế-ước được.

Điều thứ 1046. — Phàm những việc kiện xin tính lại giá bán, kiện xin bồi tổn-hại hay kiện xin tiêu khế-ước, thuộc về bất-động-sản thời hạn trong một năm phải phát đơn kiện, thuộc về động-sản thời hạn một tháng, quá hạn thời không kiện được nữa.

Hạn ấy bắt đầu kể từ ngày giao-phó và ngày ấy không tính vào hạn.

Mục thứ 2. — *Nói về sự đảm-bảo*

Điều thứ 1047. — Việc người bán phải đảm-bảo cho người mua có hai chủ đích : một là đảm-bảo cho được an hưởng vật đã bán ; hai là đảm-bảo cho vật ấy không có những ẩn tì cùng không có những khuyết-điểm làm cho khế-ước phải thủ-tiêu.

A. — Đảm-bảo về sự quấy nhiễu và truy-đoạt

Điều thứ 1048. — Khi nào làm cho người mua không được an-hưởng vật đã mua thời gọi là làm quấy-nhiễu.

Hoặc chiếm đoạt hoặc tranh tụng đều có thể gọi là quấy-nhiễu.

Khi người đệ-tam dùng cách bạo-động để làm quấy-nhiễu người mua mà không chủ ý đòi quyền-lợi gì về vật đã bán thời gọi là quấy-nhiễu bằng cách chiếm đoạt.

Khi người đệ-tam dọa truy-đoạt để dành quyền-lợi về vật đã bán thời gọi là quấy-nhiễu bằng cách tranh tụng.

Điều thứ 1049. — Người bán phải đảm-bảo cho người mua những sự quấy-nhiễu bằng cách tranh tụng ; người ấy không phải đảm-bảo những sự quấy-nhiễu bằng cách chiếm đoạt, người mua có thể tự mình xin truy-cứu người làm quấy-nhiễu bằng cách bạo-động ấy.

Điều thứ 1050. — Tuy nhiên, hai bên mua bán có thể ước định riêng cùng nhau mà thêm hay bớt hiệu-lực của nghĩa-vụ đảm-bảo ấy ; hai bên cũng có thể ước-định rằng người bán không phải đảm-bảo gì.

Điều thứ 1051. — Tuy nhiên, người bán không được làm gì trái với nghĩa-vụ do sự mãi-mại sinh ra, và phải làm cho người mua được an hưởng vật đã bán, nếu không thời phải bồi thường ; phàm hiệp-ước nào miễn trừ nghĩa-vụ đó cho người bán thời coi như không và vô-hiệu.

Điều thứ 1052. — Khi người đệ-tam bắt người mua phải công nhận quyền-lợi của họ về vật mua, thời cũng coi là quấy-nhiễu bằng cách tranh tụng.

Gặp trường-hợp nầy người mua có thể tức thì gọi người bán ra để đảm-bảo cho mình, và người bán bấy giờ phải xuất trình các thứ khế ra và phải hết sức làm cho lời yêu cầu của người đệ-tam bị bác đi.

Điều thứ 1053. — Truy-đoạt có thể là toàn phần hay là một phần, tùy theo người đệ-tam chủ ý đòi hưởng cả

hay một phần cái quyền mà người bán đã chuyển cho người mua.

Điều thứ 1054. — Dù đã ước định rằng người bán không phải đảm-bảo gì mặc lòng, nhưng người bán cũng phải trả giá tiền lại cho người mua bị truy-đoạt, trừ khi gặp hai trường-hợp sau nầy thời thôi :

1·) Trong lúc bán, người mua đã biết nguyên-nhân việc truy-đoạt ;

2·) Người mua chịu trách nhiệm về những sự xảy ra.

Điều thứ 1055. — Khi sự đảm-bảo đã có ước-định rồi hay không nói gì đến sự đảm-bảo ấy cả thời người mua có quyền đòi người bán các khoản sau nầy :

1·) Hoàn lại giá mua ;

2·) Hoàn cả hoa-lợi mà người mua đã phải trả lại cho chính-chủ đã truy-đoạt mình ;

3·) Các phí-tổn về việc đòi người bán ra đảm-bảo, và phí-tổn về việc kiện do chính-chủ gây ra ;

4·) Bồi tổn-hại cùng các phí khoản về khế-ước.

Điều thứ 1056. — Tuy nhiên, nếu trong lúc bán, người mua đã biết nguyên-nhân việc truy-đoạt rồi, thời không được đòi bồi tổn-hại.

Điều thứ 1057. — Lúc bị truy-đoạt mà vật bán bị giảm giá đi hay hư hại nhiều, không cứ là tại sự trễ nải của người mua hay là tại sự xảy ra vì tình-thế gì sức người không chống lại được, người bán cũng vẫn phải hoàn lại nguyên giá bán.

Điều thứ 1058. — Nhưng nếu sự hủy hoại tự người mua làm ra mà có lợi cho người ấy, thời người bán có quyền khấu trừ vào giá bán một số tiền ngang với số tiền lợi ấy.

Điều thứ 1059. — Nếu lúc truy-đoạt mà vật bán lại

được tăng giá lên, dầu không phải tại người mua làm ra mặc lòng ; người bán cũng phải trả cho người mua số tiền đã tăng lên ấy.

Điều thứ 1060. — Nếu người mua đã phải kinh phí để làm những sự tu bổ sửa sang có ích-lợi cho bất-động-sản, thời người chủ đứng truy-đoạt được tùy ý hoặc phải hoàn lại tiền kinh phí ấy cho người mua, hoặc trả lại giá tiền đã làm tăng giá-trị ấy ; người bán phải bồi tổn-hại cho người mua bị truy-đoạt về sự thiệt-hại trong khi người chủ đứng truy-đoạt trả tiền kinh-phí mà tiền nầy ít thua tiền làm tăng giá-trị, hay khi trả tiền tăng giá-trị mà tiền nầy ít thua tiền kinh-phí.

Điều thứ 1061. — Nếu người bán vì lòng gian mà đã bán bất-động-sản của kẻ khác, thời phải hoàn lại cho người mua tất cả các khoản kinh-phí người ấy đã chịu chi-dụng về bất-động-sản, dầu là những khoản trang-hoàng xa-phí cũng vậy.

Điều thứ 1062. — Nếu người mua chỉ bị truy-đoạt về một phần trong của mua mà thôi, nhưng phần ấy có can hệ đến cả toàn-thể, đến nỗi rằng nếu không có phần ấy thời người mua không bao giờ mua, như vậy thời người mua có thể xin tiêu sự bán.

Điều thứ 1063. — Nếu khi một phần của bán bị truy-đoạt mà việc mua bán không tiêu, thời giá cái phần bị truy-đoạt ấy, thời người bán cứ theo nguyên giá bán trước mà hoàn lại, hay nếu giá vật bán hơn lên thời tính theo giá lúc bị truy-đoạt mà hoàn lại.

Điều thứ 1064. — Khi nào bất-động-sản bán bị mắc quyền địa-dịch không hiển-hiện mà lúc bán không nói rõ, quyền địa-dịch ấy quan-hệ đến nỗi rằng nếu người mua biết trước như thế tất không khi nào mua, thời có thể xin tiêu khế-ước đi, trừ ra khi bằng lòng lấy bồi-thường thời không kể.

Điều thứ 1065. — Gặp những việc khác mà phải bồi tổn-hại cho người mua vì người bán không thi-hành nghĩa-vụ, thời phải theo thể-lệ chung-định ở thiên nói về nghĩa-vụ và khế-ước mà định, trừ ra có khi phải chiếu điều 365 luật-hình mà xử phạt nữa.

Điều thứ 1066. — Gặp trường-hợp làm quấy-nhiễu bằng cách tranh-tụng, thời bao giờ tòa-án cũng phải đòi người bán ra dự-sự.

B. — Việc bảo-đảm các tì-tích của vật bán.

Điều thứ 1067. — Tì-tích là những điều khuyết-điểm làm cho tài-vật thành vô-dụng hay là làm cho đại giảm giá hoặc mất sự ích lợi đi.

Điều thứ 1068. — Người bán phải đảm-bảo về những tì-tích không hiển-hiện làm cho vật bán không thể dùng như ý người mua được, hay làm cho sự lợi-dụng ấy giảm kém đi, đến nỗi nếu người mua biết trước thời không mua hay là có mua cũng trả một giá kém thôi.

Điều thứ 1069. — Người bán không phải chịu trách-nhiệm về những tì-tích hiển-hiện mà người mua tự mình có thể biết được.

Điều thứ 1070. — Còn các tì-tích không hiển-hiện, dầu người bán không biết đến nữa, thời cũng phải chịu trách-nhiệm hết, trừ khi đã ước-định rằng không phải đảm-bảo gì thời không kể.

Điều thứ 1071. — Trong trường-hợp đã nói ở điều thứ 1068 và 1070, thời người mua được tùy ý, hoặc trả đồ vật mà bắt hoàn lại giá mua, hoặc cứ giữ đồ vật mà đòi lại một phần giá mua, phần ấy sẽ do người giám-định chỉ-định.

Điều thứ 1072. — Người bán biết rõ các tì-tích không hiển-hiện của vật bán thời phải nói rõ cho người mua biết ; nếu không thời người bán ấy vừa phải hoàn lại

giá tiền định ở điều trên, vừa phải bồi tổn-hại cho người mua nữa, dù có định rằng không đảm-bảo gì mặc lòng.

Điều thứ 1073. — Nếu người bán không biết đến những tì-tích của vật bán thời chỉ phải trả lại giá bán và hoàn lại các phí-tổn về việc bán ấy thôi.

Điều thứ 1074. — Nếu vật bán có tì-tích mà lại bị hủy-hoại vì vật-hạng xấu, thời người bán phải chịu thiệt về sự tổn-hại đó và phải hoàn lại giá bán cho người mua cùng cả các khoản bồi thường khác đã nói ở hai điều trên.

Nhưng nếu sự hủy-hoại là bởi cớ ngẫu-nhiên thời người mua phải chịu.

Điều thứ 1075. — Việc kiện về các tì-tích có thể tiêu được sự mua bán, thời do người mua phải khởi-tố trong hạn bốn mươi ngày kể từ ngày biết được tì-tích ấy ; về bất-động-sản, thời-hạn việc kiện ấy là một năm là cùng, và về động-sản là sáu tháng là cùng, kể từ ngày giao-phó.

Điều thứ 1076. — Đối với việc phát-mãi do tòa-án truyền hoặc đối với việc đấu giá trước công chúng, thời không được thi-hành quyền tố-tụng nói ở điều trên.

TIẾT THỨ VI

Nói về nghĩa-vụ của người mua

Điều thứ 1077. — Người mua phải trả giá tiền đúng hạn đã định với nhau và khi không có đinh-ước riêng về việc ấy, thời phải trả vào lúc giao-phó đồ vật.

Điều-ước hoản việc giao-phó đồ vật cũng coi như là theo ý nguyện hai bên đã mặc-nhiên hoản cả việc trả tiền.

Điều thứ 1078. — Nếu người bán được tòa-án cho gia hạn để giao-phó vật bán, thời người mua tự-nhiên cũng được gia-hạn về sự trả tiền.

Người mua được tòa-án cho gia-hạn để trả tiền, thời

người bán tự-nhiên cũng được gia-hạn về sự giao-phó vật bán.

Gặp trường-hợp sau nầy, những việc xẩy ra và tiền canh giữ vật bán thời người mua cố-nhiên phải chịu.

Điều thứ 1079. — Khi không định với nhau phải trả tiền tại nơi nào, nếu của bán là động-sản hữu-hình thời phải trả tiền ở nơi giao vật bán, nếu là bất-động-sản hay là trái quyền thời phải trả ở nơi trao văn-khế.

Nếu phải trả trước hay sau khi giao vật bán thời trả tại chỗ ở người mua, trừ ra khi có ước-định hay tục quen rõ ràng, trái lại thời không kể.

Điều thứ 1080. — Nếu vật bán có thể sinh hoa-lợi, hoặc các lợi khác có ký mà có thể tính ra tiền được, thời người mua tự-nhiên phải chịu lợi về giá tiền tính từ ngày giao-phó.

Gặp trường-hợp khác thế, thời hễ có đính-ước rõ bắt chịu lời hay theo tục quen phải chịu lời, thời người mua mới phải chịu.

Vả lại sau ngày đáo-hạn mà có thưa xin đòi trả tiền, thời tự-nhiên người mua phải chịu tiền lời về giá mua kể từ ngày ấy.

Điều thứ 1081. — Nếu người mua bị quấy-nhiễu hay có cớ gì đích-đáng sợ bị quấy-nhiễu về những sự thưa kiện về vật quyền, đại-khái như kiện lấy lại vật bán hay kiện đòi trả một món nợ do vật bán ấy đảm-bảo, thời người mua ấy có thể tùy theo việc kiện nặng nhẹ mà từ-chối không trả cả hay một phần giá mua ; cho đến khi người bán đã làm mất sự quấy-nhiễu hay sự nguy-hiểm hay là đến khi nào người bán có sự đảm-bảo chắc-chắn phòng khi bị truy-đoạt thời trả nguyên giá.

Nếu người mua có thể viện ngay được bằng cớ rằng vật bán là của người khác, thời các khoản trên nầy không

làm cho người mua mất cái quyền được kêu xin tiêu sự bán và kiện về đảm-bảo.

Điều thứ 1082. — Nếu người mua không trả tiền thời người bán có thể kêu xin tiêu sự bán.

Điều thứ 1083. — Nếu người bán có cơ nguy mất cả vật bán cùng giá bán, thời việc bán phải tiêu ngay tức thì.

Nếu không có cơ nguy ấy, thời quan Tòa có thể gia cho người mua một hạn lâu hay chóng để trả tiền, tùy theo tình trạng.

Nếu quá hạn ấy mà người mua cũng không trả, thời tòa-án sẽ truyền tiêu việc bán đi và có khi lại xử người mua ấy phải bồi tổn-hại nữa.

Điều thứ 1084. — Nếu khi bán, hai bên chỉ định với nhau rằng hễ đúng hạn mà không trả thời sự mua, bán tự nhiên được tiêu đi ; về trường-hợp ấy thời người mua vẫn có thể trả sau hạn đó được và nếu người bán có thưa đơn xin trả, thời người mua có thể chậm đến khi quan tòa thử làm hòa-giải mới trả cũng được ; nhưng nếu đã định rõ với nhau rằng hễ đáo han mà không trả thời sự mua bán tự nhiên tiêu đi không phải theo thể thức gì về pháp-luật, thời khi ấy người mua không thể trả sau hạn như đã nói ở trên nầy nữa.

Trong hai trường-hợp nầy, hay gặp trường-hợp khác giống như thế, nếu người bán thưa đơn và xét quả người mua không trả giá tiền theo điều-kiện luật định hay ước định với nhau, thời quan tòa sẽ truyền tiêu sự bán ấy đi và có khi lại xử người mua phải bồi-thường tổn-hại nữa.

Điều thứ 1085. — Về việc bán các thực-phẩm cùng đồ vật động-sản nếu sau khi hết hạn đã định để lấy đi mà không lấy, thời việc bán tự nhiên tiêu đi, không cần phải theo thể-thức gì về pháp-luật.

Điều thứ 1086. — Việc tiêu sự bán buộc cả hai bên phải trả lại cho nhau các thứ đã nhận của nhau.

Như vậy thời người mua phải trả lại vật mua cùng các hoa-lợi đã thu được hay vì mình trễ biếng mà không thu được cũng vậy. Người bán phải hoàn lại tất cả các món tiền do người mua đã nộp để tính vào giá mua và tất cả các phí-tổn về việc thu hoa-lợi và giữ gìn vật bán cùng tiền lời theo luật định nữa, tính từ mỗi lần giao tiền hay mỗi lần chi-phí.

Điều thứ 1087. — Việc kiện xin tiêu sự bán không được tách ra, nhưng tòa-án có khi phải đòi những người thừa-kế của người bán cùng các người mua lại ra dự sự.

Điều thứ 1088. — Phàm việc tiêu sự bán mà có theo lệ nhận-thực, nếu việc tiêu ấy do án truyền, thời phải do viên lục-sự lục liền cho người hương-chức đã nhận thực sự bán ấy, dù án ấy mới là án sơ-thẩm cũng vậy ; nếu việc tiêu ấy là do các người đương-sự thỏa định với nhau thời hai bên phải tường ngay với người hương-chức ấy.

Vậy việc tiêu ấy phải chua vào bên cạnh văn-khế bị tiêu, nếu việc tiêu ấy là do án xử thời lục-sự phải chua vào và nếu là do sự thỏa-thuận thời hai bên chua vào và phải cùng ký vào, rồi trình sự ấy cho người hương-chức kiêm thừa-phát-lại đề người nầy thị-thực đề ngày và ký tên đóng triện để cho sự lục-tống đúng thể-thức, nếu không, thời việc tiêu ấy đối với người đệ-tam là vô hiệu.

Khi có sổ bảo-tồn điền-trạch rồi thời việc tiêu sự bán bất-động-sản phải đăng-ký vào sổ ấy mới được viện ra để tranh-nại với người đệ-tam ; người đứng xin tiêu được xin quan chánh-án làm lệnh cho phép đăng-ký

trước việc xin ấy vào sổ bảo-tồn điền-trạch, việc đăng-ký trước ấy cũng được viện ra để tranh-nại với người đệ-tam.

TIẾT THỨ VII

Nói về sự bán-đợ hay mại-lai-thực bất-động-sản.

Điều thứ 1089. — Bất-động-sản có thể đem bán rồi chuộc lại được, việc bán ấy gọi là bán-đợ hay mại-lai-thục, theo điều-kiện định ở tiết nầy, chỉ điều-kiện ấy là điều-kiện hợp pháp mà thôi, chứ không như việc bán đi mua lại định ở trong luật Đại-pháp.

Quyền chuộc lại là một điều - khoản trong văn - khế định rằng người bán được lấy lại của bán mà hoàn nguyên giá cho người mua, theo thể-lệ định ở điều 1100 sau nầy.

Điều thứ 1090. — Thể-thức về việc bán-đợ bất-động-sản cũng giống như thể-thức về việc bán-đoạn bất-động-sản định ở điều 997 trên nầy, nếu không thời vô-hiệu, nhưng chỉ có khác là khi bán-đợ thời trong văn-khế phải biên rõ mấy chữ « bán-đợ » hay « mại-lai-thục » mà tục quen thường dùng.

Tuy nhiên, dù văn-khế có gọi là văn-khế bán-đợ hay mại-lai-thục hay trong lòng văn-khế có viết chữ « bán-đợ » hay « mai-lai-thục » như khi có tranh-tụng về tánh cách văn-khế ấy thời có thể chỉ coi như là một việc thế chấp bất-động-sản mà thôi ; đại để bán mà không đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch, hay là người bán vẫn còn trả thuế hoặc trong văn-khế có nói đến tiền lời, thời tòa-án có thể coi những sự ấy là bằng chứng rằng đấy là một việc thế-chấp bất-động-sản, chứ không phải là một việc bán-đợ.

Khi người bán đã bán rồi mà vẫn còn giữ của bán lại hay khi giá bán hạ thua thời-giá vật bán quá nhiều, hay khi có tình-trạng tỏ ra rằng người bán chỉ cần lấy số tiền hiện nhu mà thôi chứ không có ý muốn chuyển-dịch của bán đó thời cũng có thể coi là một việc thế-chấp, chứ không phải là một việc bán-đợ.

Điều thứ 1091. — Quyền chuộc lại không được ước-định đến quá hạn 10 năm.

Nếu định một thời hạn lâu hơn thời sẽ rút xuống 10 năm.

Hai bên có thể ước với nhau một hạn ngắn hơn. Nếu khế-ước không định hạn thời coi như là theo hạn 10 năm.

Điều thứ 1092. — Thời hạn đã định là nhất định, quan tòa cũng không gia thêm được.

Điều thứ 1093. — Thời hạn có hiệu-lực bắt đầu kể từ ngày người bán ký văn-khế bán, nhưng ngày ấy không tính vào thời hạn, thời hạn ấy đối với tất cả mọi người, cả người vị-thành-niên hay người bị cấm-quyền nữa, nhưng các người nầy có thể kiện lại các người có trách-nhiệm.

Điều thứ 1094 — Muốn trở thành nghiệp-chủ bất-động-sản bán đợ, thời khi đáo-hạn trong khế đã định hay luật định để chuộc lại, thời người mua phải nói với người bán làm giấy nói là không chuộc mà có viên-chức thị-thực.

Nếu không thỏa-thuận với nhau mà làm giấy bỏ quyền chuộc lại ấy, thời khi đáo-hạn rồi, người mua được xin tòa-án sơ-cấp nơi bất-động-sản ấy tọa-lạc công-nhận cho.

Tòa-án thọ lý đơn ấy sẽ mở phiên tòa trước công-chúng và đòi người bán đến hầu rồi công-nhận sự quá hạn ấy, và

truyền yết-thị bản sao án ấy ở tòa-án và ở đình làng sở-tại nơi bất-động-sản ấy trong hạn 3 tháng ; án ấy sẽ do lục-sự thi-hành và cấp giao cho người mua một bản sao mỗi tờ biên-bản yết-thị.

Người bán cùng các người thụ-quyền người ấy, nhất là các chủ-nợ được hạn một trăm ngày để thi-hành quyền chuộc lại, thời hạn ấy kể từ ngày làm biên-bản sau cùng về hai việc yết-thị nói trên nầy, nhưng ngày ấy không tính vào ; nếu người bán hay các người thụ-quyền người ấy để quá hạn một trăm ngày ấy mà không xin chuộc, thời người mua được lấy những bản sao các biên-bản yết-thị làm bằng-chứng để mình thành ra nghiệp-chủ cái bất-động-sản mà trước kia đã bán-đợ ấy.

Nếu người mua không làm các thể-thức đã nói trên nầy thời người bán cùng các người thụ quyền người ấy vẫn được quyền chuộc lại trong hạn 15 năm kể từ ngày sau ngày biên chép vào sổ bảo-tồn điền-trạch, bay nếu trong lúc bán chưa có sổ ấy, thời kể từ ngày sau ngày trước-bộ khế bán ấy.

Điều thứ 1095. — Hễ đã bán đợ cả toàn bộ bất-động-sản thời quyền chuộc lại cũng phải chuộc cả toàn bộ bất-động-sản ấy.

Điều thứ 1096. — Nếu người bán-đợ mệnh-một, để lại nhiều người thừa-kế, thời cái của đã bán đợ sẽ do những người thừa-kế ấy cùng chuộc nếu họ thuận-tình với nhau, hoặc do một người hay nhiều người trong những người thừa-kế ấy đứng chuộc, trong trường-hợp nầy thời những người thừa-kế đứng chuộc đó đối với những người thừa-kế khác là chỉ thế chân vào quyền-lợi người mua mà thôi.

Nếu người mua mệnh-một, để lại nhiều người thừa-kế thời người muốn chuộc sẽ báo cho người thừa-kế nào quản-trị của di-sản biết ý muốn của mình, trong

khi bất-động-sản bán đợ ấy còn chưa chia thời người thừa-kế ấy được quyền thay mặt các người thừa-kế khác mà nhận giá tiền chuộc và phát biên-nhận có giá-trị; khi chia rồi, thời người bán cứ đến người thừa-kế nào đã nhận phần của bán đợ ấy mà chuộc lại.

Điều thứ 1097. — Người bán có thể thi-hành quyền chuộc lại đối với người mua lại lần thứ nhì, dù trong văn-khế thứ hai nầy không nói rõ là bán-đợ cũng vậy.

Điều thứ 1098. — Trong thời hạn bán đợ, người mua được thi-hành tất cả các quyền-lợi của người bán và thường thường tất cả các quyền-lợi của người nghiệp-chủ chánh đáng, trừ các điều hạn chế do việc bán đợ sinh ra thời không kể.

Điều thứ 1099. — Khi chuộc lại trong thời hạn đã định, thời việc bán trước bị tiêu đi, việc di chuyển quyền nghiệp-chủ thuộc về việc bán ấy cũng tiêu.

Như vậy thời người bán coi như thủy-chung vẫn là nghiệp-chủ, và người mua thời coi như không từng có quyền nghiệp-chủ bao giờ; người bán lấy lại bất-động-sản của mình y nguyên như lúc bán và dù bất-động-sản ấy người mua đã bắt chịu phải gánh sự gì hay phải chịu vật quyền gì thời cũng mặc; tuy nhiên, người bán phải đợi những việc cho thuê không quá ba năm mà người mua đã do lòng ngay cho thuê, mãn hạn rồi, mới lấy lại được.

Còn những hoa-lợi do bất-động-sản sinh ra cho đến ngày chuộc thời về người mua được ăn. Hoa-lợi ấy coi như là để bù vào lợi-tức cái số tiền mua mà người bán đã nhận.

Điều thứ 1100. — Người bán muốn chuộc lại thời chỉ phải trả lại nguyên giá đã nhận mà thôi.

Tuy nhiên, nếu người mua có bồi bổ sữa sang một cách có ích làm cho bất-động-sản tăng giá-trị lên, thời người bán có thể bắt phải bồi hoàn cho người mua, nhưng chỉ phải bồi hoàn lại đến bằng số giá-trị tăng lên mà thôi, và nhiều nhất chỉ được một phần năm giá bán là cùng.

Điều thứ 1101. — Muốn thi-hành quyền chuộc lại ấy, thời trước khi đáo hạn một ngày, người bán đem nguyên giá đến cho người mua, nếu có tăng giá trị thời về sau sẽ tính số tiền tăng ấy.

Khi người mua đi vắng hay từ chối không nhận tiền chuộc thời người bán được xin hoặc với lý-trưởng hay phố-trưởng nơi trú-quán hay nơi của người mua hiện ở, hoặc với chánh hay phó tổng hoặc với hai người hương-chức làm biên-bản chứng-thực mình có đến xin chuộc lại mà người mua đi vắng hay từ chối không cho chuộc, và nếu muốn trình ngay tòa-án để xin chuộc thời càng hay.

Điều thứ 1102. — Khi đã trả nguyên giá cho người mua trong hạn do khế-ước hay luật định rồi thời người bán được quyền lấy ngay lại tài-sản của mình. Số tiền trả về việc bồi bổ sữa sang cho của bán được thêm giá-trị chỉ coi như là một món nợ thường mà thôi.

Khi nhận tiền xong thời người mua phải trả lại cho người bán khế bán và tất cả giấy má về quyền nghiệp-chủ mà người bán đã giao cho và phải phát biên nhận nữa. Tuy nhiên, khi nào người bán hiện có các giấy má nói trên nầy thời cũng đủ làm cho phỏng đoán rằng người bán đã trả tiền mà chuộc rồi, trừ khi có bằng cớ, trái lại thời không kể.

Chỗ nào có sổ bảo-tồn điền-trạch rồi thời người mua lại phải phát cho người bán một cái biên nhận có viên-

chức thị-thực hay giấy má gì khác cần để cải biên vào sổ ấy.

Điều thứ 1103. — Nếu trong khế-ước không định việc giao mùa-màng chưa thu-hoạch được thời người bán chuộc lại phải hoàn cho người mua các phí-tổn về công canh.

Những việc trồng trọt lâu dài, như trồng cau, dừa, cà-phê, vân vân... thời coi là những việc sữa sang cho của bán được thêm giá-trị.

TIẾT THỨ VIII

Nói về sự tiêu việc mua bán vì có thiệt-hại

Điều thứ 1104.— Nếu bán đoạn bất-động-sản mà giá bán không bằng một nữa giá thực, theo như thời giá ngày lập khế, thời người bán có thể kêu xin tiêu việc bán ấy đi, vì có thiệt thòi, dù trong khế-ước đã minh-tự rằng không xin tiêu hay không xin đòi gì về phần thặng giá mặc lòng.

Điều thứ 1105 — Đơn kêu xin phải đệ lên tòa-án nơi bất-động-sản tọa-lạc trong hạn hai năm kể từ ngày sau ngày bán, quá hạn thời không được chuẩn-chấp.

Hạn ấy trong khế-ước bán không thể tăng lên hay giảm đi được; đối với những người vô-tư-cách về đường pháp-luật và những người thất-tung đã có người thành-niên đã bán, thời hạn ấy cũng tính như vậy; nhưng những người ấy có thể kiện lại người bán.

Nếu là bán đợ thời thời-hạn chuộc và thời-hạn xin tiêu sẽ hợp tính với nhau.

Điều thứ 1106. — Bằng-chứng về sự thiệt-hại phải đúng với sự thực và phải đủ quan trọng cho có thể phỏng đoán là có thiệt-hại thật mới được tòa-án chuẩn-chấp.

Trong trường-hợp ấy, muốn chứng-minh về giá-trị bất-động-sản theo thời giá ngày bán, thời hoặc lấy văn-tự, hoặc dùng người làm chứng hay người giám-định làm bằng.

Điều thứ 1107. — Khi đơn xin tiêu được tòa-án chuẩn-chấp, thời người mua được tùy ý hoặc trả vật lại mà lấy nguyên giá về hoặc giử vật lại nhưng phải trả thêm tiền cho đúng giá.

Người mua lại cũng có quyền ấy ; người ấy lại có thể thưa cái người bán cho mình nữa.

Điều thứ 1108. — Nếu người mua muốn giử bất-động-sản lại mà trả thêm tiền cho đúng giá như đã nói ở điều trên, thời phải trả cả tiền lời về số thêm kể từ ngày có đơn kêu xin tiêu nữa.

Nếu người mua muốn trả vật bán mà nhận lại nguyên giá, thời phải trả hoa-lợi kể từ ngày có đơn kêu xin tiêu, nhưng tiền lời về nguyên giá ấy cũng phi-tổn việc bán mà người mua đã chịu thời nay được tính trừ vào hoa-lợi mà người mua phải trả lại ; người mua lại được giử của bán cho đến khi người bán trả xong các tiền phải trả.

Điều thứ 1109. — Người mua không khi nào được kêu xin tiêu việc mua bán vì cớ thiệt-hại.

Điều thứ 1110. — Đối với việc đấu giá phát-mại do ý muốn hay do tòa-án định, thời cũng không được xin tiêu vì cớ thiệt-hại, trừ khi có gian lậu, hay không làm quảng-cáo như luật đã định hoặc khi có làm ngăn trở sự tự do của việc đấu giá thời không kể.

Điều thứ 1111. — Thể-lệ định ở trong tiết trên nầy về khi người bán hay người mua có để lại người thừa-kế thời cũng được đem thi-hành về việc kiện xin tiêu vì cớ thiệt-hại.

TIẾT THỨ IX

Nói về sự đấu giá phát-mại

Điều thứ 1112. — Khi nào có một tài-sản chung không thể đem chia mà khỏi hư hao được hay khi nào trong một việc thuận chia tài-sản có một vài tài-sản mà không người nào có thể hay muốn nhận lấy, thời những người đồng-nghiệp-chủ được đem tài-sản ấy ra đấu-giá phát-mại với nhau, giá bán được ấy sau khi đã khấu trừ tiền phí-tổn về việc phát-mại rồi thời đem ra chia cho những người đồng-nghiệp-chủ tùy theo quyền-lợi của mỗi người.

Điều thứ 1113. — Tuy nhiên mỗi người đồng-nghiệp-chủ được quyền xin cho những người ngoài vào đấu-giá.

Khi có một người đồng-nghiệp-chủ vị-thành-niên hay bị cấm-quyền thời bao giờ cũng cần đấu-giá phát-mại mà có công-chứng dự vào.

Điều thứ 1114. — Người nào có tư-cách sử-dụng tài-sản mà muốn đem tài-sản của mình cho công-chứng đấu-giá để phát-mại, thời đều được xin tòa-án đem phát-mại như vậy.

Người giám-hộ có thể xin sự bán đấu-giá phát-mại ấy cho người vị-thành-niên mà mình giám-hộ sau khi đã xin phép theo thể-lệ đã định ở thiên nói về những người vô-tư-cách về đường pháp-luật.

Điều thứ 1115. — Tòa-án thọ-lý việc xin bán đấu-giá phát-mại rồi thời sau khi đòi hỏi người đương-sự và nếu xét ra việc ấy nên cho, thời làm án mà minh-tự vật đem bán là những thứ gì và bao nhiêu, điều-kiện quảng-cáo thế nào, bao giờ bán và bán ở đâu cho có lợi cho việc phát-mại, định giá tối-thiểu từng vật đem ra bán mà định cả trường-hợp về sự hạ giá cho có ích-lợi về người bán.

Điều thứ 1116. — Nếu khi những người bán đã đồng-ý cùng nhau về các điều-kiện thuộc về sự quảng-cáo và giá tiền đã đặt, thời tòa-án sau khi đã tùy theo tình-trạng mà chỉ-thị cho những người bán ấy biết những điều hợp lý rồi, sẽ y dùng điều-kiện ấy trong giới-hạn pháp-luật đã định.

Tuy nhiên, gặp khi bán tài-sản của người vị-thành-niên hay người bị cấm-quyền thời các điều-kiện mà những người đồng-nghiệp-chủ thành-niên hay người giám-hộ đã xin cũng phải bằng vào lời của những người giám-định và xét lại cho kỹ, trừ khi nào xét quả các điều-kiện ấy không làm thiệt-hại đến quyền-lợi của những người vị-thành-niên hay người bị cấm-quyền ấy thời thôi.

Sự đấu-giá, sự nhận tiền, sự trả tiền và sự chia tiền cho các người được hưởng đều làm theo thể-lệ đã định về các việc do tòa-án phát-mại để thi-hành những án xử về quyền-lợi tư-nhân.

CHƯƠNG THỨ III

Nói về sự đánh đổi

Điều thứ 1117. — Đánh đổi là một khế-ước lập ra do hai bên giao-phó hay hứa giao-phó lẫn nhau một vật nầy để đổi lấy vật kia.

Điều thứ 1118. — Nếu trong hai vật đổi lẫn cho nhau vật nọ kém giá vật kia thời có thể bồ bằng tiền hoặc bằng cách khác.

Tuy nhiên nếu số tiền phải bồ nhiều đến nỗi số bạc bồ quá cái giá của vật mình mang đổi cho bên kia, thời khế-ước đánh đổi cho là khế-ước mua bán.

Điều thứ 1119. — Hễ hai bên chủ đồng-ý với nhau là việc đánh đổi thành ; nhưng đối với khế bán một vài thứ tài-sản như bất-động-sản mà phải có thể-thức và điều-kiện riêng mới có giá-trị, thời trong khế-ước đánh đổi cũng phải có thể-thức và điều-kiện ấy, nếu không thời vô-hiệu.

Điều thứ 1120. — Hai bên đều phải đảm-bảo lẫn nhau đối với tất cả các sự quấy-nhiễu cùng sự truy-đoạt thuộc về các vật đã đổi hay hứa đổi cho nhau.

Nếu một bên không thu-nhận được các quyền-lợi bên kia đã hứa trao cho mình, thời có thể tùy-ý hoặc là đòi trả bằng giá tiền, hoặc xin tiêu khế-ước mà lấy lại tài-sản mình đã giao cho bên kia, có khi có thể bắt phải bồi tổn-hại nữa.

Điều thứ 1121. — Trong việc đánh đổi không được xin tiêu khế-ước vì cớ thiệt-hại.

Điều thứ 1122. — Vả lại các thể-lệ về việc mua bán cũng thi-hành cho việc đánh đổi.

CHƯƠNG THỨ IV

Nói về việc di-nhượng trái quyền

Điều thứ 1123. — Di-nhượng trái quyền là một hiệp-ước lập ra do người chủ-nợ tự ý giao-phó cho một người đệ-tam những quyền-lợi của mình đối với người mắc-nợ, di-nhượng hoặc có lấy tiền về hoặc không lấy tiền về.

Người chủ-nợ ấy gọi là người di-nhượng, người mắc-ấy gọi là người bị di-nhượng, người đệ-tam ấy gọi là người thụ-nhượng. Người nầy sẽ thành ra người chủ-nợ.

Điều thứ 1124. — Di-nhượng trái quyền không khi nào được làm cho tình-thế người mắc-nợ phải bị khó khăn thêm ; người mắc-nợ có thể đính-ước rằng nếu không có mình thuận-tịnh hay khi không làm theo điều-kiện đã định thời trái quyền không di-nhượng được.

Khi nào người chủ-nợ là người dân ta, và người mắc-nợ cũng là người dân ta, mà người chủ-nợ đem nhượng trái quyền đến nỗi vì quốc-tịch người thụ-nhượng mà làm cho người mắc-nợ bị nhượng phải chịu thêm tụng-phí làm theo luật tây (tụng-phí ấy là nhiều hơn tụng-phí làm theo luật ta), thời người mắc-nợ ấy được quyền đòi người chủ-nợ di-nhượng phải trả lại số tiền mà mình đã chịu nhiều thêm ấy và có khi lại được đòi tiền bồi tổn-hại nữa.

Điều thứ 1125. — Khi hai bên thuận-tịnh với nhau thời việc di-nhượng trái quyền là hoàn-toàn, nhưng người di-nhượng phải đưa cho người thụ-nhượng văn-khế món nợ đã di-nhượng ấy ; việc đưa ấy cũng như là giao-phó, và những thể-lệ về việc giao-phó cũng được đem thi-hành, nhất là những thể-lệ điều 1032 và các điều tiếp theo luật nầy.

Điều thứ 1126. — Khi nào đã theo thể-thức về việc tống-đạt án kiện mà làm giấy lục-tống và đăng-ký việc di-nhượng hay khi người bị di-nhượng đã làm giấy thuận-nhận mà có đăng-ký nên kể từ ngày đăng-ký ấy làm đầu, thời khi ấy sự nhượng-trái mới được viện ra để tranh-nại với người đệ-tam.

Điều thứ 1127. — Nếu trước khi người di-nhượng hay người thụ-nhượng chưa tống-đạt sự di-nhượng cho người mắc-nợ, mà người mắc-nợ đã trả nợ cho người di-nhượng rồi, thời thế là thoát nợ.

Tuy nhiên, nếu người di-nhượng đã nhận được số nợ bị di-nhượng rồi mà không trả cho người thụ-nhượng trong hạn tám ngày sau khi người thụ-nhượng ấy thúc-bách đòi, thời người di-nhượng có tình gian ấy sẽ bị phạt theo điều 366 luật hình đã định, và có khi phạt bồi tổn-hại nữa.

Điều thứ 1128. — Di-nhượng trái quyền là gồm cả các quyền phụ-thuộc, như là quyền bảo-lãnh, quyền cầm-cố hay quyền đề-đương, v. v....

Người chủ nợ nào không tuân theo thể-lệ chương nầy mà nhận cầm một bất-động-sản mà người mắc nợ chỉ có quyền tài chủ mà thôi, nên khi nào nợ đã trả xong thời hết quyền ấy, thời không được viện quyền mình mà tranh-nại với người nghiệp-chủ bất-động-sản trả nợ xong, nên đã lấy lại bất-động-sản của mình về.

Nếu người chủ nợ thứ nhất đem cầm lại bất-động-sản mình đã cầm, thời khi người cầm cho mình đã đem trả nợ rồi, mà mình không chiếu giá mà trả lại cho người chủ nợ của mình trong hạn tám ngày sau khi người chủ nợ nầy đã đòi, người chủ thứ nhất ấy, vì có lòng gian, nên sẽ bị phạt theo điều 366 luật-hình đã định, có khi phải bị bồi thường nữa.

Điều thứ 1129. — Người di-nhượng trái quyền có lấy tiền phải bảo-đảm cho người thụ-nhượng rằng trong lúc di-nhượng thực là mình có quyền ấy; điều khoản nào định trái lại là vô hiệu.

Điều thứ 1130. — Nếu người di-nhượng có cam đoan về tư lực của người mắc nợ, thời mới phải chịu trách-nhiệm, nhưng phải chịu ngang bằng số tiền mình đã thu được về trái quyền ấy mà thôi.

Điều thứ 1131. — Khi người di-nhượng có cam-đoan về tư lực của người mắc nợ, thời nên hiểu rằng chỉ cam-đoan là người mắc nợ có tư lực trong lúc ấy mà thôi, chứ không phải cam-đoan có tư lực cả về sau nầy nữa, trừ khi người di-nhượng có cam-đoan rõ như vậy thời không kể.

Điều thứ 1132. — Thể-lệ nầy không thi-hành trong việc di-nhượng các giấy tờ riêng, như là vô-danh-phiếu hay hối-phiếu thời theo luật và thể-lệ riêng.

CHƯƠNG THỨ V

Nói về khế-ước thuê-mướn

TIẾT THỨ I

Điều-khoản chung

Điều thứ 1133. — Có hai thứ khế-ước về việc thuê-mướn:

Cố-vật.

Dong-công.

Điều thứ 1134. — Khế-ước cố-vật là khế-ước do một bên cam-đoan để cho bên kia được hưởng-dụng một vật

trong một thời-hạn nào đó, và theo một giá tiền là bao nhiêu, giá ấy bên kia cam-đoan phải trả cho mình.

Điều thứ 1135. — Khế-ước dong-công là khế-ước do một bên cam-đoan phải làm việc gì cho bên kia, theo một giá tiền hai bên đã ước-định với nhau.

Điều thứ 1136. — Sự cho thuê tài-sản của các pháp-nhân-công phải theo thể-lệ riêng.

TIẾT THỨ II

Nói về khế-ước ố-vật

Điều thứ 1137. — Phàm động-sản, bất-động-sản, bất cứ thứ gì đều cho thuê được cả.

Mục thứ nhất. — *Thể-lệ chung về việc cho thuê nhà cửa cùng tài-sản ở thôn-quê*

Điều thứ 1138. — Sự cho thuê hoặc làm thành giấy hoặc chỉ nói miệng.

Khi niên hạn cho thuê quá ba năm, thời phải làm thành giấy.

Điều thứ 1139. — Khi nào cho thuê không có giấy, hễ một bên chối không nhận, thời bên kia có thể viện người làm chứng được, nhưng chỉ có thể chứng được sự cho thuê trong hạn dài nhất là ba năm mà thôi.

Điều thứ 1140. — Việc cho thuê nào ngoài hạn mười hai năm mà đã đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch (ở các nơi có sổ ấy) thời mới được viện ra để tranh-nại với người đệ-tam, trừ ra khi nào các người đệ-tam nầy là người có đứng giao-ước trong một khế tờ nên đã biết có việc cho thuê trong lúc ấy hay là người đệ-tam ấy chính là người được hưởng không quyền-lợi của người cho thuê ấy, ngoài ra trong hạn sáu tháng kể từ ngày

lập ra sổ bảo-tồn điền-trạch không thể viện cách bằng chứng gì khác được ; nếu không có các bằng chứng nói trên nầy, thời người thuê đối với người đệ-tam chỉ có các quyền đã nói ở tự điều 1177 đến điều 1182 sau nầy mà thôi, nhưng người thuê có khi được thừa người cho thuê bồi tổn-hại nữa.

Dù hạn thuê không đến 12 năm, các giấy tờ hay bản án chứng-nhận việc trả tiền trước hay việc di-nhượng trước một số tiền cho thuê hay cho lảnh-canh ngang hạn ba năm thời cũng phải đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch mới được viện ra để tranh-nại với người đệ-tam.

Điều thứ 1141. — Những sự cho thuê tài-sản của những người vô-tư-cách về đường pháp-luật đều là những việc quản-trị tài-sản, nhưng nếu cho thuê quá hạn sáu năm thời đối với các người vô-tư-cách ấy là vô-hiệu và chỉ buộc người đứng thuê mà thôi, trừ ra khi nào đã được phép cho thuê cũng như cách sử-dụng tài-sản đã nói ở thiên trên nầy về những người vô-tư-cách về đường pháp-luật, thời không kể.

Điều thứ 1142. — Giá cho thuê nhà hoặc cho thuê đất có thể định bằng tiền hay bằng sản-vật cũng được.

Điều thứ 1143. — Nếu không có điều-ước gì ngăn cấm, thời người đứng thuê có quyền được cho thuê lại một phần hay toàn phần vật mình đã thuê, hoặc chuyển nhượng khế thuê cho người khác.

Sự ngăn cấm ấy hoặc ngăn cấm tất cả, hoặc ngăn cấm một phần về tài-sản cho thuê.

Điều thứ 1144. — Phàm khế-ước thuê mướn thời người cho thuê phải bắt buộc mấy điều như sau nầy, trong ước không cần phải nói rõ :

1°) Phải giao vật thuê cho người đứng thuê ;

2·) Phải giữ gìn vật ấy để ứng-dụng được về việc cho thuê ;

3·) Phải làm cho người đứng thuê được an-hưởng vật ấy trong thời hạn cho thuê.

Điều thứ 1145. — Nếu vật cho thuê cứ hư hỏng thời người cho thuê phải sửa chữa chu tất rồi mới được giao.

Trong thời hạn thuê mà có cần phải chửa nữa, thời người cho thuê cũng phải chửa, trừ ra những việc sửa chửa cần thiết riêng về mục-đích sự thuê thời do người đứng thuê phải chịu lấy.

Điều thứ 1146. — Nếu cho thuê về điền-địa có gia-ốc hay không có gia-ốc mà diện-tích thực lại kém hay hơn diện-tích đã nói trong khế-ước, thời hoặc chỉ có thể tăng hay là giảm giá cho thuê, hoặc bải khế-ước trong những trường-hợp và thể-lệ đã định ở chương nói về « mải mại ».

Điều thứ 1147. — Vật cho thuê có ti-tích hay có khuyết-điểm gì, làm cho người thuê không hưởng-dụng được, thời người cho thuê phải đảm-bảo hết, dù lúc lập-ước mình không biết mặc lòng.

Nếu những ti-tích hay khuyết-điểm ấy có làm thiệt-hại cho người thuê, thời người cho thuê phải bồi thường.

Nhưng người cho thuê không chịu trách-nhiệm gì về ti-tích hay khuyết-điểm hiển-hiện mà người đứng thuê có thể biết trong lúc lập-ước.

Điều thứ 1148. — Người cho thuê không được làm gì giảm ích-lợi hay giảm sự trang-hoàng của những chỗ đã cho thuê ; nhất là không được thay đổi hình thức vật cho thuê trong thời-hạn thuê.

Điều thứ 1149. — Nếu trong thời-hạn thuê, vật cho thuê cần phải chửa ngay, không thể hoãn đến lúc mản-hạn thuê được, thời người đứng thuê phải để cho chửa, dù

có phiền nhiều thế nào, và dù trong khi chửa mình không được hưởng-dụng một phần vật thuê nữa, cũng mặc.

Nhưng nếu việc chửa đó lâu quá 40 ngày, thời chiếu theo thời-hạn và phần thuê không được hưởng-dụng, mà giảm bớt giá đi.

Nếu việc chửa quan-hệ đến nỗi cả chỗ ở của người đứng thuê cùng gia-quyến người ấy cũng không thể ở được, thời người đứng thuê có thể xin bải khế-ước thuê đi được.

Điều thứ 1150. — Người cho thuê không phải bảo-đảm người đứng thuê về các hành-hung của người đệ-tam làm phiền nhiều sự an-hưởng của người ấy, không phải vì dành quyền-lợi gì ở vật thuê, nhưng người đứng thuê được đứng tên mình mà kiện người đệ-tam về việc phiền nhiều ấy.

Điều thứ 1151 — Nếu người đứng thuê hay người lảnh-canh vì một việc kiện thuộc về quyền sở-hửu bất-động-sản, bị phiền nhiều đến sự hưởng-dụng của mình, thời người ấy có quyền được xin giảm giá thuê hay hoa-lợi, tùy theo sự thiệt-hại đó, miễn là đã từng báo-cáo cho người chủ biết về sự phiền nhiều hay ngăn trở đó.

Điều thứ 1152. — Nếu kẽ đã phạm sự hành-hung viện rằng có quyền gì về vật thuê, hay nếu người đứng thuê bị đòi ra tòa nghĩ xử bắt mình hoặc phải bỏ tất cả hay một phần vật thuê ấy, hoặc phải chịu cho ai thi-hành địa-dịch nào, thời người đứng thuê phải đòi người cho thuê ra đã bảo-đảm cho mình để quan tòa đòi ra dự-sự và nếu người đứng thuê yêu-cầu đứng ra ngoài việc kiện thời quan tòa sẽ chuẩn-y cho.

Điều thứ 1153 — Người đứng thuê phải thi-hành các nghĩa-vụ chính sau nầy :

1·) Phải dùng vật thuê theo mục-đích trong khế đã định, nếu không có khế thời theo mục-đích đã tùy tình-trạng mà phỏng-đoán ;

2·) Dùng vật ấy phải săn-sóc và giữ gìn cho cẩn-thận ;

3·) Phải trả tiền thuê đúng theo kỳ-hạn đã ước-định ;

4.) Hết hạn thời phải trả lại vật thuê.

Điều thứ 1154. — Những động-sản hay hoa-mầu của người đứng thuê có ở trên đất thuê là vật đảm-bảo cho người cho thuê về giá tiền thuê nhà trong sáu tháng cuối cùng hay về giá tiền thuê đất trong hai năm cuối cùng (tháng hay năm hiện lưu-hành cũng tính vào trong hạn ấy), vậy sau khi tịch-biên phát-mãi tài-sản ấy thời trong lúc phân phát giá tiền, người cho thuê được quyền ưu-tiên đối với các người chủ-nợ khác, sau khi đã trả án-phí và tiền công của các người làm công, người thợ hay đầy-tớ theo thứ-tự và giới-hạn luật định xong rồi.

Điều thứ 1155. — Những động-sản mà người đứng thuê lại có ở trên đất thuê chỉ được đảm-bảo tiền thuê theo cách thức định ở điều trên tới ngang với giá tiền thuê lại mà thôi, nhưng khi người đứng thuê lại đã theo khế cho thuê lại hay theo tục-lệ trong xứ mà trả trước tiền thuê lại cho người đứng thuê chính rồi, thời khi ấy mới được viện ra mà tranh-nại với người cho thuê.

Những động-sản mà người thụ-nhượng có ở trên đất thuê cũng đảm-bảo theo cách thức ở điều trên nầy cho người cho thuê về tất cả giá tiền thuê chính, dù người thụ-nhượng đã trả trước cho người di-nhượng tiền thuê nhà hay tiền thuê đất rồi cũng không được viện ra để đối-nại với người cho thuê.

Người di-nhượng không được quyền ưu-tiên gì về sự đảm-bảo số tiền cho thuê nhiều lên mà người ấy là chủ-nợ.

Điều thứ 1156. — Hoặc về trường-hợp cho thuê lại, hoặc về trường-hợp di-nhượng sự thuê, người cho thuê vẫn có thể xin quan tòa xử bắt người đứng thuê lại hay thụ-nhượng trả tiền thuê nhà hay tiền thuê đất mà các người ấy thiếu, nhưng người ấy lại có quyền đòi người đứng thuê chính ra dự sự.

Người đứng thuê chính ấy riêng mình phải chịu tất cả nghĩa-vụ do khế-ước cho thuê sinh ra đối với người cho thuê nếu người nầy không nói rõ là người đứng thuê chính được miễn.

Điều thứ 1157. — Nếu người đứng thuê dùng vật thuê về một việc khác không phải việc đã định, hay là dùng ra việc gì đến nỗi làm thiệt-hại cho người cho thuê, thời người cho thuê có thể tùy tình-trạng xin bải khế-ước cho thuê đi, và có khi lại được xin bồi tổn-hại nữa.

Điều thứ 1158. — Nếu người cho thuê và người đứng thuê đã lập một bản kê hiện-trạng, thời người thuê phải giao trả vật thuê như lúc đã nhận, đúng y như bản kê hiện-trạng đó, trừ những thứ đã hao-tổn hay hư-hại vì cớ quá củ hay vì gặp tình-thế gì mà sức người không chống lại được thời thôi.

Điều thứ 1159. — Nếu không có giấy kê hiện-trạng, thời cho như là bất-động-sản lúc cho thuê vẫn được tốt và người thuê phải giao trả lại y như thế, trừ ra có bằng-chứng khác thời không kể.

Điều thứ 1160. — Người đứng thuê có thể tùy tiện xây-dựng hay trồng-trọt ở trên bất-động-sản thuê được, miễn là không được thay đổi những nhà cửa hay cây cối hiện tại mà không được người chủ cho thuê cho phép rõ ràng. Khi mản-hạn thuê, nếu có thể lại để nguyên được như củ, thời những kiến-trúc cùng cây cối của người đứng thuê đặt ra sau đó, có thể lấy đem đi được.

Điều thứ 1161. — Người đứng thuê phải chịu trách-nhiệm về mọi sự hư hỏng và mất mát đã xảy ra trong khi mình đứng thuê hoặc trong khi mình cho người khác thuê lại, hay nhường cho người khác thuê, trừ ra khi có bằng chứng rằng không phải tại lỗi mình cùng lỗi người thuê lại hay người mình nhường cho họ thuê, thời không kể.

Điều thứ 1162. — Người đứng thuê phải chịu trách-nhiệm về sự hỏa-hoạn, trừ ra khi có chứng cớ rằng hỏa-hoạn sinh ra bởi sự ngẫu-nhiên, hay vì gặp tình-thế gì sức người không chống lại được, hay tại sự kiến-trúc có khuyết-điểm, hay tại lửa ở nhà láng-giềng lan sang thời không kể.

Điều thứ 1163. — Nếu trong một nhà mà có nhiều người thuê, mỗi người một phần riêng hẳn, thời tất cả mọi người thuê đều phải tùy theo giá thuê về phần mình mà chịu trách-nhiệm về hỏa-hoạn; trừ ra khi những người thuê có chứng cớ rằng lửa phát sinh tại chỗ ở một người thuê nào đó, thời chỉ người sau ấy phải chịu trách-nhiệm mà thôi; hay là trong những người thuê có một vài người có bằng chứng rằng lửa không thể phát sinh ra ở nơi mình được, thời những người ấy không phải chịu trách-nhiệm.

Điều thứ 1164. — Khi người chủ nhà ở một phần cái nhà chứ không phải chỉ giữ chìa-khóa một cái phòng trống nhà để cho thuê, muốn viện thể-lệ điều trên đối với các chủ thuê phần khác trong nhà thời phải tỏ ra bằng chứng rằng lửa không phát sinh ở phần của mình ở.

Điều thứ 1165. — Người đứng thuê phải chịu trách-nhiệm về những sự hư hỏng hay mất mát do người nhà mình hay là do người nhà người thuê lại làm ra.

Điều thứ 1166. — Người đứng thuê phải làm những sự

tu-bổ thường theo như tục-lệ ở nơi thuê, trừ ra khi vì cớ quá cũ hay vì tình-thế gì sức người không chống lại được mà phải chửa thời không kể.

Những sự tu-bổ thường như sửa chưn tường hay bức ngăn hai phòng hay ngăn những chỗ ở khác đến ngang một thước bề cao mà thôi và những việc quét vôi lại, những việc tu-bổ vặt ở nền nhà, ở cửa, cửa sổ, vân để ngăn hay để đóng cửa nhà hàng.

Điều thứ 1167. — Người thuê phải trả tiền thuê hay hoa-lợi đúng như hạn đã định ở khế-ước thuê; nếu không có định hạn thời phải theo như tục-lệ nơi đó. Khi hồ nghi thời giá thuê và hoa-lợi cứ hết hạn mới phải trả, chứ không phải trả trước.

Điều thứ 1168 — Tiền thuê và hoa-lợi đều là tiền phải đi thu, nghĩa là người cho thuê sẽ đến chỗ ở người thuê mà thu, nếu không có ước-định hay tục-lệ trong xứ định khác.

Điều thứ 1169.— Thuế điền-thổ thời người cho thuê phải nộp, trừ ra khi có khoán-ước định trái lại thời không kể.

Điều thứ 1170. — Nếu không có tục-lệ rõ ràng định khác, thời sự cho thuê không làm ra giấy má nên coi là cho thuê từng hạn, hoặc là hạn một tháng nếu tiền thuê trả từng tháng, nhưng hạn cho thuê ruộng đất ở thôn-quê thời coi là một năm, dù hoa-lợi trả nhiều lần trong một năm cũng vậy.

Điều thứ 1171. — Nếu thuê không làm giấy, thời bên nào muốn thôi, phải báo cho bên kia biết trước theo như thời-hạn mà tục-lệ trong xứ đã định về sự báo trước.

Nếu không có tục-lệ rõ ràng thời thuộc về bất-động-sản dùng về việc riêng hạn ấy là một tháng, thuộc về bất-động-sản dùng về thương-mại hay là kỷ-nghệ thời

hạn ấy là ba tháng, thuộc về ruộng đất ở thôn-quê thời hạn ấy là sáu tháng.

Thời-hạn ấy bắt đầu kể từ ngày đầu tháng tiếp theo cái tháng mà người đứng thuê đã báo trước.

Thuộc về ruộng đất ở thôn-quê thời hạn ấy bắt đầu kể từ ngày đầu của sáu tháng trước khi mản-hạn năm thuê.

Trong hai trường-hợp nói trên nầy, ngày đầu tháng của thời hạn là ngang với ngày đã làm ra khế-ước cho thuê.

Điều thứ 1172. — Khi thuê có làm giấy, thời đến cuối hạn đã định tự-nhiên là hết hạn, không cần phải báo trước cho dọn đi.

Điều thứ 1173.— Nếu thuê có làm giấy, mà đến khi hết hạn, người đứng thuê cứ ở, người cho thuê cũng cứ để cho ở, thời tức là tự-nhiên tái-tục một khế-ước thuê mới mà điều-kiện giống như điều-kiện khế-ước thuê củ, nhưng thuộc về thời-hạn thời theo thời-hạn của khế-ước không làm giấy ;

Trong trường-hợp tự-nhiên tái-tục khế-ước thuê mới, người đứng thuê muốn thôi thời phải báo trước theo tục-lệ đã định, và người cho thuê cũng phải báo trước trong hạn ấy mới được bắt người đứng thuê dọn đi.

Điều thứ 1174. — Khi đã có giấy báo phân minh trước khi mản-hạn, thời người đứng thuê tuy vẫn cứ ở, nhưng không được viện lẻ tự-nhiên tái-tục.

Điều thứ 1175. — Trong trường-hợp nói ở hai điều trên nầy, sự bão-lãnh cho khế thuê không còn chịu nghĩa-vụ về việc tái-tục nữa.

Điều thứ 1176. — Khế-ước thuê không bị tiêu bải vì cớ người cho thuê chết ; khi người đứng thuê chết, thời

người thừa-kế của người đứng thuê ấy có thể xin tiêu bải khế-ước thuê nếu không có điều khoản định trái lại. Những người thừa-kế ấy nếu muốn xin tiêu-bải thời cũng phải tuân theo cách-thức và hạn-định về việc thuê không làm giấy mới có thể thôi được.

Điều thứ 1177. — Nếu người cho thuê bán vật cho thuê mà người đứng thuê hiện có khế-ước có viên-chức thị-thực, hoặc trong khế-ước có ngày tháng đích xác, thời người mua không thể đuổi đi được, trừ ra khi nào trong tờ khế-ước cho thuê đã nói rõ ràng gặp khi có bán thời việc thuê phải tiêu đi, như vậy thời không kể, và trừ ra những điều đã định ở điều 1140 trên nầy về sự cho thuê trên 12 năm.

Điều thứ 1178. — Nếu lúc lập khế-ước thuê đã định với nhau rằng khi nào đem bán tài-vật cho thuê, người mua có thể đuổi người đứng thuê, nhưng trong khế-ước không định gì về sự bồi-thường tổn-hại, thời người cho thuê buộc phải cấp tiền cho người đứng thuê.

Điều thứ 1179. — Nếu là một cái nhà, một chỗ ở hay một cửa hàng, thời đối với người đứng thuê bị đuổi, người cho thuê phải bồi tổn-hại bằng một số tiền ngang với giá thuê trong thời-kỳ theo tục-lệ sở-tại người thuê được phép ở lại từ khi có lời báo cho đến khi phải dọn đi.

Điều thứ 1180. — Nếu là ruộng đất ở thôn-quê thời người cho thuê phải đền cho người thuê một số tiền ngang với một phần ba giá thuê trong thời-hạn còn lại.

Điều thứ 1181. — Nếu là một xưởng chế-tạo, xưởng máy hay một sở nào khác cần phải bỏ vốn to ra, thời số tiền bồi tổn-hại sẽ do người giám-định ước-tính; nếu là những sở kỹ-nghệ hay thương-mại, những kho cất hàng hóa mà người đứng thuê đã xuất tiền tu-bổ mà có thể lợi cho người cho thuê, cũng thế.

Điều thứ 1182. — Khi nào người đứng thuê đã được bồi tổn-hại như đã nói ở bốn điều trên nầy rồi, thời mới bị buộc phải dọn đi.

Điều thứ 1183. — Người mua muốn thi-hành cái quyền đã nói ở trong khế-ước thuê rằng khi nào bán cái vật cho thuê thời được buộc người đứng thuê phải dời đi nơi khác, thời phải báo trước như điều 1171 trên nầy đã định, trừ ra khi trong khế-ước cho thuê có định điều-khoản gì lợi cho người đứng thuê thời không kể.

Điều thứ 1184.— Người mua đợ mà chưa thành nghiệp-chủ nhất định, vì chưa hết hạn chuộc, thời không có quyền được buộc người đứng thuê phải dời đi nơi khác.

Điều thứ 1185. — Khi người cho thuê bị mất quyền nghiệp-chủ về vật cho thuê, thời khế-ước cho thuê đình thi-hành. Nếu có tình-trạng gì tỏ ra rằng người cho thuê mất quyền nghiệp-chủ đó nguyên vì lòng ngay nên tưởng rằng mình có quyền cho thuê, thời khi ấy người đứng thuê không được bồi thường gì, nhưng cái người tranh được quyền nghiệp-chủ ấy phải theo thể-lệ định ở điều 1171 trên nầy mà báo trước trong hạn đã định cho người thuê biết mới được buộc người ấy dời đi chỗ khác.

Điều thứ 1186. — Nếu trong thời-hạn thuê mà vì cớ ngẫu-nhiên làm cho vật thuê bị hủy-hoại tất cả, thời khế-ước tự-nhiên bị bải; nếu chỉ bị hủy-hoại một phần mà thôi, thời người thuê hoặc xin giảm giá thuê, hoặc xin bải khế-ước thuê.

Trong hai trường-hợp ấy, không phải bồi thường gì và tiền thuê đã trả trước cũng không đòi lại được.

Điều thứ 1187. — Người cho thuê không thể tiêu bải khế-ước được dù để tự mình dùng vật cho thuê cũng vậy, trừ khi nào ở trong khế-ước cho thuê đã để dành

quyền ấy lại thời không kể, và lại phải theo tục-lệ hay theo thể-lệ điều 1171 trên nầy mà báo trước cho người thuê biết, mới được.

Điều thứ 1188. — Khi vật cho thuê mất đi hay khi người cho thuê hay người đứng thuê không giữ lời cam-đoan thời khế-ước bị tiêu bải.

Sự tiêu bải ấy có thể làm cho bên nào có lỗi phải bị bồi tổn-hại.

Điều thứ 1189. — Các khoản-phí về văn-khế cùng các khoản phụ phí khác, thời thuộc về phần người đứng thuê phải chịu, trừ khi có tục-lệ rõ ràng hay ước-định khác thời không kể.

Mục thứ 2. — *Thể-lệ riêng về khế-ước thuê ruộng đất ở thôn-quê*

Điều thứ 1190. — Nếu có những sự xâm chiếm phạm đến tài-sản thuê, thời người đứng thuê phải báo cho người chủ biết, không thời phải bồi tổn-hại.

Phải báo trong hạn ba mươi ngày, không kể sự gia-hạn vì lộ-trình đã định về việc đến hầu ở tòa-án, nếu không thời phải bồi tổn-hại.

Điều thứ 1191. — Nếu người đứng thuê ruộng đất ở thôn-quê bỏ không cày-cấy trồng-trọt, hoặc cày-cấy không được châu-đáo, hoặc dùng ruộng đất thuê vào việc khác, hay đại để không thi-hành các khoản-ước mà làm thiệt-hại cho người cho thuê, thời người nầy có thể tùy tình-trạng xin bải khế-ước đi được, và người đứng thuê có lỗi ấy lại phải bồi tổn-hại nữa.

Điều thứ 1192. — Giá thuê ruộng đất dù định bằng tiền bạc, dù định bằng sản-vật, không khi nào được quá nửa số hoa-lợi mà người lãnh-canh có thể thường thâu được.

Tuy nhiên, nếu người cho thuê phải nộp tiền về sự dẫn-thủy thời người ấy có thể bắt người thuê phải trả tiền ấy đến một nửa là cùng.

Khi giá tiền thuê quá cái số đã định ở trên nầy đến hơn một phần mười, thời tòa-án được tự giảm xuống ngang với giá nửa hoa-lợi, và nếu người thuê đã trả nhiều quá số phải trả rồi, thời được người cho thuê đền lại và được lấy lời cái số tiền đã trả dư ấy kể tự ngày trả.

Về những việc cho thuê, đến lúc ban-bố luật nầy mà chưa hết hạn, thời sự giảm ấy bắt đầu thi-hành về năm thuê lại sau.

Điều thứ 1193. — Những lời ước-định nào mục-đích để tránh một cách trực-tiếp hay gián-tiếp những thể-lệ điều trên nầy đều là vô-hiệu.

Khi nào trái thể-lệ trên nầy, tòa-án sẽ tùy tình-trạng mà định rằng trong một thời-hạn là bao nhiêu đó người chủ đất không được bắt người thuê dời đi nơi khác.

Điều thứ 1194. — Khi nào vì sự ngẫu-nhiên mà hoa-lợi bị mất tất cả hay từ một nữa trở lên, thời người thuê có thể xin giảm bớt giá tiền thuê cho vừa phải.

Về việc định sự giảm giá ấy, quan tòa sẽ phân số bị mất ấy ra người cho thuê chịu hai phần ba, và người thuê một phần ba.

Điều thứ 1195. — Khế-ước có thể minh định rằng người thuê phải gánh toàn-phần hay một phần số thiệt-hại về cớ ngẫu-nhiên, nhưng trong trường-hợp ấy, giá tiền thuê như đã định ở điều 1192 trên nầy sẽ được giảm đi một số vừa phải để đền bù sự rủi ro có thể xẩy tới mà người thuê hứa chịu trách-nhiệm, nếu không thời điều-khoản của khế-ước sẽ thành vô-hiệu như đã định ở điều 1193 trên nầy.

Điều thứ 1196. — Dù sau khi mản-hạn thuê rồi, người thuê thôi không làm nữa cũng có quyền đến gặt hoa-mầu mà y đã theo tục-lệ mà trồng từ trước khi chưa hết hạn mà chưa chín kịp.

Điều thứ 1197. — Người thuê thôi không làm nữa phải để lại cho người tiếp-canh những chỗ ở hẳn hoi và các đồ cần-dùng khác có thể giúp cho người tiếp-canh ấy làm công việc được dễ dàng về năm sau.

Đối lại người tiếp-canh dọn đến phải để lại cho người dọn đi các chỗ ở hẳn hoi và các đồ cần-dùng khác có thể giúp cho người dọn đi ấy gặt hoa-mầu còn lại được dễ dàng.

Điều thứ 1198. — Người thuê nếu khi mới đến có nhận rơm rạ và phân tro thời lúc thôi không làm nữa cũng phải để lại.

Điều thứ 1199. — Khi người nghiệp-chủ hay người chấp-hửu một sở ruộng đất nào cho một người nông-nhận canh-tác sở ruộng đất ấy để chia hoa-lợi, thời khế-ước ấy gọi là khế-ước lãnh-canh, và người đứng cày gọi là người lãnh-canh.

Điều thứ 1200. — Phần hoa-lợi chia cho người chủ và người lãnh-canh thời do khế-ước định, nếu không có khế-ước thời theo tục-lệ trong xứ, và nếu không có tục-lệ rỏ ràng, thời phần ấy là một nữa.

Tuy nhiên, trong lúc phần của người chủ theo khế-ước hay theo tục-lệ hơn nữa phần hoa-lợi, thời phần ấy sẽ bị giảm xuống cho ngang nữa phần.

Nếu không có tục-lệ rõ ràng định khác, thời người chủ ít nữa lại phải chịu cấp một phần nữa hạt giống.

Nhưng người lãnh-canh có thể phải chịu trả nhiều nhất là nữa phần tiền lệ về sự dẫn-thủy cùng nữa phần tiền phân đã mua dùng.

Điều thứ 1201. — Khi nào người chủ giao cho người lãnh-canh nhận các súc-vật thuộc về tài-sản ấy, thời người lãnh-canh được một nữa số súc-vật sinh thêm ra, và phải chịu một nữa số súc-vật chết mất đi.

Người lãnh-canh phải săn sóc và dùng súc-vật ấy như của mình.

Người lãnh-canh phải chịu toàn giá con vật bị chết hay là mất vì lỗi mình hay vì người chăm coi sơ suất, nhưng người chủ phải viện lỗi của người lãnh-canh ra.

Trĩ giá tiền súc-vật trong khế-ước lãnh-canh mục-đích là chỉ để định việc lỗ hay lời khi mản-hạn thuê.

Khi nào súc-vật sinh-sản thêm đã đem bồ vào những con chết hay những con không làm việc được nữa xong rồi mà còn dư lại, thời khi ấy người chủ và người lãnh-canh mới có thể xin chia số súc-vật còn dư lại ấy.

Nếu khi nào có điều-khoản gì lợi hơn cho người lãnh-canh thời các điều trên nầy mới thi-hành.

Điều thứ 1202. — Khế-ước nào có ý giảm một cách gián-tiếp hay trực-tiếp phần hoa-lợi nên chia cho người lãnh-canh đã định ở hai điều trên nầy thời đều là vô-hiệu ; khi nào trái thể-lệ trên nầy thời tòa-án sẽ truyền người chủ phải trả lại cho người lãnh-canh số hoa-lợi mà y đã phù-thu có cả tiền lời tính theo luật định nửa, và sẽ tùy tình-trạng mà định thời-hạn người chủ chưa được đuổi người lãnh-canh đi nửa.

Điều thứ 1203. — Trong khế-ước lãnh-canh người chủ được quản-đốc đại-cương các công việc, hoặc về cách trồng-trọt, hoặc về sự mua bán trâu bò.

Giới hạn sự thi-hành quyền ấy sẽ do khế-ước định, nếu không thời theo tục-lệ trong xứ.

Nếu không có khế-ước hay tục-lệ định rõ ràng, thời khi nào người chủ có đảm-bảo trả tiền công, thời khi ấy

mới được buộc người lãnh-canh trồng-trọt thứ mới. Người chủ không thể buộc người lãnh-canh phải dùng súc-vật nhiều quá số súc-vật y mới lãnh-canh hay là cái số súc-vật đã định trong khế-ước; khi có một con súc-vật thừa ra mà người lãnh-canh muốn bán thời người chủ không thể ngăn trở được, chỉ được bảo bán con nào ích-lợi kém mà thôi; khi người lãnh-canh và người chủ bất đồng ý về giá bán một con súc-vật, thời một người trong hai người ấy được phép trả theo giá ấy mà nhận con súc-vật đó với giá ấy; khi người chủ và người lãnh-canh tương tranh để lấy lại con súc-vật mà đã định bán rồi, thời người chủ được quyền ưu-tiên trả giá tiền định bán ấy mà lấy lại con súc-vật đó.

Điều thứ 1204. — Việc người chủ chết đi không phải là một cớ để tiêu bỏ khế-ước lãnh-canh được; trái lại nếu không có tục-lệ rõ ràng hay có ước-định cùng nhau khác thời việc người lãnh-canh chết đi là một cớ để tiêu bỏ khế-ước lãnh-canh.

Trong trường-hợp tiêu khế-ước, những người thừa-kế của người lãnh-canh chết đi được hưởng lợi lãnh-canh cho đến hết năm trồng-trọt, dù có điều-khoản hay tục-lệ định trái lại cũng vậy.

Điều thứ 1205. — Nếu không có người chủ cho phép thời người lãnh-canh không được cho thuê lại toàn phần hoặc một phần cái đất ruộng mình đã thuê, hay là di-nhượng quyền thuê cho người khác.

Điều thứ 1206. — Trong hai người chủ và người lãnh-canh người nào cũng có thể đòi tính tiền từng năm về việc canh-tác.

Điều thứ 1207. — Đến kỳ mản hạn lãnh-canh, người lãnh-canh có quyền-lợi và chịu nghĩa-vụ như đã nói ở

điều 1196, 1197 và 1198 trên nầy đã định về người cố-canh.

Điều thứ 1208. — Những sự hạn-chế định ở các điều 1192, 1193, 1200, 1201 và 1202 trên nầy không đem thi-hành đối với các việc cố canh hay lãnh-canh những ruộng đất có những cây cối mà sự sinh sản ra hoa-lợi nhiều là để bồ về phí-tổn công việc trồng-trọt như đất trồng dừa, trồng cà-phê, vân vân.

Điều thứ 1209. — Người chủ đất hay là người cố-canh hoặc lãnh-canh trong hạn một năm kể từ ngày mản hạn cố-canh hay lãnh-canh phải thưa xin thanh-toán về việc cố-canh hay lãnh-canh ấy thuộc về sự trả tiền cấp hay là tiền thuê, nếu khi mản-hạn ấy hai bên không thỏa-thuận mà tính với nhau. Nếu quá hạn một năm ấy thời không thưa được nửa.

Kỳ hạn ấy không đem thi-hành về việc đòi trả số tiền thiếu hay dư mà lúc người chủ đất hay người cố-canh hoặc lãnh-canh đã làm giấy tính với nhau khi mản-hạn thuê.

Mục thứ 3. — *Sự thuê động-sản*

Điều thứ 1210 — Sự thuê động-sản cũng theo một nguyên-tắc như sự thuê bất-động-sản.

Điều thứ 1211. — Phàm thuê động-sản mà không làm ra văn-tự thời chỉ được dùng nhân-chứng để làm chứng sự cho thuê trong hạn một năm là cùng.

Điều thứ 1212. — Những người thuê súc-vật để kéo xe, để cỡi, để tãi đồ, hay để cày bừa thời phải săn sóc súc-vật ấy và dùng cho cẩn-thận ; những người ấy phải chịu trách-nhiệm về những sự mất xảy ra trong khi mình thuê, trừ ra khi có chứng cớ rằng nguyên-nhân sự mất đó vẫn có từ lúc trước khi thuê, hay nếu súc-

vật ấy dù người chủ cứ nuôi cũng không khỏi mất được, trừ khi nào có khoán-ước hay tục-lệ trái lại thời không kể.

Điều thứ 1213. — Người thuê các thứ ghe thuyền phải chăm nom giữ gìn cho tốt và phải chịu trách-nhiệm về các sự mất hay chìm đắm theo như cách-thức định ở điều trên về súc-vật.

Điều thứ 1214. — Người thuê khí-cụ về việc canh-nông công-nghệ hay vận-tải cũng phải chịu trách-nhiệm về sự hư-hại và mất mát theo như cách-thức trên. Phải giữ gìn đồ vật thuê cho được tốt luôn.

Điều thứ 1215. — Tuy nhiên, người thuê động-sản không chịu trách-nhiệm gì về sự tổn-thất vì lẽ dùng lâu mà hư mòn hay vì lẽ lâu ngày mà mục nát.

TIẾT THỨ III

Nói về khế-ước thuê nhân-công và thuê công-nghệ

Điều thứ 1216. — Khế-ước làm công là khế-ước do một người cam-đoan làm việc cho một người khác theo một giá tiền tính theo thời giờ làm việc gọi là tiền công hay tiền lương.

Khế-ước thuê công-nghệ là khế-ước do một người nhận làm một công việc gì nhất định cho người khác theo một giá tiền tính theo sự quan trọng và tánh-cách của công việc ấy.

Mục thứ nhất. — *Nói về sự làm cộng*

Điều thứ 1217. — Phàm người làm thuê chỉ có thể cho thuê công việc trong một thời-hạn hay để làm một việc gì đã định rõ.

Điều thứ 1218. — Thời-hạn làm việc thời định trong khế-ước, hay theo tục-lệ trong xứ.

Nếu không, thời thời-hạn ấy coi là hàng ngày hàng tháng hay hàng năm tùy theo tiền lương hay tiền công tính từng ngày, từng tháng hay từng năm.

Điều thứ 1219. — Khi nào ước-định thuê suốt đời, thời khế-ước thuê ấy chiếu luật là vô-hiệu.

Khi nào ước-định thuê quá ba năm, thời người làm thuê có thể đòi người đứng thuê phải cho mình về, sau khi đã làm việc được ba năm rồi ; nhưng người làm thuê phải nói trước ba tháng với người chủ rằng mình muốn thôi không làm nữa.

Điều thứ 1220. — Phàm làm thuê thời chỉ có thể cho thuê công việc riêng của mình mà thôi, trừ khi đả nói ở thiên về quyền gia-trưởng thời không kể.

Điều thứ 1221. — Sự thuê công việc mà không định kỳ-hạn, thời mỗi bên bao giờ cũng có thể tự ý mình bãi đi được.

Điều thứ 1222. — Tuy nhiên, bên nào tự ý bãi khế-ước, thời phải bồi tổn-hại những khi như sau nầy :

1°) Khi sự bãi ấy trái với một khoản-ước công-nhiên hay mặc-nhiên bắt buộc trước khi bãi phải theo những thể-lệ nào mà không theo ;

2°) Khi sự bãi trái với thời-hạn báo trước ;

3°) Khi sự bãi ấy quá hạn.

Điều thứ 1223. — Thời-hạn báo trước thời định trong khế-ước hay theo tục-lệ trong xứ.

Điều thứ 1224. — Nếu không có khế-ước và tục-lệ hay thể-lệ định rằng cần phải báo trước rồi mới thôi được, thời mỗi bên có thể bãi khế-ước ngay tức khắc mà không cần phải báo trước, cũng không vì đó mà phải bồi tổn-hại gì.

Điều thứ 1225. — Tiền bồi tổn-hại vì không tuân hạn báo trước không lẫn với tiền bồi tổn-hại vì một bên tự ý bãi khế-ước quá lạm ; dù gặp trường-hợp như đã nói ở điều trên nầy, sự bãi khế-ước quá lạm cũng có thể bị bồi tổn-hại.

Điều thứ 1226. — Muốn biết có sự bãi khế-ước quá lạm hay không, tòa-án có thể điều-tra về tình-trạng bãi bỏ và bản-án khi nào cũng biên rõ duyên-cớ của bên nào đã viện ra để bãi bỏ ấy.

Điều thứ 1227. — Nhưng người lập-ước không được từ chối trước cái quyền được xin bồi tổn-hại sau nầy vì sự bãi khế-ước làm công một cách quá lạm.

Điều thứ 1228. — Bên nào bãi ước không tuân hạn báo trước mà phải bồi tiền hay bãi ước quá lạm mà phải bồi tiền, thời những số tiền bồi đó sẽ do tòa-án định, tòa-án sẽ xét nghề nghiệp của hai bên, sự khó khăn trong việc lập-ước mới và những duyên cớ sự thiệt-hại, dù có thiệt-hại về tinh-thần cũng vậy mà do tình-trạng gây nên.

Điều thứ 1229. — Khi bên nọ phạm một lỗi nặng đối với bên kia, thời bên kia có thể bãi khế-ước ngay tức khắc được, không cần phải tuân hạn báo trước gì cả.

Điều thứ 1230. — Khế-ước làm công có định hạn, hễ đến hạn thời hết làm, không phải theo thể-thức gì; nếu đến hạn rồi, tuy không lập-ước lại nhưng còn làm việc thời coi là hai bên đã mặc-nhiên lập lại ước mới, trừ khi nào có bằng cớ trái lại thời không kể.

Tuy nhiên, nếu khế-ước đã đáo hạn ấy nguyên-lập trên hạn một năm, thời sự mặc-nhiên lập-ước mới chỉ phỏng-đoán là một năm mà thôi.

Điều thứ 1231. — Khế-ước làm công có định hạn, thời cũng có thể thôi trước hạn ấy được, hoặc tại bãi khế-ước vì lẽ một bên không tuân-hành nghĩa-vụ, hoặc tại một duyên-cớ do bên nọ hay bên kia mà xét ra chánh-đáng và cần cấp; bên nào đã có lỗi thời không khi nào bị buộc phải thi-hành khế-ước nữa, nhưng tòa-án sẽ xử phạt bồi tổn-hại cho vừa phải cho bên kia.

Điều thứ 1232. — Khi người làm công chết thời khế-ước làm công hết.

Điều thứ 1233. — Phàm gặp tình-thế gì sức người không chống lại được, nghĩa là sự gì không phải tự một bên nào mà làm ngăn trở cho khế-ước làm công không thi-hành được, thời tức là một nguyên-nhân bãi khế-ước mà không phải bồi tổn-hại.

Điều thứ 1234. — Sự khánh-tận hay sự vỡ nợ không làm cho người chủ được miễn bồi tổn-hại vì mình không tuân thời-hạn báo trước, và sau khi phát-mãi gia-sản người chủ ấy xong thời phải trích lấy tiền phát mãi ấy mà trả tiền bồi tổn-hại ấy cùng trả tiền công của người làm công về 30 ngày sau cùng (nếu số tiền công nầy chưa trả), sau khi đã trả lệ-phí xong và trước các chủ-nợ khác.

Điều thứ 1235. — Phàm khế-ước làm công của bọn làm nghề hát, nghề nhạc-công, cùng người lảnh-trưng các rạp tuồng và trò khác, thời cũng theo như thể-lệ trên nầy.

Điều thứ 1236. — Những khế-ước làm công để trừ dần tiền nợ thời chỉ khi nào làm ở trước mặt lý-trưởng hay là người hương-chức nào thay mặt lý-trưởng mà có các người ấy thị-thực để chứng-nhận rõ ràng số tiền nợ ấy vốn là bao nhiêu, số tiền lời không phải trả là bao nhiêu và cách-thức trả dần là thế nào, khế-ước ấy mới có thể buộc người làm công được.

Điều thứ 1237. — Kể từ ngày người mắc-nợ vào làm công cho người chủ-nợ, thời nợ ấy thôi không sinh lợi nữa ; nếu có điều-khoản nào định trái lại thời coi là vô-hiệu, và tòa-án phải tăng tiền trừ nợ từng kỳ lên cho ngang với tiền công tiền thuê trong xứ, nếu tiền trừ nợ đã định từ trước không ngang với tiền công tiền thuê ấy nữa.

Điều thứ 1238. — Người mắc-nợ làm công để trừ nợ trong một hạn quá ba năm có thể bải khế-ước và bỏ việc mà đi không phải chịu bồi tổn-hại gì, dù có định điều-khoản gì trái lại mặc lòng, nhưng người mắc-nợ phải :

1·) Tuân hạn báo trước ;

2·) Làm công đủ ba năm rồi.

Người ấy buộc phải trả tiền nợ còn lại và kể từ ngày thôi việc tiền nợ còn lại được sinh lời.

Ngoài ra hai bên vẫn được quyền bải khế-ước vì một bên có lỗi nặng bất cứ lúc nào cũng được.

Điều thứ 1239. — Những việc kiện đòi tổn-hại vì không tuân khế-ước làm công thời phải kiện trong hạn một năm kể từ ngày đã xảy ra cái việc mà trong đơn đã viện ra để thưa.

Hạn ấy cũng thi-hành đối với những người vô-tư-cách về đường pháp-luật, nhưng những người nầy được kiện lại người đã làm thiệt-hại cho mình.

Điều thứ 1240. — Khế-ước làm công lại phải theo thể-lệ riêng hiện-hành nữa.

Điều thứ 1241. — Khi người làm thuê nhân làm việc cho chủ mà bị tai-nạn thời trách-nhiệm người chủ định ở thể-lệ tiết thứ IV, chương thứ II, thiên thứ I luật nầy và ở thể-lệ riêng cho một vài nghề-nghiệp, một vài việc trưng-khẩn và kỷ-nghệ, nhất là ở đạo DỤ số 76 ngày 14 tháng 10 năm Bảo-Đại thứ 12 (16 - 11 - 37.)

Mục thứ 2. — *Nói về khế-ước thuê công-nghệ*

Điều thứ 1242. — Giá tiền khế-ước thuê công-nghệ thời hai bên phải thuận-định cùng nhau ; tuy nhiên, khi công việc đã làm rồi mà khế-ước không định rõ giá tiền, thời tòa-án cứ chiếu tục-lệ trong xứ mà tài-định, hay nếu không có tục-lệ thời chiếu tùy tình-trạng.

Điều thứ 1243. — Công việc phải làm đúng như khế-ước đã định.

Điều thứ 1244. — Nếu công việc làm rồi không đúng với công việc đã định ở khế-ước, thời người thuê làm có thể hoặc là không nhận, hoặc bắt phải chửa lại cho đúng cách-thức đã định, hoặc cứ nhận như thế mà giảm giá đi.

Điều thứ 1245. — Nếu khế-ước có định công việc phải làm xong trong một thời hạn nào đó, mà đến hạn không giao xong công việc, thời khế-ước có thể bãi được, mà có khi lại còn phải bồi tổn-hại nữa.

Điều thứ 1246. — Tuy nhiên, nếu công việc chậm vì cớ ngẫu-nhiên thời không phải bồi tổn-hại.

Điều thứ 1247. — Nếu trong khế-ước không định rõ thời-hạn phải giao, thời-hạn cũng có thể chiếu theo tính-chất cùng mục-đích công việc thuê làm mà định được.

Điều thứ 1248. — Khi người làm công-nghệ phải ứng vật-liệu ra để làm, nếu trước khi giao nộp, đồ vật hư-hoại mất đi, vì cách gì mặc lòng, thời sự hư-hoại ấy người làm công-nghệ ấy phải chịu, trừ khi người chủ đã bị bách phải nhận mà không nhận thời không kể; gặp trường-hợp nầy người chủ phải chịu sự hư-hoại đó, trừ khi nào người chủ ấy có bằng cớ rằng vì lỗi người làm công-nghệ thời không kể.

Điều thứ 1249. — Khi người làm công-nghệ chỉ xuất lực mà làm thôi, thời chỉ khi nào vì lỗi của y đến nỗi cái đồ đã làm bị hủy hoại đi, y mới phải chịu trách-nhiệm.

Nếu trước khi giao nhận xong công việc và khi người chủ chưa bị bách kiểm xét lại, mà đồ vật bị hủy-hoại đi mất không phải lỗi tại người làm công, người ấy cũng không được đòi tiền công, trừ khi nào đồ vật hủy-hoại vì vật-liệu đã dùng nguyên xấu thời không kể.

Điều thứ 1250. — Trước khi công việc hoàn-thành, người thuê có thể bải-ước mà phải đền lại cho người làm công tất cả các khoản chi-phí, các công việc đã làm, cùng các khoản lợi người ấy có thể thu được trong việc làm.

Điều thứ 1251. — Người nào đảm-nhận phải giao nộp một công việc gì, thời phải chịu trách-nhiệm về các người mình dùng để làm công việc ấy.

Người lảnh-hành phải chịu trách-nhiệm về việc làm của các người lảnh-hành lại cùng các người cai thầu mình đã để cho làm.

Điều thứ 1252. — Khi công việc đã làm xong, người nhận làm có thể đòi tiền ngay lúc giao nộp công việc.

Điều thứ 1253. — Trả tiền công tức là thuận nhận công việc làm rồi.

Điều thứ 1254. — Nếu là một công-tác gồm có nhiều phần, hay có độ-lượng, thời người thuê làm được kiểm xét từng phần riêng, nếu người chủ tính tùy công việc của người lảnh-hành đã làm mà trả tiền, tức thuận-nhận công việc những phần phần mình đã trả tiền. Việc trả nầy không đem thi-hành đối với số tiền giao trước.

Điều thứ 1255. — Khi người kiến-trúc-sư hay người lảnh-hành đảm-nhận công việc làm một tòa nhà nào theo một kiểu-mẫu đã ước-định với người chủ, thời không thể xin tăng giá vì cớ nhân-công hay vật-liệu đắt hơn, hay vì cớ có thay đổi kiểu-mẫu hay làm thêm ra ngoài, trừ khi sự thay đổi hoặc làm thêm đó có giấy của người chủ cho phép và cái giá về sự thay đổi hay tăng thêm ấy đã từng ước định với người chủ thời không kể.

Điều thứ 1256. — Nếu sau khi giao nhận và trả tiền rồi mà phát lộ ra sự hư hỏng vì trong khi làm việc lầm lỗi, thời hoặc có thể bải được khế-ước, hoặc phải hoàn lại một phần tiền nhưng sự hư hỏng ấy phải có khám biên trong hạn một năm kể từ ngày giao nhận mới được.

Điều thứ 1257. — Tuy-nhiên, chỉ khi nào quá hạn năm năm, người kiến-trúc-sư và người lãnh-hành mới khỏi chịu trách-nhiệm về sự đảm-bảo các công-tác lớn mà mình đã làm hay coi làm.

Điều thứ 1258. — Nếu công việc kiến-trúc làm theo giá định sẵn, bị hủy hoại tất cả hay là một phần, vì cách kiến-trúc có khuyết-điểm thời người kiến-trúc-sư và người lãnh-hành phải chịu trách-nhiệm trong hạn năm năm, dù vì chỗ đất không vững cũng vậy.

Điều thứ 1259. — Nếu người kiến-trúc-sư không được người chủ cho khỏi kiểm-sát công việc, thời người ấy cùng người lãnh-hành phải liên-đái chịu trách-nhiệm về việc kiến-trúc làm theo giá định sẵn ấy mà bị hủy-hoại; nếu được miễn kiểm-sát, thời người kiến-trúc-sư ấy chỉ chịu trách-nhiệm về kiểu nhà mình đã vẽ mà thôi.

Điều thứ 1260. — Người kiến-trúc-sư liên-đái chịu trách-nhiệm với người lãnh-hành có thể kiện lại người lãnh-hành ấy phải chịu một mình những sự hư-hỏng vì lỗi người ấy;

Đối lại người lãnh-hành được kiện lại người kiến-trúc-sư phải chịu một mình những sự hư-hỏng vì kiểu nhà của người ấy có khuyết-điểm.

Điều thứ 1261. — Khi người lãnh-hành lập ra kiểu như thế cho người kiến-trúc-sư, thời người lãnh-hành ấy phải chịu trách-nhiệm vừa về kiểu nhà vừa về công việc làm.

Điều thứ 1262. — Nếu người lãnh-hành hay người kiến-trúc-sư chết đi thời khế-ước làm công-nghệ bị tiêu.

Nếu công việc chưa làm xong, nhưng đã khởi-hành rồi, thời người chủ thuê làm chỉ trả giá tiền công việc nào đã làm rồi hay giá tiền vật-liệu nào đã sắp đặt rồi, mà có ích cho y mà thôi.

Điều thứ 1263. — Những việc kiện về sự lỗi trong khoán-ước lãnh-hành thời thời-hạn tiêu-diệt là năm năm kể từ ngày sau ngày giao-nộp làm đầu.

Thời-hạn ấy cũng thi-hành đối với những người vô-tư-cách về đường pháp-luật, nhưng những người nầy được kiện lại những người nào đã làm thiệt-hại cho mình.

TIẾT THỨ IV

Nói về khế-ước vận-tải

Điều thứ 1264. — Khế-ước vận-tãi là do một người nào đảm-nhận vận-tãi đồ vật hay hành-khách theo một giá tiền hoặc đã định khoán, hoặc tính theo tính-cách đồ vật vận-tãi hay giá tiền, hay trọng-lượng hoặc thể-tích và lộ-trình cùng thì giờ vận-tãi lâu mau.

Điều thứ 1265. — Người nào đảm-nhận vận-tải đồ vật thời phải trông nom giử gìn đồ vật ấy cho cẩn thận.

Có sự thất-lạc hay hư hỏng thời người vận-tãi phải chịu trách-nhiệm, trừ khi nào có chứng cớ rằng sự thất-lạc hư hỏng ấy do lỗi người đứng gỡi, hoặc vì đồ vật không tốt, hoặc bởi cớ ngẫu-nhiên hay gặp tình-thế gì mà sức người không chống lại được, thời không kể.

Điều thứ 1266. — Người vận-tãi phải chịu trách-nhiệm về đồ vật vận-tãi, từ lúc đồ vật ấy đã giao cho mình, dù chưa xếp lên xe cộ hay đem xuống thuyền tàu, hay dù chưa định giá, vì còn phải đo lường kiểm soát lại mặc lòng.

Nếu lời giao-ước vận-tãi chưa thành, dù lời giao ước có điều-kiện mặc lòng, thời việc giao trước đồ vật để vận-tãi, chỉ là một việc tự ký-thác mà thôi.

Điều thứ 1267. — Người nào đảm-nhận chở hành-khách, thời phải chịu trách-nhiệm về những tai-nạn cùng sự thiệt-hại xẩy ra ; trừ khi có bằng chứng rằng vì lỗi hành-khách, hay vì cớ ngẫu-nhiên, hoặc gặp tình-thế gì mà sức người không chống lại được thời không kể.

Sự trách-nhiệm ấy bắt đầu kể từ lúc hành-khách lên xe cộ, lên ô-tô, xuống thuyền hay xuống tàu do người chủ xe, chủ thuyền, chủ tàu, hay kẽ làm công cho những người ấy cầm lái.

Điều thứ 1268. — Phàm điều-khoản nào biên vào khế-ước vận-tãi, giấy xa-chỉ, giấy kê giá hay giấy má gì khác, cốt để miễn cho người chủ tãi một phần hay tất cả trách-nhiệm về việc chở hàng-hóa cùng hành-khách, thời khoản-ước ấy tuyệt nhiên là vô-hiệu.

Điều thứ 1269. — Các người chủ tãi phải chịu trách-nhiệm về mọi sự lầm lỗi, sơ-suất của những người làm công hay người ủy-nhiệm mình, cũng như chính lỗi của mình.

Những người lái xe ô-tô, người đánh xe ngựa, người kéo xe của người chủ làm ra để cho thuê kéo hành-khách cũng gọi là người làm công hay người ủy-nhiệm của người chủ tãi.

Điều thứ 1270. — Khi các đồ vật vận-tãi đã do người chủ nhận hay người ủy-nhiệm của người ấy nhận lãnh rồi, mà không kêu nài dị-nghị gì, thời cho là đã nhận được đủ số và tốt lành cả, trừ khi có bằng chứng trái lại thời không kể.

Tuy nhiên, nếu giá vận-tãi về phần người chủ nhận phải trả, mà người nầy có trả phân-minh rồi, không dị-nghị gì, thời mới cho là nhận được hoàn-hảo các đồ đã tãi.

Nếu các hòm đồ, bao đồ, hay gói đồ, lại đem mở ra trong khi người chủ tãi hay người ủy-nhiệm của người ấy không có mặt ở đó, thời dù có kêu nài dị-nghị mặc lòng, cũng không thể viện bằng-chứng trái lại được, trừ khi mở ra như thế mà có chứng cớ rằng người chủ vận-tãi hay người ủy-nhiệm của người ấy gian lậu hay xâm-khiếm thời không kể.

Điều thứ 1271. — Khi đồ vật vận-tãi có thiếu thốn hay hư-hỏng, mà hai bên phân tranh nhau chưa biết thiếu

hỏng thế nào, và bởi tại làm sao, nếu không đồng ý nhau chọn người giám-định, thời sẽ do quan tòa sơ-cấp làm lệnh cữ ngay.

Điều thứ 1272. — Nếu khi lập-ước hay về sau nầy hai bên không định rõ với nhau rằng đồ vật vận-tải ấy giá phỏng chừng là bao nhiêu thời khi chỉ hư hỏng thường hay mất một phần mà thôi, giá ấy sẽ do người giám-định ước-lượng mà định theo chỗ đồ vật còn lại, còn khi nào mất hết thời cứ theo cách viện chứng thường mà định.

Tuy nhiên, trong trường-hợp vận-tải đồ vật mà giá tiền đặc-biệt của đồ vật ấy không định ở trong khế-ước, thời khi có mất mát, hư hỏng, chỉ theo cái giá tiền mà người chủ tải có thể biết trước mà định số bồi thường; trừ khi người chủ-tải ấy có làm điều gì gian-dối thời không kể.

Điều thứ 1273. — Khi đồ đạc chỉ tải đến chậm thôi, thời khoản bồi tổn-hại cứ chiếu theo tình-trạng và châm chước sự lầm lỗi hay sự lừa gạt của người chủ-tải mà định.

Sự tổn-hại thế nào và nhiều ít bao nhiêu đều về phần người nhận đồ hay người gởi đồ phải viện chứng ra.

Nếu hạn tải đã do người nhận đồ biết rồi, hoặc hạn ấy tự người ấy định, hoặc tự người gởi đồ định mà đã cho biết trước, hay khi hạn ấy đã do người vận-tải đã định cho công chúng biết, thời khi nhận đồ hàng không kêu nài hay không dị-nghị gì, tức là tiêu hết sự lầm lỗi của người chủ-tải.

Điều thứ 1274. — Khi đồ vật đã tải đến nơi rồi, người vận-tải có thể giữ đồ vật ấy lại cho đến khi người ta trả hết tiền mình vận-tải cùng các khoản chi-phí chánh-

đáng khác ; gặp trường-hợp bải khế-ước, khi đồ vật còn ở chỗ chở đi, người vận-tải ấy cũng có thể giữ đồ vật cho đến khi trả xong số tiền mà y đáng được.

Điều thứ 1275. — Các việc kiện về trách-nhiệm đối với người chủ-tải phải khởi-tố trong khoản một năm kể từ ngày người chủ nhận được tin đồ vật bị mất mát hay hư hỏng hoặc kể từ ngày người hành-khách bị tai-nạn.

Điều thứ 1276. — Các chủ vận-tải trên bộ hay dưới nước, lại còn phải tuân theo những thể-lệ riêng hiện-hành về việc vận-tải nữa.

CHƯƠNG THỨ VI

Nói về việc vay mượn

Điều thứ 1277. — Việc vay mượn là một khế-ước thuộc về của ; chỉ khi nào đã giao của cho người vay thời khế-ước mới thành ; chưa giao của thời có thể coi là hứa cho vay mượn mà thôi.

Điều thứ 1278. — Có hai cách vay mượn :

1·) Vay mượn những vật có thể dùng mà không tiêu mất đi ;

2·) Vay mượn những vật dùng mà tiêu mất đi.

Cách thứ nhất gọi là cho mượn để mà dùng.

Cách thứ hai gọi là cho mượn để tiêu hay là cho vay.

TIẾT THỨ I

Nói về cách cho mượn để mà dùng

Mục thứ nhất. — *Nói về tính cách sự cho mượn để mà dùng*

Điều thứ 1279. — Cho mượn để mà dùng là một khế-ước do một bên giao một vật gì cho bên kia để dùng mà không lấy tiền, nhưng khi dùng xong phải trả lại.

Điều thứ 1280. — Người cho mượn vẫn là nghiệp-chủ vật cho mượn.

Điều thứ 1281. — Phàm cái gì mua bán được mà khi dùng không tiêu mất đi, thời có thể cho mượn để mà dùng được.

Điều thứ 1282. — Sự giao-ước về việc cho mượn để mà dùng đều truyền lại cho người thừa-kế người cho mượn và cho người thừa-kế người đi mượn được.

Nhưng nếu chỉ vì người đi mượn và chỉ cho đích-thân người ấy mượn mà thôi, thời người thừa-kế người ấy không thể tiếp hưởng vật mượn được nữa.

Mục thứ 2. — *Trách-nhiệm người đi mượn*

Điều thứ 1283. — Người đi mượn phải lưu tâm coi sóc sữa sang và giữ gìn vật mượn như của mình vậy. Chỉ có thể dùng vật mượn theo tính-chất vật ấy hay theo khoản-ước mà thôi, và khi đáo-hạn thời phải trả lại; nếu sai thời có thể bồi tổn-hại.

Điều thứ 1284. — Người đi mượn phải đem trả vật mượn tại nhà người cho mượn, trừ khi có giao-ước trái lại thời không kể.

Điều thứ 1285. — Nếu người đi mượn dùng vật ra việc khác hay quá hạn đã định, thời khi vật ấy thất-lạc, dầu vì sự bất-trắc cũng phải chịu trách-nhiệm.

Điều thứ 1286. — Nếu lúc mượn đã đánh giá vật mượn rồi và nếu không có khoản-ước nào trái lại, thời sự thất-lạc, dù tại sự bất-trắc mặc lòng, cứ do người mượn phải chịu.

Điều thứ 1287. — Nếu vật hư-hỏng chỉ vì tại dùng mà thôi, chứ không phải lỗi tại người mượn, thời người ấy không phải chịu trách-nhiệm về sự hư-hỏng.

Điều thứ 1288. — Người mượn không thể giử lấy vật mượn để trừ món nợ gì mà người cho mượn còn mắc mình, nhưng được tạm giử vì lẽ mình đã xuất tiền ra để tiêu dùng về vật cho mượn ấy mà số tiền ấy mình đáng được người kia trả lại.

Điều thứ 1289. — Nếu người mượn phải chi-tiêu ít nhiều để mà dùng vật mượn, thời không được đòi lại.

Điều thứ 1290. — Nếu nhiều người cùng nhau mượn chung một vật, thời phải liên-đới chịu trách-nhiệm đối với người cho mượn hoặc về sự thất-lạc hay là hư-hỏng hoặc về sự giao-hoàn vật ấy, nhưng các người mượn ấy được thưa lẫn nhau.

Mục thứ 3. — *Trách-nhiệm của người cho mượn*

Điều thứ 1291. — Người cho mượn muốn đòi lại đồ vật cho mượn, thời phải đợi khi hết hạn đã định, hay là không có hạn định thời đợi đến khi người ta dùng xong việc rồi mới được đòi.

Điều thứ 1292. — Tuy nhiên, nếu trong thời-hạn ấy hay trước khi người mượn thôi không cần đến vật mượn nữa mà người cho mượn chợt phải dùng đến vật cho mượn một cách cần cấp mà không biết trước thời quan tòa có thể tùy tình-trạng bắt người mượn phải trả lại ngay.

Điều thứ 1293. — Nếu trong lúc mượn, người mượn buộc phải chi một khoản tiền bất thường để bảo-tồn cho đồ vật khỏi hư-hỏng, mà sự chi-phí đó là nhu-thiết và rất cần cấp đến nỗi không kịp báo trước với người cho mượn biết, thời người nầy sẽ phải hoàn lại tiền phí-tổn ấy.

Điều thứ 1294. — Nếu vật cho mượn có tì-tích đến nỗi làm thiệt-hại cho người dùng mà người cho mượn biết lại không bảo trước cho người mượn, thời người cho mượn phải chịu trách-nhiệm.

Nhưng nếu người cho mượn đã nói rõ cho người mượn rằng dùng vật đó có xảy ra sự gì nguy-hiểm thời phải chịu lấy, khi đó người cho mượn không phải chịu trách-nhiệm nữa.

TIẾT THỨ II

Nói về việc cho mượn để tiêu

Mục thứ nhất. — *Tánh-cách việc cho mượn để tiêu*

Điều thứ 1295. — Cho mượn để tiêu là một khế-ước do một bên giao quyền nghiệp-chủ cho bên kia số lượng một vật gì có thể tiêu đi và dùng đến là hết đi, nhưng bên kia phải hoàn lại vật ấy cùng một thứ và cùng một hạng.

Điều thứ 1296. — Kể từ khi giao vật mượn cho người mượn thành nghiệp-chủ vật ấy rồi, nếu vật ấy tiêu-thất đi thời người ấy chịu trách-nhiệm, dù bởi cách nào mà bị thất-lạc cũng vậy.

Điều thứ 1297. — Trong một khoản vay bằng tiền bạc, người vay chỉ chịu nghĩa-vụ về số tiền đã biên trong khế-ước mà thôi.

Nếu trước khi trả mà giá tiền cao lên hay hạ xuống thời người mắc nợ cũng phải chiếu số tiền đã vay, mà trả lại và chỉ phải trả đúng số tiền ấy bằng thứ tiền tệ đang lưu-hành lúc trả mà thôi. Người cho vay, hoặc người đi vay được lời hay là chịu thiệt, tùy theo giá tiền cao lên hay hạ xuống.

Cho vay bằng tiền kẽm có thể trả lại bằng bạc đồng, cứ chiếu giá bạc trong xứ lúc trả mà tính, trừ khi có giao-ước rõ ràng trái lại thời không kể.

Trong hạt nào mà tiền kẽm không lưu-hành nữa, nếu trước cho vay bằng tiền kẽm thời nay cứ phải trả bằng bạc đồng, mà tính theo cái giá tiền kẽm hiện lưu-hành ở trong hạt nào gần nhất mà trả.

Điều thứ 1298. — Nếu của cho vay là vàng nén, bạc nén, thực-phẩm như thóc lúa, thời dù thời-giá cao lên hay hạ xuống mặc lòng, người mắc-nợ bao giờ cũng phải trả một số lượng và một phẩm-hạng như thế, và chỉ phải trả thế thôi.

Mục thứ 2. — *Nói về trách-nhiệm người cho mượn*

Điều thứ 1299. — Trong việc cho mượn để tiêu, người cho mượn phải chịu trách-nhiệm như đã định ở điều 1294 về việc cho mượn để dùng.

Điều thứ 1300 — Người cho mượn không thể đòi lại của cho mượn trước hạn đã định.

Điều thứ 1301. — Nếu không định hạn trả, thời tòa-án có thể tùy theo tình-trạng mà định hạn cho người vay phải trả.

Điều thứ 1302. — Nếu chỉ ước-định với nhau rằng bao giờ người vay có thể trả được, hay có cách trả được, thời sẽ trả, khi ấy tòa-án sẽ tùy theo tình-trạng mà định hạn trả.

Mục thứ 8. — *Trách-nhiệm của người vay*

Điều thứ 1303. — Người vay phải trả lại của đã vay đúng như số lượng cùng phẩm-hạn lúc vay và phải đúng hạn.

Điều thứ 1304. — Nếu không ước-định về chỗ trả, thời người vay phải đem của đã vay đến nơi người cho vay ở mà trả.

Điều thứ 1305. — Nếu không thể trả lại được như thế, ví dụ khi các vật cùng một hạng đó đã hết cả, thời người vay phải chiếu thời giá ở nơi trong khế-ước đã định là nơi phải trả, mà trả bằng tiền. Nếu trong khế-ước không định rõ phải trả vào thời-kỳ nào và trả ở nơi nào, thời phải chiếu giá lúc vay và nơi vay mà trả.

Điều thứ 1306. — Nếu đến hạn mà người vay không hoàn lại của vay hay giá tiền, thời người ấy phải chịu tiền lời về sự trả chậm theo điều kiện hai bên đã định với nhau, kể từ ngày đáo-hạn làm đầu; nếu không có khế-ước hay điều-luật định riêng, thời người ấy phải trả tiền lời về sự trả chậm kể từ ngày có đơn kiện làm đầu, và tiền lời ấy cứ tính theo quốc-lệ, đấy là chưa kể đến những điều đã tự ở thiên nói về nghĩa-vụ và khế-ước đối với người mắc-nợ không trả.

Điều thứ 1307. — Những món vay không tính lời, về sau có thể ước-định là có tính lời. Khoản nợ ấy sẽ theo thể-lệ định ở sau nầy về những món nợ có tính lời, duy vẫn phải trả ở trú-sở người cho vay, trừ khi có ước-định khác thời không kể.

TIẾT THỨ III

Nói về sự cho vay có tính lời

Điều thứ 1308. — Phàm việc cho vay tiền bạc, thực-phẩm hay các vật gì khác ăn được và tiêu được, đều được phép tính lời.

Điều thứ 1309. — Tiền lời có ước-định trước, thời người vay nợ mới phải trả.

Tuy nhiên, khi không định lời mà người vay đã tự ý trả, thời không thể đòi lại cũng không thể khấu trừ vào tiền vốn được, trừ khi gặp trường-hợp phải chiếu theo điều 1313 và 1314 sau nầy thời không kể.

Điều thứ 1310. — Tiền lời hoặc theo quốc-lệ, hoặc là tùy sự giao-ước. Tiền lời theo quốc-lệ là do pháp-luật định, tiền lời tùy sự giao-ước là do hai bên ước-định với nhau.

Điều thứ 1311. — Số tiền lời ước-định là bao nhiêu phải viết vào văn-tự.

Nếu chỉ giao-ước rằng người vay phải trả tiền lời, mà không định rõ số tiền lời là bao nhiêu, thời cứ tính theo quốc-lệ.

Điều thứ 1312. — Số tiền lời tính theo quốc-lệ và số nhiều nhất về khoản tiền lời mà hai bên được phép ước-định đều định ở thể-lệ đặt ra để ngăn cấm sự cho vay nặng lời (DỤ số 34 ngày 14 tháng 7 năm Bảo-Đại thứ 9 tức là ngày 23 Août 1934).

Điều thứ 1313. — Nếu số tiền lời giao-ước với nhau lại hiển-nhiên cao hơn số tiền lời mà luật cho phép hai bên ước-định, thời tiền lời đó phải giảm xuống bằng số ấy và nếu khi có trả thừa ra thời phải trả lại hay đem khấu trừ vào vốn.

Điều thứ 1314. — Nếu số tiền lời phi-pháp đã đem ẩn giấu đi một phần hay là toàn phần bằng cách viết thặng tiền vốn lên cao hơn số tiền cho vay thực, hay bằng cách gì khác, thời tiền lời không phải trả gì hết cho đến lời tính theo quốc-lệ cũng không phải trả, và nếu đã trả rồi thời có thể đòi lại được tất cả ; tòa-án sẽ nhất thiết truyền phải bồi-hoàn, mà người lấy tiền lời phi-pháp ấy lại có thể bị phạt về tội cho vay nặng lời nữa.

Điều thứ 1315. — Nếu người cho vay đã nhận tất cả hay một phần tiền vốn mà không nói tới việc trả tiền lời, thời người cho vay coi như là đã nhận tiền lời rồi, hay là đã bỏ không đòi tiền lời ấy nữa, trừ khi có bằng chứng trái lại thời không kể.

Điều thứ 1316. — Các điều luật ở trên không những thi-hành cho việc vay tiền bạc, mà lại thi-hành cho cả việc vay thực-phẩm, như là thóc lúa, vay thứ gì trả lời bằng thứ ấy ; tuy nhiên, tòa-án sẽ xét thực-phẩm ấy lúc cho mượn và lúc trả số lượng và nặng nhẹ khác nhau thế nào.

Điều thứ 1317. — Trong việc mượn tiền bạc rồi trả bằng thực-phẩm hay là việc mượn thực-phẩm rồi trả bằng tiền bạc, thời thể-lệ định số nhiều nhất về khoản tiền lời cũng đem thi-hành, vậy thời về trường-hợp thứ nhất tòa-án phải bằng theo giá thực-phẩm vào lúc trả nợ, và về trường-hợp thứ hai phải bằng theo giá vào lúc vay ; nhưng người cho mượn nếu vì khế-ước lập như vậy nên phải bị lỗ thời cũng không được bồi hoàn gì.

Thể-lệ nầy không thi-hành cho những khế-ước bán chịu các thực-phẩm, những sự bán ấy, nếu không có tình-trạng gì tỏ rằng khế-ước bán chịu ấy cốt để giấu việc cho vay nói ở đoạn thứ nhất điều nầy, thời vẫn là hợp pháp.

Điều thứ 1318. — Nếu khế-ước cho vay không định ngày phải trả, thời như là vay trong hạn một năm.

Điều thứ 1319. — Nếu khế-ước không định hạn riêng phải trả tiền lời, thời khi nào khế-ước vay mượn, đáo-hạn mới được đòi tiền lời.

Điều thứ 1320. — Số tiền lời của tiền cho vay ít nhất là đã hết một năm mà không trả, và nếu có lập khế-ước riêng sau khi đến hạn phải trả, hay có đơn kiện tại tòa về việc đó, thời tiền lời ấy mới lại được sinh lời. Trong khế-ước nào có điều-khoản định rằng hễ đến hạn một năm thời tiền lời lại sinh lời ngay, chứ không cần theo thể-thức gì, thời điều-khoản ấy là vô-hiệu.

Điều thứ 1321. — Không khi nào số tiền lời tích-lũy lại mà thành quá số tiền vốn được.

Điều thứ 1322. — Khi hai bên ước-định cùng nhau rằng người cho vay không được lấy tiền vốn lại, thời việc cho vay ấy là một việc lập lời tiền-thãi. Lập lời tiền-thãi có hai cách : hoặc lập đợi-đợi hoặc lập suốt-đời.

Điều thứ 1323. — Người vay được đem trả tiền vốn mà chuộc sự trả tiền thải đời-đời, dù có ước-định trái lại mặc lòng.

Hai bên chỉ có thể ước-định cùng nhau rằng không khi nào được chuộc trước một hạn không quá 10 năm hay khi không báo trước cho người chủ nợ biết lúc mình định chuộc lại.

Điều thứ 1324. — Nhưng gặp một trong những trường-hợp sau nầy, người mắc-nợ buộc phải chuộc tiền thải chịu đời đời :

1) Nếu người mắc-nợ thôi không làm hết nghĩa-vụ trong hạn hai năm ;

2) Nếu người ấy không giao-nạp cho người cho vay những vật đảm-bảo hứa trong khế ;

3) Nếu người ấy bị khánh-tận hoặc bị vỡ-nợ.

Điều thứ 1325. — Việc lập lời tiền thải đời đời cũng phải theo thể-lệ hạn-chế giá tiền lời. Thể-lệ về việc lập lời tiền thải suốt đời thời định ở chương nói về khế-ước không chắc-chắn.

Điều thứ 1326. — Đối với tiền lời của tiền thải thời thời-hạn tiêu-diệt là 5 năm kể từ ngày sau ngày đến hạn.

CHƯƠNG THỨ VII

Nói về ký-thác và quyền-trử

Điều thứ 1327. — Ký - thác, nghĩa chung là một khế-ước để một người nhận của người khác một vật gì mà phải giữ hộ và phải giao trả y nguyên.

Điều thứ 1328. — Có hai cách ký-thác : Chính việc ký-thác và việc quyền-trử.

TIẾT THỨ I

Nói về chính việc ký-thác

Mục thứ nhất. — *Tính-cách khế-ước ký-thác*

Điều thứ 1329. — Ký-thác là một khế-ước thuộc về vật-quyền, coi là không phải trả tiền và chỉ chủ về vật động-sản thôi, và hễ vật có giao về tay cho người nhận-ký thời việc ký-thác mới thành.

Điều thứ 1330. — Việc ký-thác hoặc là tự ý làm, hoặc do sự cần-thiết mà thành.

Mục thứ hai. — *Nói về việc ký-thác tự ý làm*

Điều thứ 1331. — Tự ý ký-thác là một việc mà người ký-thác được chọn lúc và nơi để ký-thác, cùng chọn người thụ-ký.

Điều thứ 1332. — Việc ký-thác không chỉ người nghiệp-chủ có thể làm được mà thôi, cả những người nào có quan-hệ vào sự giữ-gìn bảo-tồn đồ vật, hay người ủy-quyền của những người ấy cũng có thể làm được.

Điều thứ 1333. — Chỉ có những người có hoàn-toàn tư-cách giao-ước mới có thể nhận ký-thác được.

Tuy nhiên, những người vô-tư-cách về đường pháp-luật phải giao trả những vật ký-thác hiện còn ở tay mình, hoặc hoàn lại giá tiền những vật ký-thác đã làm cho mình được lợi.

Điều thứ 1334. — Người thụ-ký phải coi-giữ cùng bảo-tồn vật ký-thác cho cẩn-thận như của mình.

Tuy nhiên, trong những trường-hợp sau nầy thời người thụ-ký buộc phải trông nom vật ấy như một người quản-lý cận-thận :

1) Nếu người thụ-ký chính mình xin nhận việc ký-thác ;

2) Nếu việc ký-thác cốt chỉ để làm lợi cho mình cùng để cho mình được dùng vật ký-thác khi mình cần đến;

3) Nếu người thụ-ký được lĩnh tiền công về việc ký-thác.

Điều thứ 1335. — Người thụ-ký không khi nào phải chịu trách-nhiệm về những tai-họa do tình-thế gì mà sức người không chống lại được sinh ra, trừ ra khi đã bị bách giao trả vật ký-thác mà không trả hay khi có làm ra giấy má ước-định khác thời không kể.

Điều thứ 1336. — Nếu người ký-thác không công-nhiên hay mặc-nhiên cho phép dùng vật ký-thác, thời người thụ-ký không được tự-tiện dùng.

Điều thứ 1337. — Phàm những vật gởi trong hòm kín hay trong bì có niêm phong đóng dấu thời người thụ-ký không được tìm cách xem để biết là vật gì.

Điều thứ 1338. — Người thụ-ký nhận giữ vật gì, phải trả lại chính vật ấy.

Như gởi tiền, lúc gởi tiền gì thời lúc trả cũng phải trả tiền ấy, dù giá tiền tăng lên hay hạ xuống mặc lòng.

Điều thứ 1339. — Hiện-trạng vật ký-thác lúc giao trả thế nào, thời người thụ-ký chỉ phải giao trả như thế thôi.

Những sự hư hỏng không phải tại người thụ-ký làm ra, thời người ký-thác phải chịu.

Điều thứ 1340. — Khi vật ký-thác vì gặp tình-thế gì mà sức người không chống lại được sinh ra, nên bị mất đi, nếu người thụ-ký đã được đền lại bằng tiền hay bằng vật khác thời số tiền hay vật khác mà mình đã nhận được ấy, mình phải hoàn lại cho người ký-thác.

Điều thứ 1341. — Người thừa-kế của người thụ-ký, vì không tri-tình mà đã bán vật ký-thác đi, thời chỉ phải trả giá tiền đã bán được mà thôi, hay là nếu chưa nhận được tiền, thời chỉ phải nhượng cho người ký-thác cái quyền thưa kiện người mua mà thôi.

Điều thứ 1342. — Nếu vật ký-thác có sinh hoa-lợi mà người thụ-ký tự thu lấy, thời phải hoàn lại cho người ký-thác. Người thụ-ký không phải chịu lời về tiền gởi, trừ ra khi đã bị bách-giao trả mà không giao trả thời phải chịu lời tính từ ngày bị bách trả mà thôi.

Điều thứ 1343. — Người thụ-ký chỉ phải trả lại vật ký-thác cho người đã giao vật ấy cho mình, hoặc cho cái người mà người khác thay mặt gởi hộ, hoặc nữa cho người mà người ký-thác đã chỉ rõ để thu-nhận vật ký-thác.

Điều thứ 1344. — Người thụ-ký không được bắt buộc người đem gởi phải chứng rằng người ấy là chính nghiệp-chủ vật ký-thác.

Nhưng nếu người thụ-ký biết rằng vật ấy là của ăn cắp và biết đích người nào là nghiệp-chủ vật ấy, thời phải cáo-giác cho người chủ biết có việc ký-thác đó, và giục người ấy phải đòi lấy trong một thời hạn định cho vừa phải. Nếu người chủ kia không đòi, thời người thụ-ký, sau khi giao trả vật đó cho người đã ký-thác cho mình thời được khỏi chịu trách-nhiệm.

Điều thứ 1345. — Nếu khế-ước ký-thác có định rõ phải giao trả ở nơi nào, thời người thụ-ký phải mang vật gởi đến nơi ấy mà trả. Nếu phải chi-phí về việc vận-tải, thời người ký-thác phải chịu.

Nếu khế-ước không định rỏ phải giao trả tại nơi nào, thời ký-thác tại đâu phải giao trả tại đó.

Điều thứ 1346. — Khi người ký-thác đòi đến, thời vật ký-thác phải giao trả ngay, dù trong khế-ước có định-hạn để trả mặc lòng, trừ ra khi người thụ-ký đã nhận được tờ tịch-biên chế-chỉ, nghĩa là ngăn cản không cho giao trả hay là na-di vật ấy thời không kể.

Điều thứ 1347. — Người ký-thác phải hoàn lại cho người thụ-ký các tiền phí-tổn mà người nầy đã phải chi ra để bảo-tồn vật ký-thác, cùng phải đền cho người ấy những sự tổn-hại do việc ký-thác đã sinh ra.

Điều thứ 1348. — Người thụ-ký có thể giữ lại số vật ký-thác cho đến khi người ký-thác trả mình hết các khoản nợ về việc ký-thác.

Mục thứ ba. — *Nói về việc ký-thác do sự cần thiết mà thành*

Điều thứ 1349. — Khi người ký-thác gặp phải tai-nạn, như hỏa-hoạn, như nhà cửa bị sập-đổ, thủy-lạo, đắm-đuối hay sự cố nào khác không thể biết được, mà thế tất phải đem ký-thác, thời việc ký-thác ấy gọi ký-thác do sự cần thiết mà thành.

Việc ký-thác nầy cũng phải theo thể-lệ đã định ở trên nầy.

Điều thứ 1350. — Phàm các chủ khách-sạn, hàng-cơm, cùng các chủ cho trọ phải chịu trách-nhiệm thụ-ký về các đồ vật của khách trọ mang theo đến hàng quán mình; sự ký-thác ấy coi như là việc ký-thác do sự cần-thiết mà thành.

Điều thứ 1351. — Các chủ hàng quán, phải chịu trách-nhiệm về việc trộm cắp hay sự hư hại đến đồ đạc của khách trọ dù sự trộm cắp hư hại ấy là do đầy tớ cùng người làm công mình, hay là người ngoài vảng-lai ở nhà mình làm ra mặc lòng.

Về tiền bạc, ngân-phiếu, thư-khế, đồ tư-trang cùng các qui vật khác, không thực gởi tận tay các chủ hàng quán ấy, thời các người nầy chỉ phải chịu trách-nhiệm đến hai trăm bạc là cùng.

Điều thứ 1352. — Những người ấy không phải chịu trách-nhiệm về việc trộm cướp có khí-giới, hay khi gặp tình-thế gì sức người không chống lại được sinh ra hay là khi sự trộm cắp hư hại ấy do lỗi người hành khách làm cho có thể sinh ra.

Điều thứ 1353. — Những người chủ khách-sạn, hàng-cơm và chủ cho trọ không thể từ chối việc ký-thác tiền bạc, ngân-phiếu, thư-khế, tư-trang cùng các qui vật khác của hành khách và phải xuất biên.

Điều thứ 1354. — Trái lại người chủ khách-sạn, hàng-cơm và người chủ trọ được quyền giữ lại các đồ vật của người hành khách cho đến khi trả xong nợ tiền quán, tiền cơm, tiền trọ, dù các đồ vật ấy có ký-thác cho mình như đã nói điều trên hay không cũng vậy.

Điều thứ 1355. — Khi người hành-khách không trả tiền thời kể từ ngày người ấy đi được năm tháng rồi, các chủ hàng quán được thưa đơn lên quan tòa sơ-cấp sở-tại nơi quán trọ trình bày các việc ; trong đơn phải nói rỏ người hành-khách vào ở ngày nào, ra đi ngày nào, nợ mình về khoản gì là bao nhiêu, mình giữ những đồ vật gì làm bảo-đảm, rồi xin quan tòa cho phép phát-mại.

Điều thứ 1356. — Khi tiếp được đơn ấy, thời quan tòa làm lệnh sức đem đồ vật đã giử lại ấy ra phát-mại theo thể-thức thường trong việc thi-hành án, không cần phải đòi người hành-khách đã đi mà bỏ đồ vật lại để làm bảo-đảm, trong lệnh phải nói rõ số nợ thiếu bao nhiêu và định rõ ngày phát-mại, ngày ấy ít ra cũng phải được sáu tháng kể từ khi người hành-khách ra đi làm đầu.

Tuy nhiên, gặp khi khẩn-cấp như khi đồ vật giữ lại có thể chóng hỏng thời quan tòa có thể định ngày phát-mại trước hạn sáu tháng ấy, nhưng trong lệnh phải nói rõ duyên cớ việc giảm hạn ấy.

Điều thứ 1357. — Trước khi làm các thủ-tục về việc phát-mại, viên lục-sự tiên hành phải gởi theo cách đảm-bảo cho người hành khách để đồ vật lại một bản sao lệnh ấy, nếu biết được địa-chỉ của người hành-khách ấy.

Điều thứ 1358. — Viên-chức coi về việc phát-mại sức mở trước mặt người chủ quán, các rương, hòm, gói, và thứ gì khác mà người hành-khách trước kia đã đóng gói lại rồi kê-biên và đánh giá từng vật, như là một việc tịch-biên thi-hành.

Điều thứ 1359. — Nếu người hành-khách tranh-nại về việc phát-mại, thời viên-chức coi việc phát-mại ấy phải làm biên-bản rồi đệ lên phòng lục-sự cùng các giấy má khác về thủ-tục ấy để đăng-ký vào sổ thọ-lý hộ-vụ để đến phiên tòa gần nhất sẽ xử theo cách thông thường.

Điều thứ 1360. — Về tiền phát-mại, sau khi đã trích hoàn các tiền phi tổn rồi, người viên-chức coi việc phát-mại được đem trả cho chủ quán mà lấy biên-nhận trước các chủ nợ khác, các chủ nợ nầy không thể ngăn trở được, còn lại bao nhiêu thời đem ký-tồn liền ở kho Nội-vụ cho người hành-khách và lấy biên-nhận về việc ký-tồn ấy.

Sau khi phân phát giá bán xong, thời viên-chức coi việc phát-mại ấy phải trình ngay cho quan tòa biết các việc mình đã làm và đệ-trình các giấy má, bản kê-biên, biên-bản phát-mại, tờ tính tiền phi tổn, biên lai, vân vân... để quan tòa phê-chiếu rồi đem nạp vào phòng lục-sự mà lấy biên nhận, tờ biên nhận ấy làm cho người coi việc phát-mại được khỏi trách-nhiệm.

Điều thứ 1361. — Nếu tiền bán không đủ trả các tiền phí tổn, thời người chủ quán phải trả thêm cho đủ, nhưng người nầy được kiện, đòi lại người hành khách.

Điều thứ 1362. — Nếu trong hạn hai năm kể từ ngày ký-tồn làm đầu, mà người hành khách hay các người thay mặt hoặc các người chủ-nợ người hành-khách ấy không đến lấy, thời tiền ký-tồn ấy sẽ tự nhiên về kho Nội-vụ.

Điều thứ 1363. — Những đồ vật của người hành-khách bỏ lại trong khi ra đi, cũng có thể đem bán và sau khi đã trích hoàn án-phí và tiền canh giữ rồi, còn lại thời đem ký-tồn theo thức đã nói trên nầy về các đồ vật để lại hay giữ làm đảm-bảo.

TIẾT THỨ II

Nói về việc quyền-trử

Điều thứ 1364. — Việc quyền-trử là việc ký-thác vật tương-tranh cho một người đệ-tam ; người nầy phải trả vật ấy lại cho người nào mà án chung thẩm xử cho được quyền nhận vật ấy.

Điều thứ 1365. — Việc quyền-trử hoặc do hai bên giao-ước định ra, hoặc do quan tòa truyền làm.

Điều thứ 1366. — Khi nào nhiều người tranh nhau quyền chấp-hửu hay quyền nghiệp-chủ một vật gì, hoặc tranh nhau việc canh giử hay việc quản-trị một tài-sản chưa chia và ước-định với nhau đem gởi vật tương-tranh hay tài-sản chưa chia ấy tại một người đệ-tam cho đến khi giãi quyết xong việc kiện, thời gọi là « quyền-trử do hai bên giao-ước định ra ».

Điều thứ 1367. — Khi nào hai bên không giao-ước về việc quyền-trử, nhưng quan tòa hạ lệnh sức quyền-trử, thời gọi là quyền-trử do quan tòa truyền làm.

Điều thứ 1368. — Tòa-án truyền quyền-trử, thời giao vật tương-tranh cho một người nào mà hai bên đều cử ra hay là đều thừa-nhận, khi nào hai bên không đồng thuận thời sẽ do quan tòa tự lựa ; quan tòa có thể giao cho một bên thuận nhận quyền-trử.

Điều thứ 1369. — Sự quyền-trử có thể thuộc về động-sản hay về bất động-sản.

Điều thứ 1370. — Trong việc quyền-trử do hai bên giao-ước định ra có khi phải trả tiền cho người nhận trử, có khi khỏi phải trả tiền ; nếu trong khế-ước không nói rõ, thời cho là khỏi phải trả tiền.

Về sự quyền-trử do tòa-án truyền làm, thời tiền công trả cho người đứng quyền-trử là tự tòa-án định.

Tuy nhiên, khi quan tòa giao cho một bên quyền-trử thời không phải trả tiền công quyền-trử.

Điều thứ 1371. — Phàm trước khi một việc kiện chưa giải quyết xong, thời tất phải do các người đương-sự cùng thỏa-thuận, hoặc có cớ gì xét ra chính đáng, thời người quyền-trử mới được thôi việc quyền-trử.

Điều thứ 1372. — Dù việc quyền-trử do hai bên giao-ước định ra hay do tòa-án truyền làm, nghĩa-vụ người quyền-trử cũng thế. Tôn-chỉ về việc quyền-trử cũng như tôn-chỉ về việc ký-thác.

Điều thứ 1373 — Ngoài ra, trong lời giao-ước của hai bên hay là trong lệnh của tòa-án phải định rõ quyền được làm cùng là lợi-quyền và nghĩa-vụ của người đứng quyền-trử.

Lệnh tòa-án truyền giao cho một bên quyền-trử thời phải nói rõ các điều-kiện phải theo để lập bản kê biên

tài-sản, biên-bản nói về tình-hình các chỗ có ích cho sự giử gìn quyền-lợi của hai bên.

Điều thứ 1374. — Nếu sự quyền-trử thuộc về bất-động-sản thì người đứng quyền-trử phải quản-trị bất-động-sản ấy, dù trong lời giao-ước của hai bên hay trong lệnh tòa-án không nói rõ cũng vậy ; người ấy gọi là người quản-trị quyền-trử ; người ấy phải thu lấy hoa-lợi, và khi giao trả thời phải tính toán về việc quản-trị ấy.

Nếu sự quyền-trử do tòa-án truyền, thời việc thanh-toán đó phải do tòa án kiểm-duyệt và định tiền phí-tổn cùng tiền công của người quản-trị quyền-trử.

Nói về khế-ước không chắc chắn

Điều thứ 1375. — Khế-ước không chắc chắn là một việc giao-ước lẫn với nhau mà hiệu-lực về sự được lời hay là phải lỗ cho mọi bên, hoặc cho một vài bên, là tùy ở sự ngẫu-nhiên không chắc ; như là :

Đánh bạc và đánh đố ;

Lập lời tiền thải mãn-đời và cấp-dưỡng mãn-đại v. v...

TIẾT THỨ I

Nói về đánh bạc và đánh đố

Điều thứ 1376. — Luật pháp không có phép thưa kiện về khoản cờ bạc hay về khoản trả tiền đánh đố.

Điều thứ 1377. — Phàm cuộc chơi để luyện tập sức vóc và làm cho thân thể được nhanh nhẹn, thời không kể vào điều luật ở trên.

Tuy nhiên, nếu xét ra đòi nhiều tiền quá thời tòa-án có thể bác đơn được.

Điều thứ 1378. — Không khi nào người thua được đòi lại số tiền mà mình đã tự ý trả, hay để tại tay một người đệ tam, trừ ra khi nào người được có dùng những cách đánh-lừa, gian-dối hay khi-biển thời không kể.

TIẾT THỨ II

Nói về sự lập lời tiền-thãi mãn-đại và cấp-dưỡng mãn-đại

Điều thứ 1379. — Khi nào trong khế-ước định là trả lời bằng tiền-bạc hay bằng thực-phẩm từng năm và cho đến mãn-đại thời gọi là lập tiền-thãi mãn-đại.

Khi nào định là phải trả nguyên vật để cấp-dưỡng thời gọi là cấp dưỡng mãn-đại.

Khế-ước ấy phãi làm ra giấy ; muốn được viện khế-ước ấy ra tranh-nại với người đệ tam, thời phải lập theo điều kiện về thể-thức và về việc công-bố mà luật đã định.

Điều thứ 1380. — Lời tiền-thãi có thể lập ra mà phải tốn của, hoặc trả một số tiền hoặc một vật động-sản có giá-trị hay một bất-động-sản.

Điều thứ 1381. — Lời tiền-thãi có thể lập khỏi phải tốn của, hoặc do việc tặng-dữ hay do việc di-chúc. Trong trường-hợp nầy, việc tặng-dữ hay việc di-chúc phải lập theo thể thức luật-định mới có giá-trị và nếu việc lập lời ấy cho một người không có tư-cách nhận thời việc lập ấy là vô hiệu.

Điều thứ 1382. — Lời tiền-thãi có khi theo đời sống của người đã xuất tiền ra mà lập, có khi theo đời sống của một người đệ tam ấy không được hưởng lợi mà lập.

Điều thứ 1383. — Lời tiền thải có khi theo đời sống của một người, hay nhiều người mà lập.

Điều thứ 1384. — Lời tiền thải có thể lập cho một người đệ-tam hưởng, dù tiền thải ấy do một người khác xuất ra cũng vậy.

Trong trường-hợp nầy, việc lập lời ấy tuy có tánh cách một việc cho không, nhưng không buộc phải theo thể-thức về việc tặng-dử.

Điều thứ 1385. — Khế-ước nào theo đời sống của một người nào mà lập lời tiền thải nhưng người ấy lại chết ngay tại ngày lập khế-ước ấy thời khế-ước ấy không sinh hiệu-lực gì.

Điều thứ 1386. — Khế-ước nào theo đời sống của một người nào mà lập lời tiền thải, nhưng người ấy lại bị bệnh rồi chết trong hạn 20 ngày kể từ ngày lập khế-ước làm đầu, thời khế-ước ấy cũng không sinh hiệu-lực gì.

Điều thứ 1387. — Lời tiền thải có thể lập theo số mà hai bên đã đồng-ý cùng nhau mà định.

Tuy nhiên, nếu lời tiền thải đã định không quá cái giá hoa-lợi của tài-sản đem làm gốc món thải ấy, thời coi là người trả lợi được hưởng một cách mặc-nhiên một việc cho không.

Điều thứ 1388. — Lời tiền thải có thể định trả trước hay đáo-hạn mới trả và trả vào khi nào thời tùy hai bên định với nhau.

Nếu trong khế-ước không nói rõ là khi nào trả, thời coi là cứ ba tháng trả một lần và trả trước.

Điều thứ 1389. — Chỉ khi nào lập lời tiền thải mà không tốn của thời mới được định là không được tịch.

Điều thứ 1390. — Số tiền lợi nào đã trả trước hạn rồi thời kể từ ngày trả ấy người chủ được hưởng.

Lời tiền thải khi nào đáo-hạn mới trả thời người được hưởng chỉ được hưởng về những ngày mình còn sống mà thôi.

Điều thứ 1391. — Chỉ khi nào có bằng cớ rằng người hưởng lời tiền thải còn sống thì mới phải trả tiền lời ấy.

Điều thứ 1392. — Nếu cái người phải trả lời tiền thải không còn giữ được toàn phần hay một phần những vật đã minh-tự đem ra đảm-bảo về sự thi-hành khế-ước, thời cái người được hưởng lời tiền thải lập ra mà có tốn của có thể xin thủ-tiêu khế-ước chứ không kể đến những số tiền lời mà người kia đã trả.

Điều thứ 1393. — Nếu người trả lời không chịu trả thời tòa-án không nên cho người ấy triển hạn nữa, mà phải truyền các phương-pháp để bắt trả, hay cũng có khi tùy tình-trạng mà bắt điền hoàn lại tiền thải hoặc bất-động-sản đã đem lập lời.

Điều thứ 1394. — Người chịu trả lời tiền thải không thể xin trả lại tiền vốn hay là bất-động-sản lập lời tiền thải và xin bỏ không đòi lại những tiền lời mà mình đã trả rồi để về sau khỏi phải trả tiền lời tiền thải nữa; người ấy buộc phải trả lời đến suốt cái người hay những người được hưởng lời ấy, dù các người sống lâu đến nỗi mình phải trả lâu tốn quá cũng vậy.

Điều thứ 1395. — Thể-lệ trên nầy cũng đem thi hành đối với việc cấp-dưỡng mản-đại; những điều-kiện tự trong khế-ước đặc-biệt ấy có thể thi-hành đến đâu thời thi-hành đến đấy.

CHƯƠNG THỨ IX

Nói về sự ủy-quyền

TIẾT THỨ I

Nói về tánh-cách và thể-thức việc ủy-quyền

Điều thứ 1396. — Ủy-quyền là một khế-ước do một người ủy-quyền cho người khác thay mặt mình làm việc gì cho mình.

Người thụ-ủy có nhận thì khế-ước mới thành.

Điều thứ 1397. — Việc ủy-quyền hoặc làm thành giấy, hoặc chỉ nói miệng.

Việc ủy-quyền có thể chỉ mặc-nhiên mà nhận và khi nào người thụ-ủy thi-hành tức là nhận ủy rồi.

Điều thứ 1398. — Nếu không có khoản-ước trái lại, thời việc ủy-quyền là không mất tiền.

Điều thứ 1399. — Ủy-quyền hoặc là riêng, hoặc là chung: riêng là chỉ thuộc riêng về một việc hay là mấy việc nào đó, chung là gồm tất cả mọi việc của người ủy-quyền.

Điều thứ 1400. — Giấy ủy-quyền mà nói một cách đại-khái thời chỉ gồm những việc quản-trị tài-sản mà thôi.

Nếu là việc chuyển-dịch tài-sản, để-đương hay là việc gì can-hệ đến quyền nghiệp-chủ, thời giấy ủy-quyền phải nói cho rõ.

Nếu là một việc gì mà chiếu luật phải có viên-chức thị-thực để lợi cho người thụ-ủy thời sự ủy-quyền cũng phải làm ra giấy tờ có viên-chức thị-thực hay do viên quản-lý thư-khế đứng làm, nếu không thời cái khế lập ra ấy sẽ là vô-hiệu.

Điều thứ 1401. — Người thụ-ủy không được làm quá giới-hạn đã định rõ ở giấy ủy-quyền, trừ khi nào một việc gì tuy không định rõ trong giấy ủy-quyền ấy, nhưng việc ấy là một việc tất phải làm theo cái việc đã chịu ủy làm, thời không kể; đại khái như được quyền bán một tài-sản gì thời không phải nhất thiết được nhận giá tiền tài-sản đã bán ấy, nhưng nếu được quyền nhận một món tiền nợ gì thời tất nhiên là được quyền giãi-trừ việc tịch-biên bảo-thủ để đảm-bảo món nợ ấy.

TIẾT THỨ II

Nói về nghĩa-vụ người thụ-ủy

Điều thứ 1402. — Trong khi người thụ-ủy còn nhận việc ủy-quyền, thời phải làm cho trọn, và nếu khi thi-hành có sự gì tổn-hại thời phải bồi-thường.

Điều thứ 1403. — Người thụ-ủy không những phải chịu trách-nhiệm về sự gian-trá mà lại phải chịu trách-nhiệm cả về sự lầm lỗi trong việc quản trị nữa.

Tuy nhiên, trách-nhiệm về sự lầm lỗi, đối với người thụ-ủy không lấy tiền, nhẹ hơn đối với người thụ-ủy có tiền công.

Điều thứ 1404. — Khi việc ủy-quyền đã xong, hay trước khi chưa xong mà người ủy-quyền hỏi đến, thời người thụ-ủy phải tường trình việc quản-trị của mình, đem giấy má ra mà làm chứng.

Điều thứ 1405. — Người thụ-ủy phải giao trả người ủy-quyền tất cả các món tiền cùng tài-vật mà mình đã thu-nhận thay người ấy, hay vì việc quản-trị mà đã thu-nhận, dù tài-vật mà mình đã nhận ấy người ủy-quyền không đáng được cũng vậy, nhưng người thụ-ủy được quyền

giữ lại cho ngang cái số mà người ủy-quyền phải trả cho mình về việc ủy-quyền.

Điều thứ 1406. — Khi không có phép của người ủy-quyền mà người thụ-ủy đem dùng tiền vốn của người ủy-quyền để sinh lợi cho mình, thời đương nhiên phải chịu lời kể từ ngày đem ra dùng, có khi lại phải bồi tổn-hại nhiều hơn nữa.

Về các khoản người thụ-ủy còn thiếu với người ủy-quyền, thời chỉ phải chịu lời từ ngày bị bách trả mà thôi.

Điều thứ 1407. — Những khi sau nầy thời người thụ-ủy phải chịu trách-nhiệm về người đã thay mình trong việc quản-trị :

1·) Khi mình không nhận được quyền đem người khác thay cho mình mà cứ dùng ;

2·) Khi giấy ủy-quyền có nói được chọn người thay, nhưng không nói đích người nào, mà mình lại chọn một người có tiếng là bất-lực hay là không đủ gia-tư.

Dù thế nào mặc lòng, người ủy-quyền có thể kiện thẳng người thế chân cho người thụ-ủy.

Điều thứ 1408. — Nếu cùng trong một giấy ủy-quyền đặt ra nhiều người thay quyền, hay thụ-ủy, thời khi nào trong giấy có nói rõ về sự liên-đới thụ-trách, những người ấy mới phải liên-đới chịu trách-nhiệm.

Điều thứ 1409. — Phàm người thụ-ủy đã đứng tên và thay mặt người ủy-quyền mà giao-ước, việc gì với người đệ-tam, thời không bị bắt buộc phải thi-hành việc ấy, trừ ra những khi đã công-nhiên cam chịu thi-hành, hay là đã tự xưng với người đệ-tam rằng mình có quyền làm việc ấy mà kỳ-thực không có, thời không kể.

TIẾT THỨ III

Nói về nghĩa-vụ người ủy-quyền

Điều thứ 1410. — Phàm người thụ-ủy đã chiếu giấy ủy-quyền mà giao-ước việc gì, thời người ủy-quyền có trách-nhiệm phải thi-hành việc ấy.

Còn những việc người thụ-ủy làm quá giới-hạn, nếu người ủy-quyền có công-nhiên hay mặc-nhiên y-thuận, thời mới phải chịu trách-nhiệm.

Điều thứ 1411. — Người ủy-quyền phải trả cho người thụ-ủy những món tiền cùng những khoản phí tổn mà người nầy đã xuất ra để chi về việc thi-hành ủy-quyền, và phải trả tiền công nếu có đính-ước phải trả tiền ấy.

Nếu người thụ-ủy không có lỗi gì, thời người ủy-quyền không thể bỏ không trả lại những phí-khoản ấy, dầu việc không thành mặc lòng, cũng không thể viện cớ rằng các khoản chi phí cùng số tiền người thụ-ủy đã xuất ra có thể ít hơn mà giảm bớt đi được.

Muốn cho sự trả tiền lại ấy được chắc chắn, và nếu không có việc thừa-trừ, thời người thụ-ủy được quyền giử lại các vật minh mắc của người ủy-quyền, nhưng chỉ giử được ngang với số tiền của người ủy-quyền còn thiếu mình mà thôi.

Điều thứ 1412. -- Phàm các sự khuy-tổn mà người thụ-ủy phải chịu vì việc quản-trị mà sự khuy-tổn ấy không phải tại lỗi người ấy, thời người ủy-quyền phải cấp tiền cho người thụ-ủy khỏi thiệt.

Điều thứ 1413. — Phàm các món tiền của người thụ-ủy đã ứng-trước ra, thời do người ủy-quyền phải trả tiền lời từ ngày đã công-nhiên ứng ra ấy.

Điều thứ 1414. — Khi nhiều người cùng ủy-quyền cho một người để làm một việc chung, thời đối với người thụ-ủy đều phải liên-đới chịu trách-nhiệm về tất cả các hiệu quả sự ủy-quyền ấy.

TIẾT THỨ IV

Nói về sự thôi ủy - quyền

Điều thứ 1415. — Trừ những khi sự ủy-quyền đã thi-hành xong, hoặc không thể thi-hành được, hoặc có định kỳ-hạn mà kỳ-hạn đã qua, hay có định điều-kiện mà điều-kiện đã thanh-thỏa rồi không kể, còn ngoài ra gặp những khi như sau nầy thời sự ủy-quyền cũng hết :

1·) Khi người ủy-quyền bãi việc ủy-quyền ;

2·) Khi người thụ-ủy từ khước ;

3·) Khi người ủy-quyền hay người thụ-ủy mệnh-một hay bị cấm-quyền ;

4·) Khi người ủy-quyền thành ra vô-tư-cách về đường pháp-luật.

Điều thứ 1416. — Khi việc ủy-quyền chỉ chủ lợi cho người ủy-quyền, thời người nầy có thể tùy ý bãi lúc nào cũng được, dầu đã có hứa trả tiền công mặc lòng.

Điều thứ 1417. — Việc bãi chỉ có hiệu-lực về tương-lai mà thôi, chứ không trở ngại đến các sự đã làm trước khi bãi.

Điều thứ 1418. — Nếu có nhiều người ủy-quyền, mà chỉ có một người bãi thôi, thời sự ủy-quyền của những người khác vẫn còn.

Điều thứ 1419. — Việc bãi sự ủy-quyền có thể mặc-nhiên, hoặc bởi lập một người thụ-ủy mới để làm một việc đó,

hoặc bởi người ủy-quyền thu lại việc đó để quản-lý lấy, hoặc bởi tình-trạng nào khác.

Điều thứ 1420 — Người ủy-quyền có thể bắt người thụ-ủy phải giao lại giấy ủy-quyền cho mình, dù sự ủy-quyền hết rồi cũng vậy.

Điều thứ 1421. — Người thụ-ủy có thể từ-khước việc ủy-quyền mà báo việc từ-khước ấy cho người ủy-quyền biết.

Tuy nhiên, nếu sự từ-khước ấy làm theo điều-kiện và tình-trạng gì có thiệt đến người ủy-quyền, thời người thụ-ủy phải cấp tiền cho người ủy-quyền để cho người nầy khỏi thiệt, trừ khi vì một duyên-cớ chánh-đáng và cần-thiết mà phải từ thời không kể.

Cũng có thể tùy tình-trạng mà mặc-nhiên từ khước được.

Điều thứ 1422. — Phàm các duyên cớ làm cho đình-chỉ việc ủy-quyền, bởi tại người ủy-quyền hay tại người thụ-ủy, hễ có tống-đạt cho nhau biết, hay có đích-xác bên kia đã biết, thời bên nọ mới có thể viện ra để tranh nại với bên kia.

Khi một bên mệnh-một thời do người thừa-kế bên ấy phải báo cho bên kia biết.

Điều thứ 1423. — Phàm việc ủy-quyền, đã đình-chỉ rồi mà các người đệ-tam đã vô-tình lấy lòng ngay giao-ước với người thụ-ủy, thời các nguyên-nhân đình-chỉ đã nói ở trên cũng không được viện ra để tranh-nại với người đệ-tam ấy được, dầu người ủy-quyền đã lấy lại tờ giao-quyền mặc lòng.

Điều thứ 1424. — Khi việc ủy-quyền đã đình-chỉ vì một duyên cớ nói ở trên, thời người thụ-ủy hay những người thừa-kế người ấy, vẫn phải trông nom công việc còn dở dang của người ủy-quyền, cho đến lúc người nầy hay người thừa-kế của người nầy có thể tự đương được hay chọn được người thụ-ủy khác mới thôi.

CHƯƠNG THỨ X

Nói về khoán-ước lập hội

TIẾT THỨ I

Điều khoản chung

Điều thứ 1425. — Khoán-ước lập hội là khoán-ước do hai hay nhiều người đồng ý xuất tài-sản chung nhau để lấy lợi mà chia nhau.

Điều thứ 1426. — Không ai được vô hội mà khỏi góp cổ-phần.

Điều thứ 1427. — Những cổ-phần của hội-viên có thể số lượng bất-tề và chủng-loại khác nhau.

Những cổ-phần ấy có thể, hoặc bằng quyền nghiệp-chủ hay quyền hưởng-dụng động-sản hay bất-động-sản, hoặc bằng tiền bạc, hoặc bằng việc làm hay công-nghệ.

Điều thứ 1428. — Tất cả những cổ-phần góp lại thành ra vốn chung của hội. Các người chủ nợ riêng của một hội-viên không có quyền-lợi gì trong vốn chung của hội, chỉ được quyền hành-động đối với hội như là đối với một người mắc nợ khác của người hội-viên ấy mà thôi (1).

Điều thứ 1429. — Trừ ra hai điều hạn-chế nói ở điều sau nầy, ngoài ra các hội-viên có thể tùy ý-định rõ cổ-phần của mỗi người trong vốn chung của hội và trong sự chia phần lời lỗ.

Các hội-viên cũng có thể ước định với nhau rằng phần lời lỗ của một người hay nhiều người không giống nhau.

Điều thứ 1430. — Điều khoản nào đem tất cả công bản của hội hay tất cả tiền lời của hội cho một người hay vài người hội-viên nào, đều là vô hiệu.

---

(1) (tức như tịch-biên chế-chỉ).

Điều khoản nào miễn cho một người hội-viên khỏng phải chịu lỗ gì cả, cũng là vô hiệu, trừ khi người ấy là người chỉ đem công việc làm hay là kỷ-nghệ của mình góp phần vào hội thời không kể.

Nếu những điều khoản như thế đã biên vào giấy lập hội, thời toàn thể giấy lập hội cũng vô hiệu.

Nếu mới ước-định về sau, thời giấy lập hội trước còn nguyên giá-trị.

Điều thứ 1431. — Phàm hội phải có chủ-đích hợp phép và phải lập ra để làm lợi chung cho mọi người đương-sự.

Điều thứ 1432. — Phàm lập hội phải làm thành giấy.

Lập hội không làm thành giấy, thời đối với hội-viên cùng nhau, không được viện nhân chứng để làm chứng là có lập hội được. Cũng không được viện nhân chứng để làm chứng trái lại và ngoài những lời có tự trong khoán-ước lập hội.

Trái lại người ngoài được viện mọi cách làm bằng chứng để tỏ ra là có lập hội.

Tuy nhiên, nếu vốn hội không quá 100$00 thời trong các hội-viên với nhau cũng được viện nhân chứng để tỏ ra rằng có lập hội.

Điều thứ 1433. — Các hội-viên phải nói rõ trong khoán-ước lập hội phần của mỗi người đem góp và những thể-lệ định cùng nhau về sự quản-trị của hội.

Nếu khoán-ước thuộc về bất-động-sản, thời phải do viên-chức thị-thực, như là về việc mãi-mại bất-động-sản, nếu không thời vô-hiệu. Trong trường-hợp nầy, thời khoản-ước ấy phải đăng vào sổ bảo-tồn điền-trạch (ở các nơi có sổ ấy rồi) theo như các điều-kiện đã định về sự đăng-ký khế-ước mãi-mại bất-động-sản, nếu không

thời cũng phải chịu hiệu-quả như sự mãi-mại mà không đăng-ký ở sổ ấy.

Điều thứ 1434. — Hội nào đã lập đúng phép thời được hưởng tư-cách pháp-nhân định ở thiên thứ X quyển thứ I luật nầy ; nhưng chỉ khi nào khoán-ước lập hội ấy đã trước-bạ rồi và một bản khoán-ước ấy đã để ở phòng Lục-sự tòa-án tỉnh nơi hội tọa-lạc để cho người ngoài được biết rồi thời hội-viên mới được viện có tư-cách ấy.

Điều thứ 1435. — Thể-lệ luật nầy, nếu không trái gì với luật, lệ hay tục riêng về việc thương-mãi, thời cũng đem thi-hành đối với các hội buôn.

Đối với các hội để dành tiền và những hội cho vay lẫn nhau như « chơi họ » cũng vậy.

TIẾT THỨ II

Nói về quyền-lợi và nghĩa-vụ của các hội-viên

Điều thứ 1436. — Phàm lập hội mà không công-nhiên hay mặc-nhiên định phải theo một kỳ-hạn hay một điều-kiện nào, thời kể rằng hội đã thành-lập bắt đầu kể từ ngày lập khế-ước.

Điều thứ 1437. — Mỗi hội-viên đối với hội là người mắc-nợ về phần mình đã góp, và phải góp ngay vào ngày hội thành-lập ; nếu không thời đương nhiên phải trả hoa-lợi hay là tiền lời của phần mình cho hội, chiếu theo số tiền lời luật định, nếu phần góp ấy là một số tiền, và có khi lại phải bồi tổn-hại nhiều vì lẽ góp chậm nữa.

Điều thứ 1438. — Hội viên nào đã hứa góp vào hội bằng công-nghệ hay việc làm mà không góp, thì đa số hội-viên

khác có thể tùy-ý hoặc là bắt người ấy phải chịu đền hội về sự thiệt thòi mà hội đã phải chịu từ lúc người ấy bỏ không làm nghĩa-vụ, hoặc là bắt phải nộp số lợi mà người ấy đã thu-nhận được trong khi dùng thời giờ và công việc để làm công-nghệ giống như mục-đích của hội.

Điều thứ 1439. — Hội-viên nào đã khai góp vào hội quyền nghiệp-chủ một động-sản, hoặc một bất động-sản, thời phải đảm-bảo cho hội về tất cả những sự phiền-nhiễu, sự truy-đoạt, sự khiếm-khuyết về diện-tích hay trọng-lượng, cùng những tì tích của vật ấy, như người bán đối với người mua vậy.

Nếu chỉ hứa góp vào hội quyền hưởng-dụng vật ấy mà thôi, thời phải đảm-bảo và phải chịu thiệt về sự bất-trắc như là một người cho thuê.

Điều thứ 1440. — Cách quản-trị và thanh-toán việc hội thời phải tuân theo điều-lệ hợp pháp đã lập ra ; điều-lệ ấy tức là pháp-luật của các hội-viên đối với nhau.

Một điều-lệ nào mà không hợp-pháp thời không có biệu-lực gì ; điều-lệ ấy hoặc có thể làm cho hội thành vô-hiệu, hoặc chỉ điều-lệ coi là vô-hiệu, tùy theo điều-lệ ấy quan-trọng nhiều hay ít.

Nếu không có điều-lệ, thời thi-hành thể-lệ định sau nầy.

Điều thứ 1441. — Nếu không có người hội-viên nào được ủy để quản-trị việc hội, thời tất cả các hội-viên đều coi là đã được ủy-quyền lẫn của nhau mà làm các việc quản-trị thường của hội ; phàm các việc ấy, nếu không gian dối gì, đều có giá-trị cả, dù đối với một người hội-viên chưa từng ưng thuận cũng vậy ; nhưng nếu trước khi chưa làm việc ấy mà đã có một hội-viên nào ngăn trở, thời phải hoản lại đợi đem ra bàn chung

trong tất cả các hội-viên, khi có đại đa số hội-viên ưng thuận thời việc ấy mới được đem làm.

Điều thứ 1442. — Những việc quan trọng hơn các việc quản-trị thường thuộc về chủ-đích của hội cũng phải do đại đa số hội-viên ưng thuận mới được.

Điều thứ 1443. — Nếu giấy lập hội đã cử trong hội-viên một hay nhiều người làm trị-sự hay quản-lý, thời mỗi người ấy chỉ có thể hành-động theo cái quyền mà hội đã ủy cho mình.

Vậy khi nào giấy lập hội định rõ rằng nếu không có người nọ thời người kia không được làm việc gì, thời nếu không có ước-định khác, người nọ không được làm việc gì trong khi người kia đi vắng, dù người kia hiện thời không thể giúp việc trị-sự được, cũng vậy.

Nhưng các hội-viên ấy được làm các việc quản-trị trong giới-hạn quyền mình, dù các hội-viên khác ngăn trở mặc lòng, miễn các việc ấy không gian dối gì là được.

Điều thứ 1444. — Nếu chức-vụ và quyền của các người hội-viên được ủy coi việc quản-trị không định rõ, thời các hội-viên ấy coi như là được quyền làm chung hay làm riêng các việc quản-trị thường; trong trường-hợp nầy các việc ấy do người trị-sự làm mà các hội-viên khác không thuận-tình cũng có giá-trị, nhưng trước kia làm có hội-viên nào ngăn trở thời phải tạm đình và đem ra cho tất cả các hội-viên lấy đại đa số mà quyết định, có cả các người trị-sự dự vào nữa.

Điều thứ 1445. — Nếu một hay tất cả các người trị-sự nghỉ nên làm một việc gì thuộc về chủ đích của hội, nhưng việc ấy quá quyền hạn của mình thời cũng phải đem ra cho tất cả các hội-viên lấy đại đa số mà quyết-định.

Điều thứ 1446. — Đối với những hội-viên nào đã do giấy lập hội cử làm trị-sự thời trong thời-kỳ trị-sự ấy không thể bãi bỏ đi được, trừ khi có duyên cớ chánh-đáng thời không kể.

Người nào có giấy cử về sau cũng làm công việc như các người cử về trước, nhưng các người cử về sau ấy khi được cử ra thế nào thời cũng có thể bãi bỏ thế ấy, không cần phải do các người ấy bằng lòng.

Điều thứ 1447. — Người quản đốc hay người quản-lý lựa ở ngoài số hội-viên được có quyền làm và có nghĩa-vụ như một người thụ-ủy vậy.

Điều thứ 1448. — Dù những người trị-sự hay là quản-lý, bất cứ là hội-viên hay là người ngoài, đã được cữ theo cách thức thế nào mặc lòng, hễ có một hay nhiều người mệnh-một, từ chức hay bị bãi, mà nếu việc ấy không làm cho hội bị giải-tán, thời cũng cứ theo đại đa số hội-viên mà cữ người thay vào.

Điều thứ 1449. — Phàm các việc khác làm theo chủ-đích của hội cũng đều do đại đa số hội-viên quyết-định.

Nếu cần làm việc gì ngoài chủ-đích của hội, hay làm trái điều - lệ của hội, thời cần phải có hết thảy hội-viên đồng-thanh ưng-thuận mới được.

Điều thứ 1450. — Tính đại đa số thời tính tất cả số hội-viên hiện-diện hay vắng mặt ; nếu một hội-viên nào mệnh-một để lại nhiều thừa-kế, thời các người thừa-kế ấy chỉ được một phiếu mà thôi và muốn thi-hành quyền ấy thời phải làm giấy ủy-quyền cho một người thay mặt tất cả; giấy ủy-quyền ấy phải có công-chức thị-thực.

Khi nào cần quyết định gấp như cử người quản-lý mới mà hai bên số phiếu cân nhau, thời cái phiếu của người hội-viên nào góp cổ phần nhiều hơn cả sẽ được ưu-thắng hay khi phần góp cân nhau thời cái phiếu của hội-viên nào cao tuổi hơn cả được ưu-thắng.

Điều thứ 1451. — Khi một người trị-sự, hay khi không người trị-sự, một hội-viên dự vào việc trị-sự của hội, riêng về phần mình là chủ nợ của một người mắc nợ của hội đã đến hạn trả, khi người mắc nợ ấy trả nợ cho mình thời coi là trả cho hội và cho mình, tính theo phần mỗi bên mà trả, dù người mắc nợ có ý muốn trả riêng về nợ của người hội-viên ấy và người nầy đã phát biên nhận rồi cũng mặc, nhưng nếu người hội-viên ấy đã vì hội mà nhận và đã vì hội mà phát biên-lai hoặc cả toàn số tiền người kia đã trả, hoặc một phần lớn hơn cái phần sai phân mà hội đáng được, thời số tiền đã vì hội mà nhận được ấy, cứ để nguyên cho hội.

Điều thứ 1452. — Hội-viên nào, bất cứ là trị-sự hay không, đã nhận của người mắc nợ của hội một phần vật nợ của hội, ví dụ như tiền lời về phần góp của mình, thời bao giờ cũng phải để làm lợi chung cho hội ; dù khi nhận vật ấy mình chỉ biên nhận riêng về phần mình mặc lòng.

Điều thứ 1453. — Hội - viên nào bất cứ là trị-sự hay không mà đã làm thiệt-hại cho hội vì sự lầm lỗi hoặc sự trễ nải của mình, thời đều phải bồi thường cho hội.

Dù người hội-viên ấy có làm lợi cho hội về công việc khác, cũng không thể lấy lợi nọ mà bù vào hại kia được, trừ ra khi công việc có liên can với nhau thời không kể.

Điều thứ 1454. — Những hội-viên đứng quản-lý cho hội, vì trong giấy lập hội không cử người trị-sự, thời chỉ khi nào làm việc cho hội không được cẩn-thận như chính việc của mình mới phải chịu trách-nhiệm về lỗi của y mà thôi.

Điều thứ 1455. — Nếu trong quỉ hội không sẵn số tiền có thể tiêu được, thời mỗi hội-viên phải tùy theo quyền-lợi của mình mà góp vào các khoản chi tiêu thiết dụng

cùng các khoản chi tiêu để bảo-tồn những tài vật của hội.

Điều thứ 1456. — Hội-viên nào cũng được quyền :

1) Bắt hội phải hoàn lại số tiền mình đã ứng ra để tiêu cho hội một cách có ích ;

2) Yêu cầu hội duyệt-y những điều-ước mà mình đã lấy lòng ngay mà ký kết để làm ích lợi cho hội ;

3) Yêu cầu hội bồi thường cho mình vì việc hội mà mình bị thiệt-hại đến tài-sản riêng của mình.

Điều thứ 1457. — Hội-viên nào xuất tiền ra để làm công việc cho hội, thời tự nhiên được hưởng lời về tiền ấy, tính theo lời luật định, kể từ ngày đem ra dùng.

Đối lại hội-viên nào đã lấy tiền vốn hội để làm những việc riêng của mình, thời tự nhiên phải chịu lời, không kể có khi còn phải bồi tổn-hại thêm nữa.

Điều thứ 1458. — Khi khoán-ước lập hội chỉ dự định kỷ-phần của các hội-viên về sự ăn lời mà thôi, thời khoán-ước ấy nên phỏng-đoán rằng có định về sự chịu lỗ nữa.

Điều thứ 1459. — Dù số phần góp là bao nhiêu mặc lòng, chỉ số tiền nào còn thừa lại ở hội-bản sau khi đã trừ tiền lỗ đi rồi, thời mới gọi là tiền lời để chia ; và chỉ khi nào hết tiền gốc rồi mà còn nợ, thời mới coi là lỗ.

Tuy nhiên, trong khi hội chưa giải tán, sự chia một phần số lời hay số lỗ mà không gian-dối gì vẫn có giá-trị.

Điều thứ 1460. — Nếu chính hội-viên không định phần với nhau, thời tiền vốn của hội và tiền lời hay tiền lỗ đều chiếu theo phần góp của các hội-viên mà sai phân.

Điều thứ 1461. — Hội-viên nào chỉ góp công-nghệ hay việc làm của mình mà không trĩ-giá, thời coi như là một hội-viên đã góp ít nhất.

Hội-viên nào vừa góp công-nghệ, lại vừa góp tài-sản khác, thời ngoài cái phần đã định ở trên, lại được lấy hay phải chịu thêm một phần khác nữa, tính theo tài-sản ấy nhiều hay ít.

Điều thứ 1462. — Hội-viên nào cũng có thể đem cầm hay nhượng lại phần của mình được, nhưng chỉ khi nào tất cả các hội-viên đồng-thuận thời mới được viện ra mà tranh-nại với hội.

Điều thứ 1463. — Hội-viên không phải liên-đới chịu trách-nhiện về các khoản nợ của hội, và nếu các hội-viên khác không ủy-quyền cho mình thời không hội-viên nào được buộc trách nhiệm cho người hội-viên khác.

Điều thứ 1464. — Phàm các hội-viên đã kết ước với người chủ nợ nào, thời đều phải chịu trách-nhiệm với người ấy, mỗi người phải chịu một phần bằng nhau, dầu trong số hội-viên có người nào phần góp vào hội kém nữa mặc lòng, trừ khi trong khế-ước có định rằng phần người ấy góp ít thời cũng chịu trách-nhiệm ít thời không kể.

Điều thứ 1465. — Điều-khoản nào nói rằng việc kết-ước là làm cho hội cũng chỉ buộc người hội-viên nào ký-kết mà thôi, chứ không can-thiệp đến người khác, trừ khi các người khác đã ủy-quyền cho người ấy hay là sự kết-ước ấy có làm lợi cho hội thời không kể.

TIẾT THỨ III

Nói về việc tan hội

Điều thứ 1466. — Khi mãn-hạn đã ước-định với nhau, thời hội tự nhiên tan ; nhưng trước lúc mãn-hạn, hội-viên có thể công-nhiên hay mặc-nhiên gia thêm hạn cho hội được.

Sau khi đã mãn-hạn rồi, cũng có thể mặc-nhiên gia thêm hạn cho hội được, nghĩa là công việc của hội cứ kế-tục mà làm mãi mà hội-viên không ai ngăn trở gì, khi ấy thời hội đã gia hạn rồi, hễ có một hội-viên xin cũng có thể giải-tán được.

Điều thứ 1467. — Hội cũng tự nhiên tan vì các duyên cớ sau nầy :

Hoặc bởi đã làm xong công việc chủ-đích của hội, hay bởi không thể làm xong công việc ấy ;

Hoặc bởi mất tất cả vốn của hội hay mất một phần vốn đã ước-định ;

Hoặc bởi tất cả các hội-viên đồng lòng giải-tán ;

Hoặc bởi một hội-viên mệnh-một, bị cấm-quyền hay đã hiển-nhiên là vô-tư-lực, nếu không có điều-khoản định trái lại.

Điều thứ 1468. — Khi hạn của hội không định rõ, thời một hội-viên có quyền xin giải-tán, nhưng phải tống-đạt ý muốn mình cho các hội-viên khác biết, miễn là đừng có xin vào khi không hợp thời và không có lòng gian mà xin là được.

Điều thứ 1469. — Khi người hội-viên ra hội và vì vậy hội phải giải-tán để hưởng một mình lợi chung của tất cả các hội-viên, như thế gọi là có lòng gian mà xin ; khi tài-sản của hội chưa thâu đủ nên hội chưa thể giải-

tán được mà xin giải-tán như thế là xin vào khi không hợp-thời. Khi có tranh-tụng, tòa-án sẽ minh-chỉ sự xin vào khi không hợp-thời ấy hay sự xin mà có lòng gian ấy và có khi sẽ định điều-kiện cho hội khỏi giải-tán cũng truyền bắt bồi tổn-hại nữa.

Điều thứ 1470. — Khi trong khoán-ước đã định rõ hạn của hội rồi, mà có hội-viên nào vì có duyên cớ mà quan tòa xét là đúng lẽ và quan-hệ, đại khái như khi có hội-viên không chịu làm tròn nghĩa-vụ đối với hội, hoặc khi tiền vốn hội bị mất hơn nữa v.v... nên làm đơn thưa xin hội giải-tán, thời tòa-án có thể xử giải-tán trước hạn đã định.

TIẾT THỨ IV

Nói về sự thanh-toán việc hội cùng chia tài-sản hội

Điều thứ 1471. — Sau khi hội đã giải-tán, có thể do một hội-viên củ hoặc người tiếp hưởng quyền người hội-viên ấy yêu cầu cho công việc hội phải thanh-toán.

Khi việc thanh-toán đương tiến thành thời hội vẫn giữ tư-cách pháp-nhân cần cho công việc thanh-toán.

Điều thứ 1472. — Việc thanh-toán phải làm trước việc chia tài-sản của hội.

Tuy nhiên, tất cả các hội-viên có thể theo lấy đại đa số mà quyết định rằng cái vốn hội có thể đem chia trong lúc thanh-toán, vì để vốn ấy cũng không cần thiết cho việc thi-hành nghĩa-vụ của hội, nhưng chủ nợ của hội có quyền ngăn trở không cho chia như thế.

Điều thứ 1473. — Sự thanh-toán gồm các việc sau nầy:

1) Làm xong các việc dở dang;

2) Trả những nợ của hội và thu số tiền người đệ-tam còn nợ của hội;

3) Tính toán khoản xuất nhập riêng của mỗi hội-viên củ đối với hội ;

4) Định phần của hội-viên củ hay những người tiếp quyền người ấy trong số tài-sản có thể chia được hay trong số nợ phải chịu chung.

Điều thứ 1474. — Khi trong giấy lập hội không cử người thanh-toán, thời việc thanh-toán có thể hoặc do tất cả hội viên củ cùng đứng làm, hoặc do một hay nhiều hội-viên củ mà các hội-viên khác giao cho làm, hoặc nữa do một người đệ-tam mà những hội-viên củ đồng thanh ủy cho làm.

Nếu các hội-viên củ không thể đồng ý cùng nhau thời do tòa án cử một người hay nhiều người đứng thanh-toán, tòa-án sẽ minh định quyền hạn của người thanh-toán ấy.

Điều thứ 1475. — Người đứng thanh-toán khi nào nhận chức mình là người thay mặt đúng phép của hội ; dù thế nào mặc lòng, phàm vật gì có thể hư hỏng hay chóng hủy hoại, thời người đứng thanh-toán phải đem bán đi.

Điều thứ 1476. — Khi nào quyền hạn của người đứng thanh-toán không định rõ, nếu cần phải trả nợ đã đáo hạn thời người ấy được bán các động-sản khác để trả nợ ấy ; nhưng khi giá động-sản ấy quá năm mươi đồng, thời phải đem ra bán đấu giá trước công chúng, trừ khi người đứng thanh-toán được đại đa số hội-viên hay tòa-án giao quyền cho bán cách khác thời không kể.

Người thanh-toán có thể đứng làm nguyên cáo hay bị cáo để đi hầu kiện thay cho hội được, và phàm các việc người thanh-toán đã điều đình về công nợ hoặc trái quyền của hội cùng quyền-lợi bị tương-tranh, thời chỉ khi nào thông-đồng với người đệ-tam để đánh lừa hội, mới có thể đem ra kiện được.

Điều thứ 1477. — Nếu người thanh-toán không được đại đa số hội-viên hay tòa-án cho quyền, thời không được đem bất-động-sản ra bán, hay làm vật bảo-đảm, và chỉ có thể đem bán phát-mại trước công chúng theo thể thức định về cách thi-hành án của các tư-nhân, trừ khi tất cả hội-viên đồng-thanh cho phép bán cách khác thời không kể.

Điều thứ 1478. — Sự tính toán tổng-cọng về việc thanh-toán, phải do các hội-viên cũ duyệt-y.

Nếu không định khác, thời có đa số duyệt-y là đủ.

Có khi đầu phiếu về toàn thể tờ kê-toán hay riêng về một vài khoản trong tờ kê-toán đó cũng được.

Tờ nào không được hội-viên duyệt-y mà có thể làm lại được, thời người đứng thanh-toán phải xuất tiền ra mà làm lại bởi lỗi mình ; nếu không thể làm lại được thời người thanh-toán bị trách-nhiệm về sự thiệt-hại do lỗi mình mà sinh ra.

Lỗi ấy thời theo thể-lệ về sự ủy-quyền mà định

Điều thứ 1479. — Những việc người thanh-toán đã làm theo quyền hạn của mình hay là tuân theo thể-lệ tiết nầy mà làm ; (nếu quyền-hạn ấy không định rõ trong giấy cữ người ấy) thời vẫn được để nguyên, để lợi cho người đệ-tam có lòng ngay.

Điều thứ 1480. — Sau khi đã thanh-toán công việc hội thời mỗi hội-viên cũ hay người tiếp hưởng quyền người ấy, có thể xin chia những tài-sản còn để chung, trừ khi sau lúc giải-tán hội đã ước-định cứ để chung thời không kể.

Điều ước-định cứ để chung có thể đối với toàn phần hay một phần tài-sản đem chia, nhưng phải theo thể-lệ định ở chương nói về quyền đồng-nghiệp chủ mới có giá-trị.

Điều thứ 1481. — Nếu người đương-sự không đồng-ý về cách chia ra từng phần cùng về sự giao phần nào cho người nào, thời sẽ theo thể-lệ đã định ở chương nói về quyền đồng-nghiệp-chủ.

(Điều thứ 502 và các điều tiếp theo).

CHƯƠNG THỨ XI

Nói về sự điều-đình

Điều thứ 1482. — Điều-đình là một khế-ước do hai bên thuận nhường nhịn lẫn nhau để giải-quyết cho xong việc kiện đã xảy ra, hay để tránh cho khỏi sinh ra việc kiện.

Khi thuộc về bất-động-sản thời khế-ước phải làm ra giấy có công-chức thị-thực.

Điều thứ 1483. — Muốn điều-đình, thời phải có tư-cách được sử-dụng các tài-vật trong việc điều-đình.

Những việc điều-đình can-thiệp đến nhà nước, đến hàng xã, hay đến công-sở, thời phải tuân theo các thể-lệ riêng hiện hành.

Điều thứ 1484. — Trong khế-ước điều-đình có thể phụ thêm một khoản phạt bên nào không thi-hành.

Điều thứ 1485. — Phàm định điều-đình việc gì thì chỉ gồm trong việc đó mà thôi; như có nói rằng nhường bỏ cả các quyền-lợi cùng các việc thưa kiện, thời sự nhường bỏ ấy chỉ thuộc về trong việc phân-tranh mà đã điều-đình đó mà thôi,

Điều thứ 1486. — Phàm định điều-đình về việc phân-tranh gì, thời chỉ giải-quyết về việc đó mà thôi, dù hai bên đã tỏ ý mình bằng những lời nói riêng hay nói chung, hay dù suy ở lời đã nói mà biết rằng tất có ý đó mặc lòng.

Điều thứ 1487. — Việc điều-đình của một người đương sự đã làm, không bó buộc gì các người đương-sự khác, và những người ấy không thể viện ra để tranh-nại được.

Điều thứ 1488. — Đối với hai bên, thời việc điều-đình cũng có hiệu-lực như việc án đã xử chung-thẩm, không thể viện cớ sai luật hay viện cớ thiệt-hại mà phản-đối được.

Điều thứ 1489. — Nếu đã bằng vào những giấy má giả hay văn-tự vô-hiệu mà điều-đình, thời sự điều-đình ấy có thể bãi bỏ được, trừ khi nào hai bên đã công-nhiên điều-đình về sự vô-hiệu thời không kể.

Nếu việc phân tranh đã xong, vì có án nhất định hay vì có khế-ước đích đáng, mà bên cần phải biết lại không biết, thời việc điều-đình cũng có thể bải được.

Nhưng nếu việc điều-đình cốt để giải-quyết xong một việc kiện hay để phòng những việc kiện mà hai bên có thể vì duyên cớ từ trước mà gây ra, thời việc tìm ra những văn-tự đích xác lợi cho một bên cũng không làm cho sự điều-đình có thể bải đi được, chỉ khi nào văn-tự đó vì tại bên kia giữ lại thời việc điều-đình mới có thể bải đi được.

Điều thứ 1490. — Trong việc điều-đình, nếu có sai lầm về tính toán thời phải chửa lại.

CHƯƠNG THỨ XII

Nói về khế-ước đảm bảo

Điều thứ 1491. — Khế-ước đảm-bảo là khế-ước cốt để bảo-vệ quyền-lợi cho người chủ-nợ phòng khi người mắc nợ vô-lực.

Khế-ước đó phải làm bằng giấy.

Điều thứ 1492. — Sự đảm-bảo hoặc do một người gọi là người bảo-lãnh cam đoan với chủ nợ rằng khi nào người mắc-nợ không trả, thời y sẽ trả thay cho người ấy ; hoặc để riêng một hay nhiều tài-sản của người mắc nợ hay người đệ-tam để phòng trả nợ.

Trường-hợp thứ nhất là đảm-bảo bằng người, ấy là việc bảo-lãnh ; trường-hợp thứ nhì là đảm-bảo bằng vật, như là việc thế chấp và việc để đương.

Việc thế chấp có hai cách ; một là cầm đồ, hai là thế chấp bất-động-sản.

TIẾT THỨ I

Nói về sự bảo-lãnh

Điều thứ 1493. — Bảo-lãnh một khoản nợ, tức là cam đoan với chủ nợ rằng hễ người mắc nợ không trả được thời mình phải trả thay.

Điều thứ 1494. — Một món nợ có thể do nhiều người bảo-lảnh.

Điều thứ 1495. — Phàm bảo-lãnh cho ai, có thể không cần phải do người ấy yêu-cầu, mà cũng có khi người ấy không biết.

Cũng có thể bảo-lãnh cho người bảo-lãnh người mắc-nợ chính.

Điều thứ 1496. — Món nợ nào có giá-trị, thời mới bảo-lãnh được; sự bảo-lãnh hoặc làm bằng giấy có công-chức thị-thực, hoặc làm giấy tư với nhau.

Điều thứ 1497. — Việc bảo-lãnh không thể phỏng-đoán được, việc ấy phải có bằng-chứng phân-minh, và không thể ra ngoài giới-hạn đã định, trong cái khế đã viết, không thể làm quá giới-hạn được, chỉ khế-ước ấy mới được nhận làm bằng-chứng mà thôi.

Điều thứ 1498. — Có thể chỉ bảo-lãnh một phần món nợ được, nhưng không khi nào bảo-lãnh quá số nợ của người mắc-nợ chính.

Bảo-lãnh hoàn-toàn cho nợ chính tức là bảo-lãnh cả các khoản phụ thuộc về món nợ và các lệ-phí nữa.

Điều thứ 1499. — Khi nào người chủ-nợ chỉ đòi một mình người bảo-lãnh trả nợ, thời quan tòa đối với tài-sản người bảo-lãnh ấy phải truyền làm các phương-pháp bảo-thủ đã định về khi có việc đòi trả nợ, nhưng phải đòi ngay người mắc-nợ chính ra dự sự, và nếu có cần, thời sẽ làm thế nào để đem phát-mãi tài-sản của người bảo-lãnh, các việc trên nầy phải làm theo thể-lệ tố-tụng về hộ-vụ cùng thể-lệ thi-hành án kiện.

Tuy nhiên, quan tòa sẽ tùy theo số nợ nhiều hay ít, và theo tư-lực của người mắc-nợ chính cùng người bảo-lãnh mà xét nghỉ cách làm thế nào cho tiện lợi.

Khi nào người bảo-lãnh công-nhận rằng nếu đòi người mắc-nợ chính ra dự sự thời khó khăn và vô ích, vì người ấy ở xa xuôi và đã hiển-nhiên là vô-tư-lực, thời quan tòa cũng có thể không truyền đòi người mắc-nợ ra dự sự nữa.

Sau khi thi-hành xong, quan tòa sẽ định rõ số tiền mà người mắc - nợ chính phải trả người bảo - lãnh, số tiền thiếu ấy phải kê ở trong giấy biên - nhận cho người bảo-lãnh để sau nầy người bảo-lãnh được kiện đòi lại như điều 1503 đã định sau nầy.

Điều thứ 1500. — Khi nào nhiều người bảo-lãnh một món nợ, thời mỗi người đối với người chủ-nợ phải chịu trách - nhiệm về tất cả món nợ cũng như chỉ có một mình là bảo - lãnh thôi.

Điều thứ 1501. — Các người bảo-lãnh phải liên - đới cùng nhau.

Nếu người chủ-nợ chỉ đòi một hay vài người bảo-lãnh trả nợ mà thôi, thời quan tòa phải đòi các người bảo-lãnh khác ra dự sự, trừ khi có người nào ở xa và hiển-nhiên vô-tư-lực mà các người bảo-lãnh kia cũng công-nhận như vậy thời thôi.

Sau khi phát-mại tài-sản người mắc-nợ chính rồi, quan tòa xem món nợ còn lại là bao nhiêu rồi chia cho các người bảo-lảnh phải chịu và sẽ làm sự thi - hành cần-thiết đối với từng người bảo-lảnh một, người nào bảo-lãnh bao nhiêu thời phải chịu bấy nhiêu.

Phần người bảo-lãnh có tư-lực phải trả sẽ tùy việc bảo - lãnh của mình nhiều ít mà tính phần phải trả thêm cho người bảo-lãnh vô-tư-lực nữa, nhưng người nầy sẽ mắc-nợ đối với các người bảo-lãnh đã trả thêm cho mình, mà trong giấy biên-nhận phải nói rõ, ngoài ra phải theo thể-lệ về sự liên-đới của các người bảo-lãnh đối với nhau nữa.

Điều thứ 1502. — Người bảo - lãnh nào đã trả nợ cho người mắc-nợ, thời được thế vào quyền-lợi người chủ nợ ; nhất là được hưởng các khoản đảm-bảo về vật quyền của món nợ đó.

Điều thứ 1503. — Người bảo-lãnh đã trả nợ thay cho người mắc-nợ, thời có quyền bắt người mắc-nợ trả lại số tiền mình đã trả và các khoản chi - phí, cùng số lời tính từ ngày trả, ngoài ra có khi lại được bồi-thường thêm nữa.

Khi bảo-lãnh mà người mắc-nợ không biết, cũng thế.

Điều thứ 1504. — Tuy-nhiên, khi nào người bảo-lãnh không bị đòi mà tự đem trả nợ, và người mắc-nợ có đủ cách chống cải để khỏi phải trả nợ, thời người bảo-lãnh không được kiện xin bắt người mắc-nợ trả lại cho mình và chỉ được kiện xin bắt người chủ-nợ trả lại cho mình mà thôi.

Điều thứ 1505. — Khi nào người bảo-lãnh trả nợ rồi mà không báo cho người mắc-nợ biết và người nầy có trả một phần hay toàn phần món nợ một lần thứ hai nữa, thời người bảo-lãnh cũng không được kiện đòi lại người mắc-nợ ; nhưng trong trường-hợp nầy, nếu người chủ-nợ không trả lại số tiền mình đã nhận của người bảo-lãnh cùng tiền lời số ấy kể từ ngày nhận trong hạn quan tòa đã định, thời sẽ bị xữ phạt theo điều 366 luật hình, ngoài ra có khi lại phải bồi-thường thêm nữa.

Điều thứ 1506. — Khi có nhiều người mắc-nợ liên-đới một món nợ, người bảo-lãnh cho các người mắc-nợ ấy có quyền được kiện một người mắc-nợ về toàn số bảo-lãnh như đã định ở điều 1503 trên nầy.

Điều thứ 1507. — Người nào đứng bảo-lãnh liên-đới cho một người mắc-nợ thời cũng coi như là người đồng mắc-nợ liên-đới với người ấy, và thể-lệ liên - đới được sẽ đem thi-hành đối với người bảo-lãnh ấy, nhưng người bảo-lãnh ấy lại được hưởng thể-lệ trong điều 1503 trên nầy.

Điều thứ 1508. — Các duyên-cớ thủ-tiêu nghĩa-vụ về sự bảo-lãnh cũng giống như duyên-cớ thủ-tiêu các nghĩa-vụ khác.

Điều thứ 1509. — Người bảo-lãnh được viện các lý-do chống cải của người mắc-nợ chính mà có can-hệ thuộc về món nợ để đối nại với người chủ-nợ, nhưng không được viện các lý-do chống cải gì chỉ thuộc về bản-thân người mắc-nợ.

—Điều thứ 1510. — Khi nào trước khi bảo-lãnh hay trong khi bảo-lãnh, người mắc-nợ có đem vật quyền gì để đảm-bảo món nợ mà người bảo-lãnh cũng trông cậy vào vật quyền ấy để mong rằng sau nầy nếu mình có phải trả thế món nợ thời mình sẽ được bồi hoàn một phần hay toàn phần, thế mà người chủ-nợ có làm việc gì hay là có sơ-suất đến nỗi người bảo-lãnh không được thế chân để hưởng cái vật quyền đảm-bảo ấy thời người bảo-lãnh không phải chịu nghĩa-vụ về món nợ trong cái giới-hạn mà y không được thế chân hưởng cái vật quyền đảm-bảo đó.

Điều thứ 1511. — Người chủ-nợ dù có cho người mắc-nợ được gia-hạn, thời người bảo-lãnh cũng không vì thế mà được miễn nghĩa-vụ mình, dù trong khi gia-hạn ấy người bảo-lãnh thành ra vô-tư-lực cũng vậy, nhưng tùy người chủ-nợ có cho triễn hạn mặc lòng, người bảo-lãnh cũng được quyền bắt người mắc-nợ phải trả nợ ngay khi đáo-hạn, và nếu có duyên-cớ gì làm cho người mắc-nợ không đáng được chờ đến hạn mới trả nợ, thời người bảo-lảnh có thể bắt người mắc-nợ phải trả trước khi đáo-hạn.

TIẾT THỨ II

Nói về sự thế-chấp

Mục thứ nhất. — *Nói về việc cầm đồ*

Điều thứ 1512. — Cầm động-sản là một khế-ước thuộc về vật quyền do người mắc-nợ hay một người đệ-tam nào giao một vật động-sản cho người chủ-nợ hay một người đệ-tam nào khác mà hai bên đã chọn để đảm-bảo món nợ.

Khế-ước đó làm cho người chủ-nợ được quyền bán vật ấy để trừ nợ, mà được quyền ưu-tiên đối với các chủ-nợ khác.

Điều thứ 1513. — Khi nào vật cầm đã giao cho người chủ-nợ giử lấy hay giao cho người đệ-tam mà hai bên đã chọn, thời khế-ước cầm cố mới thành và mới cho người chủ-nợ được quyền ưu-tiên.

Có thể làm ra khế-ước cầm đồ để đảm-bảo sự thi-hành một nghĩa-vụ gì đã chịu từ trước hay là chưa có.

Điều thứ 1514. — Muốn viện ra để tranh-nại với người đệ-tam, thời khế-ước cầm đồ phải làm thành giấy, đề ngày tháng chắc chắn và kê rõ là nợ bao nhiêu, cùng vật là gì và thuộc về loại nào, trừ khi giá vật cầm hay số nợ cầm không quá hai mươi đồng thời không kể.

Điều thứ 1515. Người mắc-nợ vẫn là nghiệp-chủ vật đem cầm. Người chủ-nợ giử vật cầm để đảm-bảo món nợ của mình thời phải trông nom bảo-tồn vật ấy, lại phải chịu trách-nhiệm về những sự mất mát hay hư hỏng xẩy ra vì sự sơ suất của mình, theo như nguyên-tắc định ở thiên thứ một quyển luật nầy.

Cũng theo nguyên-tắc ấy, người mắc-nợ phải trả lại cho người chủ-nợ những khoản chi-phí hửu-ích và cần-thiết mà người chủ-nợ đã chi ra để bảo-tồn vật cầm.

Điều thứ 1516. — Chủ nợ cầm đồ không được hưởng-dụng vật cầm, trừ khi có điều-ước trái lại thời không kể.

Điều thứ 1517. — Vật cầm không phân chia ra được, dù món nợ chia được cũng mặc lòng; người chủ nợ được giữ tất cả vật cầm cho đến khi trả xong nợ.

Điều thứ 1518. — Nếu người mắc nợ lại còn nợ một món nữa đã đến hạn trả nhằm khi được lấy lại vật cầm, thời dù đã trả được món nợ có vật cầm rồi mặc lòng, người chủ nợ vẫn được giữ lại vật ấy, nhưng trong trường-hợp nầy người chủ nợ không có quyền ưu-tiên đối với các chủ nợ khác về giá tiền bán vật ấy.

Điều thứ 1519. — Khi nợ trả xong, hay khi hết nợ bất cứ vì cách gì, thời người chủ nợ phải giao trả vật cầm ngay. Nếu người chủ nợ trái phép giữ vật ấy lại thời có thể phải chịu trách-nhiệm về những sự mất mát hay hư hỏng xẩy ra kể từ ngày trả xong nợ rồi và phải bồi thường nữa, như đã định ở thiên thứ nhất quyển luật nầy về người mắc nợ đến thời-kỳ phải trả nợ.

Điều thứ 1520. Nếu mản hạn mà nợ không trả thời người chủ nợ không thể sử-dụng vật cầm được. Người ấy không được tự nhiên thành là nghiệp-chủ vật cầm được, chỉ có thể xin bán vật cầm mà thôi, trừ ra sự biệt-định ở điều 1525 sau nầy thời không kể.

Điều thứ 1521. — Trong khế-ước nếu có khoản nào nói rằng: « hễ đáo-hạn mà người mắc nợ không trả thời người chủ nợ có quyền nghiệp-chủ về đồ đem cầm », thời khoản ấy là vô hiệu.

Điều thứ 1522. — Tuy nhiên, người mắc sau khi lập khế-ước có thể giao vật cầm cho chủ nợ để trả nợ,

nhưng khi có thưa kiện, quan Tòa sẽ xét xem người mắc nợ có được tự-do ưng thuận hay không và phải trả giá vật cầm đã giao ấy nữa.

Điều thứ 1523. — Nếu có tranh-tụng, thời sau khi có án xử, sự tịch-biên thi-hành cho người chủ nợ và sự phân phát giá bán sẽ làm theo thể-lệ thường-hành, nhưng người chủ nợ đã cầm ấy có quyền ưu-tiên về giá bán vật cầm.

Nếu không có tranh-tụng, thời tòa-án sơ-cấp có thể làm lệnh truyền đấu giá phát-mại cũng được ; trong lệnh ấy quan Tòa sẽ cử người đứng bán và định cách-thức phát-mại cùng việc phân phát giá tiền.

Điều thứ 1524. — Đấu giá phát-mại thời phải đặt một giá ngang với số tiền nợ vốn và lời, nếu không ai mua giá ấy thời người chủ nợ sẽ được công nhận là người mua vật ấy.

Bất cứ về trường-hợp nào, nếu người mắc nợ không gian dối gì về giá vật đem cầm, khi người ấy bỏ vật cầm rồi, thời kể là người ấy đã hết nợ rồi, vì vật cầm ấy đảm-bảo cho nợ.

Điều thứ 1525. — Tuy nhiên, nếu giá cái vật đem cầm không quá hai chục đồng thời sáu tháng sau khi hết hạn trả nợ mà người mắc nợ vẫn không trả thời người chủ nợ thành là nghiệp-chủ vật ấy, không cần phải theo thể-thức gì.

Điều thứ 1526. — Các khoản chi-phí về việc phát-mại và việc kiện, thời về phần người mắc nợ phải chịu, và phải lấy trước khi phân phát giá bán.

Mục thứ 2. — *Nói về sự thế-chấp bất-động-sản*

Điều thứ 1527. — Việc thế-chấp bất-động-sản là một khế-ước thuộc về vật quyền do một người mắc nợ giao cho người chủ nợ một bất-động-sản nào để đảm-bảo món nợ.

Việc thế-chấp bất-động-sản cũng có thể do người đệ-tam đứng làm.

Điều thứ 1528. — Khế-ước gọi là « bán đợ » hay « mại-lai-thục » cũng có thể coi là một việc thế-chấp bất-động-sản như những trường-hợp định ở điều thứ 1090 trên nầy ; khi đó khế-ước ấy sẽ theo thể-lệ định sau nầy.

Điều thứ 1529. — Khế-ước thế-chấp bất-động-sản phải làm ra giấy có viên-chức thị-thực, nếu không thời vô-hiệu.

Điều thứ 1530. — Khế-ước thế-chấp bất-động-sản hoặc có thể làm chung trong giấy định nghĩa-vụ mà khế-ước ấy đảm-bảo nghĩa-vụ đã chịu từ trước hay sẽ phải chịu.

Giấy riêng lập việc thế-chấp bất-động-sản phải nói rõ những nghĩa-vụ gì mà giấy ấy đảm-bảo việc thi hành.

Điều thứ 1531. — Việc thế-chấp bất-động-sản không phân chia được, dù món nợ có phân chia được mặc lòng, và một bất-động-sản chỉ được đem thế-chấp cho một chủ-nợ hay là nhiều chủ-nợ mà có liên-đới với nhau mà thôi.

Điều thứ 1532. — Người chủ-nợ có quyền giữ toàn vẹn cái bất-động-sản đem thế-chấp ấy cho đến khi nào người mắc-nợ trả xong món nợ mà có bất-động-sản ấy đảm-bảo, nhưng không được viện lẽ rằng người mắc-nợ còn mắc mình một món nợ khác mà giữ vật thế-chấp ấy lại, dù món nợ nầy đã đáo-hạn rồi cũng vậy.

Điều thứ 1533. — Kể từ ngày việc thế-chấp đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch làm đầu, (ở các nơi đã có sổ ấy) thời việc thế-chấp bất-động-sản mới được viện ra để tranh-nại với người đệ-tam.

Đối với các việc thế-chấp bất-động-sản trước khi lập sổ bảo-tồn điền-trạch ở một tỉnh nào, thời người chủ-nợ trong hạn ba tháng kể từ ngày lập ra sổ ấy làm đầu phải đến đăng-ký, trong hạn ấy mỗi chủ nợ vẫn có quyền-lợi về việc thế-chấp như trước, dù chưa đăng-ký cũng vậy.

Nếu không có sổ bảo-tồn điền-trạch, thời tòa-án sẽ tùy tình-trạng mà xét việc thế-chấp ấy có được viện ra để tranh-nại với người đệ-tam hay không, nhưng nếu khế thế-chấp ấy chưa trước-bạ, thời việc thế-chấp không khi nào được viện ra để tranh-nại với người đệ-tam.

Khi một bất-động-sản đem thế-chấp cho nhiều người trong khi chưa có sổ bảo-tồn điền-trạch, thời khế thế-chấp của chủ nào trước-bạ trước, chủ ấy được quyền ưu-tiên, dù khế ấy tuồng như làm ra sau các khế khác cũng vậy, trừ khi chủ thế-chấp có lòng gian rõ rệt thời không kể.

Điều thứ 1534. — Không bắt buộc phải giao thật bất-động-sản cho chủ-nợ chấp-hữu và hưởng lợi để chứng việc thế-chấp; có thể chỉ giao lấy lệ bằng văn-tự cũng được.

Vậy thời nơi nào sổ bảo-tồn điền-trạch đã làm ra trích-lục rồi, thời khi nào đã giao trích-lục thuộc về bất-động-sản thế-chấp ấy cho chủ-nợ rồi, tức là có việc thế-chấp; còn chỗ nào chưa có sổ bảo-tồn điền-trạch thời khi nào giao các văn-tự về bất-động-sản ấy cho người chủ-nợ tức là thành việc thế-chấp.

Tuy nhiên, nếu người mắc-nợ có giữ một vài tờ cựu-khế thời sự thế-chấp vẫn thành, nhưng người chủ-nợ cớ thể chịu thiệt về việc các cựu-khế đã giữ lại ấy có giao quyền-lợi gì cho người đệ-tam nào, mà mình không biết để tránh, nhưng mình lại được thua người mắc-nợ.

Hai bên cũng có thể ước-định với nhau rằng bất-động-sản đem thế-chấp cùng tự-khế về bất-động-sản ấy sẽ giao cho một người đệ-tam nào mà hai bên đã chọn để coi ngó và giữ lấy.

Điều thứ 1535. — Khi nào sự đăng-ký của việc thế-chấp ở trong sổ bảo-tồn điền-trạch chưa xóa bỏ đi, thời việc thế-chấp ấy vẫn được viện ra tranh-nại với người đệ-tam ; tuy nhiên, người chủ nợ phải săn sóc về việc coi giữ văn-khế ; người chủ nợ vì việc đảm-bảo không được giao trả văn-khế ấy cho người mắc nợ trước khi sự thế-chấp hết.

Khi nào quan sức xuất trình văn-khế thế-chấp thời do người chủ nợ hay do người đệ-tam nào mà hai bên cử ra để coi giữ khế phải xuất trình văn-khế ấy.

Điều thứ 1536. — Hai bên được tự ý ước-định với nhau cách thức đúng phép về việc thế-chấp bất-động-sản.

Điều thứ 1537. — Trong trường-hợp thế-chấp mà có thực giao ruộng đất, và nếu không có lời ước về điều ấy, thời người chủ nợ được hưởng bất-động-sản thế-chấp theo tục-lệ ở bản-xứ.

Nếu không có tục-lệ rõ ràng, thời người chủ nợ sẽ coi như là người đứng thuê đối với người cho thuê mà thôi ; người chủ nợ phải chịu các việc sửa chửa thường.

Điều thứ 1538. — Nếu đã ước-định rằng hễ trả nợ xong rồi thời phải giao trả bất-động-sản thế-chấp, thời người chủ nợ được hưởng hoa-lợi của bất-động-sản ấy cho đến

ngày trả xong nợ, và cả hoa-lợi chưa gặt mà người chủ nợ đã xuất tài xuất lực để trồng trọt.

Điều thứ 1539. — Khi nào quá hạn rồi nợ mới trả xong cũng thế, nhưng chỉ khi nào người chủ nợ đã do lòng ngay mà hưởng mới được.

Nếu xét ra không có lòng ngay ấy, thời người chủ nợ chỉ được lấy lại cái giá tiền công và các tiền phí-tổn khác đã chi ra một cách có ích như người nghiệp-chủ phải chi mà thôi, có khi phải cho người nghiệp-chủ một kỳ-hạn để trả các tiền ấy cho đến khi gặt hoa-lợi.

Điều thứ 1540. — Người chủ nợ hưởng bất-động-sản thế-chấp phải giữ gìn trông nom bất-động-sản ấy như của mình, bằng không mà để đến nỗi bất-động-sản ấy kém giá đi thời phải chịu trách-nhiệm.

Điều thứ 1541. — Khi người chủ nợ trông nom không châu đáo hay là lạm hưởng, nên làm thiệt hại đến bất-động-sản, thời người mắc nợ có thể xin bắt người chủ nợ giao trả bất-động-sản ấy lại mà thế một vật đảm-bảo tương-đương khác vào, hay là khi nào có định một kỳ-hạn lợi cho người chủ nợ, thời người mắc nợ được trả nợ mà lấy bất-động-sản ấy lại.

Điều thứ 1542. — Người mắc nợ phải trả lại cho người chủ nợ những khoản chi phí đặc-biệt có ích và cần thiết mà người chủ nợ đã chi ra để bảo-tồn bất-động-sản thế-chấp, các khoản tiền ấy được gia vào tiền nợ và phải trả trước các khoản nợ khác sau khi đã khấu tiền án-phí rồi.

Người mắc nợ không phải trả lại các số tiền mà người chủ nợ đã chi ra để sửa sang làm cho bất-động-sản tăng giá-trị lên mà không có minh thỏa-thuận trước.

Điều thứ 1543. — Khi trả xong nợ rồi thời người chủ nợ hay người đệ-tam mà hai bên đã cử ra phải giao trả lại tài-sản thế-chấp cho người mắc nợ hay nếu vì lỗi mình mà tài-sản ấy bị mất mát đi, thời phải chiếu giá trả tiền.

Điều thứ 1544. — Kể từ ngày đã hết hạn mà người mắc nợ đã đem tiền xin trả, thời hoa-lợi về người mắc nợ được hưởng, trừ ra có khi người chủ nợ lại phải bồi tổn-hại vì chậm giao trả nữa, nhưng phải theo thể-lệ định ở các điều 1537, 1538 và 1539 trên nầy.

Điều thứ 1545. — Nếu không ước-định khác với nhau, thời vẫn về phần người nghiệp-chủ phải nộp thuế về bất-động-sản mà mình đã đem thế-chấp.

Tuy nhiên, nếu người nghiệp-chủ không nộp thuế, thời hoa-lợi mà người chủ nợ được hưởng ấy làm đảm-bảo cho việc thâu thuế, nhưng người chủ nợ được kiện lại người nghiệp-chủ mắc nợ.

Điều thứ 1546. — Khi việc thế-chấp chỉ giao văn-khế lấy lệ cho người chủ-nợ để đảm-bảo món nợ mà thôi, thời phải theo thể-lệ định ở chương thứ VI thiên nầy định về khế-ước ấy.

Điều thứ 1547. — Người mắc-nợ vì lỗi mình hay vì mình sơ-suất nên làm cho kém giá cái bất-động-sản đã đem đảm-bảo mà mình giử lại để hưởng hoa-lợi, nếu người ấy không thể kiếm cách khác làm đảm-bảo thời không được chờ đến hạn mới trả nợ.

Điều thứ 1548. — Khi nào người mắc-nợ giử lại bất-động-sản thế-chấp để hưởng hoa-lợi mà trả tiền thuê hay tiền lãnh-canh bất-động-sản ấy cho đến khi hết nợ thời coi là việc thế-chấp chỉ giao văn-khế lấy lệ mà thôi.

Gặp trường-hợp ấy thời số tiền thuê hay tiền lãnh-canh sẽ được giảm bớt theo thể-lệ định về việc cho vay lấy lời, trừ ra có khi người chủ-nợ lại phải bị phạt về tội cho vay nặng lãi nữa.

Điều thứ 1549. — Trong việc thế-chấp mà có giao thật bất-động-sản khi đã giao-ước rằng sau một kỳ-hạn đã định thời phải giao lại bất-động-sản cho người mắc-nợ, như vậy thời cái hoa-lợi của bất-động-sản trong thời-kỳ người chủ-nợ hưởng là thay vào giá tiền vốn và tiền lời, thời không cần phải xét khế thế-chấp ấy là làm không đúng thể-lệ về việc cho vay có tính lời và cho vay nặng lãi.

Tuy nhiên, hạn giao bất-động-sản ấy không được quá 15 năm, kể từ ngày lập khế và dù có định hạn dài hơn cũng mặc, cứ hết hạn 15 năm là phải trả lại cho người mắc nợ đứng đòi, ngoài ra có khi phải bồi thường tổn hại nữa, và người mắc-nợ không phải chịu gánh thêm phí-tổn gì cả.

Điều thứ 1550. — Khi nào món nợ mà có đem bất-động-sản làm đảm-bảo ấy đã trả xong, hay là khi nào bán bất-động-sản ấy để khấu nợ hay khi nào bất-động-sản ấy mất đi, thời là hết chuyện thế-chấp.

Điều thứ 1551. — Không khi nào người chủ-nợ tự-nhiên được thành nghiệp-chủ cái bất-động-sản thế-chấp, vì đáo-hạn mà người mắc-nợ không trả. Điều-khoản nào định trái lại là vô-hiệu.

Người chủ-nợ không được hưởng lệ thủ-đắc thời-hiệu, dù đã hưởng lâu cũng mặc.

Điều thứ 1552. — Người chủ-nợ chỉ được quyền xin phát-mại bất-động-sản thế-chấp để được trả trước các chủ-nợ khác, trừ ra phải trả trước các tiền mà luật đã định, hay là các vật quyền khác đã đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch, hoặc trước-bạ từ trước khi có việc thế-chấp.

Điều thứ 1553. — Nếu không có việc tranh-tụng, thời có thể phát-mại được, quan tòa sơ-cấp sẽ làm lệnh mà đòi người nghiệp-chủ đến hầu và truyền sự tịch-biên thi-hành.

Điều thứ 1554. — Phát-mại bất-động-sản thời phải đặt một giá ngang với món nợ và các khoản phí-tổn, và quan Tòa sẽ phân phó giá bán, dù giá bán được bao nhiêu cũng vậy, và các điều ấy đều phải làm theo thể-lệ về việc thi hành án nữa.

Nếu không ai ưng mua bằng cái giá đã định, thời người chủ nợ thế-chấp được kể là người đấu được.

Vả lại, khi nào tiền đấu giá phát-mại bất-động-sản thế-chấp đã trả xong rồi, quan Tòa phải cấp cho người đấu được một cái lệnh kể rõ công việc phát-mại và sức xóa bỏ các chữ đăng-ký về việc thế-chấp tại các nơi đã có việc đăng-ký ấy.

Điều thứ 1555. — Khi việc thế-chấp đã mản hạn rồi thời người mắc nợ hay là các người chủ nợ khác của người mắc nợ ấy và các người khác có quan-hệ đến tài-sản đem thế-chấp ấy có thể theo các điều-kiện nói trên mà xin bán bất-động-sản thế-chấp cũng như người chủ nợ thế-chấp vậy, người nầy không thể ngăn trở được.

Điều thứ 1556. — Nếu có sự tranh-tụng, quan Tòa sẽ xét rồi xử án, án ấy phải theo thể-thức thông-thường mà thi-hành.

Về trường-hợp nầy, thời ngay khi việc trả tiền đấu giá bất-động-sản thế-chấp xong rồi, quan Tòa coi việc thi-hành án phải cấp cho người đấu được một cái lệnh truyền xóa bỏ sự đăng-ký việc thế-chấp ở các nơi mà trước đã đăng-ký.

Điều thứ 1557. — Những người có chức-trách giữ gìn sổ sách đăng-ký việc thế-chấp, thời khi nào người đương sự đến xin ; hoặc có xuất trình giấy thế-chấp và trích-lục hay văn-khế giao làm đảm-bảo hoặc khi có giấy của người chủ nợ công nhận việc thế-chấp hết hạn mà có công-chức thị-thực, hoặc tuân theo lệnh tòa-án đã định ở điều 1533 và 1556 trên nầy hay án chung-thẩm truyền xóa bỏ, thời sẽ xóa bỏ việc thế-chấp đi, vả các điều ấy phải làm theo thể-lệ riêng định về việc bảo-tồn điền-trạch nữa.

Điều thứ 1558. — Các khoản phí về văn-tự và chi phí phụ khác về việc làm khế-ước lập thành hay tiêu hủy việc thế-chấp bất-động-sản thời về phần người mắc nợ phải chịu.

Tiền phí-tổn sự bán bất-động-sản thế-chấp sẽ lấy trước r ong giá bán, nếu giá ấy không đủ trả thời người đứng xin bán phải trả thêm cho đủ, nhưng người ấy được kiện lại người mắc nợ.

Điều thứ 1559. — Những việc thế-chấp bất-động-sản để đảm-bảo nợ của Nông-phố Ngân-hàng thời vẫn cứ theo thể-lệ riêng thuộc về các Ngân-hàng ấy.

TIẾT THỨ III

Nói về quyền đề-đương

Mục thứ nhất. — *Điều-khoản chung*

Điều thứ 1560. — Quyền đề-đương là một việc đảm-bảo bằng tài-sản tuy không làm cho người nghiệp chủ tài-sản bị đề đương mất ngay quyền nghiệp-chủ ấy đi,

nhưng người chủ nợ được quyền xin tịch-biên, dầu bất-động-sản ấy vào tay ai cũng mặc, để đem ra phát-mại lấy tiền trừ nợ, trước các người chủ nợ khác.

Điều thứ 1561. — Quyền đề-đương chỉ được lập theo trường-hợp và thể-thức luật-định mà thôi.

Điều thứ 1562. — Có thể lập quyền đề-đương, để đảm-bảo một món nợ nào cũng được, bất cứ là nợ đã vay rồi, nợ sẽ vay hay là nợ có thể sẽ vay.

Điều thứ 1563. — Không những quyền nghiệp-chủ bất-động-sản chuyển-dịch được, mà cả đến quyền hưởng-dụng thu lợi và quyền thuê dài hạn, trong thời-hạn được hưởng các quyền ấy, đều có thể đem đề-đương được cả.

Bất-động-sản đã thế-chấp rồi, cũng đem đề-đương được.

Điều thứ 1564. — Sự đề-đương phải chỉ rõ là bất-động-sản hay quyền-lợi nào bị đề-đương và phải chỉ rõ số tiền nợ có đề-đương, cả chính cả phụ là bao nhiêu, nếu không chỉ rõ số tiền ấy được, thời ước lượng mà biên.

Điều thứ 1565 — Tuy nhiên, người chủ nợ một món nợ sinh lời chỉ được quyền đề-đương đảm-bảo việc trả tiền lời ấy trong hạn ba năm mà thôi, dù có điều-khoản định trái mặc lòng; nhưng có thể lập ra quyền đề đương khác để đảm-bảo việc trả tiền lời còn lại quá hạn ba năm ấy được.

Điều thứ 1566. — Sự đề-đương không thể lập ra thuộc về nhiều bất-động-sản một lần được nếu cần có nhiều bất-động-sản có trích-lục riêng để đảm-bảo một món nợ, thời giấy lập sự đề-đương ấy phải kê rõ từng bất-động-sản một và cái bất-động-sản nào đề-đương bao nhiêu tiền nợ cũng phải kê rõ, nếu không thời vô-hiệu.

Điều thứ 1567.— Sự đề-đương có thể lập về một bất-động-sản mà người mắc nợ do một cớ gì chỉ có quyền huyền-sĩ hay quyền ấy có thể bị kiện xin tiêu bải hay coi là vô-hiệu, nhưng sự đề-đương cũng có thể vì các cớ ấy mà bị đình-chỉ và thủ-tiêu.

Điều thứ 1568. — Phàm bất-động-sản nào đã bị đề-đương, thời những sự sửa sang cho tốt thêm về bất-động-sản ấy, cũng phải thuộc về sự đề-đương cả.

Điều thứ 1569. — Nếu cái bất-động-sản nào đã đem đề-đương rồi mà về sau người mắc-nợ đem chuyển-dịch về tay người khác, và nếu người thủ-đắc có sửa đổi hình thể cái bất-động-sản ấy, thời các sự hư hỏng sinh ra do lỗi người ấy đến nỗi làm thiệt-hại đến các chủ-nợ đề-đương, thời người thủ-đắc ấy có thể bị kiện bồi tổn-phí.

Về phần người ấy thời có thể đòi lại tiền mình đã chi ra để sửa sang cho bất-động-sản tốt thêm, nhưng chỉ được đòi ngang với số đã làm tăng giá-trị bất-động-sản ấy lên mà thôi.

Điều thứ 1570. — Một bất-động-sản có thể lần lượt đem đề-đương trong một lúc để đảm-bảo nhiều món nợ khác nhau.

Điều thứ 1571.— Muốn được viện ra tranh-nại với người đệ-tam thời sự đề-đương phải đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch.

Chính ngày đăng-ký ấy định thứ tự về việc thi-hành quyền ưu-tiên.

Điều thứ 1572. — Khi nào một bất-động-sản bị tịch-biên rồi thời không thể đề-đương được, hay khi bất-động-sản bị đề-đương mà chưa từng đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch là của người mắc-nợ, thời cũng không đem đề-đương được.

Điều thứ 1573. — Khi nào số nợ có đảm-bảo đã đáo-hạn rồi mà người mắc-nợ không trả, thời người chủ-nợ để-đương có thể xin phát-mại bất-động-sản bị để-đương hay cái vật quyền bị để-đương, bất cứ là thứ tự của mình trước hay sau cũng vậy.

Điều thứ 1574. — Khi người chủ-nợ có giấy má về việc để-đương đúng phép có đơn xin, thời quan tòa phải phát-mại ngay bất-động-sản bị để-đương, như thi-hành một cái án hộ vậy.

Điều thứ 1575.— Quyền để-đương hoặc do hai bên giao-ước với nhau mà thành, hoặc do tòa-án truyền.

Mục thứ hai. — *Nói về quyền để-đương do hai bên giao-ước với nhau mà thành*

Điều thứ 1576. — Khi nào người mắc-nợ tự ý giao quyền để-đương cho người chủ-nợ, thời gọi là quyền để-đương do hai bên giao-ước với nhau mà thành.

Điều thứ 1577. — Việc lập quyền do hai bên giao-ước với nhau để-đương chỉ là một khoản phụ cho một khế-ước, thường là khế-ước cho vay tiền, mà quyền để-đương để đảm-bảo cho việc trả nợ.

Việc để-đương ấy có thể hoặc định ở trong khế-ước về nghĩa-vụ chính, hoặc làm ra giấy riêng, dù làm về sau cũng được.

Điều thứ 1578. — Cha mẹ người vị-hôn-thê, hay người vị-hôn-thê ấy có thể định trong hôn-khoán việc để-đương bất-động-sản của người vị-hôn-phu hay của cha mẹ người vị-hôn-phu ấy để đảm-bảo việc lấy lại của hồi-môn.

Điều thứ 1579. — Giấy lập quyền để-đương do hai bên giao-ước với nhau phải có viên-chức thị-thực, nếu không

thời vô-hiệu. Lại phải tuân theo thể-lệ về việc bảo-tồn điền-trạch mà đăng-ký vào sổ nữa.

Điều thứ 1580. — Tiền phí-tổn về việc lập quyền đề-đương thời do người mắc nợ chịu, trừ khi có ước-định trái lại thời không kể.

Điều thứ 1581. — Người nào có tư-cách chuyển-dịch bất-động-sản hay có quyền đem đề-đương, thời mới có thể lập-ước đề-đương được.

Điều thứ 1582. — Bất-động-sản của những người vô tư-cách về đường pháp-luật, người vị-thành-niên hay người bị cấm-quyền thời chỉ khi nào có tuân theo thể-lệ thiên thứ IX quyển I luật nầy định về nhân-thế của những người ấy mới có thể đem đề-đương được.

Điều thứ 1583. — Bất-động-sản của những người thất-tung thời chỉ khi nào có tuân theo thể-lệ định về việc chuyển-dịch bất-động-sản ấy ở điều 58 luật nầy, mới đem đề-đương được.

Điều thứ 1584. — Những pháp-nhân-công muốn đem đề-đương bất-động-sản của mình thời phải tuân theo thể-lệ riêng định về những pháp-nhân ấy.

Mục thứ ba. — *Nói về quyền đề-đương cưỡng - bách*

Điều thứ 1585. — Khi nào quyền đề-đương do lệnh tòa-án truyền, thời gọi là đề-đương cưỡng-bách.

Điều thứ 1586. — Tòa-án nào cũng có thể hoặc do người chủ-nợ đơn xin, hoặc tự ý mình làm án cho người chủ nợ được quyền đề-đương, nếu xét ra cần phải bảo-vệ quyền-lợi của người chủ-nợ ấy, bất cứ bất-động sản đem đề-đương tọa-lạc tại chỗ nào cũng vậy.

Quan chánh tòa-án đệ-nhị-cấp và quan chánh tòa-án sơ-cấp có thể theo điều-kiện nói trên mà làm lệnh truyền đề-đương khi bất-động-sản đem đề-đương ấy tọa-lạc trong hạt mình.

Khi nào việc đề-đương nói trên nầy có thể lập được và đủ đảm-bảo thời việc đề-đương ấy có thể tùy theo tình-trạng mà thế cho việc tịch-biên bảo-thủ.

Điều thứ 1587. — Khi nào có hội-đồng gia-tộc đơn xin, thời tòa-án sơ-cấp nơi có việc giám-hộ người vô-tư-cách về đường pháp-luật, người vị-thành-niên hay người bị cấm-quyền phải truyền đem đề-đương các bất-động-sản của người giám-hộ, cần để đảm-bảo việc quản-lý tài-sản của người ấy mà người giám-hộ được quản-trị.

Tòa-án ấy cũng có thể do người thân thuộc hoặc bạn thân của người vô-tư-cách ấy đơn xin, hay tự ý mình mà truyền việc đề-đương nói ở trên, sau khi đã xét hỏi ý-kiến của hội-đồng gia-tộc và đòi hỏi người giám-hộ rồi.

Người giám-hộ được tùy ý chọn đem bất-động-sản nào ra đề-đương thời trình quan tòa hay.

Án truyền việc đề-đương đều là án sơ-thẩm, và tiền phí-tổn sẽ tính vào sự quản-trị của việc giám-hộ, dù quyền-lợi của người vô-tư-cách nhiều hay ít cũng vậy.

Điều thứ 1588.— Người đứng bán, người đánh đổi, hay người cùng chia của không được bên kia ưng-thuận việc đề-đương để bảo-đảm việc trả tất cả hay một phần giá mua, hay tiền bồ, thời có quyền xin tòa-án làm lệnh truyền việc đề-đương bất-động-sản đã bán, đã đổi và đã chia ấy, nhưng phải chịu lấy phí-tổn.

Viên kiến-trúc-sư cùng người thầu-khoán cũng được quyền và theo điều-kiện đã nói trên nầy mà xin tòa-án

truyền việc đề-đương để đảm-bảo việc trả tiền về kiểu hay tiền kiến-trúc một cái nhà cửa gì mà người chủ chưa trả.

Đơn phải xin với quan chánh tòa-án đệ-nhị-cấp nơi bất-động-sản đã đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch và phải tính theo giấy má làm bằng; trong đơn phải nói các điều cần-thiết để làm lệnh.

Điều thứ 1589. — Lệnh tòa-án truyền việc đề-đương phải theo thể-lệ việc bảo-tồn điền-trạch mà đăng-ký vào sổ.

Điều thứ 1590. — Bất cứ về trường-hợp nào xét ra cần phải bảo-vệ quyền-lợi của người chủ nợ, thời trong lệnh truyền việc đề-đương quan tòa có thể truyền rằng những thể-thức đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch sẽ do lục-sự tòa-án sở-tại nơi bất-động-sản đã đăng-ký phải tuân-hành ngay.

Nếu bất-động-sản đem đề-đương đã đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch ở ngoài địa-hạt mình, thời phải gởi ngay một bản trích sao bản án ấy cho viên lục-sự tòa-án đệ-nhị-cấp sở-tại nơi bất-động-sản đã đăng-ký để viên ấy đòi đem đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch.

Điều thứ 1591. — Khi nào quan tòa cũng phải ủy viên lục-sự đòi đem đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch những việc đề-đương cưỡng-bách do tự ý quan tòa truyền làm.

Điều thứ 1592. — Nhà-nước không khi nào chịu trách-nhiệm về việc đăng-ký trễ nãi, nhưng viên lục-sự có lỗi có thể bị bồi tổn-hại cho người bị thiệt.

Viên lục-sự được lĩnh tiền đã định về lệ-phí để bù cái trách-nhiệm ấy.

Điều thứ 1593. — Trừ khi nào viên lục-sự theo luật hay là theo lệnh tòa-án truyền việc đề-đương cưỡng-bách phải đòi đem đăng-ký việc đề-đương ấy vào sổ bảo-tồn điền-

trạch thời không kể, việc đòi đem đăng-ký ấy thời do người chủ-nợ phải làm và phải chịu lấy phí-tổn, nhưng người chủ-nợ ấy làm thời được thưa lại người mắc-nợ.

Vậy thời 24 giờ sau khi quan tòa ký bản chính cái án hay là cái lệnh truyền việc để-đương, thời viên lục-sự phần-hành phải làm ra một bản sao cái lệnh hay một bản trích sao cái án ấy mà giao cho người chủ-nợ, khi người nầy đã ký nạp số tiền để trước-bộ (trong những trường-hợp lệ có định phải trước-bộ).

Nếu viên lục-sự được người hưởng việc để-đương cưỡng-bách làm giấy cho mình được quyền đòi đem đăng-ký thế cho người ấy, thời viên lục-sự cũng được làm, khi ấy người chủ phải trả tiền lệ-phí cho viên lục-sự theo luật định về các tiền án-phí.

Điều thứ 1594. — Người chủ-nợ không được hưởng quyền ưu-tiên gì đối với những việc để-đương cưỡng-bách mà đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch sau khi người mắc-nợ bị vỡ nợ rồi ; chỉ khi nào người mắc-nợ đã trả xong nợ rồi mà bất-động-sản bị để-đương vẫn còn là của người mắc-nợ, thời việc để-đương nói trên nầy mới có hiệu-lực.

Mục thứ 4. — *Nói về việc tiêu-hủy quyền để-đương*

Điều thứ 1595. — Gặp những trường-hợp sau nầy thời việc để-đương sẽ tiêu :

1) Khi nghĩa-vụ mà quyền ấy đảm-bảo bị tiêu ;

2) Khi người chủ-nợ từ-khước quyền ấy ;

3) Khi đã do người đệ-tam giữ quyền ấy làm trọn thủ-tục giải trừ.

Điều thứ 1596. — Theo lệ thông-thường thời kỳ-hạn việc để-đương cũng bằng kỳ-hạn của nghĩa-vụ chính mà việc ấy đảm-bảo.

Tuy nhiên, người chủ-nợ đề-đương từ-khước sự đảm-bảo ấy, dù là vì người mắc-nợ đã trả xong nợ hay vì cớ gì khác mặc lòng, đều phải nói rõ ràng tại trong giấy nhận thực là nợ đã trả hay là trong giấy riêng mới được.

Điều thứ 1597. — Khi nào trả hết nợ rồi, thời người chủ bất-động-sản bị đề-đương có quyền yêu-cầu người chủ-nợ phải làm giấy thuận-tình cho xóa bỏ việc đề-đương.

Điều thứ 1598. — Những giấy tờ chứng nhận sự từ-khước việc đề-đương của người chủ-nợ, hay sự tiêu-hủy nghĩa-vụ chính phải có công chức thị-thực, cần cho việc xóa bỏ.

Điều thứ 1599. — Tiền phí-tổn về việc xóa bỏ thời người mắc-nợ phải chịu, trừ khi có ước-định trái lại hay là khi nào người chủ-nợ không có duyên-cớ chính-đáng mà từ-khước sự thỏa-thuận mà xóa bỏ, thời không kể.

Điều thứ 1600. — Người nghiệp-chủ bất-động-sản bị quyền đề-đương mà không phải chính mình là mắc-nợ, thời có thể giải trừ cho bất-động-sản ấy theo như cách thức đã định về sự người mắc-nợ trả nợ.

Người ấy được thế hưởng quyền-lợi người chủ-nợ mà người ấy đã trả.

Điều thứ 1601. — Khi nào một bất-động-sản bị đề-đương về nhiều món nợ quá giá bất-động-sản ấy, mà người thủ-đắc bất-động-sản ấy không phải chính mình là người mắc-nợ, thời trước khi trái-chủ thưa kiện người ấy có thể xin giao giá mua cho các chủ nợ để giải trừ việc đề-đương, hay khi nào có thủ-đắc mà không mất tiền, thời trỉ giá bất-động-sản là bao nhiêu tiền mà giao bấy nhiêu.

Điều thứ 1602. — Vậy người thủ-đắc phải nạp ở phòng lục-sự tòa-án đệ-nhị-cấp tại nơi bất-động-sản bị đề-đương đã đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch một tờ giấy xin nộp tiền ấy và một tờ giấy kê các việc đăng-ký đã do sở bảo-tồn điền-trạch cấp cho ; người ấy phải ký nộp tiền phí-tổn rồi viên Lục-sự phải phát biên nhận tất cả.

Điều thứ 1603. — Giấy xin nộp tiền ấy phải do viên Lục-sự chiếu trú sở của mỗi người chủ-nợ đã biên ở trong tờ kê việc đăng-ký mà lục-tống cho họ và báo cho biết rằng nếu họ cho số tiền ấy là không đủ thời trong hạn 40 ngày kể từ ngày sau ngày lục-tống làm đầu, họ được quyền ký nạp tiền phí-tổn trước mà xin đem phát-mại bất-động-sản bị đề-đương ấy, nhưng nếu đem phát-mại mà giá bán không cao hơn thời các chủ-nợ đứng xin phát-mại ấy phải chịu tiền phí-tổn, không được kiện đòi lại người mắc-nợ, dù có ước-định trái lại mặc lòng.

Điều thứ 1604. — Người chủ-nợ nào muốn xin phát-mại bất-động-sản bị đề-đương thời trước khi mản-hạn 40 ngay đã dịnh ấy phải nạp ở phòng lục-sự đơn xin đấu mại và phải ký nạp tiền trước cho đủ trả tiền phí-tổn về việc đấu mại.

Nếu có nhiều đơn xin đấu-mại, thời tiền phí-tổn ấy sẽ chiếu theo số nợ của mỗi người trái-chủ xin đấu mại nhiều hay là ít mà sai phân.

Điều thứ 1605. — Đơn xin đấu-mại khi đã nạp ở phòng lục-sự rồi thời khôug thể rút lui được nữa, trừ khi các chủ nợ khác có đồng thuận thời mới rút được.

Điều thứ 1606. — Khi có đơn xin đấu-mại cùng tiền phí-tổn đã ký nạp ở phòng lục-sự rồi thời viên lục-sự trình lên quan chanh-án để quan chánh-án truyền đem phát-mại bất-động-sản bị đề-đương, việc phát-mại ấy cùng việc trả tiền đấu giá thời phải tuân theo thể-lệ đã định

về việc thi-hành án mà làm, số tiền đặt giá thời lấy theo giá mà người thủ-đắc đã tình-nguyện trả mà đặt.

Điều thứ 1607. — Nếu không ai ưng trả đến cái số tiền đặt giá thời người thủ-đắc đứng xin giải trừ được kể là người đấu giá được theo cái giá mà y tình-nguyện được trả, không phải chịu phí-tổn gì về việc đấu-mại.

Điều thứ 1608. — Khi nào không có ai đấu-mại cái bất-động-sản bị đề-đương, thời viên lục-sự phải xét lại những bản chính các tờ lục-tống về việc tình-nguyện nộp tiền cho các chủ-nợ đã trả lui cho mình chưa, để xem các việc lục-tống ấy đã làm đúng phép hay không và đã lục-tống quá 40 ngày chưa, nếu đúng thời các người chủ-nợ không thể xin đấu-mại được nữa.

Khi ấy viên lục-sự phải cho người thủ-đắc biết rằng không ai xin đấu-mại và người ấy được đem nộp ở phòng lục-sự cái số tiền mà người ấy đã tình-nguyện trả cho các người chủ-nợ đề-đương.

Điều thứ 1609. — Viên lục-sự phải phát biên-nhận số tiền tình-nguyện trả ấy cho người thủ-đắc, giấy biên-nhận ấy phải do quan chánh án phê duyệt, rồi định ngày mở phiên tòa để phân phát giá ấy như phân phát giá tiền đấu-mại.

Điều thứ 1610. — Phân phát tiền đấu-giá phát-mại hay tiền người thủ-đắc tình-nguyện trả để giãi-trừ, thời phải theo thứ tự định sau nầy :

1) Tiền án-phí ;

2) Tiền công hay tiền thuê của người làm việc, người thợ hay người đầy-tớ trong giới-hạn luật định người nào được lãnh trước, người nào sau ;

3) Tiền thuê nhà và tiền thuê ruộng, trong giới-hạn luật định về quyền ưu-tiên của người cho thuê ;

4) Món nợ mà bất-động-sản ấy đã thế-chấp để đảm-bảo hay các món nợ có việc để-đương đảm-bảo, tùy theo thứ tự các việc thế-chấp và việc để đương đã đăng-ký;

5) Các món nợ chỉ có tư-thự chứng-thư.

Điều thứ 1611. — Những việc để-đương nào cùng đăng-ký trong một ngày thời các người chủ-nợ để-đương ấy cũng được quyền ưu-tiên như nhau.

Điều thứ 1612. — Khi nào có cả việc thế-chấp và việc để-đương mà việc để-đương đăng-ký vào sổ bảo-tồn điền-trạch trước việc thế-chấp, thời người chủ nợ để-đương được quyền ưu-tiên.

Việc thế-chấp và việc để-đương cùng đăng-ký một ngày đều có quyền ưu-tiên như nhau.

Điều thứ 1613. — Khi nào giá tiền không đủ trả tất cả tiền nợ thời số tiền chia cho các chủ-nợ để-đương hay chủ-nợ thế-chấp cùng đăng-ký trong một ngày, hoặc chia cho các chủ-nợ chỉ có tư-thự chứng-thư thời sẽ chiếu theo số nợ từng người nhiều hay là ít mà sai phân.

Điều thứ 1614. — Khi phân phát giá tiền rồi thời những sự đảm-bảo bằng của bị giãi-trừ.

Trong tháng sau khi phân phát giá tiền rồi, viên lục-sự phải theo thể-lệ đã định về sự bảo-tồn điền-trạch mà lục-tống việc giãi-trừ cho viên quản-thủ sổ ấy và yêu-cầu viên nầy phải xóa bỏ các việc đăng-ký đi.

Điều thứ 1615. — Những thể-lệ trên nầy, về việc để-đương sẽ đem thi-hành sau hạn ba tháng kể từ ngày lập sổ đăng-ký điền-thổ ở mỗi thành phố hay ở mỗi phủ, huyện, châu, làm đầu.

QUYỂN THỨ V

Nói về cách viện - chứng

Điều thứ 1616. — Người nào khai ở trước quan tòa rằng việc gì là có, việc gì là không, để làm lợi cho mình, thời phải viện chứng.

Bên đối-tụng cải lại một việc gì mà bên kia đã khai ra, hay mình dẫn việc gì để phá cái hiệu lực về việc bên kia khai ra, thời cũng phải viện chứng.

Điều thứ 1617. — Phàm bên nguyên hay bên bị, không chiếu luật mà chứng rõ tất cả hay một phần lời khai của mình, hay là gặp khi quan tòa được tự-do xét lượng về chứng-cớ, mà mình không làm quyết được lòng tin của quan tòa, thời trong lời thỉnh-cầu hay trong lời chống cải của mình, phần nào không chứng rõ được, phải bị bác.

Điều thứ 1618. — Cách viện-chứng như sau nầy :

1) Sự kinh-nghiệm riêng của tòa-án ;

2) Lời chứng của người ta, tức là cách viện-chứng trực-tiếp ;

3) Sự phỏng-đoán, tức là cách viện-chứng gián-tiếp.

CHƯƠNG THỨ I

Nói về sự kinh-nghiệm riêng của tòa-án

Điều thứ 1619. — Khi nào tòa-án đoán được đích xác về các việc phân-tranh, thời có thể lấy sự kinh-nghiệm riêng mà xử việc kiện được, như là :

1) Hỏi các người đương-sự, hoặc hỏi các người thay mặt những người ấy, xét các sự vật bị kiện, hay là các giấy má về việc kiện, và giải-thích luật-văn ;

2) Đến khám nơi có việc phân-tranh ;

3) Chiếu tờ trình của người giám-định.

TIẾT THỨ I

Nói về sự hỏi các người đương-sự, hoặc các người thay mặt những người ấy ; xét các sự vật bị kiện, hay là các giấy má về việc kiện, và giải-thích luật-văn.

Điều thứ 1620. — Trừ những khi chính người đương-sự đã thú-nhận không kể, còn ngoài ra, nếu chiếu lời thuyết-minh của người đương-sự, hoặc người thay mặt các người ấy tại trước tòa-án ; mà xét ra lời thỉnh-cầu hay lời chống cải không có chứng-cớ, hay là việc kiện sớm quá, thời tòa-án có thể bác đơn đi, hay là hoản xét đến chính việc.

Nếu tòa-án xét sự vật đương tranh kiện, hay là các giấy má về việc kiện không phải là hạng giấy làm chứng trực-tiếp, mà cũng đoán định được như thế, thời cũng theo như trên.

Điều thứ 1621. — Nếu việc kiện chỉ thuộc về việc định giá một sự tổn-hại, một khoản lợi không được hưởng, hay là giá tiền phải nộp về một việc không ai tranh-nại và nếu sau khi đã nghe các người đương-sự hay là những người thay mặt các người ấy, tòa-án đã có đủ tài-liệu cần để làm việc định giá rồi, thời có thể tự làm lấy.

Điều thứ 1622. — Nếu việc kiện thuộc về một vấn-đề pháp-luật, về những việc mà hai bên không tranh-nại hay là đã có bằng-cớ, thời sau khi tòa-án đã nghe các người đương-sự hay là những người thay mặt các người ấy, cứ bằng luật-ý và luật-văn mà giải-thích để định đoán.

Khi nào luật-văn hối-nghĩa, hay là có sự nghi ngờ về ý-nghĩa và phạm-vi điều luật, hay là sánh với điều luật khác thuộc về công việc ấy hay là việc tương-tự, hoặc là có thể trái nghĩa lại, hẹp nghĩa đi, rộng nghĩa ra, thời tòa-án phải vừa chiếu theo tục-lệ, vừa châm-chước những sự cải-cách trong tư-tưởng, phong-tục, học-thức, tình-trạng kinh-tế xã-hội của vùng có việc tương-tranh mà đem điều luật ấy thi-dụng một cách rộng rãi, hợp nhân-đạo, cho thích-đáng với sự thực cùng sự cần về đường sinh-hoạt ngày nay và trong hoàn-cảnh hiện thời.

TIẾT THỨ II

Đến khám nơi có việc phân-tranh

Điều thứ 1623. — Trong những việc kiện thuộc về bờ cõi ruộng đất, quyền địa-dịch, quyền chấp-hữu, sự thiệt-hại về tài-sản, sự công-tác về nhà đất, hay là những việc kiện khác tương-tự như thế, cùng là khi cần phải

xét thực hiện-trạng những vật động-sản khó di-dịch đi được, nếu quan tòa liệu định nên trực-tiếp xem xét những việc ấy để phát-minh sự thực, thời có thể hoặc tự mình, hoặc do người đương-sự thỉnh-cầu, thân-hành đến tận nơi có những vật ấy hay là có những tài-liệu để quyết định về việc kiện, mà khám xét.

Nếu tòa-án họp có nhiều quan tòa, thời sẽ cử một quan tòa làm ủy-viên để đi lý-khám và làm tờ trình.

Điều thứ 1624. — Quan tòa sẽ định ngày giờ và nơi lý-khám đó, sức trước cho người đương-sự phải tự mình hay là ủy người thay mặt đến đấy, nhưng dầu người ấy đã có giấy đòi hỏi đúng phép mà vắng mặt, việc lý-khám của quan tòa vẫn có giá-trị.

Điều thứ 1625. — Việc sức đến dự khám ấy, thời sức trong giấy tống-đạt bản sao cái lệnh của quan tòa định ngày, giờ và nơi lý-khám, cách tống-đạt ấy phải theo thể-thức và kỳ-hạn định về trát đòi đến hầu.

Điều thứ 1626. — Quan tòa có thể tùy việc kiện mà đem theo một người giám-định chuyên-môn để làm việc lý-khám.

Mỗi bên đương-sự cũng có thể đem theo một người giám-định của mình đã chọn để giúp cho mình, nhưng phải trình quan tòa và báo cho bên kia biết trước, ít nữa là ba ngày.

Điều thứ 1627. — Khi nào cần khám xét gấp để tìm ra sự thiệt thời không cần phải định hạn, hay sức trước cho hai bên đương-sự biết.

CHƯƠNG THỨ II

Nói về nhân-chứng hay là bằng-chứng trực - tiếp

Điều thứ 1628.— Phàm các chứng sau nầy đều là nhân-chứng trực-tiếp :

1) Chứng bằng giấy tờ ;

2) Chứng bằng sự khai nhận hoặc thú nhận miệng tại trước tòa-án ;

3) Chứng bằng sự thuận phát-thệ, hoặc không thuận phát-thệ ;

4) Chứng bằng cách khai chứng tại trước tòa-án.

TIẾT THỨ I

Mục thứ nhất. — *Chứng-thư có thị-thực và công-chính chứng-thư*

Điều thứ 1629. — Những giấy thị-thực tức là những giấy do lý-trưởng hay phó-lý nhận là thực và đúng.

Người công-chức thị-thực phải xét kỹ căn-cước các người đương-sự, ý muốn của các người ấy lập khế đưa cho mình thị-thực và bảo ký trước mặt mình.

Việc thị-thực thời do người công-chức biên những lời đã định ở điều 1638 sau nầy rồi ký tên và áp triện vào.

Điều thứ 1630. — Người công-chức có quyền thị-thực các giấy má trong làng là lý-trưởng, hay không có lý-trưởng thời phó-lý.

Điều thứ 1631. — Ở thành phố, thời các giấy má do phường-trưởng thị-thực.

Trong thành phố nào không có phường-trưởng thời do phố-trưởng thị-thực.

Điều thứ 1632. — Nếu chính lý-trưởng là người đương-sự, hay có bà con với một bên đương-sự, hoặc trực-hệ, hoặc anh em con chú con bác, hoặc bà con gần bàng-hệ, thời do chánh-tổng sở-tại thị-thực.

Nếu là người phường-trưởng gặp trường-hợp ấy thời do bang-tá hay viên-chức nào được cử ra thị-thực.

Điều thứ 1633. — Người công-chức thị-thực phải là người ở trú-quán một bên đương-sự lập-ước, khi nào chủ kiện là bất-động-sản thời công-chức sở-tại nơi bất-động-sản ấy thị-thực.

Điều thứ 1634. — Quyền-hạn của lý-trưởng chỉ ở trong bản-xã mà thôi.

Quyền-hạn của phường-trưởng hay là phố-trưởng chỉ ở trong thành-phố mà y coi sóc mà thôi.

Quyền-hạn của bang-tá hay chánh-tổng thị-thực chỉ ở trong địa-hạt sở-tại của công-chức nào bị ngăn trở mà mình thay đó mà thôi.

Điều thứ 1635. — Nếu có nhiều bất-động-sản ở các xã khác nhau, thời khế-ước thuộc về các bất-động-sản ấy phải do lý-trưởng các xã sở-tại thị-thực, và nếu có một bất-động-sản ở thành phố thời phải do phường-trưởng thị-thực nữa.

Nếu có một công-chức sở-tại không thị-thực thời khế lập ra là vô-hiệu đối với bất-động-sản ở nơi địa-hạt sở-tại của công-chức ấy.

Điều thứ 1636. — Giấy thị-thực có thể hoặc do chính người đương-sự viết ra, hoặc do người đệ-tam mà người đương-sự đã chọn ra để viết hộ.

Nếu có bao nhiêu người đương-sự có lợi-quyền riêng nhau thời giấy thị-thực ấy phải làm ra bấy nhiêu bản chính.

Điều thứ 1637. — Người công-chức nào thị-thực giấy má gì thời xét kỹ các bên đương-sự hay các người thay mặt các người đương-sự ấy có đủ mặt hay không và có làm ra nhiều bản đủ giao cho mỗi người đương-sự có quyền-lợi riêng mỗi bản không, nếu không đủ điều-kiện ấy thời phải hoản việc thị-thực.

Điều thứ 1638. — Người công-chức phải đọc lại toàn-văn cho to tiếng và rõ ràng và phải xét xem hai bên đương-sự có thuận tình hay không.

Nếu hai bên đương-sự không dị-nghị gì về các điều đính-ước trong giấy ấy thời công-chức bảo họ ký tên vào ; nếu có người nào không biết hay không thể ký được thời người công-chức phải viết hộ tên cho họ rồi bảo họ in dấu ngón tay vào.

Xong rồi, công-chức ấy thân-thủ, viết những lời thị-thực theo mẫu sau nầy rồi ký tên áp triện xuống dưới.

« Ngày mỗ, tháng mỗ, năm mỗ.

« Tôi là lý-trưởng làng mỗ nhận-thực rằng những « tên mỗ, mỗ, mỗ, đã nghe đọc lại giấy nầy cùng đã « nhận rằng đúng với lời của các người ấy, rồi các người « ấy đã ký tên tại trước mặt tôi ».

(Nếu là phường-trưởng thị-thực thời đề là :

« Ngày mỗ, tháng mỗ, năm mỗ.

« Tôi là phường-trưởng mỗ, ở thành phố mỗ nhận-« thực rằng vân vân . . . »)

(Nếu là chánh-tổng thị-thực thời đề là :

« Ngày mỗ, tháng mỗ, năm mỗ.

« Tôi là chánh-tổng tổng mỗ, thay lý-trưởng làng mỗ, « vì lý-trưởng là người đương-sự (hoặc có bà con với « tên mỗ là người đương-sự) nên phải hồi-ty, nhận-thực rằng v. v. . . »)

Điều thứ 1639. — Người công-chức nào đã nhận-thực

giấy má gì thời phải ghi ngay vào một quyển sổ riêng do quan tỉnh phát cho từng năm một.

Ghi vào sổ phải đánh số thứ tự, sổ ấy phải biên vào mỗi bản chính đã nhận-thực trước khi giao bản chính ấy cho người đương-sự.

Ghi vào sổ ấy phải biên như sau nầy :

1) Ngày tháng và năm giấy nhận-thực ;

2) Tên họ người đương-sự, hay người thay mặt các người ấy ;

3) Chỗ ở các người ấy ;

4) Giấy nhận-thực là giấy gì ;

5) Giấy ấy nói về việc gì ;

6) nhận-thực mấy bản.

Điều thứ 1640. — Phàm công-chức nhận-thực phải chịu trách-nhiệm về việc nhận-thực thuộc về ngày tháng và năm nhận-thực.

Điều thứ 1641. — Người ấy cũng phải chịu trách-nhiệm về căn-cước người đương-sự hay căn-cước những người thay mặt các người đương-sự ấy.

Khi có một người đương-sự nào mà người công-chức nhận-thực không rõ căn-cước, thời người công-chức ấy phải chú rõ ở mỗi bản-chính rằng mình xét căn-cước người ấy thế nào ; ví dụ như biên số hiệu, ngày tháng cùng chỗ đã làm giấy căn-cước hay giấy gì giống như thế đã do người đương-sự xuất ra, hay biên tên những người chứng quen đã nhận người đương-sự ấy rồi bảo các người làm chứng ký vào.

Đối với người thay mặt người đương-sự thời người công-chức thị-thực phải bảo người ấy xuất-trình giấy ủy-quyền của người đương-sự cấp cho mà có công-chức thị-thực rồi bị-chú số-hiệu và ngày tháng năm của tờ giấy ủy-quyền ấy vào các bản-chính tờ khế mà mình thị-thực.

Điều thứ 1642. — Trong việc bán hay là cầm một bất-động-sản, nếu bất-động-sản ấy đã từng đem làm vật quyền gì mà người công-chức thị-thực không rõ ra được rằng mình vì ngay tình mà không biết, và nếu khi thị-thực mình không dị-nghị điều gì (nếu có dị-nghị điều gì thì phải nói rõ duyên-cớ) thời người công-chức thị-thực cũng phải chịu trách-nhiệm về quyền nghiệp-chủ bất-động-sản ấy.

Điều thứ 1643. — Khi đọc lại giấy thị-thực mà có việc tranh-tụng, thời công-chức thị-thực phải thâu các giấy-má lại, rồi lập ngay biên-bản để trình quan Tòa sở-tại xét.

Điều thứ 1644. — Giấy má nào đã thị-thực đúng theo thể-thức định ở các điều trên nầy thời đủ làm tin cũng như là đã do các người ký trong giấy ấy tự tay mình viết ra toàn-văn, dù các người ấy không biết chữ cũng vậy.

Đối với người đệ-tam, ngày tháng năm làm giấy ấy cũng đủ làm tin, trừ khi luật có định trái lại thời không kể.

Điều thứ 1645. — Chỉ khi nào có ai viện ra là có sự gian dối hay giả-mạo mà quan Tòa đã xét kỷ có bằng-cớ rõ ràng thời mới được phá hiệu-lực làm bằng của các giấy thị-thực ấy.

Điều thứ 1646. — Sự biến-cải giấy thị-thực cùng sự giả-mạo hay toan giả-mạo trong việc lập giấy thị-thực sẽ bị luật trừng phạt (Điều 170 và 248 luật Hình).

Điều thứ 1647. — Phàm các thư-khế nào do người công-chức thị-thực làm sai quyền-hạn hoặc không hiểu pháp-luật đến nỗi nhận-thực không hợp phép, hay là thư-khế nào làm không đúng thể-thức thời đối với các

người đương-sự đã thân thủ-ký tên vẫn có hiệu-lực như là tư-thự chứng-thư.

Điều thứ 1648. — Công-chính chứng-thư là giấy má gì do người công-chức làm ra hay là chứng-nhận những việc của người đương-sự đã làm mà người ấy chứng-kiến. Thư khế nào do một công-chức làm đúng quyền-hạn thuộc về địa-hạt, thuộc về tính-cách cái khế-văn đã lập ra và thuộc về tư-cách các người đương-sự, và nếu công-chức ấy không phải là người vô-tư-cách về đường pháp-luật, và nếu thư-khế ấy làm đúng với thể-thức đã do luật định, thời thư-khế ấy mới thật là công-chính chứng-thư. Sẽ có luật riêng và thể-lệ đặt người công-chức được ra giúp việc cho người đương-sự, cùng là định về quyền-hạn, thể-thức và hiệu-lực làm bằng của các chứng-thư ấy.

Điều thứ 1649. — Các công-chính chứng-thư do quốc-dân ta làm với nhau ở ngoài địa-hạt xứ Trung-kỳ, hay các giấy má gì khác đã làm ra mà luật ở nơi ấy đã công nhận cho là công-chính, thời cũng được viện ra làm bằng-cứ và cũng có hiệu-lực làm bằng, miễn là các chứng-thư ấy đã lập ra trong những trường-hợp mà công-chức ta không thị-thực được, mới được.

Mục thứ hai. — *Nói về tư-thự chứng-thư*

Điều thứ 1650. — Tư-thự chứng-thư là chứng-thư do các người đương-sự ký mà thôi, chứ không có công-chức can-thiệp.

Điều thứ 1651. — Tư-thự chứng-thư phải do các người đương-sự hay các người thay mặt các người đương-sự ấy ký tên, chứng-thư ấy làm bằng-cứ cho các người đương-sự đối với nhau.

Hoặc do một người đương-sự viết ra, hoặc do người nào khác viết ra cũng được.

Nếu do người đệ-tam viết ra, thời phải viết tên người tả-ả và người ấy phải ký tên, nếu không thời vô-hiệu.

Điều thứ 1652. — Phàm tư-thự chứng-thư đem đối-nại với ai mà người ấy đã công-nhận rồi, hoặc chiếu luật đáng cho là người ấy đã công-nhận rồi thời những lời giao-ước và những việc đã tự trong chứng-thư ấy đủ làm tin đối với các người ký giấy ấy, cùng là đối với các người thừa-kế hoặc người tiếp hưởng quyền của các người ấy.

Điều thứ 1653. — Phàm người nào đã do người ta đem một tờ tư-thự chứng-thư đối nại với mình, thời tất phải khai minh-bạch rằng chữ viết, chữ ký hay dấu in ngón tay là của mình hay không phải của mình.

Người thừa-kế hoặc người tiếp hưởng quyền người ấy thời có thể chỉ khai rằng mình không biết chử viết, chử ký hoặc dấu in ngón tay trong chứng-thư có phải chính là của người ấy hay không.

Điều thứ 1654. — Khi nào một bên đương-sự không nhận tự-dạng, chử ký hay dấu in tay mà bên kia đã viện ra là của mình, thời do tòa-án sức phải giám-định lại.

Khi nào điểm-chỉ mà người đương-sự kkông nhận và sự điểm-chỉ ấy không do hai người ngoài đã thành-niên, có tư-cách đáng tin, và đã biên rõ chỗ ở vào trong giấy ấy, cùng đã ký tên để làm chứng, thời đối với sự điểm-chỉ ấy không cần phải giám-định ; đối với người không nhận giấy ấy cũng coi như là không có.

Điều thứ 1655. — Phàm tư-thự chứng-thư chứng-nhận về nghĩa-vụ của nhiều người đối lẫn với nhau, hễ có bao nhiêu người đương-sự có quyền-lợi riêng nhau, thời phải làm bấy nhiêu bản chính. Đối với những người đương-sự mà lợi-quyền cùng như nhau, thời chỉ một bản chính là đủ.

Mỗi bản chính phải biên rõ là đã làm ra mấy bản-chính.

Tuy nhiên, người đương-sự không được viện lẽ quên sự không biên ấy mà xin thủ-tiêu bản thư-khế đi được; chỉ được bằng-cứ ở sự xuất trình thư-khế ấy để bắt phải thi-hành các khoản trong thư-khế có lợi cho mình mà thôi; lại có thể yêu-cầu đem thư-khế ấy ký tại nơi công-sở hoặc gởi ở trong tay người đệ-tam.

Điều thứ 1656. — Đối với người đệ-tam, thời cái niên-hiệu về ngày lập tư-thự chứng - thư chỉ được kể từ ngày đã trước-bạ, hoặc tự ngày người làm ra hay là một người trong những người làm ra giấy ấy chết đi, hoặc tự ngày việc biên trong giấy ấy đã được do một giấy nào đã có ngày tháng đích-thực làm chứng.

Điều thứ 1657. — Phàm sổ sách của các người buôn bán thời đối với người không buôn bán, không được viện làm chứng-cớ về những đồ hàng đã bán mà có biên trong đó, trừ khi những sổ sách ấy đem đối - nại với người nào mà người ấy đã công-nhiên hoặc mặc-nhiên nhận xin bằng-cứ ở đó, thời không kể.

Điều thứ 1658. — Những sổ sách của các người buôn bán thời có thể viện làm chứng đối với nhau, nhưng người nào muốn lợi-dụng một điều gì biên trong sổ sách ấy, thời không có thể trích ra mà không công-nhận những điều biên trong sổ ấy mà có trái với lời mình yêu-cầu. Nếu sổ sách thương-mãi mà biên chép đúng luật hay đúng tục-lệ về thương-mãi, thời làm tin đối với các người buôn bán với nhau.

Điều thứ 1659. — Những sổ sách và giấy má việc gia-đình, thời người nào đã biên-chép không thể viện làm ằng-chứng để lợi-dụng cho mình được, trừ khi bên đối-

thủ bằng lòng nhận trước các khoản đã biên-chép ở đây, hay là sổ sách và giấy má đã biên-chép cẩn-thận có thể tin được, thời không kể.

Tuy nhiên, quan Tòa có phép xét đến và tìm ra các mối-manh, tuy không thay cho bằng-chứng được, nhưng cũng có thể bổ trợ cho một bằng chứng do những giấy má khác tìm ra.

Điều thứ 1660. — Phàm những chữ ghi tạc vào bia, vào biển-ngạch và vào chuông-khánh ở các chùa, tức là làm bằng-chứng cho sự cung-tiến và sự tặng-dữ đã ghi vào đấy, cũng là những nghĩa-vụ của người được thừa-hưởng trừ có chứng-cớ trái lại thời không kể.

Điều thứ 1661. — Phàm người chủ-nợ đã ghi chép ở dưới, ở bên cạnh hay là ở đàng sau bức văn-tự, mà y vẫn giữ ở trong tay, nếu lời biên-chép đó có ý nhận cho người mắc-nợ đã trả nợ toàn phần hay là một phần rồi, thời dù người chủ-nợ không ký tên và không đề ngày mặc lòng, cũng đủ làm bằng.

Khi nào người chủ-nợ biên ghi vào đằng sau, bên cạnh bản thứ hai bức văn-tự hay là giấy biên-lai thời cũng thế, miễn là bản thứ hai ấy ở trong tay người mắc-nợ.

Dù có sự ghi chép nói ở đoạn trên nầy mặc lòng, người chủ-nợ hay người thay mặt người ấy cùng người kế-toán công hay tư nếu nhận tiền hay hàng-hóa gì của người ta trả thời đều phải xuất biên-lai.

Người cho vay hay là người kế-toán công hay tư nào hoặc vì sơ-suất hoặc vì cố ý mà không xuất biên-lai nhận một món tiền người ta trả, vốn hay lời, hoặc nhận món tiền thuế gì, thời coi là phạm tội bội-tín định ở điều 366 luật Hình, trừ khi nào người ấy tỏ được rằng đã tức thời giao trả văn-khế cho người mắc-nợ thời không kể.

TIẾT THỨ II

Lời thú-nhận miệng

Điều thứ 1662. — Phàm một bên thú-nhận miệng về một việc có thể đối với mình sinh hiệu-lực về pháp-luật, thời hoặc là thú-nhận ở trong việc án, nghĩa là trong khi tòa-án đương xét việc kiện, hay là thú-nhận ở ngoài việc án cũng được.

Thú-nhận trong khi thử làm hòa-giải, không kể là thú-nhận trong khi tòa-án đương xét việc kiện.

Mục thứ nhất. — *Thú nhận trong việc án*

Điều thứ 1663. — Phàm bên nào thú-nhận là phải có đủ tư-cách sử-dụng được quyền thuộc về việc ấy, và những việc thú-nhận phải là những việc mà luật không cấm dùng cách đó làm bằng-chứng, thời lời thú-nhận mới có giá-trị.

Phàm người thụ-ủy thú-nhận, phải có giấy ủy-quyền riêng thời lời thú-nhận mới có giá-trị, trừ khi thú-nhận về một việc thuộc quyền mình quản-trị thời không kể.

Điều thứ 1664. — Phàm thú-nhận theo như cách ở điều trên, mà lời thú-nhận đã được bên đối-thủ chịu nhận, hay là được tòa-án chứng-nhận rồi, thời đối với người đứng thú-nhận có hoàn-toàn hiệu-lực làm bằng-tín.

Tuy nhiên, lời thú-nhận có thể vì sai lầm về sự thực mà thu-hồi được, nhưng không thể vì sai lầm về pháp-luật mà thu-hồi được.

Điều thứ 1665. — Phàm người nào muốn viện-dụng một lời thú-nhận có nhiều tình-tiết phiền phức, thời không thể đem các tình-trạng hay các việc khai nhận mà phân-

tích ra được ; không được bỏ hẳn những lời khai nào có hạn chế hiệu-lực của lời thú-nhận ; cũng không được bỏ hẳn những lời khai đã phá hết hiệu-lực ấy, miễn là những lời khai ấy phải đồng thời với sự thú-nhận, và những việc viện ra phải liên-can với việc chính mới được.

Tuy nhiên, đối với những sự viện ra mà đổi hẳn việc chính đi, thời có thể dùng cách viện-chứng thường mà phá được.

Mục thứ 2. — *Lời thú nhận ngoài việc án*

Điều thứ 1666. — Phàm lời thú-nhận ngoài việc án, phải hoặc là nói miệng trước mặt người đối-thủ, hay là người thay mặt người ấy mà người ta đã ưng nhận, hoặc là viết vào trong thư-từ hay giấy má gì gởi hay giao cho người đối-tụng hay cho người thay mặt người ấy, mới có hiệu-lực.

Điều thứ 1667. — Những khoản đã định ở các điều trên, thuộc về tư-cách cần để cho lời thú-nhận trong việc án có giá-trị, thuộc về sức tín-dụng của lời thú-nhận, về sự thu-hồi lời thú-nhận cùng về sự lời thú-nhận không thể phân-tích ra được, thời cũng thi-dụng cho lời thú-nhận ngoài việc án.

Tuy nhiên, quan Tòa dã tiếp người nào viện-dụng lời thú-nhận ngoài việc án, thời chỉ được kể đến những lời thú-nhận đích xác minh bạch mà thôi, để khỏi có thể cho là vì sự bất-ngờ hay vì sự vô-ý mà thú-nhận chăng.

Điều thứ 1668. — Phàm lời thú-nhận ngoài việc án tuy đã thu-hồi một cách có giá-trị, nhưng vẫn có hiệu-lực làm đình-chỉ thời-hiệu cho bên đối-thủ ; nhưng kể từ ngày thu-hồi lời thú-nhận trở đi, thời-hiệu lại tiếp-lục vào thời-kỳ trước ngày thú-nhận.

TIẾT THỨ III

Nói về lời thề

Điều thứ 1669. — Thề về việc án có hai thứ :

1) Bên nọ thách bên kia thề, để tòa-án bằng-cứ ở đấy mà xử ;

2) Quan Tòa tự bắt một bên nào phải thề.

Điều thứ 1670. — Bất cứ thuộc về việc kiện nào, bên nọ có thể thách bên kia phải thề được, nhưng chỉ thách thề về những việc người đối - thủ làm ra, hay là về những việc bên ấy tuy không làm ra nhưng có biết rõ, và trong hai trường-hợp ấy, phải là những việc có ảnh-hưởng đến sự giải-quyết việc án mới được.

Điều thứ 1671. — Trong khi việc kiện đương xét, bất cứ lúc nào cũng có thể thách thề được, dầu chưa có mối manh bằng-chứng gì về việc bên nguyên thua hay bên bị cải mà phải thề mặc lòng.

Điều thứ 1672. — Người nào đã bị thách thề, thời có thể hoặc nhận thề, hoặc thách lại người đối-thủ mình phải thề, nghĩa là bắt buộc người ấy cũng phải thề, nếu không thề thời thua kiện.

Trong hai bên, người nọ thách người kia thề hay người kia thách lại người nọ thề, thời kể từ lúc người bị thách thề tuyên-bố xin thề, thế là bó buộc cả hai bên. Cho đến lúc ấy, thời người thách thề hay là thách thề lại, có thể xin thôi không thách thề nữa.

Điều thứ 1673. — Người nào đã nhận xin phát-thệ mà lại chối không thề nữa, hay là bên kia bị người ta thách lại thề mà cũng chối, thời phải thua kiện.

Điều thứ 1674. — Sự thề chỉ là một bằng-chứng làm lợi hay làm thiệt cho người đã thách người ta thề, cùng là làm lợi hay làm thiệt cho những người thừa-kế hay người tiếp hưởng quyền người ấy mà thôi.

Tuy nhiên, nếu trong những chủ-nợ liên-đới, có một người thách người mắc-nợ phải thề, thời sự thề ấy chỉ làm cho người mắc-nợ được thoát nợ đối với phần riêng của người chủ-nợ ấy mà thôi.

Người mắc-nợ chính đã phải thề rồi, thời những người bảo-lãnh cũng được thoát nợ.

Trong các người mắc nợ liên-đới mà một người đã phải thề thời lợi cho cả các người đồng mắc nợ khác.

Người bảo-lãnh phải thề, thời cũng lợi cho người mắc nợ chính.

Trong hai trường-hợp sau đó, phàm người mắc nợ liên-đới hoặc người bảo-lãnh đã phải thề, thời chỉ khi nào thề về việc nợ mới có lợi cho các người đồng mắc nợ khác hay là cho người mắc nợ chính, chứ nếu chỉ thề về việc liên-đới hay là về việc bảo-lãnh mà thôi, thời không kể.

Điều thứ 1675. — Khi nào tuy rằng những chứng-cớ không đủ để định rõ sự thực về việc kiện một cách hoàn-toàn, nhưng xét ra cũng là hệ-trọng, thời quan tòa có thể bắt một bên phải thề.

Điều thứ 1676. — Phàm bên nào đã do quan tòa bắt phải thề thời không được từ chối.

Điều thứ 1677. — Cách thề thì làm theo nghi-lễ thuộc về tôn-giáo của người phát-thệ. Tuy nhiên, thề ở đâu thời hoặc tùy người đứng thách thề, hoặc tùy tòa-án chọn.

Phải thề tại trước mặt người đối-thủ hay là đã theo pháp-luật mà đòi người ấy.

Quan tòa hoặc viên-chức nào đã đứng chứng-kiến về việc thề thời phải lập biên-bản. Lời thề đã đọc như thế nào, phải sao chép lại đúng y như thế.

TIẾT THỨ IV

Nói về nhân - chứng

Điều thứ 1678. — Nhân - chứng là lời khai nhận của những người đã được biết việc cần phải chứng rõ.

Nếu không có giấy tờ làm bằng, thời có thể lấy người làm chứng cho một nghĩa vụ được.

Điều thứ 1679. — Bất cứ việc gì, đều có thể dùng nhân-chứng được, trừ khi luật bắt buộc phải có cách bằng-chứng nhứt định thời không kể.

Tuy nhiên, khi đã có lập giấy tờ gì rồi, thời không được dùng nhân-chứng để làm chứng trái lại hay là quá giới-hạn giấy tờ ấy, hoặc để chứng một việc gì có nói hay có làm trước khi, trong khi, hoặc sau khi làm ra giấy tờ đó, mà có thể thay đổi phạm-vi hiệu-lực giấy tờ ấy.

Khi nào giấy tờ bị kiện là vô-hiệu, vì đánh lừa hoặc gian lậu, thời không theo lệ đó nữa.

Điều thứ 1680. — Nếu xét ra không cần phải hỏi nhân-chứng, thời bất tất phải cho dùng nhân-chứng.

Nhưng dầu quan tòa tự mình biết rõ sự thực về việc kiện, cũng không thể vì thế mà không chất-chứng về những việc hai bên nại ra.

Điều thứ 1681. — Nếu quan tòa nghĩ rằng mình chưa có định-kiến về việc kiện, thời có thể tự mình đòi nhân-chứng được.

Điều thứ 1682. — Trong khi thẩm xét lời chứng, quan tòa phải xét đến những việc khai ra là việc gì, cớ tựa hồ như sự thực hay không, mới hay đã lâu, đáng tin người chứng như thế nào, vì chiếu tuổi người ấy, địa-vị người ấy trong xã - hội, danh - vọng người ấy, cùng là phải

chiếu xem việc đó bởi đâu mà người ấy được biết, hoặc là việc xẫy ra trước mặt người ấy, hoặc là do kẽ đã làm ra thuật lại cho người ấy, hoặc chính người ấy, được biết do những bằng-chứng gián-tiếp.

Điều thứ 1683. — Không khi nào quan tòa bắt buộc phải cứ theo lời các người chứng, dầu chúng-khẩu đồng-từ cũng vậy. Tuy đã có nhân-chứng rồi, quan tòa cũng vẫn có quyền dùng cách viện chứng khác.

TIẾT THỨ V

Nói về phỏng-đoán, hay là cách dẫn chứng gián-tiếp

Điều thứ 1684. — Phỏng-đoán là một cách do pháp-luật đặt ra để quan tòa nghiệm ở một việc đã biết mà suy ra một việc chưa biết, nghĩa là pháp-luật tin ở sự sáng-suốt và lòng cẩn-trọng của quan tòa.

Điều thứ 1685. — Sự phỏng-đoán theo pháp-luật là những sự phỏng-đoán nào do luật riêng định về một vài giấy tờ hay một vài việc gì. Như là :

1) Những việc mà luật đã tuyên-bố là vô-hiệu vì cứ chiếu tính-cách cho là làm trái luật-lệ ;

2) Việc do tòa-án đã xét xữ rồi mà luật cho là có quyền-lực ;

3) Những việc người đương-sự đã thú-nhận hoặc đã thề, mà luật cho là có hiệu-lực.

Điều thứ 1686. — Việc đã xét xữ rồi thời cho là sự thực.

Tuy nhiên, việc xin chống án, kháng án, xin tiêu án, v. v... làm theo thể-lệ và kỳ-hạn mà luật đã định đều phá được sự phỏng-đoán ấy.

Điều thứ 1687. — Khi nào án-văn đã thành nhất định rồi hoặc không bị chống án, kháng án, xin tiêu án, v. v... một cách hợp-lệ, nếu bên nguyên hay bên bị lại đem việc ấy ra tòa-án mà kiện lần nữa, thời tất phải bãi bỏ đi, vì lẽ rằng phàm việc gì đã xữ nhất định rồi là có quyền-lực ; duy có phân biệt như sau nầy.

Điều thứ 1688. — Khi nào án xữ ra quan hệ đến công-chúng, hoặc tất cả hoặc một phần, thời do tòa-án phải tự viện ra cái lẽ « bất-khả tái-hành thụ-lý, vì việc đã xữ xong rồi » mà bác đi.

Còn về những trường-hợp khác, thời do người đương-sự phải đề-khởi ra cái quyền-lực của việc đã xữ xong rồi, nếu người đương-sự không đề-khởi mà quan tòa có biết đến thời quan tòa hỏi người đương-sự ấy có ưng dùng cái quyền được viện lẽ ấy ra hay không, nếu người đương-sự ấy nhận rằng cái án đã xữ lợi cho y đó là xữ sai, thời y không được hưởng quyền ấy nữa.

Điều thứ 1689. — Phàm muốn viện lẽ việc đã xữ xong rồi, để đối-nại với việc kiện hoặc việc cải mới, thời sánh với việc trước, việc sau phải có những tánh-cách sau nầy mới được :

1) Việc kiện trước sau in nhau hoặc thuộc về quyền-lợi tương-tranh, hoặc thuộc về việc đã tỏ bày ;

2) Căn-nguyên việc kiện trước sau in nhau ;

3) Tư-cách về đường pháp-luật của người đương-sự trước sau in nhau.

Điều thứ 1690. — Tư-cách về đường pháp-luật của người đương-sự trước sau in nhau, nghĩa là trong việc kiện trước, những người ấy đã lấy tư-cách ấy mà đứng kiện rồi, hoặc chính mình, hoặc do người khác thay mình.

Điều thứ 1691. — Quyền-lực của sự đã xong rồi, không những ở về lời xữ trong án mà thôi, mà lại ở cả những lời thẩm trong án đã công-nhận và tuyên-bố rằng những việc nào và quyền-lợi nào rõ ràng và xác-đáng, đối với chủ kiện và căn-nguyên việc kiện, cùng tư-cách của người đương-sự và bằng-chứng của việc phân-tranh.

Điều thứ 1692. — Trừ những khi các tòa-án hình xữ về những sự phạm-pháp mà đã quyết xữ bắt người phạm-pháp phải bồi-thường về sự tổn-hại do sự phạm-pháp ấy sinh ra, thời không kể, còn các án về việc hình, đối với tòa-án hộ xữ về quyền-lợi có liên-lạc với việc phạm-pháp ấy đều có quyền-lực, nhưng chỉ có hiệu-lực về thực sự việc phạm-pháp, về tính-cách việc ấy, và về tội tình người bị can, mấy điều đó thời không thể đem ra xét lại trong một việc kiện khác được.

Điều thứ 1693. — Sự phỏng-đoán theo pháp-luật lợi cho người nào thời miễn cho người ấy khỏi phải viện chứng.

Điều thứ 1694. — Phỏng-đoán về người, hay về việc là những sự phỏng-đoán không phải do luật định ra, những sự phỏng-đoán ấy tùy quan tòa thẩm-định. Quan tòa chỉ nên bằng vào những sự phỏng-đoán hệ-trọng, xác-thực và phù-hợp mà thôi.

Điều thứ 1695. — Sự phỏng-đoán hệ-trọng, là khi nào một việc đã biết đối với một việc chưa biết, có quan-hệ với nhau, đến nỗi cứ suy việc đã biết thì đủ đoán được việc chưa biết.

Điều thứ 1696. — Sự phỏng-đoán xác-thực, là cứ suy việc đã biết thời có thể biết được một cách trực-tiếp đặc-biệt về việc chưa biết và hiện còn phân tranh.

Điều thứ 1697. — Sự phỏng-đoán phù-hợp, là khi nào căn-nguyên của các sự phỏng-đoán ấy hoặc giống nhau hay khác nhau, mà so sánh thời thấy phù-hợp, có thể đoán cái việc đương cần xét.

Điều thứ 1698. — Quan Tòa có đặc-quyền để thẩm-định về các việc phỏng-đoán về việc có quan-hệ và có giá-trị thế nào.

THIÊN CUỐI CÙNG

Các khoản linh tinh

Điều thứ 1699. — Phàm các giấy tờ đã làm ra trước khi ban-bố thi-hành Hộ-luật nầy, thời hiệu-lực vẫn theo pháp luật đương còn thi-hành trong khi làm giấy tờ ấy.

Những khế-ước nào đã làm trước khi ban bố thi-hành Luật Hộ nầy thời dù cách-thức không hợp với thể-lệ trong luật nầy, nhưng vẫn có giá-trị.

Điều thứ 1700. — Phàm các giấy tờ nào do luật định ra, không thuộc ý riêng của các người đương-sự, thời sau khi đã ban-bố thi-hành luật Hộ nầy, đều phải theo luật nầy, dầu đã từ trước mặc lòng.

Điều thứ 1701. — Phàm việc hành-lễ giá-thú và việc tiêu-hôn, cùng là hiệu-lực việc giá-thú đối với nhân-thân hai vợ chồng, thời sau khi ban-bố thi-hành luật Hộ nầy, phải theo luật nầy.

Điều thứ 1702. — Các điều-kiện thuộc về thành-niên và sự liên lạc về cha con cùng sự giám-hộ, thời kể từ sau khi ban-bố thi-hành luật Hộ nầy, đều theo luật nầy.

Điều thứ 1703. — Việc thừa-kế một người đã mệnh-một từ trước khi ban-bố thi-hành luật nầy, thời dù sự tương-tranh về việc thừa-kế ấy có xảy ra về sau nầy, cũng cứ chiếu tùng luật củ.

Điều thứ 1704. — Các khoản thuộc về tự-sản, thời kể từ khi bắt đầu ban-bố thi-hành luật nầy, phải tuân theo luật nầy.

Điều thứ 1705. — Quyền nghiệp-chủ cùng các vật quyền khác, thời kể từ khi luật nầy bắt đầu ban-bố thi-hành, phải tuân theo luật nầy.

Điều thứ 1706. — Sự thủ-đắc thời-hiệu, thời kể từ khi bắt đầu ban-bố thi-hành luật nầy, phải tuân theo luật nầy.

Khi nào luật nầy định ra một thời-hiệu là 5 năm hoặc trên 5 năm, thời phải tính cả thời-kỳ của thời-hiệu ấy đã bắt đầu từ trước khi ban-bố thi-hành luật mới nầy ; tuy nhiên, kể từ lúc ban-bố thi-hành luật nầy trở đi, ít ra cũng phải đủ 2 năm rồi mới được.

Những thời-hạn ngắn hơn 5 năm, do luật nầy định về thời-hiệu hay về sự mất quyền, thời chỉ bắt đầu tính từ ngày ban-bố thi-hành luật nầy mà thôi.

Vả lại, về khoản thời-hiệu, thời chiếu theo luật mới ngay từ khi luật nầy ban-bố thi-hành.

Điều thứ 1707. — Thể-lệ luật mới nầy chưa đem thi-hành đối với các thổ-dân nước ta như là Chàm, Mường, Mọi, Mán, Thái, v.v..., thời phong-tục và tập-quán riêng của các thổ-dân ấy vẫn còn thi-hành đối với các khế-ước của các người dân ấy lập ra với nhau.

Điều thứ 1708. — Bao nhiêu những luật Hộ hiện-hành ở Trung-kỳ mà tương-phản với luật nầy, thời bãi đi hết, nhất là các điều khoản trong luật Gia-long.

Điều thứ 1709. — Phàm khi giải-thích luật nầy, thời chỉ lấy bản chữ Pháp làm bằng cứ.

HẾT

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM

MỤC LỤC

Điều khoản mở đầu

Điều thứ 1 đến 12

QUYỂN THỨ NHẤT

Nhân thế

Thiên thứ I. — *Quốc-tịch*

Điều thứ 13 đến 17

Thiên thứ II. — *Các chứng-thư nhân thế bộ*

CHƯƠNG THỨ I. — Điều khoản chung. Điều thứ 18 đến 24
CHƯƠNG THỨ II. — Khai-sanh. Điều thứ. . . . . 25—28
CHƯƠNG THỨ III. — Sự khai nhận con. Điều thứ. . 29—30
CHƯƠNG THỨ IV. — Sự knai giá-thú. Điều thứ. . . 31—38
CHƯƠNG THỨ V. — Sự khai tử. Điều thứ. . . . . 39—42
CHƯƠNG THỨ VI. — Việc truy-trước cùng việc cải-chánh các chứng-thư về nhân-thế bộ. Điều thứ. . . . . 43—45
CHƯƠNG THỨ VII. — Sự hiệu-lực làm bằng cứ của nhân-thế-bộ — Sự không có nhân-thế-bộ—Trích-lục. Điều thứ. . . . 46—50

Thiên thứ III. — *Trú-sở*

Điều thứ . . . . . 51—57

Thiên thứ IV. — *Nói về người thất-tung*

CHƯƠNG THỨ I. — Dự đoán sự thất-tung. Điều thứ. . 58—59
CHƯƠNG THỨ II. — Tuyên-cáo sự thất-tung. Điều thứ. 60—62
CHƯƠNG THỨ III. — Kết quả về sự thất-tung. Điều thứ. 63-67

Thiên thứ V. — *Giá-thú*

CHƯƠNG THỨ I. — Lễ ước-hôn. Điều thứ. . . . . 68—72
CHƯƠNG THỨ II. — Giá-thú
Tiết thứ I. — Tư cách cần thiết về sự kết hôn. Điều thứ. 73—81
Tiết thứ II. — Sự vô hiệu về việc giá-thú. Điều thứ. 82—90
Tiết thứ III — Hiệu-lực của việc giá-thú. Điều thứ. . 91—101
Tiết thứ IV. — Định về tài-sản của vợ chồng. Điều thứ. 102—114
CHƯƠNG THỨ III. — Nói về ly-dị.
Tiết thứ I. — Những duyên cớ ly-dị. Điều thứ. . . 115—122
Tiết thứ II. — Thể-lệ tố-tụng về việc ly-dị Điều thứ. . 123—138
Tiết thứ III. — Kết quả về sự ly-dị. Điều thứ. . . 139—147

Thiên thứ VI. — *Về sự cha con*

CHƯƠNG THỨ I. — Nói về con chính, nghĩa là con do người mẹ có giá-thú chính thức mà sanh ra. Điều thứ. . . . . 148—159

CHƯƠNG THỨ II. — Bằng chứng về con chính. Điều thứ. . . . . 160—162

CHƯƠNG THỨ III Những con không do sự giá-thú chánh thức mà sanh ra, nghĩa là những con biệt tính. Điều thứ. . 163—165

CHƯƠNG THỨ IV. — Sự nhận con biệt tính làm con chính. Điều thứ. . . . . 166—170

CHƯƠNG THỨ V. — Sự tìm xét cha mẹ của con biệt tính. Điều thứ . . . . . 171—182

Thiên thứ VII. — *Nói về con nuôi*

Điều thứ 183 203

Thiên thứ VIII. — *Quyền người gia-trưởng*

Điều thứ. . . . . 204—216

Thiên thứ IX. — *Các hạng người không có tư cách tự trị*

CHƯƠNG THỨ I. — Vị-thành-niên và quyền giám-hộ.

Tiết thứ I. — Vị-thành-niên. Điều thứ. 217-220

Tiết thứ II. — Quyền giám-hộ. Điều thứ . . . . . 221—225

Tiết thứ III. — Quyền giám-hộ do người cha và người mẹ giao phó. Điều thứ. . . . . —226

Tiết thứ IV. — Quyền giám-hộ của ông bà. Điều thứ. 227—228

Tiết thứ V. — Quyền giám-hộ do hội-đồng gia-tộc giao phó. Điều thứ . . . . . 229—235

Tiết thứ VI. — Quyền giám-hộ những con biệt tính. Điều thứ . . . . . 236—239

Tiết thứ VII. — Quyền giám-hộ những đứa con vô thừa nhận. Điều thứ. . . . . 240—241

Tiết thứ VIII. — Duyên-cớ được miễn làm giám-hộ. Điều thứ . . . . . 242—249

Tiết thứ IX. — Sự thiệt-hành quyền giám-hộ. Điều thứ. 250—260

CHƯƠNG THỨ II. — Sự được quyền tự-lập. Điều thứ. . 261—271

CHƯƠNG THỨ III Sự cấm quyền và những người bị não bệnh không bị cấm quyền. Điều thứ. . . . . 272—291

Thiên thứ X. — *Pháp nhân, nghĩa là người vô hình*

Điều thứ . . . . . 292—301

MỤC LỤC

QUYỂN THỨ HAI

Nói về việc thừa - kế

Thiên thứ nhất. — *Việc thừa - kế thường*

Chương thứ I : Điều khoản chung. . . Điều 302 đến điều 311
Chương thứ II : Nói về thừa kế có chúc thư Điều 312 đến điều 331
Chương thứ III : Nói về thừa kế không có chúc thư. . . . . Điều 332 đến điều 338
Chương thứ IV : Quyền lợi của người quan phu hay người quả phu
Tiết thứ nhất : Người chánh thất quả phụ. Điều 339 đến điều 363
Tiết thứ nhì : Nói về vợ thứ. . . . . Điều 364 đến điều 368
Tiết thứ ba : Nói về quyền lợi người quan phu . . . . . Điều 369 đến điều 370
Chương thứ V : Thanh toán và phân trí dĩ-sản. . . . . Điều 371 đến điều 390
Chương thứ VI : Nói về việc kiện di sản. . Điều 391 đến điều 393
Chương thứ VII: Tổ phụ phân sản trong lúc còn sinh thời. . . . . Điều 394 đến điều 399

Thiên thứ hai. — *Việc thừa-kế phụng tự*

Chương thứ I : Hương Hỏa. . . . . Điều 400
Tiết thứ I : Lập Hương-Hỏa. . . . Điều 401 đến điều 410
Tiết thứ II : Nói về người được thừa hưởng của hương hỏa . . Điều 411 đến điều 430
Tiết thứ III : Quyền lợi và chức trách người thừa hưởng hương-hỏa . . . . . Điều 431 đến điều 442
Tiết thứ IV : Hương hỏa chung cuộc. . Điều 447 đến điều 444
Tiết thứ V : Sự lưu chuyển của hương hỏa. . . . . Điều 445 đến điều 446
Chương thứ II : Nói về ky điền. . . . . Điều 447 đến điều 452
Chương thứ III : Nói về hậu điền. . . . Điều 453 đến điều 458

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM

MỤC-LỤC

QUYỂN THỨ III

Nói về tài-sản

THIÊN THỨ I

Sự phân-biệt các tài-sản : Điều 459

Chương thứ I — Nói về bất-động-sản . . . . . Điều 460 đến 464
» *II* — Nói về động-sản . . . . . » 465 » 469
» *III* — Tài-sản đối với người có quyền chấp-hữu . . . . . » 470 » 475

THIÊN THỨ II

» *I* — Nói về quyền nghiệp-chủ. . . » 476 » 479
» *II* — Quyền phụ thiêm về sản-vật của tài-sản sinh ra. . . . . » 480 » 483
» *III* — Quyền phụ thiêm về mọi vật phụ-hợp và sáp nhập vào tài-sản . . . . . » 484 » 497
» *IV* — Nói về quyền đồng-nghiệp-chủ » 498 » 507
» *V* — Nói về tường-lủy chung. . . . » 508 » 518
» *VI* — Nói về sự thủ-đắc và di-chuyển quyền nghiệp-chủ . . . . . » 519

Tiết thứ I — Nói về sự thủ-đắc và di-chuyển bất-động-sản và những vật-quyền bất-động-sản . . . » 520 » 524
» *II* — Nói về thủ-đắc và di-chuyển quyền nghiệp-chủ về bất-động-sản . . . . . » 525 » 535

THIÊN THỨ III

Nói về thủ-đắc thời-hiệu

Chương thứ I — Điều-khoản chung . . . . . » 536 » 543
» *II* — Nói về quyền chấp-hữu. . . . » 544 » 561
» *III* — Nói về các duyên-cớ làm ngăn trở gián-đoạn hay là đình-chỉ thủ-đắc thời-hiệu. . . . . » 562 » 567

Chương thứ IV — Nói về thời-kỳ cần để thi-hành thời-hiệu . . . . . **Điều 568 đến 573**

THIÊN THỨ IV

Nói về sự phân-thác quyền nghiệp-chủ : Điều 574

Chương thứ I — Nói về quyền hưởng-dụng thu lợi . . . . . Điều 575 đến 578
Tiết thứ I — Nói về quyền-lợi của người hưởng-dụng thu-lợi . . . . . » 579 » 592
» *II* — Nói về nghĩa-vụ của người hưởng-dụng thu-lợi. . . . . » 593 » 603
» *III* — Thế nào là hết quyền hưởng-dụng thu-lợi . . . . . » 604 » 609
Chương thứ II — Nói về quyền dùng vật người khác và quyền ở nhà người khác » 610 » 615
» *III* — Nói về sự cho thuê dài hạn. . » 616 » 618
Tiết thứ I — Nói về quyền-lợi của người thuê dài hạn . . . . . » 619 » 623
» *II* — Nói về nghĩa-vụ của người thuê dài hạn . . . . . » 624 » 628

THIÊN THỨ V

Nói về địa-dịch

Chương thứ I — Điều khoản chung . . . . . » 629 » 632
» *II* — Nói về địa-dịch do địa-thế tự-nhiên . . . . . » 633 » 638
» *III* — Nói về địa-dịch do pháp-luật định . . . . . » 639
Tiết thứ I — Nói về địa-dịch do pháp-luật định để làm ích-lợi cho công-chúng. . . . . » 640
» *II* — Nói về địa-dịch do pháp-luật định để làm ích-lợi cho tư-nhân. . . . . » 641 » 663
Chương thứ IV — Nói về địa-dịch bởi người làm ra . . . . . » 664
Tiết thứ I — Địa-dịch lập ra thế nào. . . . » 665 » 666
Tiết thứ II — Điều-kiện thi-hành địa-dịch. . » 667 » 672
» *III* — Địa-dịch tiêu-diệt thế nào . . » 673 » 675

MỤC - LỤC

QUYỂN THỨ IV

THIÊN THỨ I

Nghĩa-vụ và khế-ước

Chương thứ	*I*	— Điều khoản chung	**Điều**	**676**	**đến**	**678**
»	*II*	— Căn-nguyên của nghĩa-vụ. . .	»	679		
Tiết thứ	*I*	— Hiệp-ước hay khế-ước	»	680	»	681
Mục thứ	*I*	— Các loại hiệp-ước.	»	682	»	686
»	*II*	— Các điều cần cho hiệp-ước được thành và có giá-trị . . .	»	687	»	705
»	*III*	— Nói về tư-cách về đường pháp-luật của các người lập-ước. .	»	706	»	708
»	*IV*	— Nói về mục-đích cùng sự vật của khế-ước	»	709	»	712
»	*V*	— Hiệu-lực của hiệp-ước	»	713	»	731
»	*VI*	— Nói về cách giải nghĩa các tờ hiệp-ước	»	732	»	749
Tiết thứ	*II*	— Nói về nghĩa-vụ do sự thu-nhận của cải không phải của mình mà sinh ra				
Mục thứ	*I*	— Trả của không nợ	»	750	»	756
»	*II*	— Nói về sự quản-trị công việc.	»	757	»	760
Tiết thứ	*III*	— Nói về những sự trái lẽ mà làm tổn hại cho người, nghĩa là sự phạm pháp cùng các lỗi gần như sự phạm pháp.	»	761	»	767
»	*IV*	— Nói về những nghĩa-vụ bởi luật sinh ra.	»	768	»	780
Chương thứ	*III*	— Nói về các thể-thức của nghĩa-vụ	»	781		
Tiết thứ	*I*	— Nói về các nghĩa-vụ giản-dị, có kỳ-hạn, hoặc có điều-kiện, về phương-diện thành-lập . .	»	782	»	799
»	*II*	— Nói về các nghĩa-vụ đắp đổi hay tùy ý thuộc về đồ vật mắc nợ	»	800	»	810

Tiết thứ III	—	Nói về các nghĩa-vụ đơn-giản hay phiền-phức thuộc về số người chủ nợ và số người mắc nợ.	Điều	811	đến 814
Mục thứ I	—	Nói về các nghĩa-vụ liên-đới.	»	815	
A	—	Sự liên-đới về phần các người chủ nợ với nhau	»	816	» 818
B	—	Sự liên-đới về phần các người mắc nợ với nhau.	»	819	» 834
Mục thứ II	—	Nói về các nghĩa-vụ chia được và không chia được	»	835	» 841
Tiết thứ IV	—	Nghĩa-vụ có khoản phạt . . .	»	842	» 847
Chương thứ IV	—	Nói về sự tiêu-diệt nghĩa-vụ .	»	848	
Tiết thứ I		Nói về sự thi-hành nghĩa-vụ.			
Mục thứ I	—	Nói chung về sự trả nợ	»	849	» 862
» *II*	—	Sự trả nợ để thế chân vào . .	»	863	» 867
» *III*	—	Định khoản trả nợ.	»	868	» 871
» *IV*	—	Nói về sự tình nguyện trả nợ và sự ký-tồn	»	872	» 878
» *V*	—	Di-nhượng tài-sản	»	879	» 888
Tiết thứ II	—	Nói về sự tha nợ.	»	889	» 894
» *III*	—	— — đổi —.	»	895	» 905
» *IV*	—	— — trừ —.	»	906	» 916
Tiết thứ V	—	Nói về sự hỗn-hợp	»	917	» 918
» *VI*	—	Nói về sự mất vật nợ	»	919	» 922
» *VII*	—	Nói về việc kiện xin tuyên cáo hiệp-ước vô hiệu, hay kiện xin thủ-tiêu hiệp-ước	»	923	» 933
» *VIII*	—	Nói về thời-hiệu tiêu-diệt hay giải-trừ	»	934	» 950

THIÊN THỨ II

Nói riêng về mấy thứ khế-ước

Chương thứ I	—	Nói về việc sinh thời tặng-dữ.			
Tiết thứ I	—	Điều khoản chung.	Điều	951	đến 960
» *II*	—	Nói về tư-cách sử-dụng hay thu-nhận của sinh thời tặng-dữ. .	»	961	» 969
» *III*	—	Nói về thể-thức của việc sinh thời tặng dữ	»	970	» 977

Tiết thứ	*IV*	— Nói về quyền lấy lại và các điều biệt định khác về thể-lệ không thể bải bỏ được việc tặng-dữ	Điều	978	đến 988
»	*V*	— Thể-lệ riêng về việc tặng-dữ do khôn-khoán lập ra	»	989	» 994
Chương thứ	*II*	— Nói về sự mãi-mại			
Tiết thứ	*I*	— Điều khoản chung	»	995	» 1005
»	*II*	— Nói về sự hứa lời bán	»	1006	» 1014
»	*III*	— Những ai là người được mua bán	»	1015	» 1018
»	*IV*	— Nói về vật có thể đem bán được	»	1019	» 1024
»	*V*	— Nói về nghĩa-vụ của người bán	»	1025	
Mục thứ	*I*	— Nói về việc giao-phó vật bán.	»	1026	» 1046
»	*II*	— Nói về sự đảm-bảo	»	1047	
»	*A*	— Đảm-bảo về sự quấy-nhiễu và truy-đoạt	»	1048	» 1066
»	*B*	— Đảm-bảo các tì-tích của vật bán	»	1067	» 1076
Tiết thứ	*VI*	— Nói về nghĩa-vụ của người mua	»	1077	» 1088
»	*VII*	— Nói về sự « bán đợ » hay « mại-lai-thục »	»	1089	» 1103
»	*VIII*	— Nói về sự tiêu việc mua bán vì cớ thiệt hại	»	1104	» 1111
»	*IX*	— Nói về sự đấu giá phát mại. .	»	1112	» 1116
Chương thứ	*III*	— Nói về sự đánh đổi.	»	1117	» 1122
»	*IV*	— Nói về việc di-nhượng trái quyền.	»	1123	» 1132
»	*V*	— Nói về khế-ước thuê mướn . .			
Tiết thứ	*I*	— Điều khoản chung.	»	1133	» 1136
»	*II*	— Nói về khế-ước cố vật. . . .	»	1137	
Mục thứ	*I*	— Thể-lệ chung về việc cho thuê nhà cửa cùng tài-sản ở thôn-quê.	»	1138	» 1189
»	*II*	— Thể-lệ riêng về khế-ước thuê ruộng, đất ở thôn-quê	»	1190	» 1209
»	*III*	— Sự thuê động-sản	»	1210	» 1215
Tiết thứ	*III*	— Nói về khế-ước thuê nhân-công và thuê công-nghệ . . .	»	1216	

Mục thứ	*I*	— Nói về sự làm công.	Điều 1217 đến 1241
»	*II*	— Nói về khế-ước thuê công-nghệ	» 1242 » 1263
Tiết thứ	*IV*	— Nói về khế-ước vận-tải. . . .	» 1264 » 1276
Chương thứ	*VI*	— Nói về việc vay mượn	» 1277 » 1278
Tiết thứ	*I*	— Nói về cách cho mượn để mà dùng	
Mục thứ	*I*	— Nói về tính-cách sự cho mượn để mà dùng	» 1279 » 1282
»	*II*	— Trách-nhiệm người đi mượn.	» 1283 » 1290
»	*III*	— Trách-nhiệm của người cho mượn để mà dùng	» 1291 » 1294
Tiết thứ	*II*	— Nói về việc cho mượn để tiêu.	
Mục thứ	*I*	— Tánh-cách việc cho mượn để tiêu.	» 1295 » 1298
»	*II*	— Nói về trách-nhiệm người cho mượn.	» 1299 » 1302
»	*III*	— Trách-nhiệm của người cho vay.	» 1303 » 1307
Tiết thứ	*III*	— Nói về sự cho vay có tính lời.	» 1308 » 1326
Chương thứ	*VII*	— Nói về ký thác và quyền trử.	» 1327 » 1328
Tiết thứ	*I*	— Nói về chính việc ký-thác. . .	
Mục thứ	*I*	— Tính-cách khế ước ký thác . .	» 1329 » 1330
»	*II*	— Nói về việc ký-thác tự ý làm.	» 1331 » 1348
»	*III*	— Nói về việc ký thác do sự cần thiết mà thành.	» 1349 » 1363
Tiết thứ	*II*	— Nói về việc quyền-trử	» 1364 » 1374
Chương thứ	*VIII*	— Nói về khế ước không chắc chắn	» 1375
Tiết thứ	*I*	— Nói về đánh bạc và đánh đố.	» 1376 » 1378
»	*II*	— Nói về sự lập lời tiền thải-mãn-đại và cấp-dưỡng mãn-đại . .	» 1379 » 1395
Chương thứ	*IX*	— Nói về sự ủy-quyền.	
Tiết thứ	*I*	— Nói về tánh-cách và thể-thức về việc ủy-quyền	» 1396 » 1401
»	*II*	— Nói về nghĩa-vụ người thụ-ủy.	» 1402 » 1409
»	*III*	— Nói về nghĩa-vụ người ủy-quyền.	» 1410 » 1414
»	*IV*	— Nói về sự thôi ủy-quyền . . .	» 1415 » 1424
Chương thứ	*X*	— Nói về khoán-ước lập hội. . .	

Tiết thứ I	— Điều khoản chung.	Điều 1425	đến 1435
» *II*	— Nói về quyền-lợi và nghĩa-vụ của các hội-viên	» 1436	» 1465
» *III*	— Nói về việc tan hội.	» 1466	» 1470
» *IV*	— Nói về sự thanh-toán việc hội cùng chia tài-sản hội	» 1471	» 1481
Chương thứ IX	— Nói về sự điều-đình.	» 1482	» 1490
» *XII*	— Nói về khế-ước đảm-bảo . . .	» 1491	» 1492
Tiết thứ I	— Nói về sự bảo-lảnh	» 1493	» 1511
» *II*	— Nói về sự thế-chấp		
Mục thứ I	— Nói về việc cầm đồ.	» 1512	» 1526
» *II*	— Nói về sự thế-chấp bất-động-sản	» 1527	» 1559
Tiết thứ III	— Nói về quyền để-đương. . . .		
Mục thứ I	— Điều khoản chung	» 1560	» 1575
» *II*	— Nói về quyền để-đương do hai bên giao-ước với nhau mà thành.	» 1576	» 1584
» *III*	— Nói về quyền để-đương cưỡng-bách	» 1585	» 1594
» *IV*	— Nói về việc tiêu-hủy quyền để-đương	» 1595	« 1615

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

MỤC-LỤC

QUYỂN THỨ V

Nói về cách viện-chứng : Điều 1616 đến 1618

Chương thứ I — **Nói về sự kinh-nghiệm riêng của tòa-án** . . . . . » 1619

Tiết thứ I — **Nói về sự hỏi các người đương-sự, hoặc các người thay mặt những người ấy ; xét các sự-vật bị kiện, hay là các giấy má về việc kiện, và giải-thích luật-văn** . . . . . » 1620 » 1622

Tiết thứ II — **Đến khám nơi có việc phân-tranh** . . . . . » 1623 » 1627

Chương thứ II — **Nói về nhân-chứng hay là bằng-chứng trực-tiếp** . . . . . » 1628

Tiết thứ I —

Mục thứ I — **Chứng-thư có thị-thực và công-chính chứng-thư** . . . . » 1629 » 1649

— *II* — **Nói về tư-thự chứng-thư** . . . » 1650 » 1661

Tiết thứ II — **Lời thú-nhận miệng** . . . . . » 1662

Mục thứ I — **Thú nhận trong việc án** . . . » 1663 » 1665

» *II* — **Lời thú-nhận ngoài việc án** . . » 1666 » 1668

Tiết thứ III — **Nói về lời thề** . . . . . » 1669 » 1677

» *IV* — **Nói về nhân-chứng** . . . . . » 1678 » 1683

» *V* — **Nói về sự phỏng-đoán, hay là cách dẫn-chứng gián-tiếp** . . . » 1684 » 1698

Thiên cuối cùng

Các khoản linh-tinh Điều 1699 đến 1709